

VÀI NÉT VĂN-NGHỆ TRONG NĂM QUA

TH Ử soát lại tình hình văn-ngệ trong năm qua, chúng ta phải sáng suốt dẹp bỏ tự ái mà nhìn nhận rằng còn nghèo nàn và khuyết điểm nhiều lắm. Tuy hồi đầu năm, các giai phẩm văn-ngệ, tạp-chí, tiểu-thuyết, thi-ca v.v... thi đua ấn hành tung ra thị-trường khá nhiều, đồng thời các buổi nói chuyện hội, thảo văn-ngệ được tổ chức cũng lắm, song vẫn không đem lại một kết quả nào đáng kể.

Sở dĩ vấp phải tình trạng trên, cũng vì một số người thiếu thiện tâm thiện chí, không có một đường hướng xây dựng rõ rệt để có thể phát-triển tài nghệ, và tự đặt mình trong một lối áo sơn phết cầu-kỳ... Mức tiến-triển sinh hoạt do đó mà trở nên rời rạc dần, xa hẳn với quần chúng, không thể-hiện được sự đòi hỏi cấp thời của phần đông quần chúng chờ đợi, mong mỏi.

Những nhận xét chung đơn sơ trên đây, tuy vậy vẫn không hẳn tuyệt đối, mà có nhiều điểm cố gắng đáng khen.

Dầu sao, nhìn lại chặng đường văn nghệ trong năm qua, cũng là những bước đầu thử thách, để chúng ta rút kinh nghiệm, nỗ lực xây dựng kịp thời con đường văn nghệ tương lai rực rỡ và cao đẹp hơn lên, để có đủ khả năng so sánh với nước ngoài làm rạng danh nền văn nghệ Việt-Nam.

P. T.

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

PHẦN XÂY DỰNG VĂN HOA VIỆT NAM
HỘI BIÊN VĂN HOA ĐÔNG TÂY KIM CỐC

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn ; 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 4 — BỘ MỚI SỐ 51 — 1-2-1964

1.— Hoa lệ	Nguyễn Vỹ	7 — 10
2.— Hai chàng chẵn Trầu : Đình bộ Lĩnh và Đào duy Từ	Nguyễn Triệu	11 — 18
3.— Oan hồn cô Võ thiên Hương	Huỳnh Khắc Dụng	19 — 29
4 — Đôi vần thơ Xuân cũ	Quách Tấn	30 — 33
5.— Con trâu nhặng dứ	Thâm Thệ Hà	34 — 42
6.— Chơi với (thơ)	Hoài Nam Tử	43
7.— Hi-tiên ăn Tết năm Đinh Tỵ	Mộng Tuyết	44 — 50
8 — Ngâm ngãi tìm trầm (truyện ngắn)	Mặc-Thu	51 — 55
9 — Những năm con Trầu trong lịch-sử Việt nam	Ng. Triệu và Lâm Hữu Ngân	56 — 62
10.— Thác loạn (thơ)	Lữ Quỳnh	63
11.— Kỹ-thuật sản xuất qua tục ngữ và Ca-dao Việt-Nam	Lê Huy Cận	64 — 72
12.— Yêu nhớ	Diệu-Huyền	73 — 78

W119880
101

13.— Những người đàn bà liêng danh	Tân Phong	79 — 87
14.— Người kiều nữ thôn Đông	Nguyễn Thu Minh	88 — 95
15.— Đoàn trâu ra chiến trận	Tân Phong	96 — 100
16.— Đời sống các danh nhân : Pablo Casals	Tân Phong	101 — 111
17.— Con trâu của gã Ba Bua	Phương-Anh	112 — 116
18.— Những giai thoại về câu đối	Hoàng Minh Hải	117 — 121
19.— Từ con Trâu Vàng đến con Trâu Nghé Thái văn Kiềm		122 — 127
20.— Xuân về, Xuân (thơ)	Đông-Xuyên, Hỷ Khương	128
21.— Minh ơi !	Diệu Huyền	129 — 137
22.— Nhớ Cha (thơ)	Thiên Thu	138
23.— Trâu là một vị Bồ Tát	Lê ngọc Trụ	139 — 142
24.— Mộng đêm qua (thơ)	Mộng Hoa Huyền	143
25.— Những áng thơ hay	Bàng Bá Lân	144 — 149
26.— Chúc cho khắp hết cả trên đời	Thiếu Sơn	150 — 156
27.— Người mỗi năm mỗi lớn	Erika Stunkel	157 — 159
28.— Thư nhân mùa Xuân (thơ)	Minh-Đức	160 — 161
29.— Người lữ-hành cô độc (truyện dịch)	Hoàng Thăng	162 — 170
30.— Ba câu chuyện Trâu	T. P.	171 — 172
31.— Sách báo mới	P. T.	173
32.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn Vỹ	174 — 183
33.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	184 — 194

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp chí PHỔ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)

★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG, và đừng viết tắt.
 - Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

Hoa Lê

Tôi không biết ngày nay tôi mấy tuổi,
Mấy đoạn trường trời, nới kiếp hư sinh
Giống như xưa chàng Do Thái phiêu linh
Vác Tháp-Ác đi hoài trong đêm tối.
Tôi cũng bị đọa đày, — Trời bắt tôi, —
Mang trong tim một khối nặng tình-Thương
Bóng lữ-hàng đầy đó khắp tha-phương
Nieu trong gió, trong sương, đầy ngàn lệ
Những tôi đã trải qua hai thế-lê,
Bước phong-trần còn đượm nét niên-hoa
Mạch sâu Xuân vẫn róc-rát chan-hòa
Cùng cây cỏ vẫn vững tình ưu-ái
Còn Xuân mãi, tôi vẫn còn Xuân mãi
Trong tim tôi lòng-lọng một trời Xuân

Kuân thanh-triệu bát-ngát đẹp vô ngần,
Kuân huyền-diệu, dệt toàn hoa với lệ.

Mộng huyền-ảo nào-nùng hơn thực-tế.
Linh bình-Yêu, chi-tê gặp Đau-thương.
Kết Duyên kuân, như đề-nôi Hận-trường
Kây Hàng-phúc, đắp bờ Thành-áo-vong.
Kuân đẹp nhất không thêm bằng tờ mộng,
Không rung lên những nhạc-diệu huyền-mở.
Kuân rạt-rào trong lũy-nội Suy-tư,
Trong Nước-mắt âm-thần rời môi Giọt..!

Những thiếu-nữ đều Kuân nằm trần-trọc,
Buồn cô-đơn, tủi phận, khóc hồn duyên;
Những chàng trai hát nghiệp, tủi khổ tiên,
Đi thốt-thần chiều Kuân trên vỉa phố.

Kuân là đây, Bạn ơi! Kuân Đau-Khó,
Kuân ghen-ngạo trong cô, ỉ trong tim.
Những đoàn người trí-thức, đứng điệu-hiền
Nét mặt sáng, đôi mắt ngời rức-rỡ,
Phải lam-lu^l lâu quang, náu kho-sở,
Khô đủ nuôi Cha, mẹ, vợ, con, em...
Những công-nhân quần-áo rách cũ-mềm,
Mấy ngày bết cỏ đầu như với gỏi?
Ở^o tiếp lá bi mưa dầm nắng dãi,
Ăn cà, dưa, nhiều bữa đói, khô cầm.
Kẻ đi xin, như những xác khô hồn,
Nẫu háp-hối, dều gạo-thừa, góc phố.
Kuân là đây, Bạn ơi! Kuân Đau-Khó,
Kuân âm-thần của vô-số sinh-linh!
Kuân đui-hiêu của muôn vạn Gia-đình,
Kuân tang-tóc của những nàng Quà-phụ..

Kuân lạng - lẻo trên những mô vô - chủ!
 Những vòng - lũng các Tú - sĩ anh - hùng
 Đem máu xương dâng nỏ cho Non - Sông,
 Khô hương - khói Sườn oan - hồn chín - Suối,
 Kuân là đây, Bọn đi! Kuân Buồn - Tủ
 Kuân liên - hoan Nước - mắt với Mồ - hôi
 Kuân Hoa đặng của Khói Lửa bụi - rêu,
 Kuân Khiêu - vũ

Giữa Kiếp - Trường Thôn - Vạn - Hạnh...

Kuân là đây, Bể - băng! Kuân bắt Fân -
 Mạc, Kuân trèo trên nét bút say - sưa.
 Hương Kuân nay còn ngào - ngọt Kuân کیا,
 Nửa thế kỷ vẫn một mùa Kuân ấy!
 Còn Kuân mãi, tôi vẫn còn Kuân mãi,
 Trong tim tôi tạo - rức một trời Kuân!

N. V.

HAI CHÀNG
 tên là :

ĐINH - BỘ - LĨNH
 và

ĐÀO

DUY - TỬ

★ NGUYỄN-TRIỆU



ĐINH.BỘ.LĨNH (1925-1979) quê ở Động Hoa-Lư thuộc huyện Gia-Viễn tỉnh Ninh-bình, con ông Đinh-công-Trứ, thứ-sử ở Hoan-châu về đời Dương-diên-Nghệ và Ngô-Quyền. Vì cha mất sớm, Bộ-Lĩnh theo mẹ về quê, thường đi chơi đùa với những trẻ chăn trâu ngoài đồng, bắt những trẻ

mục-đồng khác khoanh tay làm kiểu rồi ngồi lên cho chúng rước và lấy những bông lau làm cờ bầy trận đánh nhau. Trẻ xứ ấy đùa nào cũng phải sợ và tôn lên làm anh.

Đến khi khôn lớn, dân làng theo phục rất nhiều. Sau vì có sự không thuận với chú nên Bộ-Lĩnh cùng với con là Đinh-

HAI CHÀNG CHẶN TRÂU

Liễu, bỏ làng, sang ở với sứ-quân Trần-Lâm, tức Trần-minh Công & Bồ-hài-Khẩu (phủ Kiến-xương tỉnh Thái-bình).

Minh-Công thấy Bộ-Linh khôi ngô và có chí khí anh-hùng, đem lòng yêu mến, cho được giữ binh quyền. Sau khi Trần mất, Bộ-Linh đem hết quân về đóng giữ Hoa-Lư, chiêu mộ những anh-hùng hào-kiệt, hùng cứ một phương.

Đến đời Hậu-Ngô-Vương, năm Tân-hợi (951) Nam-Tấn vương và Thiên-sách vương đem quân vào đánh không được.

Khi nhà Ngô mất, Đinh-Bộ-Linh hàng phục được sứ-quân Phạm-phòng-Ất, phá được Đỗ-cảnh-Thạc. Từ đó, đánh đầu được đẩy nên chúng tôn là VẠN - THẮNG - VƯƠNG. Chỉ trong 1 năm, vương dẹp tan 12 sứ-quân rồi lên ngôi hoàng - đế vào năm Mậu - thìn (968) đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, niên hiệu là Thái-bình, đóng đô ở Hoa-Lư, vương mới 44 tuổi.

Tiên-hoàng lúc này xây cung điện, chế triều nghi, định phẩm hàm các quan văn võ và tuyển 5 hoàng - hậu. Vua Đinh lại

phong cho Nguyễn - Bạc làm Định-quốc-công, Lê-Hoàn làm thập đạo tướng quân.

Trong khi Đinh-Bộ-Linh dẹp loạn 12 sứ-quân ở nước ta thì bên Tàu có Triệu Khuông-Dận lên thay ngôi nhà hậu Chu, bèn cho sứ sang cống hiến vua nhà Tống.

Năm nhâm-thân (972) lại sai con là Nam Việt vương Đinh-Liễu đem đồ phương-vật sang cống-hiến vua nhà Tống để cầu hòa. Tống - hoàng bèn sai sứ sang phong cho Đinh - Tiên-Hoàng làm Giao-chỉ quận-vương và con là Đinh-Liễu, làm Tiết Độ-Sứ Tĩnh-Hải.



Về thời nhà Ngô (939-965) bấy giờ, theo sách Tàu chép rằng đời hậu Tấn Cao tổ Võ đế, năm Thiên-phúc thứ 3 (938) tướng cũ của Dương-diên-Nghệ là Ngô-Quyền, tự Ái-châu, cử binh ra đánh Kiều-công-Tiện ở Giao-châu, Tiệp sai sứ đem tiền của sang Tàu để cầu cứu với vua Nam-Hán, vua Nam-Hán là Sưu-Nham sai con là Vạn-Vương Hoàng-Thao (phong cho làm Giao-vương) đem quân đi cứu Kiều-công-Tiệp, Vua Hán tự làm tướng đóng đồn ở cửa

HAI CHÀNG CHẶN TRÂU

bể để giúp, nhân hỏi kẻ Sùng Văn.. Văn thưa: « nay mưa dầm nhiều tuần, đường bế hiểm xa, Ngô-Quyền là người hào-kiệt, chưa có thể khinh được, nên trị-trọng dùng nhiều hướng đạo, rồi hãy tiến.. » Vua Hán không nghe, sai Hoàng-Thao đem chiến thuyền tự Đằng-giang kịp đến Giao - châu. Lúc này, Ngô-Quyền đã giết Công-Tiệp giữ Giao - châu, dẫn binh đón đánh ở Cửa Bể, lập trận Bạch-Đằng, quân Nam - Hán thua, Hoàng-Thao tử trận, vua Nam-Hán thương khóc, thu tàn-binh trở về..

Trước kia, Dương diên Nghệ lấy nha tướng là Đinh-công-Trứ quyền Hoan-châu thứ-sứ kiêm ngự phiến Đô-đốc, sinh con là Bộ-Linh; Công - Trứ chết, con là Bộ-Linh nối nghiệp, sanh con là Liễu. Bộ-Linh cùng con là Liễu đem quân đánh tan lũ Xứ-Bình, dâng giặc tan vỡ, bờ cõi được yên, nhân dân nhờ công đức tôn Bộ-Linh làm Giao-châu soái, tự xưng « Vạn Thắng-vương » và đặt Đinh-Liễu lên làm tiết-độ-sứ. Vua Nam - Hán lúc này, tên là Chương cũng nhân thế mà lấy chức Tiết độ sứ trao cho Đinh-

Liễu.

Đại-việt sử-ký tiền biên chép:

« Mẹ vua Đinh tiên Hoàng là Đàm thị thường mộng thấy một kẻ trượng-phu, tay cầm ấn ngọc cứ muốn thác mình làm con... » và trong *Việt sử lược* cùng chép:

« Tiên vương Lĩnh họ Đinh, người Động Hoa-lư, lúc bé mồ côi cha, cùng bà mẹ ở bên miếu thờ Sơn thần, ngoài cửa có núi và trên những lá sen, có những vết ốc sên bò thành 2 chữ « Thiên tử ». Khi vua Tiên-hoàng còn bé phải đi chăn trâu được những trẻ mục-đồng ở ngoài ruộng núi tôn lên làm trượng, lấy lễ vua tôi thờ, cùng nhau đùa bỡn, giao tay làm kiểu để rước vua và lại lấy bông lau làm tiền đạo.. Những bộ lão trong làng đều bảo nhau rằng: « đứa bé này khí vũ chẳng phải thường, hẳn có thể giúp đời yên dân, lũ ta nếu chẳng sớm phụ, ngày khác ăn năn thì muộn! » bèn đem tử đệ đi theo.

Còn 2 bộ Toàn-thư và Cương mục thì cũng có chép hơi khác một chút.

Gia - Cát Việt - Nam

Không-phải là quân-sư Gia-Cát-Lượng, mà đây là :

Đào - Duy - Từ

(1570 - 1634)

DÀO . DU Y . TỪ, người làng Hoa-trai, huyện Ngọc-sơn phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa. Cha xưa là Đào-tá-Hán, sinh nhai về nghề xướng ca.

Xưa nay ta thường có câu « cha nào con nấy », song câu này không hợp với gia-đình họ Đào này, vì ngay từ khi còn niên-thiếu, Từ đã ghét cái cách nhảy lên sân-khấu « bời mặt đánh nhau » và múa may quay cuồng ... hay ngồi lý ở các rạp hát mà đàn địch, trống, chiêng... Trái lại, Từ chỉ dốc một lòng theo đuổi việc học hành.

Thông-minh vốn sẵn tự trời, Từ lại siêng năng nên không bao lâu đã thông suốt kinh-sử và lâu thuộc văn-thơ.

Mùa Thu năm Nhâm - Thìn (1592), Bình-an-Vương Triph-Tùng hạ-lệnh mở khoa thi. Bấy giờ Từ đã 21 tuổi, nghe tin ấy

liền đến kinh-kỳ nộp quyển xin ứng thí.

Quan trường xét ra Từ là giòng dõi hát Chèo, theo luật-lệ thì không được dự thi, nên không nhận quyển và bắt phải trở về với cái nghề « vô loài » kia ; Từ ôm hận mang lều chõng ra về.

Không ngã lòng, Từ quyết chí theo đuổi nghiệp bút nghiên để tìm kế tiến thân.

Sau, Từ suy-nghĩ và tự an ủi *Tuy bâng vâng bia đá kia không phải là chỉ để dành cho mình thật, song cái bước thang tiến thủ thì Trời kia có bắt buộc ai phải lùi lại đâu .!* Khổ nỗi song thân mất sớm, nhà lại nghèo túng thì lấy tiền đâu mà đi học riêng, Từ đành phải xin vào làm sinh viên ở « Chiêu-văn-Quán ».

Nghe đồn Chúa Nguyễn ở Đường-trong chiêu hiền đãi sĩ, Từ mới quyết chí vô Nam theo

Chúa.

Từ lại được nghe có quan Khâm-ly Trần-đức-Hòa ở Qui-Nhơn là người thân-tín của Chúa Sãi, nếu được người ấy tiến-cử cho thì chắc sẽ được đặc dụng.

Là một nhà nho kiết, hồi trước cha mẹ còn có cho ăn học, không may mất sớm cả, muốn đi học nữa nhưng khổ nỗi không có tiền, muốn làm ruộng thì cũng không có lấy một tấc đất, biết làm sao mà tìm đến quan Khâm-ly Trần mà nương nhờ được ! Lại nghe có nhà hào-phú kia, nên đến xin ở chăn trâu, để sống cho qua tháng ngày...

Từ đó, Đào đã trở nên một trẻ mục-dồng, ngày dắt trâu ra đồng, thả cho chúng tự do đi kiếm cỏ ăn, còn mình thì tìm đến những nơi có bóng mát, mở sách ra nghiên mài kính sử ; tối đến, về nhà đóng kín cửa đọc sách ngâm thơ... và không mấy khi đi chơi đùa với các bạn đồng-nghiep khác và cũng không hề quan tâm đến những người trong làng xóm.

Một ngày kia, Duy-Từ dắt trâu ở đồng về, nghe nhà trên có vẻ ồn ào huyền não, dắt hết

trâu vào chuồng rồi cầm roi lên đứng nép mái hiên, ghé dòm khe cửa xem trong nhà có việc gì mà nhộn nhịp lạ thường... thì thấy có khá nhiều những danh sĩ và văn-nhân mặc khách các nơi về tụ tập, bàn luận văn-thơ, bàn dẫn kinh sách của Thánh - Hiền... không khí vô cùng sôi nổi...

Thấy có dịp hiếm có, Từ nín hơi đứng nghe « trộm » những hiền-truyện Thánh-kinh từ trong vọng ra thì bất thần có người ở trong trông thấy, liền ra vỗ vai Từ và hỏi :

— « Anh đã là kẻ mục-dồng, chi biết lo cho tròn phận sự tối đời, trong đây chỉ toàn là những hiền-nhân, quân tử, anh có muốn nghe thì bắt quả cũng như « vịt nghe sấm » mà thôi...! »

Đào duy Từ cười đáp :

— « Nho có nho quân tử và cũng có cả nho tiểu nhân. Kẻ chăn trâu là kẻ ăn người ở trong nhà thật đấy, nhưng cũng là kẻ tài ba xuất chúng đấy chứ ! Hiền, ngu, đã không giống nhau thì lẽ cao thấp cũng giống nhau chứ ! Vì tôi thấy các ngài bàn luận thì ca kim cổ nên cảm thấy vô cùng thích thú trong đây lòng, ước ao

rằng các ngài rộng lượng cho phép tôi đứng ở đây nghe lòng... chút, nếu không cho phép thì để tôi xin xuống nhà bếp! Kinh nghệ vui thú kinh nghệ..., tép tôm thì chịu vui bề tép tôm...»

Tân-khách nghe tên mục-đồng đối đáp cũng nghe được, liền hỏi vặn nữa :

— « Theo ý anh thì thế nào gọi là nhà nho quân-tử, thế nào gọi là nhà nho tiểu nhân? »

Duy-Từ ung dung, liền đáp :

— Nho quân tử là người : trên hiền thiên-văn, dưới tường địa-lý, giữa thấu việc đời, thấu đạo ngũ luân, biết cách cứu dân giúp nước ngõ hầu lập công-danh trong một thời để lưu-danh thiên-cổ, tiếng thơm lưu-lẫy như Y-Doãn nhà Thương, Thái-Công nhà Chu, Võ Hầu nhà Hán, còn nho tiểu nhân thì là những kẻ học như vẹt, chỉ biết tìm từng chương, dò từng câu, mua danh, cầu lợi, khoe khoang câu văn, ngòi bút, hợm hĩnh cái giọng cười trắng cốt gò, không có biết ý-chí Thánh-Hiền, đạo-nghĩa Vua tôi, nếu may mắn có được ra làm quan thì cũng chỉ biết lo làm sao cho được vinh-thân phì-gia, no vợ ấm con, không quan gì là kẻ « sâu dân một nước » cả.

Nếu những kẻ ấy, may ra gặp được vận-thời, nắm được quyền-hành trong tay mình rồi, nếu có gặp việc khó khăn gì thì chỉ biết ngồi mà thở dài than vắn, suy nghĩ viễn-vông; trí lực lu mờ, ngày như tượng gỗ, không khác gì bọn An-Bạo, Vương-Diễn đời nhà Tần cùng Giã-tử-Đạo đời Tống mà thôi!

Tân-khách đã phải ngạc-nhiên, nhưng cũng còn hỏi vặn thêm nữa :

— Thế anh bảo thế nào là kẻ chặn trâu tôi tớ...? Thế nào là kẻ chặn trâu anh-hùng...?

Đào-mục-đồng lại tiếp-tục hùng-biện trả lời :

— Chăn trâu anh-hùng như Ninh-Thích, Điền-Đôn. Lúc chưa gặp thời thì họ tạm đi chăn trâu, sống cho qua ngày, đến khi có phương-tiện đầy-đủ, người đó sẽ hưng-thịnh được nước Tề, xưa đuổi được quân Yên.

Lại hơn nữa, Hứa Do chăn trâu tại nơi rừng núi mà có thể biện bạch được tất cả các lẽ : thịnh, suy, còn, mất; Bách-lý-Hề chăn dê ở khe hang mà biện bạch được lẽ bĩ, thái, thắng, bại... một thời lập nghiệp, muôn thuở

lưu-danh!

Các tân-khách phải chịu và lấy làm kính nể, nói :

— « Thầy thật là một bậc hiền-sĩ, chúng tôi thật có mắt mà không có người, xin thầy sẵn lòng tha thứ cho!» rồi vội vã mời Đào-duy-Từ luận đàm về bách-gia chư tử, tam-giáo, cứu lưu... Chủ nhà thấy Duy-Từ tài năng xuất chúng, thì mừng rỡ vô cùng, vỗ vai Từ mà nói rằng :

— Thầy tài giỏi đến thế mà bấy lâu nay cứ giấu giếm mãi, để thầy đã phải chịu nhiều điều cực khổ, nhọc nhằn, quả là « hòn ngọc quý bị chôn vùi dưới đất cát » là vậy. Bấy lâu lão đã xét người không được mình, vậy lâu nay có điều gì không phải, xin thầy thứ lỗi cho!

Từ đây điền chủ đối đãi rất tử tế với Duy-Từ rồi giới thiệu cho quan Khâm-ly Trần-Đức-Hòa ở huyện Bồng-sơn thuộc Bình-Định. Thấy Từ là một người học-vấn uyên thâm, kiến-thức nhiều, Đức Hòa mời ở nhà dạy học và gả con gái cho.

Duy-Từ ngồi dạy học nhà quan Khâm-ly thường ngâm bài « Ngọa-long-cương » diễn ra

quốc-âm và có ý tự ví mình với Gia-Cát-Lượng. Đức Hòa biết chí-hướng của rể liền nói :

— Duy-Từ có lẽ là Ngọa-long đời nay chăng!

Năm Đinh-mão (1627) đời vua Lê Thần-Tôn, năm Vĩnh-Tộ thứ 8 (Đời chúa Sãi năm thứ 14), quan khâm-ly Đức-Hòa vào yết-kiến chúa Sãi, đem theo cả bài « Ngọa long cương » của Duy-Từ dâng lên Chúa coi và tâu rằng :

— Bài này là của thầy đồ dạy học tên là Đào duy-Từ « làm ra! » Chúa Sãi xem xong lấy làm lạ, lập tức cho vời Duy-Từ vào diện-kiến.

Lúc Duy-Từ vừa vào tới cửa, thấy chúa Sãi đang mặc áo trắng, đi giày cỏ đứng đợi ở dịch môn, Từ lùi bước ra, không vào nữa... Chúa biết ý, bèn trở vào thay quần áo và đổi mũ chính tể rồi cho mời Duy-Từ vào.

Duy-Từ trần thuyết mọi lý lẽ, chúa Sãi mừng rỡ vô cùng, rồi phán :

— Khanh tới đây sao muộn vậy?

Rồi Chúa liền phong cho Duy-Từ làm chức « Nhà Ủy Nội



Tán » tước Lộc - khê - hầu, kiêm quản cả các việc quân cơ trong ngoài và thường triệu Từ vào cung bàn việc quốc chính.

Năm kỷ ty (1629) Trịnh Tráng mưu kéo quân vào xâm lược miền Nam, sai Nguyễn - khắc - Minh cầm sắc thư vào trước tấn phong cho

chúa Sãi là Nguyễn phúc Nguyên (1613 - 1635) làm Thái-phó quốc-công và mời đem quân ra Đông-dô để đi đánh giặc, Đào duy Từ tâu xin hãy tạm nhận cho họ khỏi ngờ và từ đây không nộp thuế má cho họ Trịnh nữa và tâu xin cấp tốc đắp lũy Trường dục ở huyện Phong-lộc (Quảng Bình) để phòng thủ bờ cõi.

Qua năm Tân-mùi (1631) Đào duy Từ lại tâu xin chúa Sãi lập thêm một lũy nữa dài từ cửa bể Nhật - lệ đến mũi Đầu Mâu, cao một trượng dài trên 300 trượng, tục gọi là « Lũy Thầy » (là vì nhân dân thời bấy giờ, từ Chúa đến các quan coi Đào duy Từ như ông thầy nên gọi là Thầy và cũng có câu ca dao :

*Khôn ngoan qua cửa sông La,
Dù ai có cánh mới qua Lũy Thầy
(hay Lũy Tràng)*

Vua Minh-mạng đổi tên Lũy Thầy lại là « Định Bắc trường thành ».

Nhờ hai lũy này nên nhà Nguyễn đã thắng Trịnh những trận trong năm Mậu-tý (1648), Ất vị (1655) và Đinh-sửu (1657) và đã thành công rực rỡ.

NGUYỄN TRIỆU

Oan hồn
cô
VÔ THIÊN
HƯƠNG
trong ngày



XUÂN
mát dịu

★ TUẦN LÝ
HUỲNH-KHẮC-DỤNG

MỘT buổi sáng tháng chạp trong một văn-phòng chương-khế, các nhân-viên đang cặm-cui làm việc ; tiếng máy chữ nghe cạch-cạch nhiều nơi, quạt trần quay chầm-chậm như thường-lệ mặc

dầu trời không nóng lắm. Trong khi mọi người chăm-chú vào công việc của mình, có tiếng chuông reo. Viên tùy-phái vội-vả đẩy cửa phòng ông chương-khế bước vào; một chập sau trở ra, đến bàn thầy Bạch, một viên thư-ký độ ba mươi tuổi, cho biết ông chương khế mời. Bạch là con út một ông giáo-học, thuở nhỏ theo học chữ Tàu; đến năm 14 mới học Pháp

văn. Thầy Bạch đứng dậy, sửa soạn quần áo chỉnh-tề, gõ cửa vào. Ông chường-khế chỉ chiếc ghế bành trước bàn viết, mời Bạch ngồi, rồi nói : « Thầy Bạch ! Trong tờ di-chức của ông huyện Đàm, tôi mới đọc lại, thấy thầy làm nhiều lỗi quá trốn. Người con gái út tên Võ thiên Hương, thầy đánh máy Võ hương Thiên, 34 tuổi, thầy đề 54 tuổi. Thầy làm việc như vậy đâu có được ! Phòng chường-khế lập công-thụ chường-thư, sai một cái phết cũng không được, nữa là sai cả tên tuổi người ta ! Tôi nề tình ba thầy, là bạn học tôi, cho thầy vào làm, mà hình như thầy không nhận thấy hay sao ấy ! Mấy lúc sau này, thầy không bình-tĩnh ; tôi không biết thầy có việc chi buồn phiền hay không, nhưng cần đi tỉnh-dưỡng mười hôm. Đây thầy cầm cái thơ này xuống Cần-thơ, tìm nhà ông Thạch-Kít, trước kia giúp việc cho luật-sư Mérémeé tại Vĩnh-long, tôi gởi-gắm thầy ở đó 10 ngày. Ông Thạch-Kít từ tế lăm. Đây, tôi cho lãnh trước 1 tháng lương và cho thêm 500. Đi đi ». Thầy Bạch dạ rồi lui ra, lòng rất vui vẻ, đã được nghĩ phép, lại được chủ cho tiền, thật là điều hi-hữu ! Thu xếp giấy

má, từ-giã bạn tác trong sở rồi ra về, lòng khắp khởi, chơn không bèn đất. Tới đầu đường Gia-Long, bỗng gặp cậu hai Xuyên, một người bạn lớn tuổi hơn Bạch, đang kia xăm xăm tới. Xuyên gọi : « Bạch, đi đâu giờ này ? Không làm việc sao ? » Bạch cười : « Mình không vui, ông già tưởng bịnh-hoạn gì, kêu vô nự một hồi vì mình đánh máy trật bậy hết, rồi cho tiền đi Cần-thơ chơi. Ngon chưa ? » Hai Xuyên vỗ vai Bạch : « Ông chủ cứng vậy, còn gì nữa ! Thôi, bây giờ về nhà tôi ăn cơm rồi ra bến xe. » Bạch đáp : « Đâu được, tôi còn phải về nhà sắp hoa-ly, chiều mới đi. Mình đi nghỉ mát, gấp rút gì mà vội ! ». Hai người hẹn nhau, ba giờ chiều thì Xuyên đến nhà rước Bạch. Tay xách chiếc hoa-ly nhỏ, gọi tắc tắc-xi, Bạch bước lên, vô ý va mạnh đầu vào thành xe, choáng-váng và ngã vào phía sau. Xuyên vừa bảo tài-xế đưa ra bến xe lục-tỉnh, bỗng thấy bạn mình, mặt mày tái dợt, trên trán u một cục, đồ mồ-hôi hột, mắt nhắm nghiền, thì nắm tay Bạch lắc và gọi : « Bạch. Bạch, sao vậy ? ». Lúc ấy, lạ thật, tay Bạch vẫn nắm chiếc hoa-ly mà trí như nằm mộng. Thoạt tiên, thấy đang

gồi trên một cái mả đá xưa, râu phủ xanh-rì, trong một miếng đất thồ-mộ hoang-vu, mà-mồ lúp-xúp ; trước mặt có con rạch ngòng-ngheo nước trong xanh chảy chậm-chạp, hai bên mé dứa nước xanh um. Bên kia rạch, một cái đình cũ bỏ hoang, xiêu vẹo, tro xác với tang-thương. Thời-tiết mát dịu như gần Tết, tiếng cu đất gọi nhau văng-vẳng. Cảnh mả đá có một cội hường vi, trổ bông thơm phức ; dây hường bám vào những dây cây đa cổ-thụ. Bỗng dưng xa, thấy một thiếu-nữ ăn mặc sang trọng, dáng điệu trầm-anh, sao lạ, cảm đầu chạy chết, sau lưng một đàn ông đứng tuổi rượt theo. Ông này mặc áo dài đen, quần đen dây lưng xanh phấp-phới, coi bộ như một ông hương-chức hội-tề. Lạ chưa : cả hai người ăn mặc như người đời xưa. Thiếu-nữ mặt hoa da phấn, mắt to và đen nhánh, vừa chạy vừa la, Bạch không nghe tiếng chi, chỉ thấy cô ấy há miệng, vẻ mặt sợ hãi vô cùng. Kiệt sức, nằng vấp té ; ngay khi ấy, người kia rượt tới, túm lấy tóc mỹ-nhân, dẫm đá túi bụi. Bạch chưa kịp nghĩ sao, thì thấy một thanh-niên tay cầm khúc củi, cũng vừa chạy đến nơi, chẳng nói chẳng rằng, dơ thẳng

cánh, xán xuống ngay đầu ông áo dài đen, ngã lăn ra chết tốt. Rồi, như kẻ mất trí, thủ-phạm đỡ thiếu-nữ dậy và nhìn sững cô ấy trong một giây, làm-bầm điều chi nghe không được, rồi lao-đào như say rượu, bước từ từ về hướng Bạch ngồi và... biến mất. Việt xáy ra trong nháy mắt, giống hệt trong một phim chớp bóng. Bạch vói tay ngắt một bông hường đỏ, vừa ngửi mùi thơm nhẹ, thì nghe tiếng Xuyên gọi xa xa : « Bạch, Bạch, sao vậy ? ». Mở mắt ra, Bạch đáp gọn lỏn : « Có sao đâu ? Nhưc đầu và hơi chóng mặt chút thôi. » Chiếc tắc-xi vẫn chạy bon-bon. Bạch nhóm lên đường như kiếm vật gì. Hai Xuyên hỏi : « Anh kiếm gì ? » Bạch không nói. Xuyên hỏi nữa. Bạch đáp : « Kiếm cái bông hường. » Hai Xuyên cười : « Bỏ ơi, coi bộ phải cưới vợ rồi đã ! Bông hường đâu trên tắc-xi mà kiếm ? Khùng quá Trời vậy ! » Bạch làm thinh. Tới bến xe, Bạch mua vé đi Cần-thơ còn Xuyên thì trở về, sau khi mượn Bạch 200\$.

Xe chật như nêm. Bạch ngồi băng giữa, chỗ đầu băng, mé tay mặt, trí cứ nhớ chuyện trong giấc mơ ban nãy. Khi chạy khỏi ngã ba Trung-lương một đời, Bạch

bồng giật mình : kia kia, mấy cụm dứa nước xanh um, bên mé rạch ngòng-ngoèu ; kia, miếng đất thổ-mộ hoang-vu vừa thấy trong giấc mơ trên xe tắc-xi ! Tức thì chàng ra dấu cho người lơ bảo tài - xế ngừng, ung-dung bước xuống, tay xách hoa-ly phăng-phăng theo một con đường mòn vào xóm. Trời chạng-vạng mà chàng cứ bước xăm-xăm, dường như có ai dẫn đường. Cảnh vật như quen lắm nên cũng chẳng buồn nhìn. Hết con đường mòn băng ngang ruộng, thì tới xóm. Trời nhá-nhem tối. Nhà cửa trong xóm không giống nhau ; nhà lá nghèo-nàn có, nhà lá kha-khá có, nhà lợp ngói có ; lại có tiệm nước, bán chạp-phô nho-nhỏ ; ngoài đường đất, trẻ con ở trần mặc quần cụt, chạy chơi, gọi nhau ầm lên. Phần nhiều trong nhà đã thắp đèn rồi. Bạch bèn bước vào một căn, hỏi thăm một bà già ngồi trước ngõ, ẵm một đứa bé : « Thưa cụ, không biết trong làng này có đất thổ-mộ không, cụ ? » Nghe hỏi lạ, bà già hỏi lại : « Thầy ở đâu, mà hỏi chi vậy ? » Bạch nói : « Thưa cụ, tôi ở Saigon xuống đây tìm bà con ». Bà già mới giơ tay chỉ : « Ông chịu khó lại đằng kia mà hỏi. » Bạch cảm ơn rồi đi nữa. Độ

vài chục phút sau, tới một cái quán nước hai căn, lợp ngói, có vẻ khá-giả. Một ông cụ già lụm-khum niêm-nở đón chào. Khi nghe Bạch hỏi thăm đất thổ-mộ trong làng, thì đáp : « Có hai miếng thổ-mộ ; miếng lớn giáp ranh Mỹ-đức, của ai cũng cho tòng không biết, lâu đời lắm rồi, để làm đất cúng chung, gồm mồ-mả dân hai thôn Thiện đức và Mỹ-đức. Còn miếng kia, nhỏ hơn, thì của thân-tộc ông Nghè ». Bạch hỏi : « Thưa cụ, trong miếng nào có cây da thiết bị, có ngọn rạch rất nhiều dứa nước ? ». Ông già quán ngó Bạch, hỏi vặn lại : « Cậu ở đâu mới tới, sao biết rõ vậy ? Thì trong miếng thổ-mộ ông Nghè đó, chớ đâu ! Mà cậu hỏi chi vậy ? » Bạch làm thinh. Sau đó, ông già sai đứa cháu trai dọn nơi cho khách ở trọ. Sáng ngày, lúc bưng tưng, Bạch hỏi thăm đường lần đi đến nghĩa-địa ông Nghè. Đây là một đám đất có thể nói là hoang-vu vì thiếu tay săn sóc, rộng chừng vài mươi sào, bốn phía rào cây vông và cây gòn, trong có độ sáu bảy cái mả xưa, cỏ mọc um-tùm, rêu phong tứ phía. Cảnh vật rất quen với Bạch, dấu chàng chưa hề bước cảnh tới đây. Cũng con rạch uốn quanh, giòng nước trong trôi chậm ;

cũng đám dứa nước rậm-rì xanh mướt ngồn ngang mọc dưới bãi bùn ; đây rồi, cái mả xanh rong mà hôm qua Bạch đã thấy trong mộng ; đây cây cỏ-thụ dây túa lòng thòng như mái tóc bỏ xỏa ; lại có bụi hường vi bông đỏ đầy cành, bám vào dây cỏ-thụ. Bạch vói tay ngắt một bông, bỗng nghe sau lưng tiếng cười khanh-khách, chàng hết hồn, quay lại, thấy một thiếu nữ yêu-kiều, tóc quăn dài chấm vai, mặc áo tay ngắn màu hồng dợt, trông như một cô gái Saigon. Bạch đứng thẳng người lại và hỏi : « Thưa cô, cô là ai, sao cô vô đây ? » Thiếu-nữ hỏi lại : « Còn thầy là ai ? Sao dám bẻ bông nghĩa địa ? » Bạch hơi sượng : « Thưa... xin lỗi cô, cô tên chi, sao tôi nhớ mới gặp cô đâu đây, không bao lâu ». Cô gái cả cười : « Đàn ông lắm chuyện ! Tôi là Cúc, cháu ngoại ông chủ quán. Thấy ông hỏi đường tới đất ông Nghè, tôi hơi tò-mò muốn biết ý định ông, nên đi theo ông này giờ ». Bạch nhìn sững cô gái. Lạ thật ! Bạch vùng nói mau : « Phải rồi ! Chính người trong mộng ! Chính thiếu nữ bị ông áo dài rượt đánh dây mà ! Khác nhau chẳng, là người trong mơ mặc áo theo xưa, áo

thật dài và rộng, tóc để dài thậm thướt, còn cô Cúc này thì tân-thời. Cũng cặp mắt đen lóng lánh tròn xoe kia, cũng trang lứa, cũng một 6c người ấy. Bạch đờ người ra, bụng hơi sờ sờ. Cô Cúc nói : « Tôi ở Di-linh mới về 4 bữa rày : về thăm ngoại tôi. Tôi đi hoang trên ba năm nay, từ lúc 18 tuổi, ở Saigon năm sáu tháng rồi lên Di-linh luôn. Ông biết Di-linh chớ ? » Bạch cười : « Có ghé qua khi đi Đalat thôi. Cô ra ngoài làm gì ? Cúc nói : « Theo chồng. Còn ông ? Ông xuống đây chi vậy ? Bộ hết chỗ đi chơi sao vô nghĩa-địa mà hái bông hường ? » Bạch nghiêm sắc mặt đáp : « Cô Cúc, cho tôi hỏi thăm. Đất này của ông Nghè nào vậy ? » Cúc cười : « Tôi hậu sanh, chỉ nghe nói đất thổ-mộ của ông Nghè thôi. Hình như ông Nghè lập nghiệp làng này hồi đời xưa, sau thành bá-hộ. Hiện trong dòng-dối chỉ còn có bà Tám bán đúc, năm nay cũng già lắm rồi. Nghỉ bán đã lâu. Bà ở gần ngoại tôi ». Bạch chăm-rái thuật những điều đã thấy trong khi va đầu vào thành xe tắc-xi cho Cúc nghe. Nàng cười nữa : « Ông nói nghe rờn-ốc hề ! Ông muốn biết chuyện đời xưa thì biểu ngoại tôi giới-thiệu ông Bái Lệ xóm-trên

cho. Ông già đó trí nhớ như sét đánh, vui vẻ trẻ-trung như thanh-niên. Thôi, tôi về trước, còn phụ với em tôi soạn bữa cơm cho ông. Ông ở chơi. « Bạch dơ tay cản lại. Chàng thấy tâm-thần mát dịu như thấm đượm hơi xuân. Tiếng chim hót rân trên cành, liến-thoảng như phụ họa với khúc nhạc lòng rộn-rã của chàng. Chàng nói : « Cô Cúc ơi, cô tin rằng tôi thương cô hay không ? Tôi tưởng chừng như tái ngộ cố - nhân. Cô nghĩ coi : nếu không duyên tiền-định, nếu không ai sắp đặt, thì tôi đang đi xuống Càn-thơ, mà lại ghé chi làng này, là một nơi hoàn-toàn xa lạ ? Còn cô từ chốn xa-xăm nào cũng bôn-ba về cho được, để rồi ta gặp nhau cho quen nhau, trong lúc bất-ngờ ? Tôi mồ-côi cha mẹ, chưa lập gia-đình, hiện giúp việc tại phòng chương - khế Saigon, ở một mình cô-quạnh ; nếu cô không chê, tôi sẽ xin nói và cưới cô. Nhất là giờ phút này, càng nói chuyện với cô, tôi lại càng thấy tôi và Cúc có duyên tiền - kiếp hay sao ấy, cho đến đời tôi tin rằng không thể nào rời - rứt ta ra. Cô nghĩ sao, cô Cúc ? » Cúc ngồi xuống cạnh Bạch, dưới chơn mả, tay bức cỏ, mắt đăm-đăm, ra chiều suy-nghĩ lắm. Trò chuyện với nhau cả tiếng đồng-

hồ không thấy chán, như cặp vợ chồng êm tân - hôn. Cúc mới tỏ khúc-nôi, kể lại đời nàng từ thuở bé. Mồ - côi cha mẹ, sống nhờ hột cơm ông ngoại, đi học trường Bà phước Mỹ - tho, đến khi đậu sơ-học thì thôi học luôn, về làng dạy trẻ nhỏ làm vui, được hơn một năm, kể lúc nọ, vì nghe lời đường mật của một viên thơ-ký quận - trưởng, nàng bỏ nhà theo lên Saigon. Từ lúc ấy trở đi, trải qua lắm lúc hàn-vi bần-chật, rõ lại thì người yêu đã có vợ ba con ! Không mặt-mũi nào về làng vì gia - phong nghiêm-khắc. Cúc đã phải dựng một thâu - khoán ở Di-Linh, đánh liều về quê, cam chịu dựng với tiếng bắc tiếng chì của người hàng xóm. Ông ngoại nàng trước tung-tiu nàng bao nhiêu, thì nay lạnh-lạt bấy nhiêu. Tình trạng ấy khiến nàng buồn tủi vô cùng... Càng nghe càng xúc-động tâm-tình, xót thương thay cho người bạc phận. Bạch mới ê-dề, rồi mạnh dạn, đưa hơi kết-nghĩa Châu-Trần ; Cúc dẫn-đo nhưng rất cũng cảm tình, thuận ý. Hẹn đến ba hôm sẽ tái-ngộ tại Saigon. Đoạn, nhớ tới bữa ăn phải dọn, Cúc cáo-từ về trước. Bạch thấy tim đập nhanh, tâm-hồn phấn-

khởi. Chàng đứng lên, ra trước đầu mả, tìm đọc tấm mộ 'bia, cho biết tên người thiên-cổ. Chàng phải dùng cành cây xui xui lớp rêu phong, mới đọc được mấy hàng chữ khắc : « Võ-Thị-Trình liệt-nữ chi mộ, thập ngoạt sơ tứ nhật mậu thân niên ». Chàng lăm-băm tính ra, mả này xưa 112 năm.

Cơm nước xong, đưa cháu trai ông quán đưa chàng tới nhà ông Bái Lệ. Nghe nói ông chủ quán gọi Bạch lại hỏi thăm nhơn-vật trong làng, ông Bái niềm-nở. Ông cho biết năm nay đã tám mươi rồi; thuở nhỏ nghe ông bà kể lại vụ án-mạng tại miếng đất ông Nghè mà dân làng ngày nay gọi là « mả tổ ». Ông Nghè thuở xưa kia, hình như là một thầy đồ ở miệt « ngoài » chạy giặc vào Nam, định cư tại thôn Bình-Tạo, sau về đây dạy học và làm thuốc, giàu có mấy đời, con cháu khá-giá phúc-hậu ; dân trong huyện ai cũng nể-nang, gọi gia-quyển ấy là « xóm nhà ngôi » vì đời trước, trừ dòng họ ông ra, dân-chúng trong các huyện, thuộc tỉnh Định-Tường, phần đông đều ở nhà lá. Theo ông Bái, thì nạn - nhân trong giấc mơ của Bạch, là cháu gái ông Nghè, tên cô Trinh, con người

rất mực thông minh, mới lên 12 đã lâu-thông kinh sử. Lớn lên, kín công cao tường, không trai nào trong làng dám mon-men ước vọng. Ông Tông Thái, con một ông Nghè, chết sớm, để lại hai người con, gái là cô Trinh, nét-na thuần-hậu, trai là cậu Đức, người cũng hiền lương chất-phác, nhưng phải cái tật bê-tha bài-bạc, đồ nọ đồ nần. Ông Nghè chán ghét, nên bao nhiêu tình thương con đều dồn lại cho cô cháu nội. Năm nay cô Trinh 22 tuổi thì ông Nghè mất phần. Mấy tháng sau, cậu Đức cũng theo ông theo bà, sự nghiệp về tay cô Trinh, cô bay thẳng cánh. Về sau, nghe nói có hai người anh em cô-cậu làng Mỹ Đức, cũng con nhà giàu, kể trước người sau, dạm hỏi cô Trinh. Rồi, không hiểu tại sao xảy ra án-mạng người em giết chết người anh và bị lưu đày biệt tích. Cô Trinh rầu buồn xuống tóc đi tu, của-cải đem dựng hết cho nhà chùa... Nghe tới đó, Bạch cảm ơn, ra về quán trọ.

Sáng bữa sau, chàng tìm đến nhà bà Tám bán dúc, một bà lão tuy lam-lú mà nét mặt dễ thương, tóc bạc phơ, giọng nói trầm trầm, đượm mùi tân-khô. Bà Tám sẵn-sàng thuật chuyện cho Bạch nghe

Bà là cháu, kêu ông Nghè bằng ông cố nội. Ông Nghè có người con trai, con một là ông Tông Thái. Ông này sanh được hai con, rai là thân phụ bà Tám, tên Đức, gái là Trinh, cô ruột bà Tám. Ông Đức bị nhà từ bỏ, nên lìa xứ sanh phương Rạch-giá. Về sau lấy vợ tại đây, sanh ra bà Tám, rồi qua đời, năm ông mới 24 tuổi. Bà Đức ở vậy nuôi con khôn lớn, gả cho một người thợ làm sườn nhà, thứ tám nên gọi là bà Tám. Nói đến đây, bà Tám bính dục vừa ngoáy trâu trên chiếc vạc tre, vừa nói : « Thầy coi, có tức không ! Tôi lần mò về xứ tìm cô tôi, vì khi trở nên góa bụa, tứ cố vô lân, hy vọng về kiếm cô nương-dự ; té ra cô đi tu rồi chết đâu hồi nào ! Nghe cô bác nói lại, cô bán một số ruộng ông bà để lại, lấy tiền cất cái đình dưới mé rạch đó, còn bao nhiêu bà cúng chùa ráo tội ! Chớ chi phần bà, bà cúng kiết gì bà cúng, cho cam. Cái này, bà nhè phần của ông già tôi, bà cúng cúng tuốt luốt, làm chúng tôi nghèo xơ nghèo xác. Má tôi khuất rồi, tôi về mới nghe có sự, có biết làm sao, đành bán bánh dức, sống qua ngày. Nghe họ nói cô Ba tôi linh lắm. Chết không bao lâu, cô đập đồng lên, xưng là Bà Chúa Xứ, Thiên

Hương, họ Võ, thường hay bắt con nít ỉa-mửa như đặng thiên-thời vậy, nhứt là trong những tháng ba tháng tư, trời sa mưa giông. Dân làng sợ quá mới tu-bồ cái miếu xửa lại, dâng thờ bà, mỗi năm Mừng bảy tháng bảy có vía, bóng rỗi linh-dinh. Từ ấy mới hết phá. Chồng tôi lúc còn sống, làm thợ mộc đủ lùm thoi ; nay tôi gần đất xa trời đi bán không nổi nữa ; càng thiếu trước hụt sau, tôi càng giận trong bụng quá, thầy à. » Bạch giả-là : « Thôi, đâu cũng có phước có phần, bà ạ. À thưa bà, cô của bà họ chi vậy, bà Tám há ? ». — Họ Võ, — bà Tám đáp, — thầy hỏi chi kỹ vậy ? Trong miếu có thờ bài vị khắc tên Vô Thiên Hương nữ-thần. Tới đây, Bạch từ-tạ ra về. Suốt đêm cứ trần-trọc, không sao chợp mắt được. Sáng ngày, dậy sớm, sắp-sửa đi chơi thì, ô kìa ! cậu hai Xuyên đầu lon-ton ngoài ngõ bước vô. Tay bắt mặt mừng, Xuyên kể lại : cùng đi trên chuyến xe đò, có người em họ của Xuyên, đi Vĩnh-long, về thuật lại, khi tới ngã ba Trung - lương, chỗ lộ - cốt, thấy Bạch xuống xe, vô xóm chớ không đi Cần-thơ ; ngạc - nhiên, Xuyên mới đi tìm Bạch, hỏi thăm cả giờ mới kiếm được nơi Bạch ở. Chủ

quán lật - dật rớt vào, sai Cúc nhường phòng cho khách nghỉ. Gác này ngăn làm hai, góc mặt ra lộ vườn thì phòng Cúc, phía sau thì ông cháu ông quán ngủ, trên sàn ván. Hai Xuyên liếc quanh một vòng, thấy phòng tuy không chi quý giá, chớ cũng có tủ áo hai mặt, kệ sách, lại có một cái rương xe cũ - kỹ, có chạm trổ. Tờ - mờ, Xuyên dỡ nắp rương thấy trống trơn, chỉ có vài nùi giẻ và mớ vải vụn. Đáy rương đập bằng miếng ván mỏng, dỡ lên được. Té ra là rương xe hai đáy, trên để quần áo, dưới cất tiền nong hay đồ quý giá. Nhưng khi dỡ nắp ván mỏng lên, thì chỉ có một cái tập giấy cũ, thứ giấy manh lớn khô, hạng xấu, màu đã vàng, có viết chữ quốc - ngữ và chữ nho. Đọc qua thì thấy lối hành văn rất cò, như trong những tập chuyện đời xưa của ông Trương Vĩnh Ký. Đây, chắc là tập nhật-ký của một khuê-các tiểu-thơ, thông Hán-tự, biết đàn tranh và cũng là thi-sĩ. Lâu năm, mới ăn mất nhiều trương giấy, nhưng cũng còn hiểu được. Tập giấy kể lại cuộc xung đột giữa hai anh em cô-cậu, tên Tấn và Diên, người làng Mỹ-đức ngày xưa, vì ghen nhau tranh tình yêu của tác-giả, con gái ông Tông-

Thái, mà thường xô-xác nguyên-rủa nhau, trong những bài thơ đối đáp. Sự xung-đột ấy khiến lòng thực-nữ bối-rối như tơ vò, tìm không ra lối thoát. Trong họ hàng không ai hay biết mảy-may, cho đến khi án-mạng xảy ra, Diên đập chết Tấn trong nghĩa-địa rồi tự trầm mình, nhưng có người vớt được, bị bắt và bị tù đầy. Trong vụ án ấy, Võ thị Trinh bị đòi hỏi nhiều lần ra tình, xấu hổ với tông-môn làng nước, buồn chán mới khóa chặt khuê-phòng ; khi cha mẹ khuất rồi, nàng nhất quyết đi tu, mong thoát kiếp luân hồi quả báo. Hai Xuyên đọc vừa xong, thì cô Cúc lên gác mời khách xuống dùng cơm. Xuyên bèn níu tay nàng. Lại thay, Cúc không kháng cự. Trái lại, nàng như thuận tình. Xuyên mở lời tán-tình và hẹn-hò. Tối hôm ấy, Xuyên và Bạch đi bách bộ ngoài lộ đồng. Xuyên nói : « Bạch có biết sao tôi theo Bạch hay không ? Tôi phải đi lánh mặt một lúc vì có Trát bắt tôi ». Bạch ngạc nhiên : « Sao vậy ? » Xuyên bèn cho biết y lý lấy của một người Tàu trong Chợ-lớn 4000\$ đặng mua giùm 40 bao xi-măng vì xi-măng lúc này hút. Giá 120 một bao nên trong lúc Xuyên hãy còn

dự-dự thì một người bà con bên vợ hỏi mượn số tiền trong ba ngày hốt hụi trả. Nhưng người kia hốt không được hụi, Xuyên không tiền hoàn lại cho người Tàu. Y thừa Xuyên về tội sang đoạt. « Thương tình và tin bạn, Bạch vội vàng móc bóp, lấy 4000\$ trao ngay cho Xuyên và nói : « Đây, anh cầm tiền rồi chiều nay đón xe về trả cho người ta đừng nó bãi nại, anh khỏi tù tội. Tôi còn tiền xài, chừng nào trả tôi cũng được, không sao, chỗ anh em mình mà, anh đừng ngại. Tôi cũng định vài bữa nữa sẽ về, không thèm đi Cần-thơ làm chi, ở đây khi ho cò gáy, tôi có xài khi gì đâu ! Tôi còn nán lại « điều tra » vụ chiêm-bao tôi cho ra lẽ mới được. » Rồi Bạch mới kể sơ-câu chuyện cho Xuyên nghe. Xuyên mới thuật việc tìm thấy quyền nhứt-ký xưa trong cái rương xe cũ, trong phòng Xuyên ngủ. Bạch ra chiều suy-nghĩ dữ lắm. Ngay khi ấy chàng giục Xuyên về quán, lên phòng, lấy tập ấy cho Bạch xem. Về phòng Bạch, phía sau quán, nằm trên võng, đọc đi đọc lại suốt hai mươi trương giấy, chữ mất chữ còn, càng đọc càng lạ-lùng. Tuồng chữ giống tuồng chữ những nữ-sinh trường

Bà Phước : sắc-sảo, đều-đều, nét đậm nét lọt rõ-ràng ; chữ nhỏ cũng viết bằng ngòi viết lười lè, nhưng tháu quá, và lại mỗi án có lỗ có hang, Bạch đọc không được hết. Nhưng đây toàn là những bài thơ than thân trách phận, câu văn trang-nhã, ý-từ dịu - dàng. Đêm đó, trần-trọc thâu canh, bù ngùi hồi-hệp. Trời vừa hừng sáng, phần bị muỗi chích và bay vo-vo, phần thì lạnh, Bạch không sao nhắm mắt. Tiếng gà eo-óc khắp nơi. Chàng lồm-cồm ngồi dậy, mở nhẹ cửa, rảo bước trên lộ đất gồ-gề. Hơi gió lòn cò oá sơ-mi cụt tay làm chàng nời ốc. Dưới nhà bếp, mọi khi, giờ này đã nhúm lửa nấu nước, sao sáng nay bếp-núc vắng tanh ? Cá nhà còn ngủ. Bỗng nghe tiếng động. Chàng nhìn mé cửa rào bỗng bực, thấy một bóng đen thoảng bước ra. Ua ! có Cúc đây mà ? Bạch lật-dật chạy theo gọi nhỏ nhỏ : « Cúc ! Cúc ! Đi đâu sớm vậy ? » Không đáp, Cúc lại bước mau hơn, dường như chạy trốn. Bạch chạy theo sau, tới nghĩa-địa ông Nghè, Cúc mới đứng lại. Bạch thở hào-hển : Cúc, đi đâu vội thế ? » Nàng làm thinh, bưng mặt khóc. Trời hừng sáng lần lần. Tiếng dơi quạ chấp-chờn bay sột-sượt trên cây da cồ-thụ. Một chấp lâu, chàng cứ hỏi vặn và mon-trón Cúc, nàng nhẹ đây chàng ra, và thuật lại câu chuyện trong đêm, Xuyên mò đến chỗ Cúc

ngủ. Nàng nói : « Tôi định một đi với ông, lên Saigon cho có bạn, rồi sau lập lại cuộc đời ; nhưng bây giờ tôi phải bỏ nhà lần nữa, không thể nhìn bạn ông và luôn cả ông nữa. Mấy người đều một thứ hết ! Trời ơi ! Số kiếp tôi sao mà bạc-bèo như vậy, nè Trời ? » Bạch hiểu. Chàng nghiêng rặng : « Thiệt là đều ! Tôi đâu ngờ lòng dạ con người bần-thiêu như vậy ! Mà.. Cúc đã đáp lại Xuyên làm sao ? » Cúc làm thinh, tức-tức Bạch lồng lên : « Sao ? Không nói ? Hay là... Cúc cứ... mặc nó, rồi ? » Cúc vẫn sứt-sùi không đáp, nhưng khi nghe những lời căn-văn nã-nề của Bạch, nàng vừa cắn chéo khăn mu-soa, vừa gật : « Em sợ ngoại em hay... » Nói xong, vụt chạy. Bạch rượt theo, vừa nắm được tay nàng, thì Hai Xuyên cũng vừa tới nơi, đứng đàng xa kêu vọng lại : « Bạch làm gì vậy ? » Tức thì Bạch buông tay Cúc, xắn lại, hùng hổ, thộp ngực Xuyên; đấm móc lên cổ một thoi như búa bổ, và hét : « Đồ khốn-nạn ! Thăng đều giả ! Tao ở với mày như vậy, mà mày đánh đoạn... »

Trời ơi ! Này, này, cho mày đều ! cho mày đều ! » Vừa nghiêng rặng vừa nện, Xuyên đã ngã quỵ. Như con vật hăng máu, Bạch lượm dưới đất một cục đá, cứ thẳng cánh đập bổ vào đầu Xuyên, phun máu có vôi ghê rợn... Như

người ta đập đầu cá ! Xuyên giãy tê-tê rồi lịm lẩn, rồi chỉ còn là một xác chết. Máu vẫn còn trào đỏ đất. Ngay khi ấy, Cúc chạy tới, hốt-hoảng, nhìn xác Xuyên rồi nhìn Bạch máu đỏ sơ-mi, và rú lên : « Rồi, ông đã giết người ! Ông đã giết người ! » Bạch đã ngừng đập. Đứng dậy từ từ, hơi thở hồng-hộc, nhìn thẳng vào mặt Cúc, trợn trắng mắt lên, mắt đỏ ngầu như người điên, và chầm-chậm dần từ tiếng : « Phải, tôi giết anh tôi, vì... Trinh đó. Rồi sao ? » Nói xong, chàng lao-đảo như người say rượu, vừa bước đi, vừa nhìn hai bàn tay máu me đỏ ló, vừa nói, như kêu ai : « Anh tội ! Anh tội mà ! Diên ơi ! Diên ơi ! Mày đất tao tới đây, mày bắt tao giết Tấn, mày đưa đá cho tao đập Tấn. Mày đợi tao đi với ! Đừng chạy, ê ê, đừng chạy » Như kẻ bị hợp hồn, Bạch đưa bàn tay lên tận mắt, trần-trối một giây rồi vụt chạy, mắt ngược lên trên không, chạy thật mau, rồi lại loạng-choạng như đuối sức... Bạch ngã lăn, va đầu xuống, trúng một mộ bia; bất tỉnh như con sứa ; khi Cúc chạy lại đỡ chàng lên và lay gọi, thì muộn rồi : Bạch đã tắt hơi.

Tiếng cu dất gáy vang, hòa với tiếng hót liú lo trên cây cồ-thụ. Mặt trời mọc chiếu ánh hồng, trong bầu không khí mát dịu mùa xuân...



ĐÔI VẦN THƠ XUÂN

* QUÁCH TẤN



H O A là thơ của đất, Thơ là hoa của người. Cho nên cứ mỗi lần xuân đến thì hoa

cùng thơ đua nhau mà nảy nở, hương sắc ngợp cả nhân-gian.

Nay xuân Tân-Sửu đã đến. Cũng như mọi năm, hoa bán khắp phố phường và thơ dâng đầy cả mặt báo-chí. Nhưng hầu hết đều là hoa mới nở, thơ mới làm. Ngấm những cái mới quá nhiều hẳn cũng có bạn muốn tìm thú-vị trong những cái cũ. Nghĩ vậy nên xin lục ra đây đôi vần thơ xuân cũ, để hiển cho ai ưng mở cũ tìm xuân.

) Đây một bài của TÔ-ĐÌNH đời Đường, nhan đề là :

**Xuân nhật hạnh vọng
vọng-xuân cung**

*Đông vọng VỌNG XUÂN xuân
khả liên,*

Cánh phùng tình nhật liễu hàm yên.

Cung trung hạ kiến Nam-Sơn tân,

*Thành thượng bình lâm bắc-đầu
huyền.*

Tuế thảo thiêng thừa hồi liễu xứ,

Phi ba cổ lạc võ trường tiền.

Thần du đối thi hoan vô cực,

Điểu lộng ca thanh tạp quần huyền.

Tạm dịch :

**Ngày xuân vui trông về
cung vọng-xuân**

*Xa vọng VỌNG - XUÂN xuân
đáng yên,*

*Ngày xanh quỳnh liễu khói lồng
theo.*

*Trập-trùng cung dưới Nam-Sơn
d.rng,*

Vòi-vòi thành ngang Bắc-đầu treo.

Nương dẫn xe loan làn cỏ mượt,

Lồng chung rợp mưa cánh hoa gieo

Tắm lòng thần-tử vui khôn xiết

Chim rập lời ca họa tiếng tiêu.

Đó là 1 bài thơ xuân tả cảnh thái-bình thịnh-vượng, lời văn trang-nhã đài các. Tuy không nói gì nhiều đến cái ta, nhưng xem thơ biết được tác giả là người ở trong cảnh đặc ý.

Cảnh xuân tuy đẹp, nhưng đối với những khách tha hương, cái vẻ đẹp bên ngoài chỉ đỡ thêm đậm nỗi buồn bên trong. Như khi BẠCH CỤ-DỊ bị trích ra Giang Châu, có bài thơ :

XUÂN GIANG

*Viêm lương hôn liễu khổ suy
thiên,*

Bất giác Trung-Châu dĩ nhị niên.

Hài các chỉ thịnh triều mộ cỏ,

*Thương lâu không vọng vắng lai
thuyền.*

Oanh thanh đục dẫn lai ba hạ,
Thảo sắc câu lưu tựa thủy biên.
Duy hữu xuân giang khan vj yêm,
Oanh sa nhiều thạch lục sàng viên.
Tạm dịch :

Lần-thầu nóng lạnh tới rồi mai,
Quên lũng Trung-Châu năm đã hai!

Bên gác sớm hôm hồi trống vọng,
Trước lầu qua lại bóng thuyền ai!
Tiếng oanh rú húng đường hoa tới,

Sắc cỏ cầm chân bến lục ngời.
Chỉ có sông xuân nhìn chẳng chán,
Quần-quanh sỏi đá cuốn dòng trôi.

Không nói chỉ đến nỗi buồn hết thể mà không - khí điều - hiu quạnh-quê tràn ngập cả bài thơ! Những tiếng trống buổi mai buổi tối, những tiếng oanh trong hoa, chẳng những không làm cho phong-cảnh vui rộn được giây-lát, mà còn làm cho tịch - mịch thêm! Và sắc cỏ màu hoa không đủ làm cho lòng người hết khổ, mặc dù người cố tìm cái tươi đẹp để khuây-khoa.

Những người bị trích-giáng ra nơi xa, trông thấy xuân tui phận mình, nhớ quê-hương mà buồn đã đành. Đến những người đi chơi xa, thấy xuân cũng đăm ra

buồn - bã. Như THÔI - ĐỖ là một. Thôi-Đỗ có bài :

XUÂN TỊCH LỮ HOÀI

Thủy lưu ba tạ lưỡng vô tình,
Tổng tận đông - phong quá Sở-thành!

Hồ-diệp mộng trung gia vạn lý,
Đỗ-quyên chi thượng nguyệt tam canh.

Cổ viên thơ động kinh niên tuyết,
Ba phát xuân thời mãn kính sanh.
Tự thị bất qui qui tiện đắc,

Ngũ hồ yên cảnh hữu thùy tranh.
Tạm dịch :

Nước trôi hoa rụng thủy vô tình,
Đưa ngọn đông-phong khuất Sở-thành.

Giấc bướm nào-nề quê vạn dặm,
Cảnh quỳên da - diết nguyệt ba canh.

Năm môn-môi mắt tin nhà vắng,
Hoa trập - trùng gương mát tóc xanh.

Lòng chứa muốn về về ắc được,
Năm hồ khói sóng có ai tranh.

Cũng đã thật là buồn nhưng nỗi buồn không ray-rức, không đau-đớn, bởi vì quê-hương tuy xa-cách nhưng ngày về vẫn chắc chắn, không kịp thời chầy. Cái buồn của người ly - hương mà

không biết bao giờ có thể trở về được, mới thật là não nuột xốn-xang! Như trường hợp LÊ-CẢNH-TUÂN.

LÊ - CẢNH - TUÂN người đời Trần. Khi quân nhà Minh sang diệt nhà Hồ rồi chiếm cứ Việt-Nam, thì Lê cảnh-Tuân lo mưu việc khôi-phục nhà Trần. Quân nhà Minh biết được, lũng bắt. Cảnh-Tuân phải đi xa lánh nạn. Trong lúc tha-hương, có bài thơ NGUYÊN NHẬT RẰNG :

Lữ-quân khách nhưng tại,
Khứ niên xuân hựu lại.
Qui kỳ hà nhật thị?!
Lão tận cổ viên mai!
Tạm dịch :

Quê người khách mãi còn đây,
Xuân sang năm ngoài năm này lại sang.

Ngày về? Đâu biết mà toan!
Vườn xưa lưỡng để mai tàn hết xuân!

Thật là chua xót! Câu "lão tận cổ viên mai" chan chứa tình nhớ thương quê-hương và niềm đau đớn cho tấm thân phải mòn mỏi với chí phục thù bất toại.

Đứng trước cảnh xuân, lòng người vui hay buồn là tùy cảnh ngộ. Và người vui xuân cũng như người buồn xuân, thấy đều nhận thấy xuân chỉ trong một

mùa. Lúc nào cũng vui xuân, mùa nào cũng thấy có xuân, chỉ là người đã giác ngộ, như các nhà sư đời Lý đời Trần. Các ngài có nhiều bài thơ xuân rất thanh thoát như :

Dương-liễu hoa thâm diệu ngữ tri,
Hoa-đường thềm ảnh mộ vân phi.
Khách lai bất vấn nhân gian sự,
Chi bạng lan-can khán thủy vi.

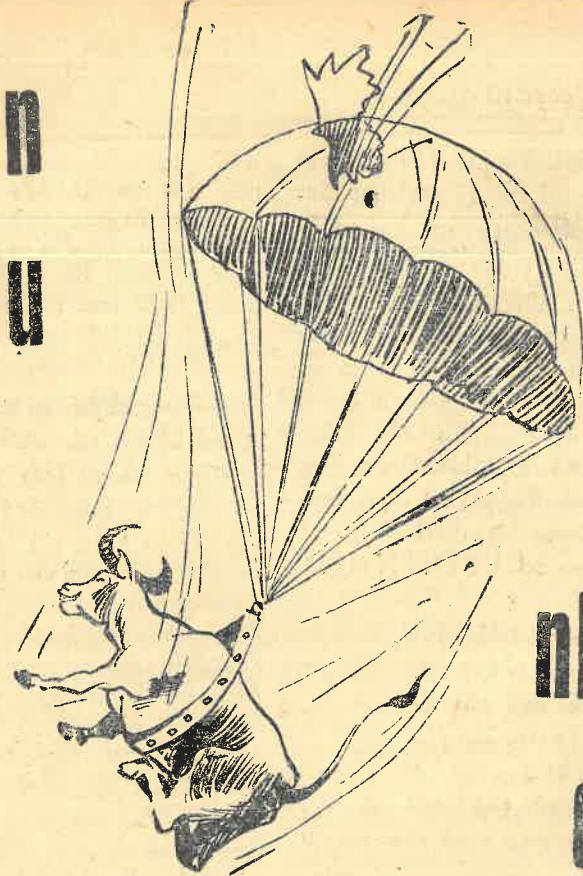
Bài thơ nhan đề là XUÂN CẢNH tác-phẩm của một thiền-sư phái Trúc-Lâm đời nhà Trần. Tạm dịch là :

Dương-liễu đầy hoa,
Diu-đàng chim ca.
Thềm hoa thấp-thoảng
Mây chiều bay qua.

Khách tìm đến chơi,
Hỏi chi việc đời.
Lan-can đứng tựa
Xanh xanh sắc trời.

Bài thơ đầy thi-vị lẫn đạo-vị: Cái Đẹp nên thơ là cái đẹp thường-trú của Chân-tâm, lời nói không thể diễn tả, chỉ một mình hiểu lấy mà thôi. Mà muốn nhận thức cái Đẹp bất diệt kia thì phải nhìn sâu vào hiện-tượng trước mắt để đạt đến bản thể nhiệm-mầu. Một khi ta đã đạt đến rồi thì cái Đẹp hiện ra ở mọi hình-thức trong vũ-trụ: lúc nào ta cũng thấy xuân, nơi nào ta cũng gặp xuân, và cứ mỗi lời thốt ra là một lời đẹp-đẽ bất kỳ ở trong hoàn cảnh nào.

CON TRÂU



nhảy dù

* HỒI KÝ CỦA THÂM-THỆ-HÀ

THẮM - thoát là 12 năm qua rồi. Hôm nay, khi *Con Trâu* mới sắp về, tôi lại nhớ một câu chuyện thú-vị về *Con Trâu* cũ. Một câu chuyện thú-vị và cũng là một giai thoại văn-chương ngộ-nghĩnh, buồn cười trong cuộc đời văn-nghệ của tôi.

Đạo ấy năm Mậu-Tí sắp tàn, năm Kỷ-sửu (1949) sắp đến. Con độ hai tháng nữa là đến năm mới. Làng báo làng văn vô cùng nô-nức, chuẩn bị rộn-rịp *Số đặc-biệt Mùa Xuân*. Ký-giả, nhà văn lo viết bài Tết. Nhân-viên kỹ-thuật lo trình-bày. Những cuộc hội họp, thảo-luận diễn ra rất

CON TRÂU NHẢY DÙ

sôi nổi ở khắp tòa-soạn nhật-báo cũng như tuần-báo đề hoạch thảo chương trình, ganh đua ráo-riết.

Thấy không - khí rộn-rịp mà mình cũng bắt hăng lây. Tôi tính cùng một người bạn văn, anh Vũ Anh Khanh, họp nhau đề hoạch-thảo chương-trình.

Vũ-Anh-Khanh có vẽ do dự :

— Bây giờ mới tính thì đã trễ rồi. Các báo đã in gần xong. Nghe nói báo *Ánh-Sáng* của Lư Khê gửi in bìa tận Paris, báo *Sài-gòn Mới* của bà Bút-Trà gửi in bìa tận Hồng - Kông. Mình tranh đua làm sao cho lại họ?

Tôi cương quyết :

— Thua họ về hình-thức, ta phải cố gắng hơn họ về nội dung.

V.A.K. vẫn lắc đầu :

— Dầu có hơn họ về nội-dung, họ vẫn được thể hơn mình là tên tờ báo của họ mọi người đều biết. Trái lại, mấy ai đề ý đến một số xuân nhảy dù?

Tôi vẫn cố gắng thuyết-phục bạn :

— Mình yếu thế mà tranh đua lại họ mới là hay, chớ được thể như họ thì đã không thành văn-đề nữa.

— Vậy trước nhất ta phải

chọn cái tên báo cho thật kêu mới được.

Cả hai im - lặng, cố moi óc để tìm tên. Chúng tôi kê ra một số tên để chọn lựa : *Xuân Đất Nước, Xuân Nhân-Loại, Xuân Dân-tộc, Xuân Chiến - Thắng, Hương Xuân, Hoa Xuân, Cười Xuân, Hồn Xuân, Mộng Xuân, Mơ Xuân, v.v...* Bàn đi bàn lại, không chọn được tên nào. Những tên ấy không gọi được sự hiếu-kỳ của người đọc.

Tôi thoáng có một ý-kiến, liền đề-nghị :

— Năm tới là năm Kỷ - sửu. Sửu là con Trâu. Vậy mình cứ đặt phứt là : **XUÂN CON TRÂU**.

— À à, cái tên thế mà nghe hay, thật là giản - dị nhưng cũng thật là hấp-dẫn. Độc-giả nghe lạ tai, tức phải chú ý đến ngay.

Tôi cười đắc ý :

— Năm nay ta cho **CON TRÂU NHẢY DÙ** một phen đề thử thời vận. Điều quan-trọng nhất là phải lo trình bày cái bìa sao cho thật ý nghĩa và hấp-dẫn. Mình phải đưa ý kiến cho họa sĩ vẽ mới được.

— Thôi mình hãy về suy-nghĩ cho kỹ đã, ngày mai họp lại sẽ

bàn tiếp.

Tôi đồng ý và cả hai chia tay với niềm hân hoan, phấn khởi lạ thường. Hôm sau, chúng tôi gặp nhau lại tại nhà in riêng của nhà xuất bản **TÂN VIỆT - NAM**. Nói nhà in riêng cho oai, chớ thật ra đó là nơi chúng tôi mượn in những tác-phẩm của nhà xuất-bản. Chúng tôi dẫn nhau đi dùng bữa. Chúng tôi dẫn nhau đi dùng bữa ở một quán cóc, cạnh nhà in. Quán vắng-vẻ, chúng tôi mượn ngay nơi ấy làm chỗ họp.

V.A.K. trở lại vấn-đề bàn dở hôm qua :

— Thế nào ? Anh đã có ý kiến gì về bức tranh bìa chưa ?

— Chà, khó quá ! Bìa báo xuân, ai cũng lo trình bày tranh, ảnh mỹ-nhân tuyệt-sắc. Thông-lệ ấy đã tạo cho độc-giả một cảm quan quen thuộc rồi. Nhưng không lẽ mình cũng chạy theo họ ?

— Dầu có chạy theo cũng không kịp nữa. Họ đã chuẩn-bị kỹ-lượng trên sáu tháng trước rồi, mình thì mới nghĩ đến từ hôm qua. Và lại, mình đã dám chọn một cái tên báo rất lạ, sao lại không làm cách-mạng luôn cái bìa ?

Tôi đưa ý kiến :

— Hay là mình cho vẽ con trâu ? V. A. K. có vẽ nghĩ-ngợi :

— Vẽ một trâu thì trơ-trên quá ! Nên vẽ một con trâu đang thung-dung ăn cỏ trên một cánh đồng xanh.

— Như vậy thì có thêm bối-cảnh, nhưng bối - cảnh ấy không hợp với lúc này. Trong lúc toàn dân đang kháng-chiến máu và lửa đang lan tràn trên đất nước, không lẽ con trâu lại thung-dung ăn cỏ trên cánh đồng ?

— Vậy thì ta cho vẽ hai con trâu đang chém nhau, tượng-trưng năm Kỷ - sửu tới đây sẽ là năm quyết liệt hơn những năm qua.

Tôi hớn-hở tán-thành :

— Ý ấy rất hay. Nhất-định bức tranh bìa của mình sẽ ăn đứt các báo. Mình phải đưa cho họa-sĩ lo trình bày ngay mới kịp.

— Đến vấn đề in. Những trang ruột, cho in ở nhà in này được rồi : còn tranh bìa, phải chọn nhà in nào ấn loát thật khéo, thật đẹp.

— À, vấn đề này còn phải điều-tra nhà in mới được. Mình gác lại, mạnh ai nấy lo điều tra, ngày mai sẽ giải-quyết gấp. Bây giờ nên bàn đến nội-dung số xuân.

— Mình nên chú-trọng về sáng-tác, với những đề tài sát thật tế, xây - dựng tình yêu nước của



toàn dân.

Tôi vui vẻ nói :

— Như vậy nội dung số xuân mình cũng lạ hơn các báo. Vậy mình nên phân công cho các văn-hữu của nhà xuất-bản lo sáng-tác. Tất cả bài vở phải hoàn-thành trong vòng hai tuần.

— Làm gì mà gấp dữ vậy ?

— Không gấp sao được ? Mình còn phải theo hệ thống kiểm-đuyệt. Bài vở phải đưa lên kiểm-đuyệt trước. Khi được giấy phép xuất-bản, mình mới dám cho in chứ. Mình còn hai tháng nữa mới đến Tết Nguyên-Đán, nhưng vào độ

rằm tháng chạp thì các báo xuân đã rạn-rộ cho phát-hành rồi. Mình cho phát hành trễ thì nguy lắm.

Cuộc thảo luận tay đôi đến đây chấm dứt. Chúng tôi trở về nhà in. V.A.K. lo sửa bản in một tác-phẩm để cho thợ lên khuôn. Tôi ngồi hí-hoáy phân công cho các bạn văn sáng-tác.

★

Hôm sau, chúng tôi lại họp bàn lần thứ ba. Cũng nơi quán cóc cũ. Cũng vừa dùng bữa xong vừa thảo luận. V.A.K. mở đầu :

— Suốt buổi chiều hôm qua tôi đã hỏi thăm khắp nhà in. Các báo đều đã đặt in bìa từ tháng trước. Mấy nhà in ở Saigon không nhận nữa. Có lẽ mình phải nhờ nhà in của người Tàu ở Chợ-lớn.

— In ở nhà in người Tàu thì cũng như các tờ báo lá cải khác, có gì mà đặc biệt. Mình đã dám chọn cái tên đặc - biệt, vẽ bức tranh bìa đặc - biệt, việc ấn-loát cũng phải đặc biệt chứ.

— Nhưng biết làm sao bây giờ ?

— Suốt chiều hôm qua tôi cũng đã đi dò nhà in, và đã nhờ nhà in IDEO của người Pháp in bìa cho mình. Nhà in này là nhà in lớn nhất ở Hà-Nội, vì thời cuộc nên mới dời vào Saigon được tháng nay.

V.A.K. mừng rỡ reo lên :

— Nếu được nhà IDEO in thì còn gì bằng.

Tôi hớn hờ tiếp :

— Tôi cũng đã nhờ một họa-sĩ danh tiếng trình bày bìa rồi. Chừng một tuần thì xong.

— Nhưng chưa hết đâu, còn vấn-đề lấy quảng cáo. Báo xuân phần nhiều đều nhờ quảng cáo.

— Mình đi lấy quảng-cáo thì

không ma nào chịu đăng. Các hãng buôn lớn người ta đã đặt quảng cáo ở các tờ báo họ quen tên rồi. Những quảng-cáo lật-vật không cần-thiết. Mình phải làm cách mạng luôn về phương-diện này.

Thế là mọi kế-hoạch đã vạch sẵn, chúng tôi chỉ còn hăng-hái tiến hành. Đúng nửa tháng, chúng tôi đã lo xong bài vở và đưa lên kiểm- duyệt. Trong khi đó, nhà in IDEO lo in bìa, các họa-sĩ lo vẽ tranh, tôi lo trình bày, V.A.K. lo chạy làm bản kẽm. Nửa tháng sau, chúng tôi đã nhận được giấy phép xuất-bản. Một số bài bị kiểm- duyệt bỏ, chúng tôi lập tức viết bài khác trám vào và đưa lên kiểm- duyệt lại. Công việc ấn - loát bắt đầu. Chúng tôi có mặt thường-trực tại nhà in, lo sắp xếp bài vở, sửa chữa bản in. Mặt khác, chúng tôi nhờ các báo quen thuộc quảng cáo không ứn tiền sự góp mặt bất thường của tờ XUÂN CON TRÀU trong làng báo Tết. Đề phò-biến cái « tin quan-trọng » ấy hơn nữa, chúng tôi cho in quảng-cáo lớn, quảng cáo nhỏ phát-hành ở các sạp báo và cho dán ở những nơi thị-tứ trong đô-thành.

Mọi việc tiến-thành trôi-chảy và

khả-quan, gieo cho chúng tôi một niềm lạc-quan và tin-tưởng.



Nhưng khi tờ báo đã hoàn-thành, một chuyện bất ngờ ngoài sức tưởng-tượng của chúng tôi lại xảy ra.

Năm ấy là năm Thủ - tướng Nguyễn văn Xuân cầm đầu chánh-phủ. Chẳng hiểu vì chiến dịch quảng - cáo rùm beng làm xôn - xao dư - luận hay vì ác ý của vài đồng - nghiệp muốn chơi xỏ mình, một nguồn tin từ đâu không biết đờn rằng : « Tụi nó muốn chửi xéo Thủ - tướng XUÂN là CON TRÀU ». Thật là một tin xuyên - tạc động trời ! Qua cái may, lại tiếp liền ngay cái rủi.

Kết quả là chúng tôi bị Nha Thông Tin gọi lên cảnh cáo và cấm phát hành tờ XUÂN CON TRÀU. Chúng tôi cực-lực thanh-minh, nhưng rốt cuộc đành mang cái « hàm oan Thị Kính ». Tờ báo đã in xong, phí tổn trên 100.000đ, đã được giấy phép xuất bản hẳn hoi mà bây giờ bị cấm, thì trách nhiệm này ai chịu ? Sau cùng, để tỏ ra khoan hồng và thông cảm, Nha Thông-Tin lúc

ấy cho phép chúng tôi phát hành với điều kiện : đổi tên khác cho tờ báo. Chúng tôi đành chịu (mà không chịu cũng không được) và xin đổi tên lại là : XUÂN QUÊ-HƯƠNG.

Về nhà in, chúng tôi nhìn tờ báo in xong mà chán ngán. Trang nào cũng có in chữ *Xuân Con Trâu*, chữ lớn có, chữ nhỏ có, đầu trang có mà dưới trang cũng có. Thì giờ gấp rút không cho mình chần chừ, lưỡng lự. Chúng tôi vạch kế-hoạch (lại kế-hoạch !): những chữ lớn thì in chữ *Xuân Quê Hương* dán vào, những chữ nhỏ thì cho bôi đen bằng mực Tàu. Chúng tôi tập-trung lập tức tất cả anh chị em đóng báo lại, người thì dán, kẻ thì bôi xóa tất cả hơn hai chục ngàn tờ báo xuân. Thật là một công-trình làm việc tập thể hăng say nồng-nhiệt !

Người ta thường bảo : « Họa vô đơn chi », câu ấy thật là đúng với hoàn cảnh chúng tôi. Lo xong trang ruột, đến cái bìa báo. Chúng tôi mượn xe đến nhà IDEO chở bìa về. Đến nhà in, chúng tôi nhìn cái bìa mà tá hỏa. Chẳng hiểu họ in cách nào mà cảnh không ra cảnh, trâu không ra trâu, màu mè chõng lộn xị lên

nhau. Chúng tôi một lần nữa lại cực-lực phản-đối. Chừng vỡ lẽ ra, chỉ vì nhà in từ Hà-nội mới chuyển vào, máy in mới ráp nên ần-loát chưa được hoàn bị. Nhà in chịu đền. Nhưng hôm nay đã đến rằm tháng chạp rồi, các báo đã lần lượt cho phát hành. Bây giờ cho in lại cái bìa thì có môn đề ra giêng bán « sôn » cho khách trú. Chúng tôi đành chờ bìa báo về (lẽ tức nhiên đã trừ bớt tiền in) với hai bộ mặt ử rử như mèo ướt.

Về đến « nhà in riêng » của mình, chúng tôi cũng không có thì giờ đề mà lo rầu. Phải lo sửa gấp lại cái tên báo đã in lỗ trên bìa. Ngay trên đầu bìa báo, họa sĩ đã vẽ ba chữ to tướng :

Xuân
CON TRÂU

Tôi nảy ra một ý nghĩ ; in hai chữ *Quê-Hương* sau chữ *Xuân* và chữ *Năm* nhỏ trước chữ *Con Trâu*. Như thế người ta sẽ đọc : *Xuân Quê - Hương, Năm Con Trâu*. Thật là một ý-kiến tân-kỳ ! Chúng tôi lập - tức cho thực hàn,

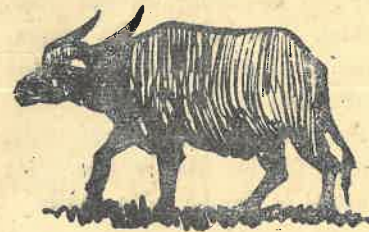
ngay ý - kiến ấy. Suốt ngày đêm máy in cho chạy, và chúng tôi hơi an lòng khi đọc lại tên báo trên bìa :

Xuân Quê - Hương
Năm CON TRÂU



Thôi bây giờ đã thoát nạn ! Khi tờ báo đã đóng xong thành tập, chúng tôi nhìn cái bìa mà lắc đầu. Xưa nay chưa có cái bìa báo xuân nào xấu - xí bằng ! Lật đến những trang trong, trang nào cũng lem-luot những bết đen. Xưa nay thật chưa có tờ báo xuân nào trông dơ-dáy, gớm-ghiết bằng ! Than ôi ! cái mộng tranh-đua với đồng-nghiệp cơ hồ như tan vỡ.

Dầu sao, nhất định ngày mai phải cho phát - hành. Đã trễ hơn các đồng-nghiệp 2 ngày rồi. Ngay chiều ấy phải giao báo cho cập-răng (lúc ấy chế-độ phát-hành báo



còn nằm trong tay cập-răng). Xong xuôi, chúng tôi ai trở về nhà nấy, mang theo trong lòng một nỗi buồn nặng trĩu.

Đêm ấy tôi không tài nào ngủ được, trông mau đến sáng để xem tờ báo phát hành ra sao. Đang lúc mơ mơ màng màng, tôi bỗng nghe có tiếng rao báo inh-ỏi bên ngoài :

— *Xuân Con Trâu, Ánh Sáng, Thời Cuộc, Dân Chúng, Sài-gòn mới xuân đây...*

Tôi giật mình ngồi dậy, lắng tai nghe cho rõ-ràng. Kinh-nghiệm cho biết rằng tờ báo nào được bọn trẻ bán báo rao đầu tiên, chắc hẳn tờ báo ấy sẽ được độc giả đặc-biệt chú ý. Một tràng rao khác lại vang lên :

— *Xuân Con Trâu, Thời Cuộc, Ánh Sáng, Sài-gòn mới, Dân Chúng xuân đây...*

Lần này tiếng rao càng làm cho tôi giật mình đánh thót. Tôi nghĩ

thăm : « Chết chưa ! *XUÂN QUÊ-HƯƠNG* mà chúng cứ rao là *XUÂN CON TRÂU* ! Không khéo bị tịch-thâu thì khổ ! » Tuy thế, tôi vẫn hơi mừng mừng vì tờ báo mình được rao đầu tiên.

Tôi dậy sửa soạn đi thanh-tra các hàng báo. Trời vừa tảng-bung, tôi đã ra đến hàng báo đầu đường : tờ *XUÂN QUÊ - HƯƠNG* được chêm-chệ treo giữa các báo xuân khác. Cảnh hai con trâu chêm lộn nổi bật lên một cách kỳ-lạ giữa bao nhiêu tranh, ảnh thiếu - nữ óng-ả, lộng-lẫy, diễm kiều. Tôi hỏi thăm bà hàng :

— *XUÂN QUÊ - HƯƠNG* bán chạy không bà ?

Bà ngạc-nhiên nói :

— Không có tờ *XUÂN QUÊ HƯƠNG*.

Tôi mỉm cười :

— Tờ *XUÂN CON TRÂU* ấy mà.

— À à, bán chạy lắm.

Đến lối 9 giờ, tôi đã đi thanh tra trên mười hàng báo lớn nhất thủ đô. Tình hình chỗ nào cũng khả-quan. Ra đến hàng báo góc đường Bô-Na, tôi gặp V.A.K. đang đứng ngắm báo, môi nở nụ cười. Tôi biết anh ta cũng đang

CON TRÂU NHẢY DÙ

đi thanh-tra như mình. Gặp nhau, chúng tôi mừng rỡ dẫn nhau vào nhà hàng Kim-Son. V.A.K. khoa tay nói:

— Hôm nay mình bỏ quán cóc một bữa để ăn mừng tờ *XUÂN CON TRÂU*.

— Bậy nà, ăn khao tờ *XUÂN QUÊ HƯƠNG* chứ.

Tết năm ấy, chúng tôi ăn Tết thật hào hứng, thú-vị, vì *Con trâu nhảy dù* của chúng tôi vẫn bán chạy. Trong lúc vinh-quang, chúng tôi mới tìm ra một chân-

lý: tờ báo chúng tôi bán chạy, chính nhờ cái tin đồn xuyên-tạc ác-nghiệt trên kia. Hơn nữa, thấy tờ báo bị dán chằng-chịt, bôi lem luốt, người ta lại càng tin lời đồn là thật. Và người ta ủng-hộ nồng-nhiệt.

Chúng tôi có ngờ đâu trong cái rủi ro lại có cái may. Thật chẳng khác nào câu chuyện Tái ông mất ngựa.

THÂM - THỆ - HÀ
Xuân Tận-Sửu 1961



* CHUYỆN ĐỐC-TƯA.

Bệnh-nhân hỏi Bác-sĩ: — Thưa ông Đốc-tura, ông có chắc ông tiêm thuốc chữa bệnh lao-phôi cho tôi không?

Bác-sĩ:

— Sao anh hỏi lạ thế?

— Thưa, tại vì có một ông Đốc-tura chữa bệnh lao-phôi cho anh tôi mà hóa ra anh tôi chết vì bệnh kiệt-lực.

— Tôi thì khác. Hễ tôi chữa cho ai về bệnh lao-phôi thì người đó chết vì bệnh lao-phôi.

P.D.V.



HÀ - TIÊN
ĐÌNH - ĐINH
ăn Tết
(1737)

BÊN HỒI

ếp của tiền-nhân.

g rằng sĩ-phu nhân dân, dự-bị mọi lễ vật mang là để biểu-lộ lòng đối với thiên-địa thần-chứng tỏ đất nước mùa màng ta phong

ột truyền. Dưới Chức nào việc

m Bình-thì ồng một

Bên lên hương nồng
Mơ Xuân cô gái giầu môi
Dập dìu bướm lượn hồn ngo
Len lên hoa tình đến lá lời.

Ngan ngát Xuân tràn êm lối mơ
Ngập ngừng nắng đọng đắm sương ngà
Gió hôn quần quít làn môi thắm
E ấp hơi vàng mộng tóc tơ.

Ta bỗng nghe hồn đi chơi với
Bâng khuâng như bước giữa từng không
Dang tay đón cả trời Xuân ngát
Xiết mạnh cô em ngập cả lòng.

* Hoài-Nam-Tử

CON TRÁU NHẢY DÙ

đi thanh-tra như mình. Gặp nhau, chúng tôi mừng rỡ dẫn nhau vào nhà hàng Kim-Son. V.A.K. khoa tay nói :

— Hôm nay mình bỏ quán cóc một bữa để ăn mừng tờ *XUÂN CON TRÁU*.

— Bậy nà, ăn khao tờ *XUÂN QUÊ HUƠNG* chứ.

Tết năm ấy, chúng tôi ăn Tết thật hào hứng, thú-vị, vì *Con trấu nhảy dù* của chúng tôi vẫn bán chạy. Trong lúc vinh-quang, chúng tôi mới tìm ra một chân-

lý : tờ báo chúng tôi bán chạy, chính nhờ cái tin đồn xuyên-tạc ác-nghiệt trên kia. Hơn nữa, thấy tờ báo bị dán chằng-chịt, bôi lem luốt, người ta lại càng tin lời đồn là thật. Và người ta ủng-hộ nồng-nhiệt.

Chúng tôi có ngờ đâu trong cái rủi ro lại có cái may. Thật chẳng khác nào câu chuyện Tái ông mất ngựa.

THÂM - THỆ - HÀ
Xuân Tân-Sửu 1961



* CHUYỆN ĐỐC-TƯA.

Bệnh-nhân hỏi Bác-sĩ : — Thưa ông Đốc-tư, ông có chắc ông tìm thuốc chữa bệnh lao-phôi cho tôi không ?

Bác-sĩ :

— Sao anh hỏi lạ thế ?

— Thưa, tại vì có một ông Đốc-tư chữa bệnh lao-phôi cho anh tôi mà hóa ra anh tôi chết vì bệnh kiệt-lực.

— Tôi thì khác. Hễ tôi chữa cho ai về bệnh lao-phôi thì người đó chết vì bệnh lao-phôi.

P.D.V.



CHƠI VỚI

*Xuân đã đến rồi nhân thế ơi !
Nàng đem hương sắc lộng khung đời
Cho muôn nét mộng vào trong mắt
Đề thấy Xuân về ngày ngắt vui.*

*Ta bước hồn ra để đón nàng
Đề mê hồn đắm giữa không gian
Uống từng hơi thở hồn say ngắt
Giấc lịm lòng nghe chạm tiếng vàng.*

*Bên lên hương nồng lên mắt biếc
Mơ Xuân cô gái giấu môi cười
Dập dìu bướm lượn hồn ngọc ngần
Len lên hoa tình đến lá rơi.*

*Ngan ngắt Xuân tràn êm lối mơ
Ngập ngừng nắng đọng đắm sương ngà
Gió hôn quấn quít làn môi thắm
E ấp hơi vàng mộng tóc tơ.*

*Ta bỗng nghe hồn đi chơi với
Bâng khuâng như bước giữa từng không
Dang tay đón cả trời Xuân ngắt
Xiết mạnh cô em ngập cả lòng.*

* Hoài-Nam-Tử

HÀ-TIÊN

ăn Tết năm

ĐINH-TY

(1737)

ĐÊM HỘI HOA ĐĂNG



* MỘNG TUYẾT



Hà-Tiên trần, khai trần Tống-binh Khâm - sai Đại Đò-đốc báo cáo cho sĩ-phu nhân dân gần xa được biết:

« Hà-tiên bản trần, trước kia, nguyên là một cõi đất cùng tịch, hải-phệ sơn-tư.

« Đấng tiên quân ta, từ ngày phủ hải đầu-nam lao-khổ kinh-doanh, gian nan để-tạo. Trải hơn ba mươi năm, khai canh tịch-hoang, chiêu thương lập ấp, thương-vô sùng-văn, di-phong dịch-tục, khiến cho một nơi hoang-vu nay đã trở thành một nơi bán buôn trù mật, trồng rọt phần - vinh, có lễ-nghi có

phong-hóa, có pháp độ có kỹ-cương, nghiêm-nhiên là một nước văn hiến dịch thể cùng Hoa hạ.

« Mùa hạ năm Ất-mão, chẳng may, dấng tiên-quân quyên-quán, hồng-đồ đại-nghiệp giao lại cho ta.

« Từ ngày kế thừa tiên-chữ, ta hằng giữ một lòng kính trời sợ mạng, ái chúng thân dân, ngày đêm nôm-nớp, chỉ sợ dức bạc tài sơ, không tròn được di - huấn của tiên - quân, không đáp được ngưỡng-vọng của nhân-sĩ.

« May thay, trước nhờ hồng-phúc của tổ-tiên, âm - phủ mặc-trợ, trên nhờ hậu ý của Chúa

ĐÊM HỘI HOA ĐĂNG

thượng ái-dãi liên-tài, dưới nhờ các bậc phụ-chấp dạy-dỗ bảo-an, mà cương vực ngày một rộng lớn, xã-tác ngày một vững bền.

« Đã hai năm nay, biển lặng sóng trong, mưa hòa gió thuận, phong đăng hòa cốc, vật - phụ nhân-khương, khiến cho lòng ta đỡ được đôi phần lo sợ.

« Nay muốn biểu-thị nỗi vui mừng, phô-trương cuộc hưng vượng, ta đã bảm mạng Chúa-thượng, tổ chức vào đầu xuân năm tới, những khánh-tiết thịnh-diễn để nhân-dân trong trần ai nấy đều được tham gia, trên dưới đồng-hoan cộng-lạc.

« Ta đã định, Tết Nguyên-Đán năm Đinh-tỵ tới đây, trần trãi ăn tết cho đến hết nửa tháng giêng. Từ nguyên-nhật kéo dài cho đến nguyên-tiêu. Ngày mồng chín, tế-cáo Sơn-xuyên. Ngày mồng mười tế-cáo Xả-tác. Đêm mười bốn, tế-thánh Khổng phu-tử. Đêm nguyên-tiêu, đêm chót, là đêm hội Hoa-đăng để cho dân chúng hái lộc rước đèn. Cũng đêm đó, là đêm hội tao-dân, để cho các văn-hào thi-bá, chư-quân-tử hải-nội, nhân-dịp mĩ-cảnh lương-thời thương-tâm lạc-sự, phẩm-đề nếp gấm nền hoa của quốc-thổ, ca-tụng huân-lao

vĩ-nghiệp của tiên-nhân.

« Mong rằng sĩ-phu nhân dân, thừa ý ta, dự-bị mọi lễ vật mang đến, trước là để biểu - lộ lòng thành kính đối với thiên-địa thần-kỳ, sau là để chứng tỏ đất nước ta phì nhiêu, mùa màng ta phong túc.

« Trên lệnh một truyền. Dưới lòng muôn thỏa. Chúc nào việc ấy, chớ trái lời ta.

« Long phi, năm Bính-thìn tháng Chạp, ngày mồng một »



HỒI KHOẢNG đầu tháng Chạp năm Bính-thìn (1736) mọi người đã thấy tờ báo cáo mà nguyên văn đã sao trên kia, dán khắp địa - phương trong trấn. Chẳng những ở bảy phủ huyện cũ, mà ở hai đồn điền mới khai-khẩn, tiếp giáp từ mấy phủ ven biển cho liền với hữu-ngạn Sông-Sau. Ở đâu cũng nghe nô-nức về tin « Hà-tiên ăn tết Đinh-tỵ 15 ngày ». Nhà nhà đều dự-bị, nhà nhà điều sửa-soạn để lên trần-ly. Phương thành dự lễ tế Sơn-xuyên, tế Xả-tác, nhất là dự hội Nguyên tiêu.

Các địa phương qua đã sức cho dân chúng đem nạp các thổ

sân, loại ngũ-cốc, loại hoa-quả, các súc-vật, loại trâu, dê béo tốt để làm tế phẩm.

Nô-nước hơn hết là mọi người dụng công đua tài tinh xảo, chế tạo nên những loại đèn lồng, để dự thi đèn trong cuộc du-hồ, đêm hội hoa-đăng, mà giải-thưởng rất lớn. Nghe nói có người ngà voi nguyên cặp, thủy hỏa toán-thạch, hàng trăm cây vải Tây-dương, hàng chục chiếc chiếu đăng-hoa

Lạ hơn hết là trong giải thưởng, có thưởng một loại gà gọi là Tây dương hỏa-kê, to như con chim trĩ, mà mồng đầu và đuôi cổ đỏ như lửa, vừa để làm giải thưởng, vừa để cho các địa-phương đem về nuôi làm giống. Giống gà này nuôi rất có lợi, thịt trắng như bột, hàng hai mươi cân nạc, trứng gà to bằng quả cam.

Mới là ngày khai-hạ mà trấn lý Phương-thành đã rộn-rịp tấp nập bày ra một quang-cảnh đặc-biệt.

Những câu đối tết hay còn đồ rục khắp các nhà phố, khắp các cửa vườn, khắp các cây cối.

Số liên-đối dán nhiều gấp bội mọi năm trên, câu đối nào cũng đồ đẹp khác thường.

Chẳng là Mạc-hầu đã cho nhập-cảng, từ Phúc - kiển chèo đên, một tàu pháo măn-địa toàn hồng và giấy hồng đơn rơi kim cho dân gian ăn tết. Pháo đốt nổ hàng tràng không lép một tiếng, xác đỏ tươi như bông hoa đào rơi tung tóe ở sân một cảnh đào viên nào, đang thời kỳ thịnh-phóng.

Giấy phu kim hồng cảm-tiên đẹp lạ lùng. Đồ một màu đỏ như hồ phách mả nào, điểm-nhiêm kim-tinh lóng-lánh. Chất giấy dẻo như lụa, dán ngoài trời, mưa gió không làm hư hỏng, sương nắng không thối màu.

Cho nên đã khai hạ rồi mà mọi người còn được thấy ở trấn lý Phương-thành, những xác pháo và câu đối hay còn đồ rục như mới giao thừa.

Đối liên nhiều như vậy, là ngoài một số do mọi nhà tự động viết lấy, còn một số nhiều do các nho-sinh viết nữa.

Nguyên là giấy từ Phúc-kiển tải sang, hai phần đem bán cho các thị trấn, còn giữ lại một phần ba. Từ đầu Chạp năm rồi, Mạc-hầu đã giao số giấy đó cho nhà Nghĩa-học để dùng vào cuộc thi viết câu đối Tết. Tất cả nho-sinh đều được dự, được tùy

ý viết câu đối. Hoạc là câu đối mới nghĩ, hoạc là câu đối có sẵn, điều đó không quan hệ lắm. Cốt viết lấy những câu đối, chữ thật đẹp. Giấy mực bày sẵn thường trực tại nhà Nghĩa-học. Hàng ngày mọi nho sinh tùy-ý tùy-thời, hứng bút đên viết. Qua rằm tháng Chạp thì những câu đối viết thi đó được các vị sư - phò đem ra phẩm - bình tuyển chọn lấy những câu xuất sắc nhất để phát giải. Mỗi câu đối được chấm, giải thưởng một ngọn bút Tập-đại-trang, một thoi mực Huy-châu tưng-tư hầu, hai trục giấy gấm vẽ tứ linh và một quan tiền đồng mới đúc.

Mạc-hầu truyền cho giữ lại đồ trăm câu khá nhất, còn hàng ngàn câu khác bị thải thì phân phát hết ra dân-gian cho dán nhà. Vì thế mà tết năm Đinh-tị này, trấn lý Hà-tiên đồ rục lên những câu đối là câu đối.



Ghe thuyền từ các phủ huyện cũ : Hương-áo, Lũng-kỳ, Càn-bột, Phú-quốc, Gia-kê, Kha-mao, cho đến hai đồn-diên mới khai-thác Trấn-di, Trấn-giang lần lượt kéo về đậu chặt bến nước Càng-khẩu. Buồm thuyền

san-sát như rừng.

Các ghe thuyền nhỏ lớn đậu ken khít nhau. Muốn vào bờ từ thuyền này bước sang thuyền khác, chuyền nhau liên tiếp như bước trên cầu nổi.

Người đến Phương-thành dự hội, nhiều không kể xiết. Chẳng những nhân-dân trong tám chín phủ huyện của trấn nhà, mà cả đến nhân dân sĩ-phu ở Trấn-biên Phiên-trấn, miền đông cả những thị-trấn miền lân cận ở Giản-bộ-trại, nghe đồn đãi cũng kéo về dự cuộc thịnh-diễn, nhân dịp thăm chơi danh-lam thắng-cảnh.

Quan trấn-ly đã phải dự-bị cất những khách-xá cho du khách về trú-ngụ. Hàng ngàn trại khách xá dựng dài theo chân thành Tiểu-trúc-băng, từ cửa đồn-tả liên tiếp tới cửa đồn hữu.

Đêm mồng chín tế Sơn-xuyên; và đêm mồng mười, tế Xà-tác. Chính vị tổng-binh đại Đê-đốc Mạc-hầu đứng chủ-tế. Tất cả các quan-viên văn-võ, các sĩ-thứ đều được dự. Lễ vật các nơi mang về, bày chất đầy khắp hai ngọn đồi Bình-sơn san phẳng đắp thành đàn Sơn-xuyên và đàn Xà-tác.

Đặc-biệt hơn hết là hai cây gỗ trầm-hương do các thổ-dân

miền sơn - cước Tràng - sơn thượng - tiểu ngự dụng. Nhân khi được biểu của Mạc-hầu báo cáo về việc tế lễ, muốn tỏ lòng đặc-biệt ưu ái với vị trọng thần biên-trấn, Chúa Đĩnh-quốc công ban cho hai thanh gỗ công hương này.

Hai thanh công hương đen như huyền, bản rộng hơn tấc, cao những hàng xích. Một thanh dựng ở giữa tế-đàn Sơn-xuyên, một thanh dựng ở giữa tế-đàn Xā-tắc. Khói đốt bốc thẳng đứng, như hai cây cột khói thơm dựng ở giữa trời.

Hương trầm tỏa ngan - ngát giữa đêm thanh, trăng sao lồng lộng; dân cư tận xa vòng ngoài Trúc-băng thành, còn nghe thấy mùi thơm trộn trong gió chướng rạo rạo.



Văn-miêu, cũng là Chiêu-anh các, được trang hoàng dự-bị cho lễ tế Thánh và đêm hội Nguyên tiêu. Giữa Đại - thành điện, đặt một chiếc cổ hương-án bằng gỗ mun chạm kiểu lục-ly. Trên án, trần thiết các món tế khí tôn trước, trở, dậu bằng đồng đỏ màu vỏ cua đúc từ đời tiền Hán.

Trên cửa chính Đại-thành

điện, một biển-ngạch kết bằng hoa tươi, bảy chữ cổ-triệu Đại-thành chí-thánh Văn-tuyên-vương.

Bên tả vu, một biển ngạch kết bằng các thứ lá cây, bốn chữ : *Ngưỡng cao toàn kiến.*

Bên hữu-vu, cũng một biển-ngạch, đối lại, kết bằng các thứ võ cây, bốn chữ ; *Chiêm tiền hốt hậu.*

Trước khuê - van lâu, giữa hai cột hoa-biểu xây bằng đá hoa Vân-nam, dựng một lá cờ phướn to, thêu bốn chữ : *Vạn thể sư biểu.*

Tình-xảo hơn hết là ở bốn góc Khuê-văn lâu, có bốn chữ toàn bằng hoa bạch-mai tươi kết thành hình tròn to như bốn chiếc mâm bạc. Đứng ở cung tường ngoài vọng, còn nghe có mùi thơm thoang-thoảng từ bốn chữ đó tỏa ra.

Giống bạch-mai này là do Kiềm-ngũ lão nhân, Dư Tích-Thuần chiết nhánh ở Lĩnh-nam gởi tặng, hồi còn sinh-thời Mạc tiên-công. Lịnh - công đã cho trồng chung quanh hai đền Sơn-xuyên, Xā-tắc.

Mùa xuân này, hơn có trận mưa bất-thường đêm mồng tám, hoa nở thịnh quá. Xa xa nhìn

như tuyết phủ quanh tế-đàn, một màu tinh-khiết. Buổi sáng đó, Mạc-hầu ở tại trai-thất, dựng gần tế-đàn, nhìn thấy, lấy làm một cát-triệu, thịnh-sự, mới nảy ra ý nghĩ truyền cho các nho sinh nghệ-sĩ khéo tay, kết các hoành-phi biển-ngạch bằng các lá hoa tươi. Riêng ở Khuê-văn lâu, là chỗ trung-tâm bình thơ của Chiêu-anh các, Hầu truyền kết toàn bằng giống hoa bạch-mai bốn chữ *Kim thanh ngọc chấn* đặt ở bốn góc tao-đàn.

Bao nhiêu đối-liên do các nho sinh viết đua, được tuyển chọn hồi trong năm, bấy giờ đem dán khắp các cửa thông vào đền và chung quanh bách nhận cung tường.



Đêm Nguyên - tiêu đăng-tiết là đêm kim-ngô bất - cảm. Bốn cửa Phương-thành và hai cửa Trúc-băng thành mở rộng suốt đêm, để cho toàn-thể dân - cư trong thành ngoài đồn ra vô thông-thả dự hội Hái-lộc và xem hội Hoa-đăng.

Từ chập tối, mọi người đã kéo nhau, vào các vườn hoa, vườn quả trong các đường mòn ngõ khuất, quanh vùng Bình-

sơn, Tượng-sơn, Ngũ-hổ sơn, Bát-giác sơn. Trên tay mỗi người đều cầm một chiếc lồng đèn đưa hấu, chạm tía những cảnh lan cảnh trúc, câu chữ bài thơ. Đây là dịp tao-phùng cho bọn hồng-nam lục-nữ, để cùng nhau tỏ tình hoan-lạc, trong cuộc thập - thúy tầm-phương. Trong đám hoa tươi lá non, phất-phơ chấp-chỏi áo gấm xiêm là, dưới ánh trăng sương ăn-ước, điểm-nhiêm ánh đèn đưa.

Mọi người, hái lộc vôi-vàng, rồi còn đi dự cuộc thi đèn trên Hồ.

Nhân dân đã kéo lũ lượt ra đứng chật trên bờ Đông hồ và trên bến Tô Châu.



Hàng trăm chiếc hoa thuyền, đã thả ra giữa Đông-hồ.

Ba chiếc Long-bài thuyền liên kết thành hình kim-tháp, các cột buồm kéo giầy giương đèn như chùm tinh tóa. Ba chiếc long-bài thuyền này là của Chúa Nguyễn Đĩnh quốc - công ban tứ cho Tổng-đức hầu hồi năm ngoái.

Thuyền câu thuyền chài của dân-gian thì đôi ba chiếc một, kết thành bè, người đi lại trên đó, vừng-vàng như đi trên mặt đất. Thuyền nào cũng treo hoa kết lá, treo tòng kết tụi, thành kiểu lâu đài đình tạ. Trên thuyền giăng những đèn lồng, phất bằng sa bằng giấy, làm thành mọi hình thức, mọi kiểu-cách long, lân, qui, phụng, diều, thú cầm ngư. Có những đèn kéo quân làm ra tích bát-tiên quá hải, tích Tây-vương mẫu hiển bàn đảo, tích Đào-công huê Tây-thi du Ngũ-hồ, v.v...

Có ba thương thuyền Tây-dương Hoa-lan, Nhật-bản đang đậu ăn hàng tại Cảng-khẩu, cũng dự vào cuộc du-hồ. Họ đốt những pháo bông, rất lạ mắt. Có loại pháo quay tít như chong-chóng, hào-quang tung-toé như mặt lửa đe búa lò rèn. Có loại pháo thăng-thiên vượt tít lên trời, nổ ra những trái châu xanh đỏ đủ màu, lơ-lửng giữa không trung, rơi xuống gần mặt nước thì tan biến. Có loại pháo, khi

nổ ra hình con rắn con rít, ngô sao cánh hoa.

Thỉnh thoảng họ tấu những khúc nhạc, kèn trống rộn rã, thuyền neo tận ngoài cửa biển Kim-dự mà âm thanh cứ đồng vọng tung bồng.

Trong một vùng hồ biển bao la, khói sương bát-ngát, vàng vạc ánh trăng sao, các hoa thuyền buông chèo, thả bập-bênh theo sóng nước, sinh ca nhã-nhạc réo-rác vang-lừng.

Mặc-hầu cho bày ra cuộc du-hồ đã có dụng ý. Hầu muốn nhắc cho mọi người nhớ rằng danh hiệu Hà-tiên; phát tích duyên do từ một thần thoại « quần tiên dạ hội dao trì », mà cảnh dạ-hội hoa thuyền trên Đông-hồ đêm Nguyên-tiên này đã tượng-trung hình dung ra đó.

MỘNG-TUYẾT

Thất tiểu-muội



TRUYỆN NGẮN
ĐẦU XUÂN

nữ, có đôi má non hồng trong những buổi rực nắng hanh vàng, có đôi mắt ngao-ngát xanh như nước hồ Hoàn-Kiểm.

Văn cười một mình :

— Năm nay cô ta đúng mười chín rồi đây !

Không muốn nghĩ thêm hoặc thử đặt ra một vài ức-doán xem bây giờ cô ta như thế nào, Văn dựa vào thành cầu lơ-dăng nhìn ánh đèn hiu-hắt của những chiếc thuyền nan nhẹ lướt nhanh trên giòng sông.

**NGẬM
NGẠI**

Không khí ngọt ngọt của phiên chợ đêm về Tết làm Văn choáng váng. Anh lách khỏi đám đông một cách chật-vật rồi bước mau về phía Cầu-ông-Lãnh.

Gió đêm dưới sông lùa lên mát lạnh. Văn ngửa mặt lên trời hít nhẹ một hơi vào lồng ngực.

— Thế là năm cái Tết !

Văn thọc mạnh hai tay vào túi quần, lăm bằm.

Vừa chẵn năm cái Tết ly-hương, Văn đã từ bỏ tất cả những cái gì yêu mến nhất để ra đi, kể cả người vợ sắp cưới tròn trặn mười tám tuổi xuân. Nàng vừa lớn lên với tất cả vẻ đẹp thắm thiết của người trinh

**TÌM
TRẦM**

★ **MẶC-THU**

Văn là thư-ký kế-toán của một hãng xuất, nhập cảng. Lương không nhiều, nhưng vừa vặn cho anh sống một cách tương-đối dễ-dàng.

Văn lại có nhiều tình nhân. Một, hai có ngay trong sở cùng

làm việc với Văn, một cô ở ngay trong lối xóm chỗ Văn ở. Một cô khác ở xa, nhưng là bạn từ hồi nhỏ cùng đi học với Văn. Nhiều lúc Văn loay-hoay thử đem so sánh xem cô nào đẹp hơn cô nào, và tự hỏi mình yêu cô nào hơn cô nào, rồi Văn bật cười thấy không thể trả lời nổi câu hỏi dường như rất dễ-dàng đó.

Nhân quan của Văn như không còn sắc bén để có thể giúp đỡ cho sự phán-đoán của lòng anh. Đối với Văn, cô nào cũng như cô nào đều có những vẻ đẹp tựa tựa như nhau, bâng-bạc mà không rõ-rệt hẳn.

Văn yêu Lan ở nét đẹp này, thì Văn yêu Nhàn ở một nét đẹp khác.

Cái « ĐẸP THỰC » mà Văn khao-khát nó chưa hẳn thành hình. Tuy vậy nó vẫn nhen ngọn lửa âm thầm, nhưng bền-bỉ và vẫn bùng cháy thường-trực trong lòng Văn.

Văn sợ nhất nghĩ rằng khi lòng mình không còn yêu được nữa, không còn khao - khát cái đẹp được nữa.

Văn đã thử nhiều lần tìm đến gần những người đàn bà đẹp mà

Văn vẫn say mê ao-ước, dùng giác-quan tin cậy nhất của mình để chiêm-ngưỡng, để phân-tách. Nhưng rồi Văn chỉ thấy thất vọng.

Sau mỗi lần đó, Văn lại ghê-sợ, tìm cách lánh xa họ, chán đời và sống im lìm, khổ hạnh như bậc tu-sĩ.

Thấy thiên-hạ khoác tay nhau, âu-yếm đi ngoài đường, Văn thường tự hỏi: có chắc họ sung-sướng không? Có chắc họ đã hoàn-toàn bằng lòng cái mà họ có đấy không?

Rồi anh trách mình quá hoài-nghi. Kẻ hoài - nghi thường khó mà tìm được niềm sung-sướng trọn vẹn.

Không bao lâu, Văn lại thêm muốn, lại khao-khát. Rồi chỉ một hình dáng, một khuôn mặt, một ánh mắt, một đường thon tế-nhệ tiềm-súc một tinh túy của chất ĐẸP lại làm Văn say mê, say mê như tất cả những chàng trai lòng mới hé nụ.

Mỗi lần yêu và tin tưởng, Văn lại như đem dốc hẳn cuộc đời mình vào một canh bạc. Anh muốn được tất cả hoặc là thua thì cũng thua cho cháy túi.

Có khi Văn kiên-nhẫn hàng giờ

heo sau — cách một quãng khá xa và kín-đáo — một thiếu-phụ đề-rời oằn-oại, thần-thờ bao nhiêu đêm, ấp-ủ hình ảnh người đẹp không còn bao giờ hy-vọng gặp.

Một vài kẻ bạn bè trông bề ngoài và biết chút nếp sống của Văn, thường cười bảo Văn:

— Mày thực sung-sướng, có thừa những cái mà chúng tao luôn thiếu.

Văn mỉm cười sòa mà không trả lời, vì anh biết rõ mình hơn ai hết.

Lần này, Văn gửi tất cả tình yêu cho Thu, một gái cùng xóm. Nàng ở sát nhà Văn, tuổi vừa lên men, không đẹp lắm nhưng có nhiều duyên thầm. Thu nhà nghèo, có một mẹ già. Nàng vừa thôi học và đang làm thư ký đánh máy cho một nhà buôn ngoại-kiều. Hai người quen nhau ngay từ khi Văn mới dọn đến xóm này qua những lần mượn, trả vài ba cuốn tiểu thuyết thomộng. Thực ra họ mới yêu nhau từ độ hai tháng nay.

Văn quan niệm: Tình yêu không thể mang ra phân-tách, chỉ nên đặt tin cậy hoàn toàn vào tình-cảm của mình, và vì vậy anh cũng để mặc cho tình cảm

thu xếp mọi khó khăn, mọi vấp-vấp trong đó: yêu, ghen, hờn, giận thường xảy ra giữa Thu và anh.

Luôn luôn, Văn cố-gắng tha-thứ cho những chỗ thấp kém của Thu, thường chỉ là những nét xấu nhỏ nhặt. Nhỏ nhặt đến độ người con gái vốn tế-nhị và thông minh như kia cũng không thể nhận ra đó là những nét xấu có thể không vừa ý cho người yêu của mình.

Văn sẵn lòng tha thứ cho Thu tất cả. Anh đã vẽ cho Thu những hình tượng đẹp nhất của Ái-Tình, cũng như anh đã kính cẩn đặt lên đầu Thu những vòng hào quang tưởng-tượng thuần-khiết nhất của Tình-Yêu.

Văn yêu bằng tình yêu của một người nghệ-sĩ tạc tượng say mê nhất tác-phẩm điêu khắc của mình.

Trên cái thẻ-chất bằng xương thịt sẵn có của Thu, Văn đã đem bao nhiêu chất-liệu quý báu nhất của chính anh để tạc thành một pho tượng vô cùng huyền-bí, vô cùng đẹp.

Văn yêu Thu say đắm, lại say đắm như lần đầu Văn mới biết yêu.

✱

Chiều nay đi làm về, Văn đã thấy Thư gấp-nghe đón anh ngoài ngõ. Linh tính báo cho anh sắp sửa có chuyện gì lạ. Anh hồi-hộp và tự-nhiên trở nên gìn giữ.

Thư có điều gì muốn nói với anh từ hai hôm nay. Nhưng gặp anh, Thư lại ngập - ngừng. Văn đoán biết có chuyện khác thường, nhưng chính anh lại không dám hơi.

Ừ, nếu Văn có hỏi thì sự mờ đầu sẽ dễ dàng cho Thư biết bao nhiêu.

Nhưng rồi Thư cũng nói. Nàng cúi đầu tránh cặp mắt thốt-nhiên sáng quắc của Văn.

— Anh cho tiền em may cái áo Tết nhé?

Sự cố gắng của Thư chỉ có hạn. Nói được bấy nhiêu lời, Thư hoảng-hốt nắm chặt tay Văn, nói nhanh:

— Kìa anh, anh đừng giận em nhé! Kìa anh...

Thư nhìn Văn cầu khẩn, nước mắt đã chạy vòng quanh.

Chỉ có bấy nhiêu tiếng cũng đủ làm cho Văn lặng người. Tình

giữ của anh dành cho Thư thoát tan đi như sương khói. Anh thương Thư vô hạn...

Văn chớp mắt nhanh tránh một nét bối rối trên mặt, rồi gượng cười làm ra đáng - tự - nhiên, trả lời:

— Ừ! Có thể thôi à? Gớm, em làm như chuyện gì quan-hệ.

Thư tưởng thực, vui mừng hiện nhanh lên khuôn mặt khờ-khạo của nàng.

Văn cúi xuống, không để cho Thư thấy anh thở dài rất nhẹ. Anh móc túi lấy tiền đưa cho Thư cũng chẳng đếm xem nó còn bao nhiêu. Đấy: tất cả số tiền anh dành lại để tiêu Tết, nghĩa là cũng để mua vài chai rượu, vài hộp thuốc thơm và ít sách báo Xuân.

Ánh mắt người con gái sáng rực lên niềm thỏa-mãn.

Thư cầm tiền có vẻ ngạc-nhiên:

— Em có cần nhiều thế này đâu?

Văn vừa bước ra cửa vừa cười:

— Em cứ mua, còn giữ hộ anh!

Rồi anh bước vội ra ngoài đường. Thế là hết, Văn cảm thấy rõ - rệt trong lòng anh dường có

một cái gì tan vỡ, tan vỡ rất nhẹ, không một tiếng động nhưng lại rất se-sát.

Bao nhiêu công-trình nắn-nót, gìn - giữ, ấp - ủ chỉ trong có giây phút lại sụp đổ không còn lấy một dấu vết.

Văn không hề nghĩ đến món tiền vừa cho Thư, cũng không hề tính toán nó nhiều hay nó ít, cần hay không cần. Nhưng Văn đã thấy mất hẳn đi một cái gì vô giá.

Văn biết chắc anh có thể cho Thư tất cả tài-sản trên đời này nếu anh có hoặc giả anh cũng có thể cho Thư cả chính bản thân anh, nhưng anh lại không thể tin rằng Thư vừa xin một món tiền. Món tiền ấy chỉ cần để đủ may một cái áo mặc Tết.

Văn đứng lặng hồi lâu trên cầu, nguyên trong một giáng-diệu, lắng nghe âm - hưởng của tan vỡ dịu-dịu trong lòng.

Bất giác anh nhớ đến một câu truyện hồi nhỏ được nghe mẹ anh kể bên bếp lửa, cũng vào một đêm đông giá lạnh.

“Câu chuyện ngậm ngại tìm trầm”. Kể đi tìm trầm tin rằng trầm là một thứ thuốc - trường-sinh

vô giá, ẩn trong những cánh rừng cấm hoang - vu chưa có vết chân người. Muốn tới và tìm được trầm, kẻ đó phải ngậm ngại. Quá ngày quá tháng không tìm ra trầm và không về kịp, người ngậm ngại sẽ mất trí, biến ra thú, lạc hẳn hương về, phải sống trong rừng như giống dã thú khác...

Văn bật cười nghĩ rằng mình cũng là một thứ người ngậm ngại đi tìm một thứ - tương-tư như giống trầm đó.

Phía chân cầu, người ta lại mua bán Tết vẫn đông nườm-nượp. Gió lạnh đêm cuối năm, trên cầu cao, đột nhiên trở nên lặng, hất tung mái tóc Văn ra phía sau.

Văn mơ hồ thấy bên cạnh cái đương tan vỡ trong lòng anh vừa sinh động một nguồn nhựa mới. Không hiểu sao anh tin tưởng ngay sẽ tìm thấy. «Người đàn-bà lý-tưởng» của anh, bên kia khoảng thời gian dường mỗi lúc nhích lại gần phía anh...



NHỮNG NĂM CON TRÂU trong Lịch-sử VIỆT-NAM

trống cùng Lâu-thuyền tướng
quân Đoàn Chí, sang Giao-châu
(1) đánh TRUNG - NỮ
VƯƠNG.

● Năm Tân-Sử (Tây- lịch 41).

Vua QUANG-VŨ nhà Đông
Hán sai Mã-Viện làm Phục ba
trống quân, Lưu Long làm phó-

● Năm Quý Sửu (Tây lịch 353).

Đời vua Mục Đế nhà Đông
Tấn, thứ sử Giao-châu
NGUYỄN - PHU, đánh vua

(1) Giao-châu tên cũ của nước
Việt-Nam.

* NGUYỄN TRIỆU & LÂM HỮU NGÀN

NHỮNG NĂM CON TRÂU

Lâm-ấp là PHẠM-PHẬT, phá
được hơn 50 đồn lũy.

● Năm Quý-Sử (413)

Tướng Lâm-ấp là Phạm-hồ.
Đạt đem quân đánh quận Cửu-
Châu. Thứ sử Giao-châu ĐỒ-
TUỆ-ĐỘ phá tan binh giặc,
chém tướng Lâm ấp là PHẠM-
KIÊN, bắt được hơn 100 người.

● Năm Ất-Sử (545)

Vua nhà Lương sai DUONG-
PHIÊU làm Thứ-sử Giao châu,
và Trần bá Tiên đem quân sang
đánh LÝ-NAM-ĐỀ.

● Năm Đinh-Sử (557)

LÝ PHẬT-TỬ đem quân về
chống TRIỆU VIỆT-VƯƠNG.

● Năm Đinh-Sử (917)

KHỨC - HẠO mất, truyền
ngiệp lại cho con là KHỨC
THỪA MỸ làm Tiết độ sứ.

● Năm Ất-Sử (965)

Nam tấn vương NGÔ.
XƯƠNG-VĂN, thân-chính dẹp
giặc ở Thái bình, bị giặc bắn
chết.

● Năm Tân-Sử (1061)

Vua LÝ THÁNH TÔN dời
lại tên nước ta là ĐẠI VIỆT.

● Năm Quý-Sử (1073)

Vua LÝ NHÂN TÔN phong
chức 'Đôn quốc thái úy, Đại
tướng quân Đại tư đồ' cho LÝ
THƯỜNG KIẾT và ban cho
hiệu là Thượng phụ công. Năm
này LÝ THƯỜNG KIẾT thọ
55 tuổi.

● Năm Quý-Sử (1253)

Vua nhà Trần lập Quốc học
viện để giảng tứ Thư ngũ Kinh,
và lập giảng-võ-đường để luyện
tập võ nghệ.

● Năm Đinh-Sử (1277)

Thái thượng hoàng TRẦN
CẢNH, mất ở Thiên trường
phủ (làng Tức-mặc), thọ 60 tuổi.

● Năm Kỷ-Sử (1289)

Vua TRẦN NHÂN TÔNG
tha bọn tướng nhà Nguyên là
TÍCH LỆ, CƠ NGỌC về Tàu;

Còn PHÀN TIẾP thì vì lo sợ
quá mà chết; Nhân Tông sai hòa
táng rồi cấp tiền bạc và người
ngựa cho vợ con đưa hài cốt về
Tàu.

● Năm Tân-Sử (1301)

Thượng hoàng TRẦN NHÂN
TÔNG nhân cuộc ngự du sang
Chiêm Thành, có hứa gả HUYỀN
TRẦN CÔNG CHÚA cho vua

Chiêm là CHẾ MÂN.

● Năm Ất Sửu (1385)

Sinh nhật vua Lê thái Tông Lê Lợi vào giờ Tý, ngày 6 tháng 8 âm lịch.

● Năm Tân Sửu (1421)

Tướng nhà Minh là TRẦN TRÍ đem đại binh sang đánh BÌNH ĐỊNH VƯƠNG (tức LÊ LỢI) ở đồn Ba-lâm, và hợp với quân Ai Lao kéo quân sang cùng đánh hai mặt.

Đến đêm. Bình định vương xua quân vào cướp trại quân địch, giết được trên 1.000 người, quân nhà Minh đại bại bỏ chạy và quân Lào cũng phải rút lui về.

● Năm Quý Sửu (1433)

Vua LÊ THÁI TÔNG sửa sang việc học hành trong nước và cho lập trường Quốc tử giám ở Thăng-Long để đào tạo nhân tài và đặt ra luật lệ mới theo hình luật nhà Đường.

* Cũng năm này, vua LÊ THÁI-TÔNG thăng hà, vào giờ Mùi, ngày 22 tháng 8 nhuận, táng tại Vĩnh lăng ở Lam Sơn.

* Qua ngày 23, Triều đình nhà Lê chuẩn bị lễ tôn thái tử NGUYỄN LONG, mới 11 tuổi

lên nối ngôi, lấy hiệu là LÊ THÁI TÔNG.

* LÊ THÁI TÔNG cử Lê Sát lên làm Phụ chính đại thần.

● Năm Tân Sửu (1541).

* Vua nhà Mạc là MẠC PHÚC NGUYỄN từ trần.

* Chúa NGUYỄN KIM là thủy tổ nhà Nguyễn tạ thế.

● Năm Quý Sửu (1613)

Vua LÊ THẦN TÔNG và chúa TRỊNH TRẮNG cho phép người Hà Lan (Holland) đến mở cửa hàng buôn bán tại Phố Hiến (gần tỉnh lỵ Hưng Yên bây giờ). Sau đó có người Nhật Bản, người Xiêm và người Trung hoa cũng kéo đến Phố Hiến buôn bán rất đông.

● Năm Quý Sửu (1613)

* Tiên - chúa NGUYỄN-HOÀNG là tổ nhà Nguyễn, từ trần ngày mồng 3 tháng 6.

* Vua LÊ-THẦN-TÔNG xuống chiếu xét công, tội các quan trong Triều, đề nghị thưởng, phạt.

● Năm Tân - Sửu (1621)

TRỊNH-CƯƠNG đặt ra chức Giám-đương để đánh thuế

muối, cứ 10 phần, quan lấy 2 phần và bắt buộc những người buôn muối phải lĩnh thẻ của quan giám-đương phát cho thì mới được đi mua muối nhưng trước phải mua của quan đã rồi sau mới được mua của các tư-gia hoặc các ruộng muối.

● Năm Ất-Sửu (1625)

TRỊNH - TRẮNG tự xưng nguyên-soái thống quốc chánh, Thanh-Đô - Vương, sai con là TRỊNH-Kiều đem quân lên đánh đất Cao-Bằng, bắt được MẠC-KÍNH-CUNG đem về giết chết. Còn MẠC-KINH-KHOAN thì chạy trốn sang Tàu cho người về dâng biểu xin hàng.

● Năm Tân-Sửu (1661)

NGUYỄN-HỮU-TIẾN đóng quân ở Nhật-Lệ và NGUYỄN-HỮU-DẬT ở Đông-Cao giữ các nơi hiểm-yếu để chống với quân Trịnh-Tạc từ ngoài tiến vào.

● Năm Đinh-Sửu (1697)

Chúa NGUYỄN-PHÚC-CHU chiếm dứt Chiêm-thành.

* Năm Kỷ-Sửu (1709)

Định vương TRỊNH-CĂN từ trần.

● Năm Ất-Sửu (1745)

Quan Thống-linh Hải Dương HOÀNG-NGHĨA-BÁ phá giặc Ngân-già ở Phao-son, Ninh xá và Gia-phúc.

● Năm Đinh-Sửu (1757)

Quan Tổng suất nhà Nguyễn là TRƯƠNG - PHÚC - DU đánh tan binh tướng của Nặc-Hinh.

● Năm Kỷ Sửu (1769)

Chúa TRỊNH SÂM cùng HOÀNG NGŨ PHÚC bí mật thương nghị mưu kế để dẹp yên đất Trấn Ninh rồi sai Bùi Thế Đạt làm thống lĩnh đất Nghệ An, Nguyễn Phan chánh đốc lĩnh Thanh hóa, và Hoàng Đình Thè đốc binh Hưng Hóa, cả 3 đạo tiến đánh Trấn Ninh.

Lê duy Mật cố giữ hiểm thủ thành không ra đánh. Sau, Lê duy Mật cùng vợ con tự thiêu.

● Năm Tân Sửu (1781)

* Chúa NGUYỄN PHÚC ANH khắc phục thành SÀI-CÔN (tức Saigon bây giờ) lần thứ tư, và cũng là lần chót.

* Vua Xiêm-la là TRỊNH-QUỐC-ANH sai hai tướng là

Chất-Tri và Xô-Si đem quân xâm lăng Chân-lạp. Vua Nguyễn sai chương-cơ NGUYỄN - HỮU. THUY và HỒ-VĂN-LÂN đem 3.000 quân sang cứu-viện.

● Năm Ất-Sửu (1805)

LÊ-QUỲNH tạ-thế.

● Năm Đinh-Sửu (1817)

Tàu " *La Paix* " của hiệu Balguerie, Sarget et Cie chở hàng sang Việt Nam, dân ta không dùng, lại chở về. Tháng sáu năm ấy, chiến thuyền *Cybèle* của Pháp vào cửa Thị-nại. Thuyền trưởng DE KERGARION xin thi hành điều ước ký năm 1787. Vua Thế Tò bác lời yêu cầu.

● Năm Kỷ-Sửu (1829)

Triều đình Việt Nam bắt đầu thời gian 10 năm tuyệt giao với PHÁP-LANG-SA.

● Năm Tân-Sửu (1841)

Hoàng Thái tử MIÊN TÔNG tức vị ở điện Thái hoà, niên hiệu THIỆU TRI.

● Năm Ất-Sửu (1865)

Năm TỰ ĐỨC thứ 18, vua mở khoa thi Võ tiến sĩ.

Thượng-thư Pháp DE CHAS-

SELOUP LAUBAT gọi Đô Đốc DE LA GRANDIÈRE về Pháp hội nghị.

Đô-Đốc ROZE sang thay.

Quân triều đình do NGUYỄN TRI PHƯƠNG và VÕ TRỌNG BÌNH điều khiển, phá tan giặc TẠ VĂN PHỤNG và TRƯƠNG CẬN BANG... |

● Năm Đinh-Sửu (1877)

Từ năm Ất-Mão (1855) đến Đinh-Sửu (1877), tàu Anh và người Espagnols, người Pháp, xin thông-thương. Triều-đình ta không thuận.

● Năm Kỷ-Sửu (1889)

PHAN-ĐÌNH - PHÙNG về mở đồn điền ở Vũ quang, phía Bắc huyện Hương-Khê, tỉnh Hà tĩnh, rồi cho người sang Tàu, sang Thái, học đúc súng đạn.

● Năm Tân-Sửu (1901)

PHAN-ĐÌNH - PHÙNG từ trần. Phong trào Cần-vương lịm dần. Cụ PHAN - BỘI-CHÂU đi thi Hội. Tập " *Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư* " ra đời hô hào, cổ động lòng ái quốc của toàn-dân.

Triều đình mở ân khoa, cụ PHAN - CHÂU - TRINH đỗ

Phó bảng. Sau 3 tháng về thăm nhà, cụ được bổ làm Thừa-biện ở Huế.

● Năm Quý-Sửu (1913)

* HOÀNG HOA THẨM tức ĐỀ THẨM ở Yên Thế, bị bạn thân là một người Tàu tên LUƠNG TAM KỶ lừa bắt rồi chém lấy đầu đem nộp cho công sứ Pháp là BOUCHER để lấy thưởng.

* Giữa mùa Xuân, hội *Việt-Nam Quang Phục* do PHAN-BỘI-CHÂU làm Tổng lý, HOÀNG TRỌNG MẬU làm bí thư, cử NGUYỄN HẢI THẦN làm chỉ bộ trưởng ở Quế biên; TRẦN VĂN KIẾN làm chỉ bộ trưởng xiêm-biên; ĐỖ CHƠN THIẾT phụ trách ngã Điện biên.

● Ngày 6 tháng 3 âm lịch (12-4-1913) liệt sĩ PHẠM VĂN TRÁNG ném bom giết tên tuần phủ Thái Bình NGUYỄN DUY HÀN. Ngày 22 tháng 3 âm lịch 28-4-1913 NGUYỄN VĂN TUY và NGUYỄN KHẮC CẢN liệng bom vào nhà hàng Cof-d'Or ở Hà nội. Hai thiếu

tả Pháp, MONTGRAND và CHAPUIS, chết tại chỗ.

PHẠM VĂN TRÁNG, tức Chàng lên đoạn đầu đài tại Thái Bình. Hai ông Tuy và Cẩn cũng đền xong nợ nước.

* Hội đồng đề hình Pháp xử tử khiếm diện cụ PHAN BỘI CHÂU và Kỳ ngoại hầu CUỜNG - ĐỀ. Ngày 8-6, Kỳ ngoại hầu bị sở Cảnh sát trung ương Anh bắt, phải đóng 2.000 đồng mới thoát nạn.

* Tháng 10, cụ Chương Chu NGUYỄN-THÀNH-HIẾN bị nhà chức trách Anh bắt giao cho Pháp giải về Hà nội. Vài hôm sau cụ tự vẫn để giữ bí mật cho đảng cách mạng.

* Mùa Hạ, PHAN-BỘI-CHÂU hợp cùng Phan-bá-Ngọc, Vương-thức-Quý và nhóm Trần-Hải thừa ngày kỷ niệm Cộng hòa Pháp, lên đánh thành Nghệ-An. Cơ mưu bại lộ, may nhờ Tổng đốc Nghệ-An là ĐÀO-TIẾN che chở nên khỏi bị hại.

* Mùa Đông, ngày 24-12, cụ PHAN-SÀO-NAM và cụ MAI-LÃO-BANG bị Đô-đốc Trung-hoa là LONG-TẾ-QUANG bắt

ba ngục tại Quảng-đông.

* TÔN-THẮT-THUYẾT tạ
thể tại Long-Châu bên Tàu, ngày
24 tháng 5 âm-lịch, nhằm ngày
28-6-1913.

● Năm Ất-Sửu (1925)

* Đứng 12 giờ trưa ngày 11-5
dương lịch, tại một nhà ga ở
Thượng hải, cụ PHAN-SÀO-
NAM bị thám tử Pháp bắt giam
ở dinh Lãnh sự ở tô giới Pháp.
Sau đó đem xuống chiến thuyền
đưa tới Hương Cảng, rồi sang
chiếc tàu Angkor của hãng Mes-
sageries Maritimes đưa về Hải
phòng dưới cái tên trong sổ tù
chính trị, là TRẦN VĂN ĐỨC.

* NGUYỄN AN NINH về
nước, cộng tác cùng anh em và
vài giáo sư Pháp như Max và
Rochet, cho ra đời tờ báo Chuông
Nứt (La Cloche fêlée). Nhân vụ
Phan Bội Châu bị bắt đưa về
nước, một ban tổ chức do
NGUYỄN AN NINH,
DEJEAN DE LA BÂTIE,
CAO VĂN CHÁNH, LÂM
HIỆP CHÂU, TRƯƠNG
CAO ĐỘNG thành lập đề cử
động toàn dân đòi tha bổng cụ
Phan. Trước ngày hội họp,
Ninh bị bắt nhốt khám.

☆ Ngày 11-5, sinh viên trường
Cao đẳng Hà-nội và học sinh
trường Bưởi và các trường tiểu
học Bắc - Kỳ biểu tình,
đón rước toàn quyền VAREN
NE, đảng viên Xã - hội

Pháp được đưa qua trần-
nhậm chức toàn - quyền Đông-
Dương, đề yêu cầu tha cho cụ
Phan.

* Tháng 6, cụ PHAN
CHÂU - TRINH về nước. Cụ
diễn thuyết 2 lần về vấn đề
«Luân lý và Đạo đức Đông-
Tây» và «Quản trị Dân trị».

* Ngày 24 - 2, Toàn quyền
Varenne quyết nghị ân xá cụ
Phan Bội-Châu, nhưng cụ lại bị
giam lỏng ở Huế cho đến ngày
tử trần.

● Năm Đinh Sửu (1937)

Từ đầu năm, phong trào đình-
công lan tràn khắp các xứ.

Cuộc tuyên cử Hội đồng thành-
phố Saigon năm ấy, số Lao động
đưa TA - THU - THẬU,
NGUYỄN - VĂN - TẠO
TRẦN - VĂN - THẠCH,
DƯƠNG - BẠCH - MAI,
PHAN-VĂN-HÙM ra tranh cử.
Nhóm này lấy tờ báo «La Lutte»
làm cơ quan tranh đấu. Cuối cùng
cả nhóm bị bắt, kẻ bị lưu đày
người biệt xứ.

● Năm Kỷ Sửu (1949)

Ngày 8 - 3, BẢO - ĐẠI ký
hiệp ước tại Điện Elysée với
VINCENT AURIOL, Tổng
thống Pháp.

● Năm Tân Sửu (1961)

Đất nước Việt-Nam còn chịu
cảnh chia đôi, lấy con sông Bến-
Hải làm ranh giới hai miền.

thác loạn

*Khò đau xuống nặng bờ vai yếu ;
Thất thêu, thời gian đục gót dày.
Năm tháng bo-vo làm mệnh yếu ;
Nghĩa gì, úp mặt khóc trong tay.*

*Bốn mùa để lại trong tôi ít
Chiếc lá vàng thu đã đỏ hoe,
Một năm hoa xuân tàn sắc thắm
Vài ba mảng nắng gắt mùa hè.*

*Ngày mai lỡ chết trên đường lạ,
Nếu có bộ hành qua đóai thương,
Xin đắp lên tôi vài chiếc lá,
Liệm đời ? — Thưa đã có thời gian.*

*Đêm nay gối đá trên lều vắng,
Nghe tiếng chuông buồn bỗng đờ vang.
Tôi ngỡ tìm mình như chết hẳn ;
Đưa tay vuốt mắt, lệ hai hàng.*

LỮ - QUỲNH



Thuyết trình
trong cuộc gặp gỡ
sinh-viên của Hội
Sinh - Viên Khoa -
Học và Kỹ-Thuật
Việt-Nam tổ-chức tại

PARIS

T HƯA các bạn,

Đời sống vật - chất và tình-cảm của nhân-dân ta đã được phản ảnh qua ca-dao và tục-ngữ. Thứ văn-học truyền miệng này giúp các nhà nghiên cứu lịch-sử văn-hóa Việt-nam theo dõi bước tiến-triển của dân-tộc ta. Lúc đặt vấn-đề lịch-sử của tục-ngữ và ca-dao, ta phải công nhận rằng tục-ngữ chỉ có thể xuất-hiện vào thời mà cuộc sống đã bắt đầu phức-tạp, và con người đã biết diễn những kinh-nghiệm thành những câu có vần, nghe xuôi tai.

KỸ THUẬT SẢN XUẤT
qua

TỤC NGỮ & CA DAO

VIỆT - NAM

★ LÊ - HUY - CÂN

Con ca-dao có thể ra đời sau tục-ngữ, và được sáng-tác ra để thỏa mãn đời sống tình-cảm và lao-động. Từ muôn thuở, những câu ca, tiếng hò giúp động-tác được nhịp-nhàng và gây hào-húng trong công việc làm ăn. Giá-trị của lao-động được thể hiện trong ca-dao. Nhưng trong thời cổ, lúc trình-độ hiểu biết của con người còn thấp kém, nông cụ còn thô-sơ, tổ tiên ta thấy mình bất lực trước sức mạnh của thiên nhiên và thốt những lời cầu khấn :

Lạy trời mưa xuống

Lấy nước tôi uống

Lấy ruộng tôi cày...

Nhận thấy trời mưa hay không mưa đều ảnh hưởng đến đời sống

Mồng chín tháng chín có mưa

Thì còn sấm sủa cày bừa làm ăn

Mồng chín tháng chín không mưa

Thì con bán cả cày bừa đi buôn

nhưng lại chưa đủ hiểu biết để cắt nghĩa trời mưa, tổ tiên ta đã tưởng tượng những chuyện thần thánh để giải thích nguyên do những ngày nắng mưa :

Mồng bốn cá đi ăn thề,

Mồng tám cá về, cá vượt vũ môn.

Nhận thấy những ngày ấy trong tháng bảy trời hay mưa, tổ tiên ta bảo rằng cá chép đi thi để "hóa rồng".

Hay vì ông Ngâu bà Ngâu gặp nhau, rồi phải xa nhau, thương nhớ nhau mà khóc :

Vào mồng ba, ra mồng bảy, rầy mồng tám ;

Vào mười ba, ra mười bảy, rầy mười tám ;

Vào hăm ba, ra hăm bảy, rầy hăm tám.

Trong lúc chưa tin hẳn ở sức mình, người nông dân luôn luôn coi chừng, lúc thì trông trời :

Con dăng đông,

Vừa trông vừa chạy ;

Con dăng tây,

Vừa cày vừa ăn.

lúc thì nom sao :

Tua-rua một tháng mười ngày

Cấy trồng vừng cày cũng được lúa xơi,

Bao giờ nắng rữa bàng trôi,

Tua-rua quặt lại thì thôi cấy mùa.

Thời cổ, tổ tiên ta ở nông thôn không có lịch hay ít khi có lịch, phải trông sao để tính toán canh-tác, thậm chí nhiều lúc phải

nhìn vào đom đóm :

*Đom-đóm bay ra, trông cà tra đổ
Tua-rua bằng mặt, cắt bát cơm
chăm.*

Đom đóm bay ra vào mùa xuân, khoảng cuối tháng giêng sang tháng hai, trời đã ấm có thể trông cà và gieo đỗ. Còn tua-rua là một chùm sao mọc vào tháng tư, lặn vào tháng sáu, tháng bảy mỗi năm. Tua-rua bằng mặt là lúc sao tua-rua mới hiện. Nông dân ta có tục để một dùm thóc vào lòng bàn tay, giơ lên trước mặt rồi ghé mắt theo bàn tay để ngắm sao rua. Chừng nào thóc còn trên tay thì còn gieo mạ được. Lúc sao rua đã lên cao, phải giốc ngược bàn tay lên để ngắm, thóc trút hết xuống đất thì bấy giờ không còn gieo mạ được nữa. Cắt bát cơm chăm là lúc ấy đã gặt được lúa chăm, tức là lúa chiêm.

Nhưng đến khi đã biết làm ruộng được kỹ, chớ mạ được già, thì người nông dân tin ở sức mình và bất chấp cả thiên-nhiên :

*Tua-rua thì mặc tua-rua,
Mạ già ruộng ngấu không thua
bạn điền.*

Qua một quá - trình lao-động

sản-xuất lâu dài như vậy, tổ-tiên chúng ta đã rút được nhiều kinh nghiệm quý báu, và dần dần cải tiến được dụng cụ, cải thiện được đời sống.

Bây giờ thì người nông dân không những đã biết ngăn nước, khai mương mà còn đặt guồng tự động và biết chung sức chống hạn, « vát đất ra nước, thay trời làm mưa ».

*Một người chẳng khỏe bằng hai,
Một gầu chẳng lợi bằng hai gầu
sòng.*

Qua kinh nghiệm đấu tranh sống mãi với thiên nhiên để giành lấy hạt thóc, bông ngô, quần chúng nông dân đã thấy rõ sức mạnh của tập thể :

*Xưa kia đảo vũ cầu mưa,
Cho rằng nạn lụt là do bởi trời.
Bây giờ đoàn kết sức người,
Quyết chống hạn úng thì trời
cũng thua.*

Trong lao - động, con người thường gặp nhiều khó-khăn. Để khắc - phục những khó khăn đó, loài người thời nguyên-thủy đã biết sáng chế ra những công cụ thô sơ như dao đá, búa đá. Trong lao-động, con người đã phát triển lý-trí, và quá-trình lao-động sản xuất

là quá-trình phát triển khoa - học và kỹ-thuật.

Lao-động sản-xuất chính là sự tác-động của con người vào thiên-nhiên, và biến thiên - nhiên thành sản - phẩm cần thiết cho mình. BACON, một triết-gia nổi tiếng, đã nói : « Muốn điều khiển thiên-nhiên thì phải tuân theo thiên-nhiên ». Tuân theo thiên - nhiên, tức là biết quy-luật của thiên-nhiên. Thời xưa, người nông dân chưa nắm được quy-luật của thiên-nhiên một cách có hệ thống và ý-thức, nhưng bằng kinh-nghiệm và cảm tính, họ cũng có một số hiểu biết trong một chừng mực nhất định.

Những kinh - nghiệm ấy được truyền tụng và thể hiện qua các câu ca-đao, tục-ngữ.

Trong một nước nông - nghiệp như nước ta, việc gieo hạt giống và gặt hái đều phải theo thời tiết, nên cần phải tìm hiểu thời tiết.

Trong thực - tiễn sản xuất nông nghiệp, nhân loại đã nhận thấy những quan - hệ nhân quả giữa những hiện-tượng khí hậu và đời sống của thực - vật và động - vật. Khoa nghiên cứu những quan hệ ấy gọi là vật hậu học (phénologie).

Ở nước ta, những quan-sát có tính chất vật hậu học của nhân dân

lao động được lưu-truyền trong một số ca-đao.

Sau đây là quan hệ giữa khí-hậu và đời sống thực vật :

*— Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.
— Lúa chiêm nếp ở đầu bờ
Hễ nghe tiếng sấm phất cờ
mà lên.
— Đói thì ăn ráy, ăn khoai
Chớ thấy lúa trở tháng hai mà
mừng.*

Nông dân ta sợ tháng hai, trời còn lạnh, lúa bị hư.

*Mùa hè đang nắng, cỏ gà trắng
thì mưa.*

Nông dân cũng theo dõi những phản-ứng của động vật trước sự thay đổi của thời tiết để dựa theo đó tiến hành công tác sản xuất :

*— Gió bắc hiu hiu sêu kêu thì
rét.
— Tháng bảy heo may, chuồn
chuồn bay thì bão.
— Én bay thấp, mưa ngập bờ
áo,
Én bay cao, mưa rào lại tạnh.
— Chim噪 mùa thu, chim cu
mùa hè.
— Bao giờ đom đóm bay ra,
Hoa gạo rụng xuống, thì tra hạt
vàng.*

Mục-tiêu chủ-yếu của nông dân là muốn phân chia một cách chính xác thời tiết trong một năm, để « nắm được thời gian », tức là tìm ra quy-luật của chu-kỳ thời tiết, để có thể gieo hạt và thu hoạch đúng lúc.

Ở Trung-quốc, việc ghi chép những hiện-tượng khí hậu đã có từ thời cổ. Những tiếng đồng-chí hạ-chí, xuân-phân, thu-phân, đã tìm thấy trong Kinh-Thư. Đời Tấn (thế kỷ thứ 3), người ta tìm được một cuốn sử đời Chu, gọi là *Dật Chu thư*, trong đó có chia 5 ngày làm một hậu, 3 hậu làm một khí, trọn năm có 24 khí, 72 hậu, mỗi hậu có nêu ra một hiện-tượng thiên nhiên hoặc vật hậu.

Ở nước ta, hồi xưa, về thời-tiết, các nho sĩ tập khuôn theo 24 khí của Trung-quốc, làm ra quyển Nông-lịch. Vì vậy, ở Việt Nam những lễ Thanh-Minh, Đông chí, Nguyên - Đán, Đoan - Ngọ, Trung - Thu,... đều cử hành một lúc với Trung-quốc.

Tuy thế, trong công-tác đồng áng, người nông dân Việt - nam không theo bản lịch nói trên mà lại truyền nhau bản lịch sau :

Tháng chạp là tiết trồng khoai,

*Tháng giêng tía đậu, tháng hai
trồng cà,*

Tháng ba cấy bừa ruộng ra,

*Tháng tư bắt mạ thuận hòa vui
thay.*

Tháng năm cấy lúa vừa rồi,

*Tháng sáu mưa xuống nước trời
đầy đồng.*

Tháng bảy cấy cấy đã xong,

*Tháng tám thấy lúa tốt đồng vui
thay.*

Tháng chín tôi lại kể nay,

*Bắt mạ xem được mới hay trong
lòng.*

Tháng mười lúa chín đầy đồng,

Cắt về đống cót để phòng năm sau.

Tháng một là tiết cấy sắn,

Một năm kể cả từ đầu đến cuối.

Các giới lao-động khác cũng kết hợp công việc làm ăn của mình với ngày tháng âm lịch :

Tháng giêng ăn Tết ở nhà,

*Tháng hai rồi rải quay ra nuôi
tằm.*

Tháng ba đi bán vải thắm,

*Tháng tư đi gặt, tháng năm trở
về.*

Tháng sáu em đi buôn bè,

*Tháng bảy tháng tám trở về đồng
ngó...*

Ngày xưa, sự phân phối công tác đồng áng quanh năm đều dựa vào âm lịch. Chúng ta vẫn còn nghe miền Bắc nói vụ tháng năm (chiêm) và vụ tháng mười, còn miền Trung-phần thì có vụ tháng ba và tháng tám (âm lịch). Ở Nam - phần trong những vùng có hiện tượng thủy triều, nông dân theo dõi tuần trăng, khi tròn, khi khuyết, để tháo nước, hay dẫn nước ngọt, ngăn nước mặn, vào những ngày rằm hay ba mươi. Vì thế có những câu ca - dao nhắc nhở tuần trăng :

*Mồng một lưới trai, mồng hai
lưới liềm,*

*Mồng ba câu liềm, mồng bốn liềm
cụt...*

hay những câu nói lên quan-hệ giữa trăng và mùa màng :

Tò trăng mười bốn được tằm,

*Tò trăng hôm rằm thì được lúa
chiêm.*

Muốn ăn lúa tháng năm

Trông trăng rằm tháng tám,

Muốn ăn lúa tháng mười

Trông trăng mồng mười tháng tư.

Trăng mờ tốt lúa nõ

Trăng tỏ tốt lúa sáu

Và sau đây là kết quả việc trồng trọt dựa theo âm lịch :

Thiếu tháng hai mất cà,

Thiếu tháng ba mất đỗ,

Thiếu tháng tám mất hoa ngư

Thiếu tháng tư mất hoa cóc.

Tháng bảy ông thị đồ da,

*Ông mít chơm chơm, ông da rụng
rời.*

Ông mít đống cọc mà phơi,

Ông da rụng rời đồ cả chân tay.

Quan sát thiên nhiên có mục đích cho việc trồng trọt được kết quả, và muốn có kết quả thì phải biết đặc tính từng loại cây, như năm nào xoài nhiều hoa thì được mùa bông, khi nào hoa soan nở, đom đóm bay ra, thì trồng bông là đúng thời tiết. Nhờ biết kỹ đặc tính từng loại cây, nông dân ta mới bắt hoa đào nở, cây quất chín đúng vào dịp Tết, hoa lay-ơn nở nhằm vào những ngày lễ lớn.

Sau đây là đặc-tính vài thứ cây :

— Lúa đẻ là mạ lúa chiêm

— Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen

— Được mùa lúa, úa mùa cau,

Được mùa cau, đau mùa lúa.

Và sau đây là kỹ-thuật trồng trọt :

— Nhai kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa.

— Người đẹp về lúa, lúa tốt về phân.

— Thứ nhất cày nỏ, thứ nhì bờ phân.

— Ruộng không phân như thân không cưa.

— Một lượt tát một bát cơm.

— Ruộng cao trồng màu, ruộng sâu cấy chiêm

— Bao giờ mang hiện đến ngày, Cày bừa cho ngấu, mạ này đem gieo.

— Ra đi, anh có dặn dò

Ruộng sâu cấy trước, ruộng gò cấy sau,

— Lúa mùa thì cấy cho sâu

Lúa chiêm thì cấy canh dàu mới vừa.

— Gái có hơi trai như khoai có hơi cuốc.

Gái có hơi trai, cơ-thề phát-triên như thế nào, tôi xin nhường lời cho các bạn nữ hội viên và không dám múa rìu qua mắt thợ. Nhưng khoai có hơi cuốc, tức là được vun xới, kích thích, thì củ khoai nhất định là phình to.

Sau đây là người nông dân cải tiến nông cụ :

Gỗ kiền anh để đóng cày,

Gỗ lim, gỗ sến, anh nay đóng bừa.

Răng bừa tám cái còn thừa,

Lưỡi cày tám tác đã vờa luống to.

Muốn cho lúa này bông to

Cày sâu bừa kỹ, phân tro cho nhiều.

Ngoài nghề trồng trọt, còn có nghề chăn nuôi. Sau đây là những kinh nghiệm về chăn nuôi :

— Đóm đầu thì nuôi, đóm đuôi thì thịt (trâu)

— Gà đen chân trắng, mẹ mắng cũng mua.

— Lợn đốm một bữa bằng người đốm một năm.

Thưa các bạn, sau khi kiểm điểm sơ các kinh nghiệm sản xuất của nhân dân ta qua tục-ngữ và ca-dao, ta nên lấy thái độ gì ? Bàn lịch công tác đồng áng của nông dân ta có một giá trị khoa-học gì không ? Trên kia, tôi đã nói rằng việc tính thời gian rập khuôn theo 24 khí, 72 hậu của Trung - quốc không phản ảnh được một nước vùng nhiệt đới có hai mùa rõ rệt như nước ta. Ở Nam-phần, ngày lễ Thanh - minh, đi tảo mộ trên đồng khô cỏ cháy, nắng như thiêu như đốt, người dân Việt-nam hỏi

nhau đầu là :

Cỏ non xanh tận chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Vì vậy có nhiều vùng, nhân dân đi tảo mộ vào ngày 25 tháng chạp, trời mát hơn, vừa đề " Ông Bà ăn Tết ".

Do tình hình thực-tế ấy, nông dân ta tính ngày tháng, thời tiết theo âm lịch tức là dựa theo sự chuyển vận của mặt trăng xung quanh quả đất là chính. Nhưng như thế lại không được phù hợp lắm với sự tuần hoàn của thời tiết, vì chính sự chuyển vận của quả đất xung quanh mặt trời mới sinh ra sự tuần hoàn ấy. Lịch canh tác phải bố trí theo dương lịch mới làm giảm bớt sự sai - lệch về thời tiết mà nông dân thường vấp phải, như trồng tía có khi quá sớm, có khi lại quá muộn.

Lại có những kinh nghiệm để ra trong lối làm ăn cá thể, tình hình nông nghiệp lạc hậu, bây giờ đã trở nên lỗi thời :

— Cày sâu xấu lúa.

— Cấy thưa thừa thóc, cấy dày có được ăn.

— Thừa mạ thì bán, chứ có cấy rúng ăn rơm,

Trong điều kiện thiếu phân bón, không nắm vững kỹ-thuật cày cấy, thì cày sâu, cấy dày, xấu lúa thật. Nhưng bây giờ nông dân ta đã biết cày sâu dần, mỗi năm một ít, kết hợp với bón nhiều phân, cấy dày thích hợp, thì nhất định lúa tốt.

Một vài kinh-nghiệm lạc hậu ấy (mà chúng ta phải triệt để đả-phá) có khiến chúng ta phủ nhận giá-trị kỹ-thuật của ca-dao, tục-ngữ không ?

Cổ nhiên là không !

Kinh nghiệm sản xuất cũng như những kinh nghiệm về đông - y, thiên văn, thủy lợi... của quần chúng đông đảo nông dân là một kho tàng quý báu. Nông dân ta có những kỹ-thuật trồng trọt tinh vi, đưa đến những kết quả tốt : hồng Lạng-sơn không hạt, nhãn Hưng-yên mỏng vỏ, dày cơm. Vừa rồi, phòng Nông hóa học của Học-viện Nông Lâm, với sự cộng-tác của sinh-viên, đã tìm ra bèo hoa dâu có khả năng hút đạm trong không khí, và nếu ta nuôi bèo hoa dâu trong ruộng lúa, lúc nào bèo lặn đi thì lúa được tốt. Người ta nhận thấy nhiều vùng, nông dân từ lâu đã biết dùng bèo hoa dâu làm phân xanh

bón ruộng.

Có những vấn-đề mà những nước tân tiến với những phương tiện tối tân như dùng phương pháp nguyên-tử đánh dấu để nghiên cứu sự đồng hóa khí các-bô-níc của khoai lang, tìm trong kinh nghiệm của nông dân ta cũng đã thấy từ lâu. Nông dân ta, từ lâu, trồng khoai lang vẫn thích bón phân tươi :

Lúa phân khoai, khoai phân tươi.

Cả một kỹ-thuật chăm sóc khoai lang và lúa đã được nông dân diễn tả tài tình trong sáu chữ ngắn ngủi : *Khoai năng mót, lúa năng thăm.* (miền Trung có nơi gọi lúa là ló).

Trồng khoai phải mót tức là nhắc giầy để cho giầy khoai không bò lan trên mặt ruộng, đâm quá nhiều rễ ở các mắt trên thân, dễ dồn tất cả sức lực của cây khoai vào củ chính. Trồng lúa phải năng thăm tức là chăm nom cây lúa để lúa trở đều, đầy hạt.

Lại có những bài học rất dài

đã được nông dân từ lâu gói ghém đầy đủ trong hai câu ca-đao :

Gió bắc là chông lúa chiêm

Gió đông là duyên lúa mùa.

vừa giải thích về thời vụ, vừa giải-thích về sinh-lý với lý luận giai đoạn phát dục của cây lúa, lại vừa có tính chất trữ tình.

Nhân dân lao động là người trực tiếp sản xuất, và trong quá trình sản xuất đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm phong phú. Nhưng những kinh nghiệm ấy còn tản mạn, chưa được nêu lên thành quy-luật. Chúng ta cần tổng kết lại, nghiên cứu xem thử những mối tương quan giữa những hiện tượng mà nông dân nêu lên đã dựa vào căn cứ nào. Khi nào chúng ta tìm ra được sự liên hệ tất yếu giữa các hiện tượng thiên nhiên ấy, thì kinh nghiệm ấy sẽ có một giá trị khoa-học.

LÊ - HUY - CẬN

(Khoa-học và kỹ-thuật — Paris)



* DANH NGÔN THƠ

Mọi sáng tác của trí-óc đều khởi điềm bằng ý-thơ.
(Toute création de l'esprit est d'abord poétique)

SAINT JOHN PERSE

(Thi-sĩ Pháp — Giải thưởng Nobel Văn-chương 1960)

yêu,
nhớ...



nó làm xao-xuyến tâm-hồn những cô nữ-sinh mới bước vào đường đời.

Yêu, thương, đó là cả cuộc đời của người phụ-nữ.

* DIỆU-HUYỀN

NGƯỜI đàn-bà sinh ra để yêu. Tình yêu là bản chất thiên nhiên của phụ-nữ. Nó rung động trong lòng cô gái quê cũng như nó ca hát trong tim nàng công chúa. Nó phăng-phất trong đôi mắt của vị Nữ Hoàng Anh quốc, nó đê-mê ảo-não trên nét mặt một cô Mọi da đen ở nơi rừng rú Phi-châu.

Nó rạo-rực trong giọng máu của các vị nữ Anh-hùng,

Người đàn-bà chứa-cham tình yêu, tình nhớ, cho đến đời nhiều khi nàng trông thấy vật gì trong vũ-trụ cũng chứa đựng cả tình yêu. Những cành hoa kia là tình yêu, những ngôi sao trên trời kia là tình yêu :

“ *Par des siècles d'amour tes cieux sont habités...* ” (Vòm trời khuya là những thế-kỷ của Tình yêu!) ANNA DE NOAILLES, Nữ thi-sĩ Pháp, đã viết như thế. Khi người đàn bà có MỘT NGƯỜI YÊU, bao nhiêu tình

yêu vũ-trụ, đều dồn về cả người đàn-ông lý-tưởng của mình, bởi tình yêu chân chính và nồng-nàn tha-thiết bao giờ cũng duy-nhất, trung - thành với lý tưởng thiêng-liêng cao cả.

Nữ thi-sĩ Anh CHRISTINA ROSSETH là con một ông giáo-sư người Ý nhập tịch dân Anh, và mẹ là người Anh, thế mà nàng vẫn bản khoán nhớ nước Ý, nơi sinh trưởng của nàng :
To see no more the Country half my own,

Amen I say...

(Quê hương tôi là một nửa người; tôi,

Nay không còn trông thấy nữa, than ôi !)

Thế nhưng khi nàng đã yêu, thì bất cứ người yêu ấy là người của nước nào, nàng chỉ biết đó là người của Trái tim nàng mà thôi. Nàng tự buộc mình vào tình yêu chàng :

Em như người bị trói

Trong giây áy tình của anh...

(As a captive in thy cord

Let that cord be love!...

Một thiếu phụ Nga - sô, như MARGUERITE ALIGUER, sống dưới một chế độ chính trị

nghiêm khắc, cũng không thể không thương nhớ người yêu dù chàng ra trận mạc :

Chàng đi đâu rồi ?

Chàng đi đâu xa phương trời ?

Hỡi người yêu ta ơi !

Vì, dù rằng tất cả cái gì trên xã - hội đều có thể là của chung chàng nữa, nhưng tình yêu nhất định là của riêng nàng thôi !

Nhớ người yêu đến đổi, ACHMATOVA (Nữ thi-sĩ Nga, 1946) đêm nghe tiếng thông reo, tự hỏi :

Em say-mê nghe tiếng thông,

Có phải tiếng chàng không ?

Khác nào cô gái Việt-Nam nhớ người yêu, mong chàng, nhìn đám ruộng dâu mà nhớ ai ai :

... Chỉ thấy ngàn dâu,

Ngàn dâu xanh ngắt một màu,

Lòng chàng, ý thiếp, ai sâu hơn ai ?

Một thiếu phụ Nga, hay một thiếu phụ Việt - Nam, một khi nhớ người yêu, đều cảm - giác như nhau cả. Nghe tiếng thông reo nhớ chàng, nhìn đám ruộng dâu nhớ chàng, trông lên đỉnh núi tuyết nhớ chàng, như RI. CARDA HUCH (Nữ Thi - s

Đức, 1947):

« ... Em nhớ anh

Dưới đêm trăng thanh vắng,

Nhìn núi cao tuyết trắng phủ đầu-hiu !...»

Cũng như AGNES MIEGEL (Nữ Thi - sĩ Đức, 1945) nhớ chàng mà thấy Trăng :

Ôi ! Trăng buồn, trăng xanh !

(O Mondlicht, traurig und blau !)

Phải, khi người đàn bà buồn, trông cái gì cũng buồn cả, mà đàn bà có gì buồn hơn là Tình thương nhớ, Lệ tương-tư, Sầu ly-biệt ?

« Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ .

Chàng Thi-sĩ mơ-mộng LA-MARTINE nhớ cô *Elvire*, buồn cho đến đổi :

Mọi vật đều hoang vắng

Chỉ thiếu một mình ai !

(Un seul être vous manque et tout est dépeuplé !)

Nhưng đây tôi không nói đến đàn ông. Tôi không muốn nghe giây đờn gảy nhịp của mấy chàng Thi-sĩ da-sầu da-cảm, bởi có người nói rằng :

Thi-sĩ là người yêu tất cả, mà chẳng yêu ai cả, nghĩa là người chẳng biết yêu. (*Le Poète*

est celui qui aime tout et qui n'aime rien, c-à-d. qui ne sait point aimer). Nói như thế có đúng chăng ? Dù sao với người đàn-ông, nhất là với Thi-sĩ, tình yêu bằng bột hình như chóng phai chóng nhạt, chớ người đàn bà đã yêu thì tha thiết say mê, nếu tình yêu ấy chân thật và nồng-nàn.

Các bạn hãy nghe một Nữ-sĩ Nga, ZÉNAIDE HIPPIUS (mới mất năm 1945) :

Trung-thành là vô-biến

Yêu đương là triền miên,

Cũng như cái chết

Yêu một lần rồi hết,



Chết chỉ một lần bằng xuôi,
Yêu cũng một lần thôi!

Một Nữ Thi-sĩ khác của Nga,
AKHMATOVA, nhớ thương
người yêu đã qua đời, buồn mà
than rằng :

Môi ta không nụ hôn,
Mắt ta không nụ cười,
Đầu ta không còn lờn,
Tim ta không còn tươi...!

Nữ Thi-sĩ Mỹ, ADNA MIL-
LAY, hiện còn sống, không phải
là đàn bà đa sầu như Akhmato-
va. Nàng yêu chàng, nhưng
nàng bận đi công cán một nơi
xa.

Nàng viết một câu chua chát
gởi chàng :

Mắt yêu đờng anh nhìn em một
phút.

Miệng tình tế anh nói ra đôi lời,
Chắc gì còn lại đời đời

Như gò đá chồm, như trời xanh
xanh..

(And love that stood a moment in
your eyes,

The words that lay a moment on
your tongue

Are one with all that in a moment
dies,

But I shall find the sullen rocks
and skies,

Unchanged from what they were
when I was young..!

Khác với các Thi sĩ Tây-
phương, Thi - nhân Nhật - bốn
điển tả tình yêu nhớ chỉ phớt



qua một nét mơ màng, như làn
gió thoảng bên rèm tơ. MIKU
ROFU hỏi người yêu sau phút
mê-ly ôm nàng trong giấc trưa:

— Em ngủ chưa, em ?

Nàng, mắt nhắm, mỉm cười
sung sướng :

— Em có chết trong phút này
cũng thỏa mãn!

Rồi buổi chiều, nàng đã xa,
Thi-nhân buồn bã nhớ tình nhân
trong hai câu thơ :

Hoàng-hôn, tuyết rụng trên hồ,
Lòng ta tuyết phủ ngập bờ tương-
tư !...

MIKU ROFU (Thế-kỷ XX)

Nữ sĩ KASA (Thế kỷ VIII)
nhớ tình quân trong vài câu
thơ ngắn mà tình thơ thì mênh-
mông vô hạn :

Yêu nhớ anh thiết-tha,
Em ngồi dưới góc thông trên núi
Nara,

Đôi hàng lệ sa!

Nhớ nhưng như cuồng như
dại, nhà thơ Indonesia (Nam
dương) CHARIL ANWAR,
mơ tưởng người yêu trong
mộng, một đêm xuân :

Trên Thiên-đàng, bờ sông Nhũ-Hà,
Ch muốn vịn nàng Tiên-Nga,

Nhưng đâu có ai đẹp bằng Nina
Với tiếng nói êm như tơ,
Với đôi mắt huyền-mơ,
Long-lanh trong sáng-mờ ?



Cô gái Indonesia còn đa-tình
hơn nữa. Nhớ người yêu xa
vắng, nàng nhìn lên trời, ngâm
bốn câu thơ tuyệt diệu (loại thơ
pantun)

Merpati terbang seribu,
Hinggap seekor ditengah laman

*Hendak mati diundjung kuku
Hedak ber kubur ditelapak tanyan !
(Nghìn chim bồ - câu bay rợp mây
xanh,*

*Một con dâu xuống đất xanh,
Em muốn nằm chết trên ngón tay
của anh
Và nằm nữa em nằm trong bàn tay
của anh !)*

Giai-nhân India (Ấn-độ) cũng
rất mơ mộng, mùa xuân đến,
nàng cũng nhớ người yêu (nàng
nhớ nụ hôn say mê của chàng
trong vườn đèn Chashm-i-Shahi):

*Em tìm trong cỏ xanh,
Ánh mặt trời chiều hôm trước.
Chỉ có ánh mắt của anh,
Long-lanh trong hai giọt nước
Trên ngọn cỏ xanh-xanh...*

Yêu ? Nhớ ? Cả một tấn kịch



trường-cửu mà phải đẹp phải
đóng vai trò diễn mãi trên sân
khấu của con tim!

DIỆU . HUYỀN



★ CÔ VÀ EM

Trong giờ học cách-trí ở lớp đệ-thất, cô giáo dạy cho học trò :
— Thế-kỷ 20 này, người ta đã phát-mình ra nhiều cái mới
lạ lắm. Trò nào thử kể ra cho tôi nghe những vật gì mà trước đây
50 năm chưa có ?

Một trò đứng dậy đáp :

— Thưa cô, trước đây 50 năm, cô và em chưa có.

B. T.

Những người đàn bà lừng danh trên Thế-giới

10. - CATHERINE II

(CATHERINE ĐẠI - ĐẾ)

Nữ Hoàng-Đế nước NGA

70 TUỔI VẪN CÒN... XUÂN !



★ TÂN . PHONG



Cũng như Từ-Hi Hoàng-thái - Hậu của Tàu, (xem Phò-Thông số 35.) Catherine Đệ-

Nhị, Nữ Hoàng-đế của nước Nga, (1729-1796) là một bậc phụ-nữ lừng-danh trong Lịch-sử thế-giới. Người Nga đã tôn bà là Catherine Đại-Đế. (Catherine-la-Grande). Khác hơn bà Từ-Hi tàn bạo và chính-trị vụng về, Catherine II là một vị Nữ-Hoàng sáng-suốt, cai trị rất khéo, điều khiển việc nước rất thông-minh, nhờ bà mà Đế-quốc Nga hồi Thế kỷ XVIII đã mở-mang phồn-thịnh, và gây được uy-tín lớn lao với các cường quốc trên Thế giới, ai cũng kính-nể, và được dân chúng Nga tôn sùng, yêu mến.

Nhưng Catherine II lại cũng nổi tiếng là một người đàn bà đa dâm. Về phương diện tình-dục, Catherine II của nước Nga không kém gì Từ-Hi Hoàng-thái-Hậu của nhà Mãn Thanh Trung-quốc hồi thế kỷ XIX.

Các nhà sử-học trên Thế-giới đã viết rất nhiều quyển sách về thời-đại Catherine Đại-Đế của Đế quốc Nga. Nhưng tất cả đều khen ngợi Bà và kính phục Bà,

Tuy đời tư của bà Nữ-Hoàng vĩ-dại này đã chứa đầy những tình-tình-sử-ly-kỳ, quái gở (ngoài những tình-nhân có tên tuổi trong lịch-sử: SOLTIKOF, ORLOFF, POTEMKINE, — nhất là Potemkine — PONIATOWSKY, LANDSKOI (một họa-sĩ 48 tuổi) ZOUBOV (một tên lưu manh 24 tuổi), còn vô số những tình-nhân qua đường, tạm bợ một vài tháng, một vài ngày, như người thợ rèn ZAVADOVSKI, anh binh nhì ZORICK, chàng thám tử ARKAROW, anh da đen YERMOLOFF, MAMONOV v.v., và v.v... không biết mấy trăm người!) tuy vậy, Catherine II vẫn còn để lại trong sử sách danh tiếng lẫy lừng của một vị Đại-Hoàng-Đế của nước Nga hồi Thế-kỷ XVIII. Dân-chúng Nga vẫn gọi bà là «Bà. Mẹ yêu quý của chúng ta»



Sinh năm 1729 ở Allemagne (Đức) tên thật của bà là SOPHIE ZERBST, con gái một vị hoàng thân nhỏ và nghèo. Năm 15 tuổi, Sophie được Nữ-Hoàng nước Nga lúc bấy giờ là Elisabeth gọi sang Nga để gả cho cháu ruột của bà là Thái tử PIERRE ULRICH, 17 tuổi.

Thái-tử Pierre là một thanh-niên vừa ốm yếu, vừa đần độn,



lại hay say rượu, hoang đường, tình-tình dè tiện, ít trí khôn. Tuy còn trẻ tuổi, nhưng chàng không chịu học hành gì cả, chỉ thích cời ngựa đi chơi lang thang cả ngày với mấy sĩ-quan hầu cận.

Hôn lễ được cử hành long-trọng ngày 21 tháng 8 năm 1744 tại Thủ-đô nước Nga.

Nhưng Thái-tử Quận-công Pierre hoàn toàn bất lực về sinh-lý, mà nữ Quận Chúa Sophie, vợ của chàng, thì lại rất đẹp và rất đa tình! Mới có 15 tuổi, Sophie đã ra trang sức, làm

dáng, cả ngày chỉ xức dầu thơm, nước hoa, và cười dỡn với các ông hoàng và các quận-công trai trẻ trong Cung, bạn thân của chồng. Tuy vậy, suốt chín năm đăng-đăng, Sophie vẫn trung-thành với Thái-tử Pierre, và cả trong Triều và ngoài dân-chúng kinh-đô Saint-Pétersbourg không một ai ngờ rằng sau chín năm thành-hôn với Thái tử, Nữ Quận-chúa Sophie vẫn còn tiết-trinh nguyên vẹn!

Thật là một chuyện hi-hữu trên đời. Không có người chồng nào ngờ-ngần đến đời cưới một cô vợ trẻ và đẹp tuyệt trần như Sophie mà chín năm trời không hề rời mó đến vợ! Sự thật, Thái-tử Pierre không phải là một chàng điên khùng, hay không biết ái-tình là gì. Nhưng chính tại vì chàng thanh niên đã 26 tuổi mà vẫn giấu kín không cho ai biết chàng bị một cái tật ở nơi bí-hiềm không cho phép chàng làm tròn bổn phận thiên-nhiên của người đàn ông đối với vợ. Tội-nghiệp cho Quận Chúa Sophie duyên dáng diễm kiều, mang tiếng là vợ chính thức của Thái-tử, Hoàng-hậu tương lai của Đại-Đế-Quốc Nga, mà phải chịu âm-

thăm đơn độc, nhịn suốt chín năm lạnh-lẻo, chưa hề được hưởng cái lạc thú mê-ly, say sưa tuyệt-diệu của ái-tình như tất cả những người vợ khác !

May sao, nhờ một Bác-sĩ danh tiếng, tên là BËRHAVE, có tài cao thuật khéo, đã dùng dao kéo giải phẫu để cởi mở cho Thái tử cái cục nợ thắc-mắc đã làm bí lối lưu thông của giòng men sinh-lực...

Bác-sĩ Berhave được Hoàng-hậu Elisabeth, cô ruột của Thái tử, ban tặng một viên ngọc Kim-cương to bằng ngón chân cái để thưởng công-ơn quý-báu của nhà đại y-khoa.

Hoàng-gia Nga và cả Triều-đình đều vui mừng vì nhờ biến-cổ quan trọng ấy mà từ giờ Thái tử Pierre sắp lên ngôi sẽ có thể tầm đầy-dủ bổn-phận sinh-lý của một người chồng, và ngai vàng của Đại Đế-quốc Russie sẽ chắc-chắn có người kế vị để nối giòng nối dõi về sau...

Thế rồi vợ của Thái tử, Nữ Quận-chúa Sophie, quả-nhiên có chửa.

Nhưng ai nấy đều ngạc nhiên, sao nữ Quận-chúa có chửa quá mau chóng vậy nhỉ ? Sau chín năm tinh-tiết cằn nguyên-vẹn vì chồng

bất-lực, bây giờ Thái tử vừa được Bác-sĩ khai-thông cho đường sinh-dục đầy-dủ khả-năng, và Nữ Quận-chúa cũng mới chính thức có thai được 4 tháng, mà nàng đã sinh ra một đứa con trai rồi !

Thái tử Pierre nhất định không tin rằng đứa con trai kia là con của chàng.

Thì có người chồng nào ngu-ngốc tin được rằng vợ mình mới có chửa với mình hơn bốn tháng đã sinh đẻ ? Thì đây, cái bí-mật đã tiết-lộ ra liền : Đứa con trai ra đời ngày 20-9-1754, tốt đẹp, kháu-khỉnh, rất khỏe mạnh, nhưng... không giống Thái tử chút nào cả !

Té ra đó là một đứa con ngoại-tình. Cả trong Triều, ai mà không biết chuyện Nữ Quận-chúa Sophie có một tình-nhân để thay-thế cho chồng trong lúc người chồng bệnh-hoạn, ốm-yếu, không có khả-năng sinh-lý để làm đầy-dủ bổn-phận đàn-ong.

Chính trong quyển nhật-ký của nàng, Quận-chúa Sophie cũng ghi-nhận rằng người tình vụng-trộm ấy là SOLTYKOFF, một vị thượng-quan trong Triều. Dù muốn dù không, đứa con trai kia cũng phải chính-thức là con của Thái tử ! Người ta đặt tên cho vị hoàng-nam bat ngờ ấy là PAUL PËTROVITCH, (sau sẽ lên Ngôi, tức là Hoàng-đế Paul Ier).

.....
Cuộc Đảo - chính trong trái tim
Quận-Chúa, và trên Ngai vàng nước Nga

N GÀY 24-12-1761, Hoàng-hậu Elisabeth băng-hà. Thái tử Pierre lên nối ngôi, lấy hiệu là Hoàng-đế PIERRE III. Bấy giờ ông đã ba-mươi-lăm tuổi. Nữ Quận-chúa Sophie được Triều-đình tôn làm Hoàng-hậu CATHERINE.

Một thời-gian không lâu, Triều-đình và dân chúng nhận thấy rõ ràng Pierre Đệ-Tam không xứng đáng là một vị Hoàng-đế của Russie, (Nga), một Đại Đế-quốc nằm giữa Âu-châu và Á-châu, diện-tích rộng lớn 22 triệu ki-lô-mét vuông, dân số gần 170 triệu người ! Pierre III theo chính-sách thân-thiện với Allemagne (Đức quốc) là thù địch của Russie, ông lại gây nhiều điều bất bình trong Quân-đội, và trong hầu hết các giới nhân-dân. Ông ban-bố nhiều sắc-lệnh độc-đoán, tăng thuế nặng-nề và ăn-chơi xa-xi. Ông đem một cô tình-nhân tên là VORONT-SOF, người xấu-xí, ăn nói tục-tỉu,

tính nết cộc-cằn, về ở trong cung với ông, ông muốn tôn nàng lên làm Hoàng-hậu, và không giấu-diểm ý - định hủy - bỏ giấy hôn-thú với Hoàng-hậu Catherine và bắt giam Catherine trong nhà tu kín. Nhưng ý định của Hoàng-đế chưa thực hiện được thì bỗng dựng xảy ra một cuộc đảo-chính bất ngờ, và khôn khéo, làm kinh-ngạc cả Thế-giới, mà người chỉ huy là Hoàng-hậu Catherine.

Không ai tưởng tượng được rằng Catherine, một người đàn bà hiền lành, rất khả-ái, mới có 33 tuổi, đã có những thủ-đoạn chính trị tài-tình như thế.

Lúc bấy giờ Catherine có một người tình, một vị quan cao cấp trong Triều, tên là GREGOR ORLOV, anh ruột của Đại-úy ALEXIS ORLOV trong quân-đội Nga-hoàng.

Tháng 6 năm 1762, Hoàng-đế Pierre III với nàng Cung-phi Vorontsoff đi nghỉ mát ở Hải-

cảng Oranienbaum, bỏ Hoàng-hậu Catherine ở lâu đài Peterhof, cách Thủ-đô không xa.

5 giờ sáng ngày 9 tháng Bảy, Hoàng-hậu Catherine đang ngủ ngon giấc thì có tiếng gõ cửa. Hoàng-hậu tỉnh dậy, lắng tai nghe, rồi giật nhiên hỏi :

— Đại-úy Orlov ?

Tiếng ngoài cửa đáp :

— Dạ phải. Đã đến giờ rồi, xin rước Hoàng-hậu lên xe.

— Chờ ta mặc đồ.

Hoàng-hậu Catherine mặc nhung-phục Đại-Tá Ngự-lâm-quân, mở cửa hỏi Đại-úy Orlov :

— Đã sẵn sàng cả rồi chứ ?

— Tâu Hoàng-hậu, xong cả. Chiều hôm qua, chúng tôi đã phao tin trong các trại lính ở Thủ-đô rằng Hoàng-đế đã bắt giam Hoàng-hậu rồi, và quân-đội phải cứu Hoàng-hậu.

Catherine gật đầu, rồi lên chiếc xe song-mã trực chỉ về Thủ-đô Saint Pétersbourg, cách đó ba chục ki-lô-mét. Trời mới mờ-mờ sáng, đường cái còn vắng teo, sương mù bao phủ cảnh vật chung quanh. Hoàng-hậu ngồi lặng lẽ trong xe, mắt đăm-đăm nhìn về phía trước, mong chóng đến

kinh đô. Bấy giờ trời sáng, mặt trời vừa mọc, thì chiếc xe song mã chở Catherine đã đến Saint Pétersbourg. Hoàng-hậu bảo Đại-úy Orlov đánh xe thẳng đến trại lính Ismailovski. Đến cổng trại, Đại-úy nhảy xuống xe, hô to khẩu hiệu :

— Catherine vạn tuế !

Toàn thể binh sĩ vừa mới ngủ dậy, đồ xô ra sân trại, ngạc-nhiên trông thấy Hoàng-hậu Catherine đẹp rực rỡ và oai-nghiêm lạ thường trong bộ nhung-phục Đại-tá Ngự-lâm-quân. Theo mệnh-lệnh của Catherine nên đánh đòn tâm-lý, thừa lúc binh sĩ say mê sắc đẹp lảm-liệt của Catherine, Đại-úy Orlov rút gươm sáng quắc, dơ lên cao và hô to :

— Catherine vạn tuế ! Catherine vạn tuế !

Thế là toàn thể binh-sĩ trại Ismailovski bỗng dựng hào hứng hô theo :

— Catherine vạn tuế !

Đại-úy Orlov lại hô to :

— Chúng ta tuyên thệ trung-thành với Nữ-Hoàng Catherine !

Toàn thể binh sĩ hô theo :

— Chúng tôi tuyên thệ trung-

thành với Nữ-Hoàng Catherine !

— Hoàng-đế Catherine vạn vạn tuế !

— Hoàng-đế Catherine vạn vạn tuế !

Catherine vừa duyên-dáng, vừa oai-nghi, đứng dậy, mỉm-cười, chào binh-sĩ.. Binh sĩ càng nhiệt-liệt hoan-hô. Cuộc đảo-chính khai-diễn bằng một nụ cười mỹ-nhân trong bộ nhung-phục oai-nghiêm !

Một sĩ-quan dắt đến một con ngựa trắng tuyệt đẹp, để Catherine cỡi. Catherine lên ngồi chễm-chệ trên yên ngựa, đi đến nhà thờ Kazan để làm lễ. Binh-sĩ trại Ismailovski có đội nhạc đi dẫn đầu, ào-ạt đi theo, cùng một số dân-chúng đông-nghệt, chưa hiểu rõ chuyện gì, cũng hân-hoan đưa vị Hoàng-hậu trẻ đẹp đến nhà thờ. Các trại lính khác trong kinh đô thấy vậy cũng tuyên-bổ ủng-hộ Catherine, và buổi trưa hôm đó nhờ sự tuyên truyền khôn-khéo, toàn thể thủ-đô Saint Pétersbourg đều náo-nhiệt « Hoan-hô Hoàng-đế Catherine II lên nối ngôi ! » và « Đả-đảo Pierre III ! »

Cuộc đảo-chính của Catherine thành-công mau-chóng là nhờ có ba yếu-tố : nhờ chế-độ độc-tài của Nga-Hoàng Pierre III đã làm cho

nhân-dân bị đàn-áp, đau-khò, và oán-thù nhưng không dám nói ra, nay có người cầm đầu khôn-khéo và can-dảm, nên họ ùa theo, nhờ cuộc bố-trí và tuyên-truyền tâm-lý trong quân-đội và quần-chúng, do Nữ-Hoàng khéo sắp-đặt, khéo vận-dụng thời-gian, và lời cuốn-được quần-chúng trong hoàn-cảnh phần-khởi đột-ngột. Dĩ-nhiên là cũng nhờ sắc-đẹp của Nữ-hoàng Catherine rực-rỡ oai-nghiêm trong bộ nhung-phục Đại-tá Ngự-lâm-quân.

Vua Pierre III lúc bấy giờ đang hú-hí với nàng Cung-phi Vorontsof ở thành-phố nghỉ mát Oranienbaum, chưa hay biết biến-cố bất-ngờ đang xảy ra ở Thủ-đô Saint Pétersbourg.

Cuộc Đảo-chính của Hoàng-hậu Catherine đã thành-công oanh-liệt chỉ trong một buổi sáng ở tại đây mà Hoàng-đế Pierre III không được một tin tức gì cả. Hải-hước nhất, là ngay buổi sáng ấy, ở tại Oranienbaum, Pierre III nghe lời nàng Cung-phi yêu-quý, sắp-sửa ký sắc-lệnh ly-dị với Hoàng-hậu Catherine, bắt giam bà trong một nhà tù kín, và tôn nàng Cung-phi lên chức Hoàng-hậu.

Buổi trưa ở Thủ-đô dân chúng treo cờ hoan - hô Nữ Hoàng Catherine II, tân Hoàng - đế, thì 5 giờ chiều Catherine vẫn mặc nhung-phục Đại-tá ngự-lâm-quân cỡi con bạch - mã đi đầu đoàn-quân mấy ngàn người, và cả dân-chúng hăng-hái đi theo, trực-chỉ đến thành-phố Oranienbaum, nơi Hoàng- đế Pierre III đang nghỉ mát.

Tất cả đều đi bộ, như một cuộc đi chơi mát xa mười cây số.

Đọc đường, quân-đội và dân-chúng vẫn hô to liên tiếp hai khẩu hiệu :

— Đả đảo Pierre III ! Hoan hô Hoàng-đế Catherine Đệ Nhị !

Đoàn người lữ hành vừa đi vừa ca hát, thật là vui vẻ, dưới một vòm trời đã tối đen, lấp lánh muôn vạn ngôi sao. Catherine II mặc quân-phục ngồi trên lưng ngựa trắng, đi dẫn đầu, được coi như là vị Nữ-thần của tuổi trẻ và của chiến-thắng..

Ở Oranienbaum, mãi đến gần tối Hoàng-đế Pierre III mới hay tin cuộc đảo-chính, và được người thân tía báo cho hay là Hoàng-hậu Catherine đang kéo quân đội đến Oranienbaum. Nhà vua liền cấp tốc đến trại lính Thủy-quân ở

Cronstadt, hô-hào hải-quân chống cự đoàn « quân phiến loạn ». Nhưng Hải-quân cũng đang thù ghét chánh sách độc tài của Nga Hoàng, nên sửa soạn đón tiếp Catherine và không tuân lệnh Hoàng đế nữa. Pierre III thất-vọng và sợ hoảng, phải vội vàng quây về Oranienbaum, phái một vị Đại-thần đi đón đường Catherine để điều-định. Nhưng Catherine bảo :

— Người về tàu lại với Hoàng đế hãy ký giấy thoái-vị, thì sẽ giữ được tính mệnh.

Pierre III sợ chết, lập tức ký giấy thoái-vị. 8 giờ tối, Catherine đến Oranienbaum, được dân chúng đốt đèn đốt đuốc ra tận ngoại-ô đón tiếp, hoan hô nhiệt liệt.

Hoàng đế đến xin yết - kiến, nhưng Hoàng-hậu không tiếp. Hoàng-hậu truyền lệnh cho một toán lính gái Pierre III đến giam giữ tại một biệt-thự ở giữa đồng quê Ropscha. Ông khóc-lóc, năn-ni quân-lính cho ông đem theo ba món đồ mà ông quý nhất : một cây đàn violon, một con khỉ, và cung-phi Vorontsof. Nhưng quân-lính không cho ông mang theo một món nào cả.

Cuộc Đảo chính trong trái tim của Hoàng-hậu Catherine và trên ngai vàng của Đại-Đế-quốc Nga, đã thành-công vẻ-vang, tốt đẹp, hân-hoan, không rơi một giọt máu.

Catherine trở về Thủ-đô Saint Pétersbourg, được toàn thể dân chúng và Quân-đội đón tiếp nồng-nhiệt.

Bà lên ngôi Hoàng-đế, lấy hiệu là Hoàng- đế Catherine Đệ - Nhị,

và cai-trị ba mươi bốn năm, cho đến khi băng-hà (Tháng 11 năm 1796), thọ được 67 tuổi.

Trong bài sau, tôi sẽ viết về những cuộc tình - duyên « vô-số » của Bà Nữ-Hoàng phi - thượng này... Cho đến khi 67 tuổi, già lụ khụ, bà còn yêu say mê một sĩ quan hầu cận mới 24 tuổi và chết trong tay chàng!..



* À PHẢI, CHỈ CÓ 4 CHÂN !

Nhà Đại-kịch-st Sacha Guitry có kể chuyện buồn-cười sau đây :

Một đêm, một bà nọ đang nằm trên giường với tình-nhân. Ông chùng về. Người tình nhân vội-vàng chui rón d-rời mền, bên mép giường. Bà vợ nằm giữa. Ông chùng thay đờ rời lên giường nằm, không biết gì cả.

Chập lầu, ông chùng nằm không yên, quấy cựa một lúc rồi nói với vợ :

— Lạ nhì. Trên giường chỉ có hai đũa mình mà hình như có 6 cái chân.

Bà vợ bảo :

— Sáu cái chân ? Ông đếm lộn sao chứ ! Tôi chỉ thấy có 4 cái chân thôi.

Ông chùng ngồi dậy, bước xuống giường, đếm lại trên giường quả thật chỉ có 4 cái chân. Ông bảo :

— Ừ nhai, chỉ có 4 cái chân. Rồi ông yên trí nằm ngủ.

B.T.



NGƯỜI

kiều-nữ

THÔN ĐÔNG

* NGUYỄN - THU - MINH

L IÊU - Trang là một chàng trai rất khôi ngô tuấn tú, ở làng Trung Bắc. Con nhà giàu có, tính tình hòa nhã, vui vẻ, thích hoạt động, thường hay xuôi thuyền về Nam buôn bán. Mỗi bận xuôi Nam, chàng hay cho thuyền ghé lại ở bến Liễu-Khê thuộc làng Xuân Ngạn, huyện Dương-Nam.

Một hôm, trên đường vào chợ,

đọc đường tình cờ Liễu-Trang gặp một kiều-nữ từ thôn Đông đi ra, theo sau là một con hầu gái. Thoạt liếc trộm dung nhan kiều-nữ, Liễu-Trang bỗng đứng cảm thấy lòng rung động, bàng hoàng như người vừa qua cơn mê, kiều-nữ thật là một trang tuyệt-thể giai nhân. Chàng đang đắn đo kiếm cách ước hỏi, vì ngại nôi đường xa đất lạ, xứ người, khó bề cư xử nên tâm trí cứ bị bứt rứt hoài... khó lòng giải tỏ.

Cứ thế mà đành ôm mối tình hão huyền phó mặc cho thời gian

NGƯỜI KIỀU NỮ THÔN ĐÔNG

trôi qua gần chín trăng tròn, Liễu-Trang vẫn sống trong sự thấp thỏm, nhớ nhung, dù chàng quyết tâm xuôi Nam rất nhiều lần để mong gặp lại người đẹp, thì may thay, nhân buổi đầu Xuân, Liễu-Trang đang đi được nửa đường chợt gặp lại kiều-nữ, nhưng nàng đã bước sen thoãn thoắt và khe bảo đưa hầu gái :

— « Tính cũng gần một năm trời nay, ta mãi ham mê giấc mộng xuân tình đến nỗi không hề đặt chân đến cầu Liễu Khê, chẳng biết dạo này cảnh sắc nơi ấy ra sao. Vậy đêm nay nhân đầu Xuân, khí trời mát mẻ, lại có trăng tỏ đẹp, ta định qua thăm lại cảnh cũ, chẳng hay người có thuận theo ta không ? »

Con hầu khe cúi đầu vâng theo. Liễu-Trang chú ý lắng nghe được, lòng mừng lắm, nhất định tối nay đến rình cho kỳ được.

Thế là tối ấy, Liễu-Trang đến jén ngồi trước bên mé cầu Liễu Khê, để chờ nàng đến. Mãi vào khoảng canh hai, kiều-nữ cùng con hầu mới đến dạo xem phong cảnh, và có mang theo một cây đàn. Khi đến đầu cầu, kiều-nữ bỗng đứng lại thở dài than vãn, rồi ngồi tựa vào thành cầu, lấy đàn ra gảy vài khúc đoạn trường, nghe

thật bi ai, thống thiết... Được một lúc, xem chừng như đã quá đau buồn, sầu muộn, không ích gì, nàng chẳng muốn gọi thêm sự khổ tâm ấy bèn trao đàn cho ả hầu rồi đứng dậy nói như than trách :

— Thật là số phận hẩm hiu, bèo bọt, muốn mượn tiếng đàn cho khuây khỏa nỗi lòng u ầu bấy nay nhưng hiềm nỗi kẻ tri âm lại xa xôi cách trở đâu có hiểu rõ cho cùng, thôi thì đành ôm mối u hoài mà ra về vậy.

Nàng và ả hầu định sửa soạn xoay lưng ra về, Liễu-Trang bèn vội vả bước tên cầu, khe cúi đầu vái chào :

— Xin tiểu thư hãy vui lòng đừng lại giây lát mà khoan dời gót ngọc để tôi được hầu chuyện đôi lời cùng tiểu thư. Vì chính tôi là tri-âm của tiểu thư đây.

Kiều-nữ giật mình quay lại nhìn chàng :

— Ô ! Quả chàng đấy ư ? Thiếp không ngờ lại được cái vinh hạnh gặp chàng nơi đây. Sở dĩ, những lúc gặp chàng ở giữa đường nên chẳng tiện cho thiếp giải bày, mà đành để lòng sầu muộn nhớ thương riêng mình. Nay nhân lúc dạo chơi trong đêm khuya cho khuây khỏa nỗi lòng

hì được gặp chàng. Thật là duyên trời đã định sẵn... Nhưng, riêng thiếp còn ngại nỗi quê mùa, xấu xí, phận hẩm duyên ôi, sợ e không được xứng đôi đẹp lứa với chàng thôi.

Nàng vừa dứt câu, Liễu Trang đã vội đáp:

— Xin tiểu thư đừng quá khiêm nhường như thế, phận tôi hèn mọn, con nhà buôn bán mà được tiểu thư đem lòng đoái thương đến đã là điểm phúc cho tôi lắm rồi, còn đâu dám nghĩ đến những chuyện cao xa...

Kiều - nữ vẫn lặng yên không nói lời nào. Thấy thế, Liễu Trang đoán chừng như nàng đã ưng thuận mới dám đánh bạo trò chuyện hỏi lần đến gia thế, họ tên. Sau một hồi lưỡng lự, kiều nữ ngược mắt mơ buồn nhìn Liễu-Trang, chậm rãi trả lời:

— Chàng thật tình đã không chê cười mà hỏi đến, thiếp cũng không dám giấu gì. Tên thiếp là Phương-Lan, họ Đào, quê quán ở thôn Đông, là cháu nội cụ An-Đình Thái-sư triều Lê. Chẳng may cha mẹ sớm về nương cửa thiên, nên từ đó gia cảnh lâm vào vòng túng bấn, phải đến ở nhờ với người ông. Nhưng cách đây

gần một năm, người Ông bắt ép gả thiếp cho một phú hào già nua, lại có tính ác độc, thiếp không chịu nên phải trốn nhà ra ở ngoài này. Và cũng từ đó, thiếp vì quá buồn bã, thiếu thốn mọi bề mới đâm ra liều lĩnh, phó mặc cho cuộc đời xô đẩy, ham vui vầy trong những cuộc ái ân vụng trộm, thuê thõa xuân tình.

Giọng nói của kiều-nữ mỗi lúc mỗi thống thiết, lâm-lý, lại thêm đôi mắt long lanh hai ngấn lệ từ từ lăn xuống gò má phơ phớt hồng; càng làm Liễu-Trang thêm cảm động, xao xuyến cả tâm thần, không còn biết gì nữa, bèn buông lời an ủi, âu yếm vỗ về và khảm khoản mời nàng quá bộ xuống thuyền chàng chơi cho biết.

Khi hai người đã đưa nhau xuống thuyền. Kiều nữ đưa mắt liếc Liễu Trang mỉm cười rồi kè vào tai mà nói nhỏ:

— Trải qua bao lâu nay chịu lắm sầu khổ, quạnh hiu, không người đoái hoài. Nay được điểm phúc gặp chàng đoái thương đến tấm thân cô lẻ, hương sắc phai tàn này, khiến thiếp vô cùng bối rối, chẳng biết lấy gì đền đáp tình chàng. Vậy thiếp chỉ còn cách là xin dâng trọn cả cuộc đời

thiếp cho chàng đem nay, dù ngày mai âm dương có cách biệt, thiếp cũng được hả lòng chí nguyện, không còn hối tiếc gì nữa. Thân thiếp bấy nay chẳng khác gì cánh hoa tàn mà được chàng rưới cho chút sương đêm, cùng hồi thêm sinh lực, thì còn gì mà không vui hưởng...

Liêu-Trang như bị mê hoặc trước vẻ đẹp kiêu diễm và lời nói quá ư ngọt ngào quyến rũ của kiều-nữ, chàng đưa tay ra kéo nàng vào lòng, ôm ghì hôn lấy hôn để một cách vô cùng say sưa âu yếm. Kiều nữ không một cử



chỉ kháng cự, từ từ đưa tay ra kéo tấm màn đào xuống và bảo chàng tắt nốt ánh nến... Cuộc ân ái giữa hai người bắt đầu trao gửi từ đây trong khoan thuyền vắng lặng đầy êm đẹp!

Ngoài trời cũng vừa lúc trăng đang bị áng mây đen che lấp ánh

sáng dịu hiền.

Sau những thú vui âm dương hội hợp cho bỏ những ngày dài khao khát, mãi đến khi gà gáy sáng, nàng mới từ biệt Liêu-Trang ra về. Và cũng từ hôm đó, đúng như lệ thường, đêm nào nàng cũng trở lại với chàng để vui vầy ái ân.

Thấm thoát hơn hai tháng trôi qua, vài người bạn buôn bán hay được chuyện, bèn ngỏ lời khuyên Liêu Trang :

— Nghĩ chỗ thân tình quen biết xưa nay, chúng tôi có lời khuyên bác hãy nên dè dặt ở nơi xử lạ quê người, đừng dễ bị tai tiếng không hay. Ai lại đem lòng gió trăng quyến rũ đào thơ liễu yếu như vậy bao giờ. Cứ nhìn cốt cách, vóc dáng, như thế. Nếu không là phòng khuê gác tía cũng đứng vào hàng thượng lưu, khá giả chứ chẳng chơi. Hơn nữa, bác chưa tường gốc gác, nhà cửa người ta, lỡ một ai biết được cơ sự thì bác tính sao tiện, việc đời không chóng chày cũng sẽ đổ vỡ người hay. Chi bằng cơ sự đã vậy, bác cũng nên liệu bề tìm đóa nhà cửa mà phân xử cho hợp lẽ. Nếu sau nay không thành tựu cũng khỏi phiền lụy, tai tiếng ở đời.

Nghe các bạn khuyên điều hay lẽ phải, Liêu Trang suy gẫm thấy đúng, nên ngay tối ấy, đợi nàng

đến, chàng liền ôn tồn bảo :

— Lâu nay tuy chúng ta sống với nhau rất đôi chân thực, không che dấu điều gì, nhưng còn mỗi một chuyện mà nàng chưa bao giờ cho tôi được biết về nhà cửa, họ hàng, thành thử tôi không bao giờ yên dạ vui hưởng trọn vẹn tình yêu nàng đã ban cho !

Kiều-nữ nghe xong, bèn sa sầm nét mặt mà rằng :

— Sở dĩ thiếp chưa nói để chàng rõ, bởi vì chuyện gặp gỡ này chưa biết ra sao, sợ có lắm điều không tiện cho chàng mà thôi. Và chẳng nhà cửa thiếp cách đây cũng chẳng bao xa nên thiếp còn đợi xem cơ hội thuận tiện sẽ mời chàng đến chơi cũng không muộn.

Mặc dầu nàng đã nói thế, nhưng Liêu Trang vẫn cố nài nỉ cho bằng được mới chịu. Biết không nói ra cũng chẳng được, cuối cùng nàng phải đành lòng, hẹn vào lúc sang canh hai sẽ đưa chàng về nhà nàng ở.

Đêm ấy, lại đúng vào một đêm không trăng, sao, bầu trời tối như mực, giữa tay chẳng trông thấy. Kiều nữ bèn đưa Liêu-Trang về thôn Đông. Sau một đôi đường dài vắng vẻ, sầm uất, lạ lùng thì đến một khu vườn khá rộng, xung

quanh đầy tre nứa vây bọc, trông âm u tịch mịch như một nơi hoang dã xa xôi nào mà từ trước đến giờ chàng chưa hề trông thấy. Giữa khu vườn là tòa nhà động lầy, nguy nga, bên phải có hồ sen, bên trái trồng đầy hoa và cam. Kiều-nữ quay sang Liêu-Trang rồi đưa tay trở vào ngôi nhà mà bảo :

— Nhà thiếp đây, giờ chàng đã rõ, mời chàng cứ tự nhiên theo thiếp.

Xong, kiều nữ cất tiếng gọi :

— Hảy mau mở cửa, để đón Trang công-tử đến chơi.

Liêu-Trang đang mãi-mê nhìn cảnh vật khác thường của khu vườn, bỗng có tiếng động, cánh cửa từ từ hé mở. Bên trong tối đen không một ánh đèn, Liêu-Trang cùng kiều-nữ chưa kịp bước vào, thoảng từ trong hắt ra một luồng gió mát đến rợn cả người cùng với mùi hôi hăng hắc như mùi từ-khí, khiến chàng rùng mình sợ hãi định thối lui thì kiều-nữ đã cầm lấy tay chàng kéo vào trong rồi chỉ xuống chiếc ghế bảo chàng :

— Hảy ngồi tạm nơi đây đợi thiếp kiếm lửa đốt đèn cho sáng, chàng đừng ngại gì cả.

Liêu-Trang như người mất hồn, làm theo kiều-nữ, nhưng mắt đắm đắm nhìn nàng chấp chóa trong bộ xiêm y từ từ rơi khỏi tấm thân ngà ngọc.

Ánh đèn bật sáng. Liêu-Trang trờ trờ chừng như đang ở vào giấc mơ huyền diệu nào, nhưng sau một hồi định-thần nhìn kỹ, trước mắt chàng không gì khác hơn là một cỗ áo quan sơn son thếp vàng, đặt nằm trên một bực gỗ đã được phủ một tấm lụa điều, mặt giữa có đề mấy chữ « ĐÀO PHƯƠNG-LAN chi mộ » màu trắng bạc. Chàng hông quan tài là một cỗ giá đứng hầu, ôm đàn tạc bằng đá, ở cuối phía hữu để một chiếc đôn chạm trổ rất tinh xảo và một cái bàn lớn, giữa thấp ngọn nến sắp tàn. Liêu-Trang sợ quá, lạnh toát cả người, rợn tóc gáy, định chạy thoát ra ngoài, nhưng kiều-nữ đã nhanh tay níu chàng lại, cười bảo :

— Sao chàng nữ nhân tâm bỏ thiếp lại đây mà về ? Những lời thề ước mà chàng hứa bên cầu Liễu - Khê nay chàng quên rồi ư ? Và lại chàng đã không quàng đòng xa đến đây hảy xin ở lại cùng thiếp cho phải đạo vợ chồng, sống chết có nhau.

Nếu chàng một mực có ý ruồng rẫy, thiếp nhất quyết không để chàng ra khỏi chốn này đâu. Từ lâu, thiếp đã sống trong cô đơn, hiu quạnh để chờ đợi, chàng cũng nên nghĩ tình mà ở với thiếp cho có bạn, sớm hôm an ủi nơi đất khách quê người.

Liêu-Trang cố vùng vẫy đứng dậy thoát thân và cố hét to cầu cứu, nhưng không làm sao tránh được, chân tay như bị cột chặt xuống thân ghế. Kiều nữ nhìn vào mặt chàng tỏ vẻ giận dữ:

— Đố chàng thoát khỏi tay thiếp mà về cho dặng.

Liêu-Trang run lên cầm cập, nhìn kiều-nữ tỏ vẻ cầu khẩn, thì may thay, nhân lúc kiều-nữ bất ý nhìn đi nơi khác, chàng không để lỡ cơ hội, hất tay nâng bỏ chạy. Lạ thay, vừa đến cửa, liền bị vấp ngã nằm chết giắc tại đó.

Sáng hôm sau tỉnh dậy, Liêu-Trang bỡ ngỡ nhìn quanh, mới hay là chàng đang nằm sóng soài trên một nấm mộ giữa khoảng đất hoang giáp giới thôn Đông, đầu kê vào một tấm bia, nét chữ quanh lau cỏ mọc đầy...

Nhớ lại câu chuyện đêm qua, Liêu-Trang rùng mình vội vùng

dậy cầm đầu chạy một mạch về thuyền, không nói năng gì cả.

Về đến thuyền, mọi người quen biết xúm lại hỏi thăm chàng hôm qua ở đâu không về, chàng chỉ đáp qua loa là ở lại chơi nhà một người bạn thân trong Xuân Ngạn...

Ngay chiều hôm ấy, Liêu-Trang bèn trở vào thôn Đông dò hỏi người trong thôn về ngôi mộ ấy, thì chàng được biết là của người cháu gái quan Thái-sư An-Đình, tên Đào Phương-Lan, chết cách đây gần ba năm.

Và cũng từ đó, Liêu-Trang nhuốm bệnh nặng, ngày càng trở nên gầy ốm xanh xao. Tỉnh-thoảng giữa lúc đêm khuya lại hét lên những tiếng rất kinh khủng, mồm lẩm bầm gọi tên kiều-nữ như người nôi cơn mê sáng:

— Phương Lan! Phương Lan!
Hãy đợi anh cùng theo cho trọn đạo vợ chồng. Đừng bắt anh ở lại đây một mình nơi cô quạnh, lạnh lẽo này. Chờ anh, Phương Lan ơi! Phương-Lan ơi!

Tiếng gọi ngân dài trong đêm khuya nghe đến lạnh người, làm mọi người quanh vùng Liễu-Kê thêm khiếp đảm. Và lâu lâu vào những đêm trăng mờ, người trong

vùng lại thấy bóng Phương-Lan ngồi đàn hay khóc lóc ở mé cầu Liễu-Kê, lại có khi đứng trên bến Liễu-Kê tru tréo, gào thét.

Độ một tháng sau, nhân một đêm mọi người ngủ say, lúc sáng bình tỉnh dậy, nhìn vào thuyền không thấy Liêu-Trang đâu cả, vội rủ nhau đi tìm, khi đến khu đất hoang giáp giới thôn Đông, thì thấy chàng đã nằm chết cứng bên má của Đào Phương-Lan. Mọi người nghĩ thương hại nên cũng chôn chàng luôn tại khuôn đất bên cạnh mộ kiều-nữ họ Đào.

Nhưng, cũng từ buổi đó trở đi, người trong thôn mỗi khi ngang qua khu đất này đều thấy hai người đi nhau dạo chơi vui đùa, ca hát, lắm khi lại phá phách, quấy nhiễu dân trong vùng, làm mọi người lo sợ phải lập am thờ...

... Tương truyền, nơi am ấy có một cây cỏ thụ cành lá sum-sê xanh rì sống hơn mấy trăm năm. Và linh hồn của hai người đã thành yêu thành quỷ, hễ ai sơ ý đi ngang ngược lên nhìn thì về bị đau ốm, người quanh vùng đã nhiều phen kiếm cách triệt hạ cây, nhưng không làm sao được, dùng búa rìu bổ vào thân cây, vẫn không hề sức mẻ, còn bị đau, chết.

Cho đến một hôm, có một đạo

nhân qua ngang vùng, nghe ông già bà cả kể lại chuyện lạ lùng ấy, bèn mỉm cười bảo:

“Chẳng có gì lạ, đó là loài yêu quỷ sống đã lâu năm, hay phá phách. Nay nhân dịp ngang đây không nề làm ngo, phó mặc những chuyện càng dở, ác độc... Chẳng khác gì giúp cho phùng trộm cướp giết hại dân lành.”

Nói rồi đạo nhân bảo mọi người trong vùng hãy lập đàn cúng tế, và viết hai đạo bùa, một dán ở gốc cây cỏ thụ, một làm lễ vái xong rồi đốt, thời tàn bay lên khoảng không, miệng lẩm bầm như đọc thần chú:

“Hỡi loài yêu quỷ ác hại, lâu nay đã làm điều xằng bậy dâm ô, gieo tai vạ tiếng. Nay nhờ các thần-linh mau mau ra tay trừ diệt h...u...pha...à...pha...à...”

Đạo nhân vừa đọc dứt câu thần chú, bỗng mây đen, gió nổi từ đầu kéo đến, bốc bụi bay ngút trời, kể là những tia chớp sáng loé vây quanh cây cỏ thụ cùng với tiếng đổ gậy trắc đến tận rễ. Đồng thời lúc đó mọi người ngược lên trời nhìn, thấy mập mờ những hình nhân kỳ quái cầm giáo mác dẫn hai người mặc đồ trắng đi biệt lên không trung.

Đến khi bầu trời quang đãng trở lại, mọi người nhìn lại đạo nhân để tạ ơn, nhưng không thấy đạo nhân đâu cả...

(Xuân Tân-Sửu 1961)

Đây là một trận-giặc độc-đáo và ly-kỳ kinh-khủng trong lịch-sử chiến-tranh thời Trung-cổ ở Trung-Quốc và cả trong lịch-sử chiến-tranh Thế-giới. Ngựa và voi ra trận đã thành ra một chuyện rất thường, ở Tây-phương cũng như ở Đông-phương. Trâu ra trận, ấy mới là chuyện hi-hữu. Đây tôi xin thuật lại trận giặc Trâu ở bên Tàu, hồi thế-kỷ thứ V, ở nước Tề.



NGUUYÊN-Soái ĐIỀN ĐAN ngồi trong thành Tức-Mặc, bắn khoan lo nghĩ. Cứ lấy sức người mà chống lại sức người, thì quân nước TỀ chắc chắn là phải thua quân nước Yên rồi đó, và thành trì này chỉ trong một sớm một chiều sẽ bị thất thủ, khó mà chống giữ lại được. Quân Yên đang bao vây chung

ĐOÀN R CHIẾN

★ TÂN - PHONG

quanh, đông như kiến, lô nhô lút nhút khắp các mặt trận ngoài thành, ngày đêm đánh phá, làm cho tinh thần quân dân nước TỀ đã phải toì bởi khủng khiếp bao phen.

Điền-Đan Nguyên-Soái há dành bó tay đầu hàng, để cái nhục nghìn thu với hậu thế ư? Không! Vị danh tướng nhà TỀ quyết dùng hết kỹ thuật chiến-tranh bằng trí óc, phải đánh một đòn mưu-kế

TRÂU A TRẬN

tài tình và một đòn tâm lý để chiến thắng đại quân của nước Yên gấp ba lần đông hơn quân TỀ!

Nguyên Soái tùm tùm cười, gọi một tên lính quen hầu cận ông, một chú ' binh nhì ' ngớ ngẩn :

— Mày bôi mặt đỏ, mặc áo đỏ, đội mũ đỏ, mang đôi hia đỏ, ngồi trên cái ghế cao này đây, để cho tao lay mầy, nghe chưa?

— Dạ.

— Mày tự xưng mầy là 'Tướng

nhà Trời', do Ngọc-Hoàng Thượng-Đế sai xuống để cứu nhà TỀ, nghe hiểu chưa?

— Dạ.

— Rồi mầy ngồi yên-lặng trên ghế cao đó, để cho tao lay mầy, và các tướng sĩ lay mầy, mầy nghe hiểu chưa?

— Dạ.

— Rồi mầy nói to lên : ' các tướng-sĩ hãy đi ra hết, một mình Nguyên soái ở lại nghe ta truyền mật lệnh để cứu nước TỀ '. Mầy nghe rõ chưa?

— Dạ.

— Xong rồi, mầy làm thỉnh, đừng nói gì nữa hết, nghe chưa?

— Dạ.

— Nếu mầy làm không đúng như lời tao dặn, tao sẽ chém đầu mầy!

— Dạ.

Người lính vội-vàng tuân-lệnh Nguyên-soái, bôi mặt đỏ, mặc áo đỏ, đội mũ đỏ, mang hia đỏ, và leo lên chiếc ghế cao, ngồi chóc-ngóc trên đó.

Thế rồi Nguyên-soái Điền-Đan truyền lệnh thổi loa kêu gọi tất cả



các tướng-sĩ tụ-hội nơi Tổng-hành-dinh để nghe lệnh của Tướng nhà Trời. Tiếng phèng-la và tiếng trống nổi dậy inh-ỏi cả thành Tức-Mặc, hàng ngàn tướng-sĩ đến nơi thấy một cảnh tượng phi-thường, kỳ-dị : Nguyên-soái Điền-Đan mặc áo cầm-bào, dang súp lạy một hình người mặt đỏ, áo đỏ, mũ đỏ, hia đỏ, ngồi trên ghế cao chót-vót .

Hình người phán rằng :

— Ta là Tướng nhà Trời, do Ngọc - Hoàng Thượng - Đế sai xuống để cứu nhà Tề đây, nghe chưa ?

Nguyên-soái Điền-Đan cúi đầu cung kính :

— « Dạ ! », và súp xuống lạy Tướng nhà Trời.

Toàn-thể tướng-sĩ đều bắt chước theo Nguyên-soái, cúi đầu cung-kính :

— « Dạ ! » và súp xuống lạy Tướng nhà Trời.

Tướng nhà Trời bảo :

— Các tướng-sĩ hãy đi ra hết, một mình Nguyên-soái ở lại nghe ta truyền mật lệnh để cứu nước Tề. Nghe chưa ?

— Dạ !

Nguyên-soái xây lại bảo các tướng-sĩ :

— Các người hãy lạy Thiên-Tướng ba lạy để tạ ơn Trời, rồi đi ra hết, để một mình ta ở đây lĩnh-giao mật lệnh của Thiên-Tướng.

Các Tướng - sĩ vâng lời lạy Tướng nhà Trời ba lạy, rồi đi ra hết. Tất cả đều sợ-sệt, nhưng vui mừng, đồn rầm-rỉ ra đến ngoài thành cho mọi người biết là có Vị tướng nhà Trời giáng xuống Tổng-hành-dinh Nguyên-soái để cứu binh-sĩ nhà Tề.

Quân lính nước Yên cũng nghe tin đồn ấy, nhưng họ chưa tin.

Điền-Đan lại truyền mật lệnh cho nhân-dân trong thành, ngày hai buổi phải bày đủ các thứ trái cây và các giống ngũ cốc ngoài sân để tạ ơn Tướng và Trời. Nhân-dân nghe theo, và từ đó các loài chim thấy có nhiều đồ ăn trong thành, bèn bay đến tấp nập và đậu xuống bay lên, từng đoàn chim, rợp trời, trên thành nhà Tề.

Tướng-sĩ nhà Yên vây ngoài thành, trông thấy cảnh tượng chim bay đến đông nghịt như thế, và ca hát líu lo có vẻ nô nức vui mừng trong thành Tức-Mặc, mới bắt đầu nửa tin nửa ngờ là có Tướng nhà Trời giáng xuống để giúp nhà Tề thật chẳng?

Đó là chiến thuật gây hoang-mang, sợ hãi trong quân sĩ nước Yên. Nhờ đó một số đông binh-sĩ nước Yên đã bị tinh thần lung lạc khá nhiều.

Nguyên-soái Điền-Đan lại lên cho Thám-tử trà trộn trong binh-sĩ nước Yên, và bày mưu mẹo như thế này : nhân dân nước Tề ở trong thành, nhưng mờ mả ông bà cha mẹ của họ đều xây đắp ở ngoài thành. Nếu quân-sĩ nước Yên đào những mồ mà ấy thì người nước Tề sẽ xin đầu hàng hết để khỏi bị cái nạn quật mồ. Tướng nước Yên nghe như thế liền truyền lệnh cho binh-sĩ đem cuốc ra đào hết các mồ mả của người nước Yên, để đợi người nước Tề ra xin đầu hàng. Không dè Nguyên-soái Điền-Đan tuyên truyền với nhân dân trong thành là người nước Yên thật là vô nhân đạo, đã vây thành nước Tề lại còn đào mồ mả của dân nước Tề ! Do đó mà gây được lòng công phẫn của nhân dân, họ oán thù quân nhà Yên đến cực độ, quyết một pheo rửa hận và nguyện uống máu ăn gan của quân bạo tàn man-rợ.

Đó là chiến thuật gây lòng căm thù của dân chúng đối với kẻ địch vậy.

Mưu kế đã thắng lợi, Điền-Đan liền bắt đầu dự bị tổng phản công. Ông hô hào sung công tất cả trâu của dân chúng. Trâu đực, Trâu cái, Trâu mẹ, Trâu con, Trâu già, Trâu nghé, tất cả hơn một nghìn con đều được tập trung về hết một khu đất trống trong thành. Để cho binh sĩ và nhân dân đều một lòng hăng hái tuân theo chiến thuật, ông bảo rằng đây là mưu kế thần thánh của Tướng nhà Trời bày ra cho ông để tiêu diệt quân nước Yên và đem về đại thắng cho nước Tề. Tất cả một nghìn con trâu đều mang một lớp áo đỏ vào thân, vẽ thêm các màu sắc lòe loẹt. Gươm, dáo, mác, cột chặt vào các sừng trâu, đưa mũi nhọn ra trước. Mỗi đuôi con trâu đều cột một túi cỏ khô tẩm dầu chai.

Xong dầu vào đấy, đúng giờ khởi binh, giữa đêm khuya trong lúc quân sĩ nước Yên nằm ngủ bừa bãi trong các doanh trại, ông đốt một tiếng pháo lệnh tức thì năm ngàn quân cầm tử của nước Tề đốt dầu chai nơi đuôi trâu, và mở toang cửa thành, đuổi trâu chạy ra, xông thẳng qua doanh trại quân Yên. Bị dầu chai cháy xèo - xèo nơi đất, đoàn trâu nóng quá, vừa chạy vừa rống

lên những tiếng rùng rợn khủng khiếp giữa đêm khuya. Năm nghìn binh cảm tử của Điền-Đan mặt đỏ, áo đỏ, cầm đủ các thứ khí-giới sắc bén, vừa chạy vừa la-hét vang trời sau đoàn trâu đỏ rực cứ xông-xộc chạy tới quân Yên, kêu rống lên như những con quái vật điên cuồng, hung tợn. Quân Yên đang ngủ, dột mình tỉnh dậy, trông thấy cảnh-tượng kinh - khủng, tưởng như một đoàn mãnh-thú dị thường và lũ quý-sứ mặt đỏ của Trương Trời chỉ-huy từ đầu ào-ạt tới, như sấm, như sét, như lửa đỏ, rực trên chiến trường. Quân Yên hồn bay phách lạc, chạy tán loạn hết, không ai dám chống-cự lại. Đoàn trâu càng bị cháy nóng sau đuôi càng cuồng-loạn xông tới đuổi theo quân Yên, húc sừng chém giết và đạp dẫm lên xác người vô số kẻ. Năm ngàn binh sĩ của Điền-Đan chạy theo sau trâu cứ gặp người tướng - sĩ nào của nước Yên là chỉ có việc vung gươm lên chém... chém... chém ! Tiếng rên la, kêu khóc, van lạy, nôi dậy rất bi ai thảm-thiết dưới muôn nghìn lưỡi gươm dẫm máu của quân Tề. Hàng muôn ức thân ma của quân nước Yên, bị lời ruột, bị



rụng đầu, bị đứt chân, đứt tay, bị nát cả mình-mây, nằm ngổn-ngang trên chiến - địa ngập tràn máu lửa. Mờ-mịt xa xa, đứng lơ-nhờ trên thành Tức - Mặc, đông nghịt bóng người nước Tề, nam phụ lão ấu, la hét vui mừng đại thắng.



Bao nhiêu chiến trận lớn lao thời xưa trong lịch sử nhân - loại, của Cyrus, Gengis Khan, Alexandre, César, Annibal, Napoléon, không kinh-khủng bằng trận giặc Trâu của nguyên soái Điền-Đan nước Tề !

TÂN-PHONG

Sau trận này, Điền-Đan thừa thắng, đuổi đánh quân Yên thảm bại, và thu phục lại được hết bảy chục thành trì của Tề đã bị Yên cướp lấy. Vua Tề ghi ơn, phong Điền-Đan lên chức An-bình-quân, làm bá chủ một ấp Vạn-Hộ.

81 « Xuân Xanh »
của Đại Nhạc - Sư

PABLO CASALS

với cô vợ
21 Tuổi,
Nữ Nhạc-Sĩ

MARTITA

Cuộc tình-duyên dắm-thắm này, và đám cưới năm 1957 đã làm cho cả Thế-giới mím cười và cảm động. Bốn năm qua, 1961, cặp vợ chồng nghệ-sĩ vẫn thiết-tha âu-yếm và hưởng đầy - đủ hạnh - phúc của tình-yêu.

* **Cậu bé 5
tuổi đã là
một thần đồng**



Pablo Casals hiện nay là một Đại nhạc - sĩ quốc-tế. Người ta đã tôn ông là một bậc thiên tài về âm-nhạc.

Ông chuyên về Đại-vĩ-cầm, vĩ-cầm và dương cầm. Sinh năm **1876**, Ông là người ở xứ Espagne, (1) một nước đã sản-xuất khá nhiều Văn - nghệ - sĩ danh tiếng, — và quê - hương của Pablo Picasso.

Từ thuở ông còn bé, gia-đình ông rất nghèo. Cha là PIL-LAR CASALS, một nhạc-công tằm thường, đi đánh đàn thuê ở nhà thờ Vendrell, làng của ông, trong tỉnh Catalogne. Mẹ là một người đàn bà nghèo ở cũ-lao Porto-Rico, ở ngoài khơi Mỹ-Châu, trong biển Antilles.

Gia-đình ông có đến mười một anh em, cả trai lẫn gái, thì ông thân sinh đi đánh đàn thuê hát mướn làm sao kiếm đủ tiền để nuôi vợ nuôi con ? Chứ đừng nói là cho cả bầy con đi học !

Một hôm Tết, đầu năm 1881, một gánh xiếc nhỏ đi ngang qua làng ông, nhân dịp Xuân, dừng lại một đêm trên một khu đất hoang để biểu diễn rỏ tiền cho dân làng đi coi. Gánh xiếc có vài con khỉ, một con ngựa, một con chó, một chú hề và một anh thổi kèn và đánh đàn vĩ-cầm, (Violon).

Cậu bé Pablo Casals, 5 tuổi, được cha dẫn đi xem với mẹ, với tất cả mấy anh em chị em. Nhưng Pablo không thích coi các trò con khỉ, con ngựa, con chó. Cậu chỉ mê giọng đàn vĩ-ô-lông của nhạc-sĩ giang-hồ.

Hôm sau, gánh xiếc đã đi rồi mà cậu bé Pablo Casals vẫn còn to-tưởng mãi đến tiếng đàn ru-dương mộng ảo... Cậu đi bẻ một cành cây, xin mẹ một sợi chỉ tơ, và kiếm dâu được một trái bầu đã moi ruột, cậu tự tay làm một chiếc đàn, na-ná như chiếc đàn của nhạc-sĩ gánh xiếc trong đêm Xuân.

Cũng như những người chăn cừu của Thi-sĩ Virgile thời Thượng cổ, cũng như chàng

(1) Thường được phiên-âm theo giọng Tàu là **Ỗ-pha-nho**, một quốc-gia lớn ở Tây-Âu, phía Nam nước Pháp.

Orphée trong Thần-thoại Hy-lạp, cũng như những nhân vật trong truyện thần tiên của Charles Perrault, Pablo Casals đã nghe âm nhạc thiêng liêng réo-rất trong tâm hồn niên-thiếu, và tự tay đặt ra một chiếc đàn để phô diễn tiếng lòng mình trên giây tơ.

Bà Mẹ nghe tiếng đàn của con, mỉm cười, vuốt đầu tóc ngây thơ :

— Con đàn hay quá !

Bà, tuy không phải là nhạc sĩ, nhưng sinh trưởng trên một hòn đảo mơ mộng giữa bể khơi, dưới bóng mát những lá dừa xào-xạt trong gió, hòa với tiếng sóng thỗn-thức, chập-chờn buổi sáng sớm, lúc chiều hôm... Tiếng sóng, tiếng gió, nhịp trống và khúc sáo huyền-mơ của dân da đen bản xứ, đã thấm nhập trong giọng máu thiêng liêng của cô gái cù-lao. Cho nên bỗng dưng thông cảm được giọng đàn hồn-nhiên của đứa con năm tuổi, bà khẽ nói với chồng :

— Thằng này, chừng nó lớn, vợ nó sẽ mê ngón đàn của nó. Chúng ta nên cho nó học về khoa âm nhạc.

Ông chồng chỉ cười :

— Tiền đâu cho nó đi học đàn ?
Nhưng ông gọi Pablo đến gần ông, âu yếm ôm con :

— Ba hát cho con nghe bài hát ru em của người Espagnols, *Madre de Deo*...

Cậu bé năm tuổi lặng lẽ nghe say-mê, rồi cảm-hứng đặt ngón tay trên giây đàn bầu của cậu, gảy từng... từng... từng...

Một thiên-tài đã nảy nở, tuy còn bập-bẹ...

Vợ chồng ông Pilar Casals rán dành-giùm tiền mua cho con trai một chiếc đàn vi-ô-lông. Rồi ông dẫn con lên thủ-đô Barcelone, để tìm thầy cho con học. Học chữ, học ký-âm, học nhạc. Bảy năm. Mười hai tuổi, Pablo Casals đã nổi tiếng tại thủ-đô là một trẻ thần-dồng của xứ Espagne. Cậu bé đã được ông chủ tiệm café Tost thuê đánh nhạc những buổi tối, cùng với cha. Cậu đã kiếm được tiền đem về giúp bà Mẹ nghèo, và các em nhỏ.

Một đêm, nghe Pablo đánh vi-cầm, một người khách lạ bảo với ông Pilar :

— Con của ông ?

— Vâng.

— Một thiên-tài hiếm có. Ông danh ở Espagne.
giao nó cho tôi nhé ? Tôi đem nó qua London.

Người khách lạ ấy, chính là ALBENIZ, một nhạc-sư đã nổi

Thiên-tài của cậu bé Pablo Casals đã vượt ra khỏi biên giới quê nhà, và được dịp phát-khởi dưới các trời Tây-Âu.

★ EL CANT DEIS OCELL
(Tiếng chim ca)

Từ 1888 đến 1957, — 69 năm, — Pablo Casals đã lừng-danh cả Thế-giới với những khúc nhạc mê-ly của ông làm rạo-rực tâm hồn thánh giá. Tại các thủ-đô Âu-Mỹ, London, Barcelone, Bruxelles, Paris, Roma, Florence, New-York... tiếng đàn đại-vi-cầm (violoncelle) của Pablo Casals bay đến đâu, là dân chúng ào-ạt kéo nhau đến đấy để nghe, từ các vị Vua chúa, các Quốc trưởng, các nghệ-sĩ giang hồ tứ chiền, các Thi-sĩ Văn nhân, cho đến các lớp nữ-sinh ngây-thơ mơ mộng.

Thế-giới Văn-nghệ được

sống lại thời kỳ Mozart và Beethoven.

Ông đã trở nên giàu sang, và đã xây cất một lâu đài rộng lớn ở phía Nam thủ-đô Barcelone, trên bờ sông San Salvador, để cho Mẹ ông với em ông ở. (Thân sinh ông đã chết từ lâu). Còn ông thì đi ngao-du các nước để hòa đờn với các bậc nhân-tài. Nhạc khúc nổi danh nhất của ông Pablo Casals là *El cant dels ocells* (Tiếng chim ca), theo một điệu hát bình dân của quê-hương ông.

Nhưng mưa mai thay, suốt mấy chục năm trời, ông không hề muốn bước chân trở về

xứ-sở. Chỉ vì ông khinh-bị quốc-trưởng Franco, người đang áp-dụng một chánh-sách quân-nhân độc-tài, dè-nén nhân dân Espagne. Mặc dầu đã mấy lần Franco mời ông về xứ, nhà nghệ-sĩ lừng danh quốc-tế vẫn không thèm trả lời kẻ chính-trị đàn-áp đồng-bào. Và ông nhất-định không về xứ, nếu Franco còn cầm quyền.

Để đỡ nhớ quê-hương Espagne, ông đến ở Prades, một thành phố nhỏ của Pháp ở huyện Pyrénées-Orientales, sát nơi biên giới tỉnh Catalogne của ông. Về mùa Xuân, từ cửa sổ, ông có thể ngó thấy tuyết phủ trên núi Canigou, tượng trưng tinh thần bất-diệt của dân-tộc Espagnols.

Không ngờ, thị trấn Prades bé xíu là nơi ông cất một căn nhà nho nhỏ, xinh xinh để ở, lại trở thành nơi tụ-hội của các nhân tài trong giới văn-nghệ-sĩ quốc-tế từ mấy chục năm nay.

Cũng không ngờ, thị trấn Prades bé nhỏ này đã biến thành một tổ-âm của tình-yêu cuối cùng trong đời ông, tình yêu say mê giữa ông với một cô học trò xinh đẹp 18 tuổi, mà ngày nay cả thế-giới đều gọi là bà Casals...

Tại vì ông giận nước Mỹ thân thiện với Franco, nên sau chiến tranh Tổng Thống Eisenhower mời ông sang Mỹ, ông không sang. Ông giận nước Anh, vì nước Anh cũng nhìn nhận Franco, nên Nữ-Hoàng Elisabeth và Thủ-tướng Mac-Millan mời ông hai lần, ông cũng từ chối không sang London nữa. Ông cũng không lên Paris, không đi đâu cả. Ông đóng cửa, buồn bực, đau khổ, nằm trong căn nhà nhỏ ở Prades từ sau Đệ-nhị Thế-chiến, 1945 cho đến 1950. Một hôm nhà đại-nhạc-sư Huê-kỳ, ALEXANDER SCHNEIDER, vượt sóng trùng dương, tìm đến Prades để thăm ông, và nói với ông :

— Cả nước Huê-Kỳ đều sùng-bái ông. Chúng tôi mời ông đến để ông đánh đàn cho nước Huê-kỳ nghe. Cho chúng tôi nghe.

Thật là một vinh-dự lớn lao vô-kể. Pablo Casals cảm-động, ứa nước mắt. Nhưng ông cương quyết giữ lập-trường của ông và từ chối. Alexander Schneider bèn nói :

— Nếu ông không đến chúng

tôi, thì ông cho phép chúng tôi đến ông vậy nhé ? Tất cả những nhạc-sư lừng danh Thế-giới mong đến đây để được ông điều khiển một nhạc-hội.

Pablo Casals vui lòng nhận-lãnh vinh-dự hi-hữu ấy.

Buổi nhạc-hội đầu tiên được tổ-chức đêm 2 tháng 6 năm 1950, tại thành phố Perpignan, gần Prades.

Và cũng lần đầu tiên, trong buổi hòa-tấu đặc-biệt này, Pablo Casals được biết một nữ-nhạc-sĩ bé nhỏ mới có 14 tuổi...

Đêm nhạc-hội quốc-tế ấy, có đông đủ tất cả các nhạc-sĩ tài-hoa Âu, Á, Mỹ, từ Huê-Kỳ, Argentine, Mexique, Canada, Anh, Pháp, Ý, Ấn-độ, Úc, Nhật... kéo đến như một cuộc quần-tiên tụ-hội. Ông già có, thanh-niên có, thiếu-nữ có, hầu hết là những nhân-tài của các-giới âm-nhạc, và cả một số-đông các nhà-triệu-phú các nơi đến để được thưởng-thức buổi nhạc-hội hi-hữu mà báo-chí trên thế-giới đã nói đến rất nhiều.

Để ghi nhớ cuộc biểu-diễn lịch-sử này, thành-phố Perpignan đã treo cờ kết-hoa, tung-bùng

rộn-rịp. Đèn neon đủ màu dăng-tận trên các nóc nhà, sáng rực cả ban đêm cũng như ban ngày.

Pablo Casals, đầu đã sới, chỉ còn thừa-thót một lớp mỏng tóc bạc hai bên đỉnh đầu, nhưng vui-vẻ, trẻ-trung với nụ cười sung-sướng...

Trên diễn-đài, Pablo Casals, cầm chiếc que-tiền, đang điều-khẩn cuộc hòa-tấu nhạc-khúc *Tiếng chim ca* của ông. Vừa dứt, muôn nghìn thính-giả vỗ tay hoan-hô dậy rập, liên-tục ba lần, lâu đến 5 phút đồng-hồ.

Vừa dứt để nghỉ-ngơi, ông thấy từ đám đông còn cảm-xúc vì tiếng đàn thần-diệu, một người bạn cũ, lâu ngày không gặp. Ông mừng-rỡ, reo lên :

— Ô, LIES ROSANOF !

Hai người ôm nhau hôn trên má. Lies Rosanof là nhạc-sĩ Huê-Kỳ, giáo-sư đại-vĩ-cầm tại viện Đại-học Âm-nhạc Males College ở New York. Rosanof dốt theo một cô bé tóc đen, nhưng cặp mắt sáng ngời. Rosanof giới thiệu :

— Học trò của tôi.

Cô học trò dục-dè và e-lệ, tên là MARTITA MONTANEZ.

14 tuổi. Lúc bảy giờ Pablo Casals đã 73 tuổi.

Martita học về đại vĩ-cầm, đã nổi danh ở Huê-kỳ là một nữ nhạc-sĩ tài-hoa, có tương lai rực rỡ. Cô sinh-trưởng tại cù lao Porto Rico, chính là nơi quê mẹ của Pablo Casals. Hỏi ra mới biết thêm rằng gia đình của cô bé này cũng là chỗ quen thân với gia đình Defilio là bên

ngoại của Pablo Casals. Xong nhạc-hội, giáo-sư Rosanof lại đưa cô học trở về Mỹ, tiếp tục học đại-vĩ-cầm. Nhưng cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên đã gọi lại cho Casals nhớ một lời thề-nguyện mà ông đã nói với Mẹ ông trong lúc bà cụ hấp hối : « Thế nào con cũng sẽ về thăm quê Mẹ ở cù lao Porto Rico » ..

 ✱ ÔNG VÀ BÀ CASALS

BA năm sau, đầu mùa Hè 1953, Martita xách va-li trở lại Prades. Cô đã thi đậu ở viện đại-học âm-nhạc New York, và được viện này cấp cho một học bổng để sang Prades tiếp tục học tài nghệ của Nhạc-sư Casals.

Bây giờ cô đã 17 tuổi, đã thành ra một thiếu-nữ đầy-dạn, nở-nang. Pablo Casals ngắm cô, và bảo :

— Trông dáng người của cô, tôi lại nhớ đến má tôi.

Thế là bắt đầu từ đây, giữa hai thầy trò cảm mến nhau đã tự-nhiên nảy ra một mối tình thân-ái, một mối tình bông-lông, vắn-vor, không phải là tình yêu thông thường, không phải là tình yêu vật-chất, mà là một lý-tưởng huyền-mơ, một quyển-luyện êm đẹp mà bàng-quơ trong tim, trong hồn, trong tư-tưởng...

Về sau này, chính Martita cũng tuyên-bổ với các báo : « Ngay lúc bảy giờ, tôi đã biết chắc rằng tôi yêu ông với một

tình yêu cao xa, tôi yêu một thiên tài, một ngôi sao rực-rỡ trên vòm trời nghệ-thuật, và ông cũng yêu tôi sâu đậm như một người hiền-nhân... Tôi đã có cảm-giác ngay rằng mặc dầu tuổi tôi còn nhỏ quá nhưng Thượng-đế đã ban cho tôi một cái gì quý-báu vô ngần... »

Hai năm, cô học-trò Martita đã học được hết những ngón đàn tuyệt diệu của thầy. Ở chung trong căn nhà thơ-mộng, còn lo săn-sóc từng ly từng tý cho sức khoẻ của nhạc-sư gần 80 tuổi, không vợ không con, âm-thầm, đơn-độc. Cô cảm thấy như từ khi có cô, ông trẻ lại nhiều. Ông đản cho cô hát, rồi ông tập cho cô đàn, ông sửa từng nốt nhạc, từng phím tơ, cô đứng nghe say-mê bên cạnh ông khi ông đặt mười ngón tay trên các phím dương cầm, để nổi lên khúc nhạc *Tiếng chim ca*.

Hai năm trau dồi, huấn luyện. Rồi đầu năm 1955, ông nắm tay cô đi dạo khắp Âu-châu... Ông đưa cô đến Suisse, thăm căn nhà nhỏ ở Tribschen trên bờ hồ Qua-tre-Cantons, nơi đây Đại nhạc sĩ Wagner đã yêu Cosima, cũng một cô nhạc-sĩ trẻ tuổi đã thành

người vợ trung-thành còn danh tiếng trong lịch-sử. Cũng nơi đây, Martita được trông thấy lọ mực của Wagner lúc ông soạn những nốt nhạc đầu tiên của nhạc khúc Siegfried. Ông đưa cô đến Bonn, ở nước Allemagne, thăm căn nhà nơi Beethoven đã soạn những bản nhạc thần-tiên tuyệt diệu.

Casals và Martita đi du lịch hết nước này qua nước khác, cả hai người đi đến đâu cũng được hoan-hô nhiệt liệt : Vua nước Belgique mời đến Bruxelles, Nữ-Hoàng MARIE JOSÉ mời đến Hồ Lemán, CHARLIE CHAPLIN mời đến lâu đài của ông trên gò núi Vevey, ALBERT SCHEWEITZER mời đến Grun-sbach... Tổng Thống Pháp mời đến Paris. Trường Sư-phạm Âm-nhạc Pháp, trường Đại-học Sorbonne, tổ chức một nhạc hội quốc-tế liên-hoan nồng-nhiệt để chào mừng Ông và Martita. Tại đây, Pablo Casals và Martita hòa những nhạc khúc *Tiếng chim ca* của ông, và *Sarabande*, (IV^e Suite) của Jean-Sebastien Bach.

Mùa hè 1957, nhà Nhạc sư

Bà Casals đang lên
giày đàn cho chồng.

ĐỜI SỐNG CÁC DANH NHÂN

già 81 tuổi và cô Nhạc sĩ 21 tuổi dắt nhau về hòn đảo Porto-Rico. Được tin, một đám dân-chúng đông trên mấy chục nghìn người đứng chật ních dọc theo bờ biển đón chiếc tàu chở cặp nghệ sĩ lừng danh. Với Martita, đây là quê hương, với Pablo Casals đây là quê Mẹ. Với toàn thể công chúng Porto Rico đang hồi-hộp đợi chờ kia, đại nhạc sư là con của bà Defilio, kể từ ngày bà ra đời trên đảo này cho đến nay là 102 năm, người con mới bước chân lần đầu tiên trên đất mẹ. Dân chúng nô nức đón mừng « người xứ sở ». Trên khắp các bức tường trong thành phố, người ta đã dán những chân dung to lớn của Pablo Casals. Viện Thị-trưởng đã ký nghị định cho dân chúng Porto-Rico nghỉ chơi 5 ngày. Cả thành phố treo cờ hân hoan đón tiếp, Tiếng vỗ tay và hoan

hô nổi dậy vang trời khi tàu cập bến, Pablo Casals nắm tay Martita vui mừng bước xuống cầu tàu..



Đám cưới của Pablo Casals và Martita Montanez đã cử hành tại Porto Rico cuối tháng 7 năm 1957. Quan tòa Martin Almadovar chủ lễ thành hôn. Người đầu tiên đánh điện chúc mừng đôi tân-hôn là Tổng Thống Eisenhower.

Cưới xong, ông và bà Casals trở về Prades, nơi căn nhà nhỏ, xinh xinh, mà trước đây 7 năm Nhạc sư Casals gặp lần đầu tiên cô nhạc-sĩ trẻ con 14 tuổi.

Cặp vợ chồng nghệ-sĩ phi thường hiện nay vẫn sống những chuỗi ngày êm - đẹp, đầy đủ hạnh phúc, trong mùa Xuân vĩnh-viễn của Tình-yêu !..





CON TRÂU

của

Gã BA-BÚA

với Bà

CHÚA XỨ

* PHƯƠNG ANH

Đã có nhiều người kể lại rằng ở một làng nọ, có bà phú hộ rất giàu nhưng già chồng, không con và chết sớm.

Gia tài của bà để lại, của chim của nòi nhiều vô kể. Nào nhà ngang dãy dọc, lúa hàng chục ngàn gạ, tiền bạc đựng hai ba tủ sắt, trâu bò hằng trăm, gà vịt nhiều vô kể và ruộng thì có bay thẳng cánh. Nhưng cái gia tài phú hộ to tát kia, sau khi bà ta chết đi không hề bị suy suyền hay mất mát một món nhỏ nào. Thực là một điều lạ lùng, tự cổ chí kim.

Nguyên sau khi bà ta chết, họ hàng bà con, tôi tớ trợ gia lo tậu liệm và làm đám cực kỳ trọng thể. Và nhân dịp



CON TRÂU CỦA GÃ BA BÚA

«chết chủ» này họ tìm cách di chuyển, sang sót bớt một số gia tài của cái để làm của riêng. Trong lúc cất đám, bỗng người giữ vườn của bà ngã lăn quay ra đất. Đôi mắt long lên sòng sọc, mắt đỏ gay, gã đứng dậy cẳng tay dấm gió vào mọi người mà hét:

— Ta vừa được Ngọc Hoàng phong làm bà Chúa-xứ vùng này đây. Ta sẽ vật chết các người, sẽ trừng trị những kẻ tham lam dám đem của cải, gia tài ta về làm của riêng mình. Ừ, các người sẽ biết oai lực của ta.

Ngay tức khắc, một người rồi hai người ngã lăn đùng ra bất tỉnh nhân sự, mắt trợn ngược như bị bóp cổ. Mọi người có mặt ở đó đều thất thanh sợ hãi đến tột độ. Thì ra những người bị bà Chúa xứ vật ngã kia đều có sớ mộ đến của cải của bà.

Thế rồi, người ta phải vật gà heo khấn vái để tạ tội, đồng thời đem trả của lại mới được yên thân.

Từ đó, oai danh bà nổi dậy khắp vùng. Máy người lớn tuổi, cũng như có chức phận trong vùng lo đúc xuất dân chúng lập miếu thờ, đèn nhang không dứt. Và cũng từ đó «giang san» riêng của bà không ai dám sờ mó đến. Cả những tên trộm cứng cổ cũng phải lai hàng vô điều kiện.

Một hôm nhằm ngày mùng 3

tết có một gã lạ mặt không biết từ đâu tới, ăn mặc ra vẻ con nhà phú hộ, hào phóng nhưng nhìn cử chỉ và nhất là đôi mắt gã thì người ta có linh cảm rằng gã không mấy lương thiện. Gã đến miếu bà Chúa xứ, gọi ông từ giữ miếu ra hỏi:

— Nay ông, có phải đây là miếu thờ bà Chúa xứ không?

— Dạ, phải! Ông ở đâu đến và hỏi có việc chi không?

Gã đáp:

— Tôi là một người từ xa đến. Nghe bà Chúa xứ linh thiêng nên tôi muốn khấn vái xin vài điều và nhờ ông làm chứng cho.

Nói xong, gã bước đến bàn thờ, đốt nhang đưa lên đỉnh đầu, làm-râm khấn:

— Kính thưa bà chị, em đây tên Ba, thiên hạ thường gọi em là thằng Ba Búa. Em rất lam lũ chị thú làm ăn nên sẵn dịp đi ngang qua đây muốn cầu xin chị một việc mong chị vui lòng chấp cho. Nguyên vì thấy ruộng đất chị bỏ không, không ai cấy cấy hoang vu, trong lúc đó huê lợi hằng năm của chị không thâu được. Vậy em muốn mượn ruộng của chị để canh tác và huê lợi đó em bằng lòng chia đôi với chị. Nếu bà chị linh-thiên xin ứng vào quẻ cho em biết.

Cắm nhang vào bình, gã Ba Búa gieo hai đồng tiền để đoán quẻ. Mắt gã chăm chú nhìn. Ông từ cũng nhìn và kinh

ngạc không kém trước hành động dị kỳ, cả gan xúc phạm của gã Ba Búa này.

— A! Một sấp, một ngựa. Bà chị bằng lòng rồi! Gã reo lên.

Gã gieo tiền đến hai lần nữa, kết quả đều y như nhau. Gã xoa tay nhìn ông từ mỉm cười vui vẻ. Một lúc sau, gã lại đốt thêm nhang làm râm khấn tiếp:

— Lúa gạo, gà vịt, trâu bò của bà chị đầy đàng, đầy đồng bỏ hoang riết cũng hư hao chết hết. Vậy bà chị có tưởng tình em xin bà chị hãy cho em vay, tạm mượn ăn để làm mùa. Sau này em sẽ trả lại, đồng thời em sẽ săn sóc, chăm giữ cho bà chị luôn. Mong bà chị rộng lượng chấp luôn cho em một thể.

Gã Ba Búa lại gieo tiền. Bà Chúa xứ cũng chấp thuận thêm lần nữa. Gã khoái chí cười to, vỗ vai ông từ:

— Có ông thấy đấy nhá! Bà Chúa xứ đã bằng lòng cho tôi mượn ruộng và vay lúa thóc, súc vật để làm mùa. Vậy bắt đầu từ mai, gia đình tôi sẽ dọn tới ở trên đất của bà. Mong ông làm chung cho sự việc đã xảy ra hôm nay. Nếu có ai thắc mắc hay tranh-tròn điều gì ông hãy giải thích cho họ rõ.

Gã Ba Búa nói xong liền kiêu từ ra về.

Hôm sau, nhằm ngày mồng bốn Tết, gã Ba Búa dẫn bọn bè, gia đình đến trên đất của bà Chúa

xứ phú hộ nọ xây cất. Khu vườn và cái gia tài bất khả xâm phạm từ trước đến giờ đã sứt mẻ bởi tay gã. Gà vịt, gà tha hồ làm ăn, chèn chèn hết ngày này sang ngày khác. Thỉnh thoảng, gã lại gió trò cúng kén bà Chúa-xứ. Những hôm như thế thì gã lại đến miếu gieo tiền xin phép bà vật bò, vật heo cho trọng-thể. Và đôi lúc túng tiền gã cũng gieo tiền quẻ hỏi mượn bà Chúa xứ để bán... lấy vốn làm mùa. Lần nào gã Ba Búa cũng thành công. Bà con trong vùng tức tối oán, gã lắm nhưng bà Chúa xứ đã thuận thành ra không ai dám làm gì gã.

Mùa mưa đến, Gã đến miếu lần nữa để giao ước với bà Chúa xứ về việc chia phần. Theo thông lệ, làm ruộng hay trồng khoai trồng bắp thì trả bằng lúa, khoai hay tiền mặt. Đàng này gã ra điều kiện với bà Chúa xứ.

— Thưa bà chị, đã đến lúc em khởi sự làm mùa, em đến xin hỏi bà chị xem mùa này bà chị lấy gốc hay lấy ngọn. Nếu vụ mùa em trồng mà bà chị lấy ngọn thì em lấy gốc, còn bà chị lấy gốc thì em lấy ngọn. Như thế việc chia đỡ mới công bằng. Bây giờ xin bà chị cho em biết ý-kiến. Nếu đồng tiền hỏi với còn trong đĩa quẻ là bà chị lấy ngọn. Ngược lại, đồng tiền đen con ở đĩa là bà chị lấy

gốc. Mong bà chị ứng cho biết.

Khán xong, gã gieo mạnh hai đồng tiền vào đĩa, kết quả là đồng tiền hỏi với còn ở trong đĩa. Gã thấy vậy nói với ông từ:

— Nay ông, mùa đầu năm nay bà Chúa xứ muốn lấy ngọn như ông đã thấy. Vậy xong mùa, phải ngọn tôi sẽ để lại cho bà Chúa xứ, còn phần gốc tùy tôi xử dụng.

Khởi sự làm mùa đầu, gã Ba Búa trồng toàn mía, khoai lang và khoai mì. Đường như được bà Chúa xứ phò hộ và trời thương xót nên mùa màng trúng một cách lạ kỳ. Đến cuối năm, gã đào khoai mì, khoai lang lấy củ, mía chặt xong chở đi bán hết, chừa cây và ngọn lại cho bà Chúa xứ. Gã đã thực hiện đúng lời cam kết hôm đầu mùa.

Một năm qua mau, gia đình gã sống trong no ấm và sung sướng. Gà vịt trâu bò, lúa thóc của bà Chúa xứ vui dần. Năm nay lại đến mùa mưa. Gã Ba Búa cũng mang lễ vật đến miếu cúng kiến và « ký giao kèo » mượn đất. Lần này bà Chúa xứ nhất định không để bị mắc « mớ » của gã nên ứng cho gã biết rằng bà năm nay sẽ lấy gốc. Gã lại gọi ông từ ra làm chứng.

Khởi sự làm mùa năm thứ nhì, gã đòi giống để cấy lúa. Cũng như năm đầu, năm nay lúa trúng mùa, chín vàng, bông

dài trĩu nặng. Mỗi mẫu thu vào có hơn hai trăm giạ. Để giữ lời hứa, gã mượn người cắt hết ngọn, chừa gốc rạ lại cho bà Chúa xứ.

Đến năm thứ ba, gã lại đến gieo tiền quẻ xin ký giao kèo lần nữa. Có lẽ bà Chúa xứ « hăm » gã lắm, vật cở gã chết cũng chưa vừa lòng nhưng vì là người lớn, quân tử hứa phải nhớ lời nên đành thôi. Gã đã dám « chơi lặn » bà hai lần rồi, còn gì nữa. Bởi vậy lần này, khi gieo quẻ xuống, hai đồng tiền đều nhảy ra khỏi đĩa. Điều đó có nghĩa là bà « chủ đất » muốn đòi hết hai thứ, cả gốc lẫn ngọn. Gã Ba Búa gieo tiền ba bốn lần đều y như thế.

Năm nay, Ba Búa không trồng khoai, cũng không cấy lúa. Gã trồng toàn đậu, bắp và các loại cà. Dĩ nhiên gã chỉ hái trái còn gốc, ngọn cả thân cây gã đều để lại cho bà Chúa xứ.

Tết đến, để tỏ lòng biết ơn « bà chị » đã cứu giúp gã. Ba Búa liền dẫn con trâu cái cọt vào bàn thờ của Bà Chúa xứ sáng mồng một Tết. Gã làm râm khấn:

— Năm mới, Tết đến, em đến cúng kiến và mừng tuổi bà chị. Và cái Tết năm nay là Tết con trâu (năm Sửu mà!) nên em đem đến chị một con trâu gọi là tỏ lòng biết ơn và tùy nghi chị xử-dụng. Chị muốn để cỡi

thì cỡi hay đánh chén nhâm nhí thì em đây, thằng Ba Búa này sẽ vác đến một lò rượ mai quế - lỵ để tổ chút lòng thành.

Khấn xong, gã si-súp xá mấy xá đi. Trong lúc đó, con tràu ghé còn ở ngoài, khát sữa, chạy đi tìm mẹ nhưng chẳng thấy đâu. Nó kêu lên mấy tiếng « nghe ngọ ! nghe ngọ ! » như gọi mẹ. Vì tình mẫu tử, con tràu cái đang cột trong này vùng chạy ra, kéo luôn cả bàn thờ rơi đổ lổng chổng, sập luôn căn

miếu của bà Chúa linh-thiên.

Gã Ba Búa cũng phải nhanh chân lăm mới thoát được ra ngoài. Suýt chết, thế mà gã vẫn mỉm cười dường như toại nguyện lắm giữa ngày mùng một Tết con tràu.

Từ đó, có lẽ bà Chúa đã về thiên đàng và Ba Búa nghiêm nhiên trở thành gia chủ một sản nghiệp đồ sộ, sống an vui.

PHƯƠNG-ANH



✧ MUỐN LÀM CHÀNG RẼ.

Bà già vịn cựa thanh-niên :

—Cậu muốn cưới con gái của tôi, thì cậu phải đến hỏi tôi đã chứ.

Chàng thanh-niên hiểu lầm :

—Dạ thưa bà, tôi xin lỗi bà, tôi chỉ muốn hỏi con gái của bà, chứ không phải hỏi bà.

✧ EM PHẢN-BỘI CHỒNG EM.

Trong vở kịch Le Kertz, có cuộc đối-đáp thú-ợj sau đây giữa người vợ ngoại-tình đang nằm trên giường với tình-nhân, bạn của chồng.

Nàng : Lần đầu tiên, tôi phản-bội chồng tôi.

Chàng : Tôi cũng thế, lần đầu tiên tôi phản-bội chồng bà !

NHỮNG
G I A I
T H O A I
V Ề
C Â U
Đ O I

thật, có khi bí-ẩn, thường thường là vui mừng, khen tặng, hoặc sàu-nào, lâm-ly, cũng có khi mỉa-mai trào lộng.

Sáng tác câu đối cũng là một cách làm thơ, nhưng khó hơn nhiều. Phải cần một kiến thức rộng rãi, một tâm hồn phóng khoáng và đầy đủ mới diễn tả tâm trạng và ý tứ của mình trong một số chữ đối chiếu nhau trong hai câu.

Trước khi nói đến một vài giai thoại về câu đối, ta thử tìm hiểu sơ cách cấu-tạo và hình thức của nó.

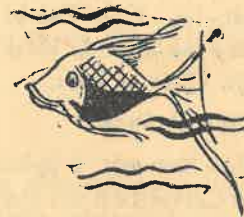
Thường câu đối gồm có hai vế (hai câu) đối với nhau. Chẳng hạn như đôi câu đối sau đây :

Vế ra là :

● Già - giặt tuyết sương từng
Thế-Miếu

● Mơ màng trắng nước trúc
Hương-giang.

Vế đối gồm có hai loại, đối chữ và đối ý. Đối chữ đặc biệt là chữ cùng một loại và phải khác bằng trắc. nếu vẽ trên bằng thì vế dưới phải trắc. Trong câu trên ta thấy « trắng nước » đối với « tuyết sương », « trúc » đối với



VIỆT-NAM ta, cũng như Tàu, có một lối chơi chữ rất thanh tao và thú-ợj, là đối liên. Qua câu đối tuy đơn sơ và giản-dị, người ta có thể tìm hiểu những dụng ý của tác-giả có khi chân-

« *tùng* », « *Thế-Miếu* » đối với *Hương-Giang*, v.v...

Người ta đặt đối-liễn (thường viết trên giấy hoặc trên lụa) để tặng bạn-bè thân-thuộc trong những dịp long - trọng : đám cưới, đám tang, mừng nhà mới, chúc thọ, v.v... Hặc trong dịp Tết đề dán trước cửa, tỏ bày tâm - sự hoặc cảm - tưởng riêng của mình trong mấy ngày xuân. Dĩ-nhiên, đối *nôm* cũng như đối *chữ*, phải là người có học mới làm được, nhưng chỉ những người rất thông-minh, có nhiều tài - năng mới làm được những câu đối hay. Vì thế, những câu đối hay rất hiếm, và tuy không có sách nào chép lại những vần được người đời truyền tụng cho đến ngày nay.

Câu đối hay, nghĩa là mỗi chữ đều được đối lại rất chỉnh, và toàn thể đều toát được ý-tưởng thâm-cao của tác-giả. Thí dụ chúng ta còn nhớ những câu đối rất hay của Cao-Bá-Quát, Nguyễn công Trứ, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Du, Vua Duy - Tân, Phan Bội Châu, Huỳnh - thúc-Kháng, Phan Knôi, v.v...



Đối là một lối chơi văn chương rất tế-nghệ. Vì thế các văn gia thi sĩ rất thích nó. Đời Minh-Mạng,

có ông HÀ TÔN QUYỀN là một nho sĩ có tài lỗi lạc, lúc làm quan ông chơi thân với NGUYỄN CÔNG TRỨ. Một hôm hai người gặp nhau, ông Quyền đùa :

● *Quân tử ở kỳ văn chi Trứ*

Nguyễn công Trứ cũng chẳng kém liền ứng khẩu :

● *Thánh nhân bất đắc dĩ dung Quyền.*

Câu đối hay ở chỗ hai ông đã dùng tên ghép vào đối được cả ý lẫn chữ. Cao bá Quát, một thi gia đồng thời, lúc chưa gặp vận, đi chu-du khắp đó đây. Một hôm đi qua vùng nợ, có một cường hào tên Tư-Cát. Với chút ít học thức, Cát trở nên kiêu căng, ông ta ra câu đối :

● *Trời sinh ông Tư-Cát.*

Với ần ý tự cao tự đại, ông bắt làng đối lại. Gặp Cao-bá Quát, một tay cừ khôi rất khinh thế, ngạo vật, Quát hạ bút :

● *Đất đẻ con Bọ hung!*

Câu đối bao hàm một ý nghĩa khinh rẻ chữ *Cát* (tổ) đối với chữ *hung* (dữ) làm cho Tư Cát một phen xấu hổ...

Qua lịch-sử nước nhà, trong giai đoạn Pháp chiếm nước ta,

có NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG và TÔN-THẮT-THUYẾT, hai vị đại-thần đã làm cho triều Nguyễn một phen điêu đứng. Bây giờ người ta chỉ tìm lại thực trạng ấy đóng khung trong 2 câu đối :

● *Nhất giang lưỡng quốc nan phân THUYẾT*

● *Tứ nguyệt tam vương triệu bất TƯỜNG*

Tường và Thuyết lại là tên của 2 người đã gây ra sự lộn xộn trong triều đình ! Mỗi lần đọc đến ta càng cảm mến cái hay thâm thúy của người sáng tác.

Người ta thường bảo câu văn lập lại nhiều lần một chữ sẽ mất hay. Nhưng trong câu đối ta thấy lập lại thì rất hay nhưng lại là một việc khó làm.

Ví dụ :

— *Cúng bình hoa, tụng pháp hoa, hoa khoai kiến Phật*

— *Dâng nãi quả, tu chánh quả, quả mãn thông Thần*

hay là :

● *Đạo là đường, đường chính đường ngay, làm người phải tìm đường mà học đạo.*

● *Tu là sửa, sửa tâm sửa tánh, ở đời nên gắng sức ấy là tu*

Thí dụ như câu đối sau đây, rất

thú vị :

● *Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả.*

Câu đối này đã có từ lâu, nhưng đến nay hình như chưa có ai đối được. Tuy có người đã đối lại :

● *Thầy tu thầy chùa, chùa thầy cứ việc thầy tu, nhưng đối như thế thật là gượng, không chỉnh tý nào.*

Đặng - trần - Thường và Ngô thời-Nhậm là đôi bạn học lúc còn trẻ. Lớn lên, vì thời cuộc đổi thay, Thường theo Nguyễn Ánh còn Nhậm giúp Tây-Sơn. Ngày Nguyễn-Ánh thống nhất sơn-hà, Nhậm bị bắt. Trước mặt người bạn cũ xấu số, Thường tức giận vì đã nhiều lần viết thư khuyên Nhậm theo Nguyễn-Ánh nhưng Nhậm không nghe, ra câu đối trêu chọc bắt Nhậm phải đối lại. Câu đó như sau :

— *At công hầu, at khanh tướng trong trần at, at để biết at!*

Nhậm thần nhiên đáp :

— *Thế chiến quốc, thế xuân thu gặp thời thế, thế thời phải thế!*

Đặng trần Thường không ngờ với thái độ ấy liền maog người bạn cũ ra chém ! Văn chương cũng là một thứ khí giới lợi hại

vậy!

Người Pháp xâm chiếm nước ta gần 100 năm, ảnh hưởng văn hóa Pháp đã len lỏi vào văn chương ta. Trong câu đối cũng có tiếng Pháp xen vào. Tuy nó đã bị Việt-Nam hóa, ta cũng vẫn thấy ở đây một màu sắc mới lạ:

● Rượu «ap-sanh» (absinthe) say chí tử,

● Bông măng-cụt (mangoustan) mát nằm dài!

Trong hai câu này, chữ *sanh* đối với chữ *tử*, chữ *cụt* đối với chữ *dài*.

Hai người bạn năm nói chuyện văn chương bỗng nghe còi xe lửa, xem đồng hồ vừa đúng 8 giờ, một người ngẫu hứng đọc:

● TAM giờ xe lửa HUÝT
(*huit* = 8)

Anh bạn kia cũng muốn trở tài nhưng.. khó quá. Một lát sau anh ta cười nhìn hai chân duỗi thẳng, nhanh nhẩu đáp:

● HAI cẳng nằm ngay ĐO'
(*deux* = 2)

Đối tuy không chỉnh lắm: *xe lửa* không thể đối với *Nằm ngay*, nhưng cố. Ý hai chữ *huýt* (8) là *tám* đối với *đr* (2) là *hai*, cũng tạm gọi là được vậy.

Câu đối dán trước nhà một cảnh sát viên:

Dùi «ma-trắc» (matraque)
xoay vòng quanh vũ trụ

Tiếng «súp-lê» (sifflet) thức
tỉnh khắp năm châu

Ai cảm được bác cảnh sát-viên ngày Tết dán câu đối như thế đề «*lấy lê*» với vợ con và hàng xóm cho vui!

Cách ghép chữ Hán cũng là một thú chơi chữ của câu đối. Trong văn học sử nước nhà ta thấy có bà Đoàn-thị-Điềm, một nữ sĩ tài ba và thích chơi câu đối chữ..

Lúc 15 tuổi, bà đã nổi tiếng về thi văn. Một hôm bà đang soi gương, anh bà là Đoàn-doãn-Luân thấy vậy đọc đùa câu đối:
— *Chiếu kính họ, mi, nhất điểm*
phiên thành lưỡng điểm

(Soi gương vẽ mày, một chấm hóa thành hai chấm). ĐIỆM cũng là tên bà. Lúc đó bà thấy ông Luân đang rửa tay bên ao bà đối ngay:

— *Lâm trì ngoạn nguyệt, chích*
luân chuyển tác song luân

(Xuống ao ngắm trăng, một vùng hóa thành hai vùng) LUÂN cũng là tên của anh bà!

Một hôm bà đang sẵn sóc chỉ dàu dề (vợ ông Luân). Thấy vợ chuyển bụng mà chưa đẻ bèn hỏi bà bao giờ mới đẻ. Bà Điềm cười đáp:

● *Bản dạ sinh hài, hội tỵ nhị*
thời vị định.

(Nửa đêm sẽ đẻ con, giờ hội hay í chưa biết!) Ngoài nghĩa chính bà còn dụng ý chơi chữ: HỘI ghép với TỴ thành chữ HẢI: con.

Chẳng lẽ thua em, Ông Luân suy nghĩ, một lát đối lại:

● *Lưỡng tinh tương phối, tỵ đẩu*
tam hợp nãi thành

(Hai bên lấy nhau, tỵ và đẩu mới gặp nhau) ghép chữ TỴ và ĐẬU sẽ thành chữ PHỐI.

Câu đối còn có một lối đặc biệt nữa là nói ngược nhưng vẫn hay và đầy đủ ý nghĩa, chẳng hạn như:

● *Xứ Thi-đức năm canh thức đủ*

● *Kê cơ-thần trở lại Cẩn-thơ.*

Giữa cảnh đồng ruộng mênh mông, bát-ngát, đoàn trai gái đang gặt lúa vui vẻ. Thỉnh-thoảng vang lên vài giọng hò đối đáp.. Nếu chúng ta chú ý, trong những câu ca dao vẫn có những

câu đối. Ta hãy nghe các cô xướng trước:

● *Con cá đối nằm trên cỏi đá,*
Mèo đuổi cụt nằm mút đuôi kẻo
Anh mà đối được dẫu nghèo em
cũng ưng.

Đoàn trai đa tình không kém:

● *Con mỏ kiến đậu trên miếng cỏ*
Chim vàng lông ở p dựa vòng lan
Đáy anh đi được e nàng chẳng
ưng!

Trong dân gian còn truyền tụng những câu đối lý thú như sau đây, hoặc nói lái, như:

● *Kia mấy cây mía?*

● *Có vài cái vò.*

hoặc lặp lại những chữ đồng-âm, như:

● *Rười đẩu mâm xôi đẩu,*

● *Kiến bò đĩa thịt bò.*

v...v..

Qua vài giai thoại kể trên ta thấy rằng đối cũng là một thú tiêu khiển rất lý thú về trí óc, một thử thách trí thông minh rất thanh cao vậy.

HOÀNG-MINH-HẢI



TỪ CON TRÂU VÀNG ĐẾN CON TRÂU NGHÉ

★ THÁI - VĂN - KIỀM

CHÚNG ta đang bước vào năm Tân-sửu mà giống vật tượng trưng là con trâu, là vì Lịch-gia có nói rằng : « Sửu sinh tiểu ngư », nghĩa là : Sửu sinh giống trâu. Và lại sách Tàu xưa có chép rằng : « Địa tịch ư sửu », nghĩa là : đất mỡ về hội Sửu ; lại cũng có chép rằng : « Thương chính kiến sửu » ; nghĩa là đời Thương, tháng giêng dựng về tháng Sửu.

Sách Lệ-Ký có nói rằng : mùa Xuân đến sớm hay muộn thì trong niên-lịch hình người dất trâu đứng trước hay sau con trâu. Lập Xuân

sớm thì người dất trâu đứng đằng trước ; lập Xuân muộn thì người dất trâu đứng đằng sau.

Xem như trên, chúng ta thấy rằng con trâu là giống vật căn-bản đã giữ một vai quan trọng trong đời sống tinh thần và vật chất của xã-hội Á-Đông từ ngàn xưa.

Riêng về xứ ta, đời người có ba việc quan trọng nhất là :

Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà :
Trong ba việc ấy lọ là khó thay ?

(Ca-đao)

Trong ba việc chính yếu kể trên, việc tậu trâu đứng về hàng

TỪ CON TRÂU VÀNG ĐẾN CON TRÂU NGHÉ

đầu, cho nên ta cũng có câu tục ngữ :

Con trâu là đầu cơ-nghiệp.

★

*Muốn giàu thì nuôi trâu cái,
Muốn lụn bại thì nuôi bò đực !*

Trong đời sống nông-thôn của xứ ta, người với trâu như hình với bóng :

Trâu ơi, ta bảo trâu này :

*Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cày cấy vốn nghiệp nông gia,
Ta đâu trâu đó ai mà quân công,
Bao giờ cây lúa có bông,*

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

(Ca-đao)

★

Xét trong lịch-sử nước ta, con trâu cũng đã từng để lại sự tích từ khi mới lập quốc với núi Lạn Kha và hồ Lãng Bạc.

— Theo « Lịch Triều Hiến Chương » của Phạm-Huy-Chứ, quyền II, phần nói về Phủ Hoài-Đức, thì xưa kia, Hồ Tây gọi là Hồ Lãng-Bạc, dưới đời nhà Hán (206 tr. TL đến 220 s. TL) Đời Trần (1225-1400), kêu là Dâm Đàm (cái đầm có mưa lâm dâm),

thuộc huyện Vĩnh - Thuận, phủ Hoài-Đức, phía tây giáp huyện Từ-Liêm, sông Nhị-hà bao bọc phía bắc, sông Tô-Lịch bao quanh phía Nam. Tương truyền rằng : thời xưa chỗ ấy có một ngọn núi nhỏ, trong núi có con hồ tinh 9 đuôi thường ra quấy nhiễu dân cư vùng này. Long Đỗ-Thần thấy vậy tâu lên Thượng-Đế ; Thượng Đế cả giận sai Long - Vương xuống để diệt trừ nó. Long-Vương bèn đem các loại thủy tộc theo dòng sông Nhị tiến lên đánh bắt, làm cho ngọn núi nhỏ ấy sụp đổ thành ra cái đầm.

Hán Mã-Viện có đóng quân nơi này. Đến năm Hàm - Thông (860-873) đời nhà Đường, Cao-Biền nhận thấy chỗ này là thắng địa của vùng Sơn-Nam, vì nó hợp cách « phượng hoàng âm thủy » bèn liệt kê vào trong bản tấu gửi về vua nhà Đường. Ông còn bảo rằng : Núi Lạn-Kha ở vùng Sơn-Nam tức là xương sống con rồng. Nơi đây, có con trâu vàng (Kim ngư) từ trong hang núi chạy thoát ra ngoài rồi ẩn nấu ở dưới hồ, thành ra một nơi linh tích thiên cồ.

Về sau, vua Lý - Anh - Tông (1138-1175) nhân có một hôm

cỡi thuyền du ngoạn trong hồ, bỗng gặp thái-sư Lê-văn-Thịnh hóa phép thành ra con hồ cỡi thuyền xông tới. May sao lúc ấy có người ngư phủ tên là Mục-Thận quăng lưới xuống bắt, phá tan tà thuật của vị Thái-sư. Vì lẽ đó, ngày nay bên bờ hồ vẫn còn đền thờ Mục-Thận.

Đến triều nhà Lê, vì muốn tránh tên húy (Lê-huy-Mục) nên mới đổi danh là Tây Hồ, rồi sau lại phải tránh tên hiệu của Trịnh Vương nên mới gọi là hồ Đoài và cho thả sen, dựng ly cung trên bờ, mỗi khi Trịnh - Vương ra thưởng ngoạn vẫn thường bảo các văn-thần ngâm vịnh thơ phú.

Đến cuối niên hiệu Cảnh-Hưng (1740-1786), nước hồ tự nhiên biến sắc, hơi tanh nồng nực, rồi cũng từ đấy sen lập tức điêu tàn và chẳng được bao lâu vận-mạng Lê-triều cũng bị thay đổi. Ôi ! có phải khí thiêng sông núi cây cỏ đã báo điềm trước đó chăng ?

Trên kia, chúng ta thấy nói đến núi Lạn-Kha trong sự tích con trâu vàng. Vậy núi này ở nơi nào? Theo Đại - Nam Nhất - Thống-Chí, núi Lạn - Kha tức là núi Tiên-du, cách huyện - lý Tiên-du 4 cây số. Lạn - kha - sơn

có nghĩa là : "Núi cán rìu mục nát". Có đường quanh co lên núi, hai bên lối đi có rỗng đá và nhiều giống vật kỳ lạ bằng đá ; trên núi có đền "Vạn - phúc" trên chóp núi có bàn thạch giống bàn cờ tiên. Người ta kể lại rằng ngày xưa có một tiều-phu tên là Vương-Chi, trèo lên núi chặt củi, không ngờ gặp nhiều vị tiên đang đánh cờ dưới bóng một cây thông xanh tươi. Người tiều-phu chống rìu xem say sưa, cho đến khi sự tỉnh muốn trở về thì than ôi, một giờ trên cõi tiên bằng một thế-kỷ dưới cõi trần = cái cán rìu đã mục nát với thời gian mà người tiều-phu cũng đã răng long tóc bạc hồi nào không biết !



Rời Bắc-Việt, chúng ta ghé lại cố-đô Huế, thần - bí và thơ mộng, nơi mà chúng ta sẽ nghe đám bình - dân thi hò giã gạo, trong đó có những câu đối đáp rất tế nhị như sau !

Trâu ăn giữa vạc lúa lổ, đã nguy chưa tề.

(*Trâu Lổ Ngụy Tề là hồn nước trong thời Xuân Thu, Chiến-Quốc*) mà có người lanh trí đã đáp lại rằng :

Lễ cái sãng chẻ ra vãn vô, đốt lại thành than !

(Vãn Vô Thành Than (đọc theo giọng Huế), là những vị Vua của thời Tam-đại, Tây-châu).

Nhưng có một câu đối rất khó chưa có ai đáp lại được, mà trong đó có nói đến con trâu là :

Nước lổ chân trâu chảy ra không mạnh.

Câu này có nghĩa là giòng nước từ cái lổ do chân trâu dẫm thành mà chảy ra thì không được mạnh ; nhưng nó cũng bao hàm ý nghĩa là nước Lổ là quê hương của Khổng - Phu - Tử, còn nước Trâu là quê hương của Mạnh-Tử.



Rời xứ Huế, chúng ta bay chớp nhoáng qua các tỉnh Trung-Nam, vượt đèo Đại-Lãnh, đến vùng Hòn Khói mà tên chữ là Vân-Phong hoặc là Yên-Cương, nhìn ngoài khơi thấy lô nhô những hòn đá "trâu nằm" (ngọa ngư) đang đùa dờn với sóng cả của Thái-bình-Dương.

Con đường còn xa và mỗi khi chúng ta nhìn thấy "con trâu nhỏ lại bằng con dê" (kiến ngư

như kiến dương) tức là chúng ta đã đi được một dặm đường, theo quan niệm của người xưa.

Và bây giờ, chúng ta đã đến trung-tâm của xứ Đồng-Nai, Bến Nghé, một địa danh chất-phác, quê mùa, như mang cả màu sắc thôn dã, thanh-bình của dân-tộc và cả một mối tình mẫu - tử thiêng liêng giữa con trâu vàng của hồ Lăng Bạc và con trâu nghé của xứ Đồng - Nai trù mật.

Ngày nay, con trâu nghé đã trưởng thành giữa đồng quê nội cỏ giữa lòng châu thổ sáu con sông lớn là : Đồng-Nai, Saigon, Vàm-Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, Tiền Giang và Hậu Giang, chảy song song và cuộn cuộn, mang mỗi năm hàng triệu thước khối đất phù sa, để cấu tạo nên xứ Nam-Bộ phì nhiêu bát ngát.

Con trâu nghé cũng đã trưởng thành giữa hai cái đồi lịch sử và gò Cây mai ở bên trái và đồi Chiêu Thới ở bên phải, cùng với hai ngọn núi thiêng liêng và núi Bà Rịa ở phía trước và núi Bà Đen ở phía sau ; tất cả các yếu-tố sơn thủy cùng nhau tạo thành một linh địa và một đặc-địa để dung dưỡng cả một dân-tộc khao khát tự-do, hòa-bình và công-lý.

Xứ Bến Nghé, tức là Nguru-Tân theo Trịnh-hoài-Đức phiên nghĩa, trong " Gia - định thành thông chí ", là chỗ Rạch Bến Nghé (Nguru chữ hà) chảy ra sông Tân-bình (sông Saigon), mà xưa kia người ta gọi là vàm Bến Nghé.

Theo Trịnh-hoài-Đức « Người thổ trước thường xưng đất Bà-Rịa, Phiên-An là Bến Nghé, cũng như xưng Biên - Hòa là Đồng-Nai, xưng Sai - gòn Định - Tường là Vũng Cù v.v... (Xem Gia-định thành thông chí, quyển 2, trang 19).

« Sông Tân-Bình ở địa hạt phủ Tân-Bình, trước thành Gia-định, tục danh sông Bến Nghé, rộng 1 trăm 42 tầm, sâu 10 tầm. Sông này sâu rộng mà trong, tàu buôn và ghe thuyền người bản-quốc và ngoại-quốc đến neo đậu, trông thấy cột buồm liên lạc, làm thành chỗ đại đô hội.

« Bến đò trước thành uốn quanh lên phía tây, trải qua sông Bình-đông đến sông Băng-bột, ngược dòng lên Thủ - sở Tâm-phong-tích, đến thác lớn Bương-Đàm là chỗ cùng-trạch, dài 462 dặm.

« Bến đò trước thành quanh

qua phía Bắc, vòng xuống phía đông, đến Tam-giang-khẩu (Nhà bè) hiệp làm sông Phước-Bình, chảy ra biển Cần-giờ, dài 142 dặm rưỡi, ở bên có nhiều sông nhánh. »

Tại sao có địa-danh Nhà bè ? Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển Biên - Hòa, mục « Sơn Xuyên » thì lúc ban đầu, khi mới đặt ra dinh Trấn Biên (Biên Hòa) và dinh Phan Trấn (Gia-Định) chưa có quan lộ, nên hành khách phải đi đò trường hành (đò dọc). Đầu bến đò phía Bắc ở tại Sa-Hà thuộc Trấn Biên ; đầu bến đò phía Nam đặt tại Tổng Tân Long (Chợ-Lớn) thuộc phiên Trấn : chỗ đầu bến đò có cầu, khi nước ròng ghe thuyền phải đậu lại đợi khi nước lên mới đi được. Đò đi xa xuôi, trong đò chật hẹp, nước uống thường không đủ, khách phải chịu khát. Vì thế nên có nhà phú hộ tên là Võ-hữu-Hoàng, tục gọi là Thủ-Hườn, người Phước-chính ở tại Tam-giang-khẩu, bèn nghĩ ra cách kết tre lại làm bè nổi xây nhà ở trên, có phòng riêng, mái lợp tử tế, sắm đủ những vật uống ăn để cho khách dùng mà khỏi trả tiền. Kể đó những thương nhân cũng kết

bè nổi bán thực - phẩm, kẻ có đến vài ba chục chiếc, nhóm thành chợ trên sông, nên mới có tên gọi là «Nhà - Bè». Về sau, nhà nước đào nhiều rạch, mở mang nhiều đường trên đất liền, thông thương dễ dàng, ai ai cũng có sắm đò riêng để đi từng chặng, nên đò trường hành phải bỏ không dùng nữa.

Đò trường hành không còn nữa, nhưng vẫn còn một câu ca - dao lưu lại đời đời :

*Nhà Bè nước chảy chia hai :
Ai về Gia - Định, Đồng - Nai
thì về.*

THÁI-VĂN-KIỆM

(*Gia định, Hoàng-mai-thôn
Mạnh-Xuân Tân-Sửu 1961*)



* MÈO VÀ VỢ.

10 giờ tối, trước nhà hàng Mỹ-cảnh, trên bờ sông. Ông X. nắm tay một cô thật đẹp, thật sang, từ trong tiệm ăn ra về, đến chiếc xe-hơi Huế-kỳ đỗ gần đây. Một chú bé thất-nghiệp vội-vàng chạy tới lễ-phép mở cửa xe. Ông X. móc túi lấy cho 5\$. 10 giờ tối hôm sau, cũng chỗ ấy, ông X. đi với một bà cũng thật sang, từ trong tiệm ăn ra về, cũng đến chiếc xe hơi Huế-kỳ ấy. Chú bé thất-nghiệp đêm trước cũng vội-vàng chạy tới lễ phép mở cửa xe. Ông X. móc túi lấy cho 1\$.

Chú bé thất-nghiệp trở mắt hỏi ông X :

— Sao hôm nay ông cho tôi ít vậy ?...

Xong, ngó bà đi bên cạnh, nó cười xòa, bảo :

— À, hèn chi, tại hôm qua ông đi với mèo, ông lấy lẻ với cô à.

Nay ông đi với vợ, ông sợ cho 5\$, vợ ông rầy ông !

Nói xong, nó bỏ chạy mất.

X
u
â
n

Trời cao lồng-lộng, nước bao la...
Xuân nẻo nào sang, gió thổi qua ?
Đuôi phượng phất mây, dĩa nầy lá,
Móng rồng giắt nắng, cúc ra hoa.
Từ-bi chuông vắng mười phương Phật,
Sáng-lạn cờ bay mọi mái nhà.
Thường miếng dưa hồng, ly rượu trắng,
* Nhật-tân * hạt chữ, chúc sơn-hà !

Xuân Tân-sửu (1961)
ĐÔNG-XUYÊN

Mùa đông gió lạnh đã qua rồi,
Xuân trở về đây các bạn ơi !
Dáng liễu thướt-tha ngồi vẻ đẹp,
Cành mai rực rỡ ánh vàng tươi.
Khúc ca đón Tết tràn muôn nẻo,
Tiếng pháo mừng xuân khắp mọi nơi
Hỡi bạn từ-chương cho nhắn hỏi :
Xuân về, bạn thấy cảnh gì vui ?



Xuân về, bạn thấy cảnh gì vui ?
Xuân đến, riêng ai vẫn ngậm ngùi :
Ngãnh mặt trời Nam nghe náo-nhiệt,
Trông chừng đất Bắc, thấy chơi vui...
Nước non còn vướng sầu ly hận.
Dâu bể chưa phai cuộc đời đời.
Nhắn hỏi nàng Xuân, thơ ít vận :
Bao giờ thế-lộ khôi chia đôi ?

Tôn-nữ HỖ-KHƯƠNG (Huế)

X
u
â
n
v
ề

Mình Ơi !



Sao
người ta
nói :

đờn gảy
tai Trâu?

MÌNH ƠI !.. Ơi Mình ơi !.. Mình !..
Tiếng bà Tú gọi rất khẽ, rất âu-yếm nơi bàn ăn, cạnh
chiếc võng.

Ông Tú ngồi bàn viết, không biết viết cái gì mà cứ lui-cúi
viết... viết hoài... Bà Tú lại gọi, vẫn cái giọng nhõng-nhèo đùa bỡn :

— Anh Tú của em !

— Gì thế, em ?

— Xôi-vò, em đã mua rồi đây.
Cà-phê, em cũng pha rồi đây.
Mình lại ăn xôi rồi uống cà-phê
kéo nguội.

— Một phút nữa thôi...
Anh đến ngay.

Bà Tú tím tím cười :

— Một phút nữa thôi
hả ?

Ông Tú bỏ bút xuống, đứng
dậy lại ngồi vông với vợ. Bàn ăn,
thấp và nhỏ như bàn chơi của
con nít, kê ngay bên vông. Bà
Tú hôn bàn tay chồng, rồi hỏi :

— Nghe chút âm nhạc chơi,
Mình nhé ?

Ông Tú gật đầu. Bà vói tay
vặn Radio kê gần đấy.

Hôm nay là Chủ-nhật. 8 giờ
sáng. Theo thường lệ, sáng chủ-
nhật ông Tú không đến văn phòng
nhưng vẫn ở nhà viết cho hết
buổi sáng, rồi chiều mới tiếp bạn
bè, hoặc đi chơi với bà Tú.
Nhưng hôm nay đã gần Tết, bà
Tú muốn chồng nghỉ ngơi, nên
kiếm cách nói chuyện để ông Tú
dừng ngồi viết nữa. Đang nghe
âm nhạc và sức nhớ năm tới đây

là năm con Trâu, bà nhovn một
nụ cười tình tứ, hỏi chồng :

— Mình ơi, sao người ta
thường nói : “Đòn gậy tai trâu”,
Mình nhỉ ? Nói như thế, nghĩa
là nói loài Trâu không biết nghe
đòn sao ? Hay là Trâu không thích
âm nhạc, gậy đòn bên tai nó cũng
mất công toi ?

— Câu tục-ngữ nói “Đòn
gậy tai trâu” là làm. Trâu cũng
thích nghe âm nhạc như em và
anh vậy chứ. Cũng như nhiều loài
thú khác. Hồi đời Chiến-quốc
bên Tàu, có TỬ ĐỒI, con thứ
của vua CHÂU-TRANG-
VƯƠNG, ưa nuôi trâu để làm
vật tiêu-khiến. Trong nhà ông có
nuôi 200 con trâu, mà ông gọi là
Văn thú, được ông cưng lắm. Tự
tay ông cho Trâu ăn bằng đồ ngũ
cốc, may đồ gấm thêu cho Trâu
mặc, và truyền lệnh nhạc công
thời kèn thổi sáo cho Trâu nghe.
Ông cắt cử riêng một đám tôi tớ
để hầu hạ bầy trâu của ông. Tại
vậy đó mà lúc có giặc, TỬ-
ĐỒI chạy trốn dắt cả đoàn Trâu
theo, trâu chạy chậm nên bị giặc
đuổi theo kịp. TỬ-ĐỒI bị bắt và
bị giết ngay.

Ông Tú ăn một nắm xôi rồi nói
tiếp :

— Mình có biết tại sao TỬ-
ĐỒI gọi Trâu là *văn thú* không ?
Văn thú là con thú có dáng hiền
triết văn-vẻ. Tuy người ta khinh
khi con Trâu, cũng như khinh khi
con Ngựa. gọi là *đồ Trâu ngựa*,
đầu trâu mặt ngựa, làm *thần trâu*
ngựa, v. v. . . người Tây phương
cũng nói “*Tête de buffle*” (Đầu
Trâu) để chỉ kẻ nào bạo tàn, thô
kịch, nhưng chính trâu là con vật
dáng kính và rất dễ thương.
Mình nên nhớ rằng theo Thần-
thoại Ấn-độ, Trâu là hiện thân
của một vị Bồ-Tát đầy néh! Sách
Đường-thư cũng có chép rằng ở
xứ Thiên-Trúc, Ấn-độ, có một
giống TRÂU đen to lớn, sừng
thật nhọn, nhưng thịt nó hế cắt
thì tự nhiên liền lại ngay, huyết nó
hế người ta uống vào thì được
sống lâu. Cho nên người ta gọi
loài Trâu ấy là TRÂU PHẬT
(*Phật Ngưu*). Còn theo thần thoại
Tàu thì chàng NGƯU LANG
chăn Trâu cho Ngọc-Hoàng
Thượng-Đế và cũng tên là Trâu,
KHIÊN NGƯU. Ngọc-Hoàng
thấy chàng giỏi giản, mới kết
duyên chàng với nàng Chức-Nữ.
Nay ta vẫn gọi trại là “Ông
Ngâu, Bà Ngâu” đó.

Lại có sách truyền dị đoan
rằng vua THẦN NÔNG, bên

Tàu, đời Thượng cổ, là họ Thần
long, mình người mà đầu Trâu,
cũng như vua PHỤC HY, đầu
người mà mình rắn vậy.

Trong Lịch-sử Việt-Nam, con
Trâu vẫn đóng vai trò người bạn
hiền của một vài danh nhân lúc
thiếu thời, như ĐÌNH - TIÊN-
HOÀNG và ĐÀO-DUY-TỬ.
Đời Đường bên Tàu, có nhà Đại
Nho tên là LÝ-MẬT, lúc nhỏ
nhà nghèo như Châu-Mãi-Thần,
mà rất chăm học, vừa chăn trâu
vừa cột sách ở sừng trâu để học.
Ngồi trên lưng trâu mà ngâm-nga
sách Thánh-Hiền theo giọng bình
văn thuở xưa, không khác nào gảy
đờn. Nếu con trâu không ưa giọng
bồng giọng trầm như âm-nhạc thì
nó đâu có chịu để cỡi trên lưng
nó ! Ở các thôn quê, bọn trẻ em
chăn trâu thường hay ngồi trên
lưng trâu mà thổi sáo, hoặc vừa
hát nghêu-ngao vừa gõ sừng trâu,
trâu thích lắm, bước đi chậm-chậm
hình như dễ thương thức tiếng
nhạc ru-dương, vi-vu trong mây
trong gió... Câu thơ của Bà
Huyện Thanh-Quan :

Gõ sừng mục-từ lại cỡi thôn...
chính là tả cái thi-vị hiền-hòa
ấy vậy.

— Mình ơi, lúc này Mình nói nhiều loài thú cũng ưa nghe âm-nhạc, có dẫn-chứng nào trong sử sách không ?

— Có chứ. Trong quyển « *Influence de la Musique sur les Animaux* » của François Guenon, có ghi nhiều cuộc thí-nghiệm khoa-học về ảnh-hưởng của âm-nhạc đối với các loài Thú. Có những con thú ưa nghe âm-nhạc lắm, trái lại có những con ghét đáo ghét đẽ. Có điều chắc-chắn, là hầu hết các loài thú thích nghe âm-nhạc, đều thích cái giọng trầm trầm diu diu và chậm-chậm, hơi buồn-buồn, chứ không thích giọng bổng, hoặc tiếng kèn chát-chúa. Nhất là con NGỰA. Con Ngựa, khi nó đang ăn cỏ hoặc đang nghỉ-ngơi, mà có ai gảy đàn dẫu gần đấy, thì nó vánh tai để nghe, nghe rất chăm-chỉ. Nó nghe một lúc say-mê thì thường nước mũi nó chảy ra. Nhưng thí-dụ tiếng đàn đang ru-dương êm dịu, bỗng trời lên giọng chát-chúa, thì Ngựa ta liền tỏ vẻ không bằng lòng, dậm chùn, muốn hí lên. MÈO cũng thế. Một con mèo đang nằm ngủ ngoài sân, hay là nó đang ngồi rình chuột trong bếp chẳng hạn, bỗng mình vặn Radio có âm-nhạc, vặn vừa vừa, đủ cho nó

nghe, thì năm mười phút sau, thế nào Mèo cũng đến gần mình, nhảy lên vai lên vế mình, để ngồi chễm-chệ nghe cô Thái-Thanh hay cô Thanh-Thúy ca. Giá sử mình để nó nghe mê-ly một lúc rồi mình tắt Radio, thì tự nhiên cô ả Nguyễn-thị-Mèo khẽ kêu lên một tiếng « ngau l. » có vẻ đau thương thất-vọng lắm.

Bà Tú cười..., ông Tú ăn một nắm xôi, uống một hớp cà-phê, rồi nói tiếp :

— Đề anh kể một giai-thoại nhỏ nhỏ này cho Mình nghe, nhưng anh cấm mình cười nhé. Hồi anh học ngoài Hà nội, anh ở trọ một cái chái nghèo rách nát và chật chội sau đền Đông-Thái, gần Bót Chợ Gạo, Bờ sông. Trong chái của anh, nhiều chuột quá xá, đến nỗi chúng thấy anh ở trọ-trọi một mình, chúng không còn sợ nữa, bò cả lên cái giường của anh nằm, để làm ò, và để một bầy con bên gối anh. Chuột tập trung về cái chái của anh nhiều như thế là tại vì hai bên hàng phố có nuôi ba bốn con mèo. Một hôm ngẫu-nhiên anh đọc trong quyển « *Curiosités historiques de la Musique* » của Fétis, trong đó có kể chuyện con Mèo của Nữ-sĩ DE STAËL rất

mê âm-nhạc. Anh mừng quá, đi mua ngay cây đàn mandoline rẻ tiền về đánh chơi vài bản, cốt ý để dụ mấy con mèo hàng phố đến ở cái chái của anh, cho chúng bắt chuột. Quả nhiên bốn năm hôm sau, một con mèo vá rất dễ-thương của nhà Huê-Kiều buồn gạo sát bên cạnh, treo tường qua chái của cậu học sinh nghèo. Dần dần nó bạo dạn nhảy lên bàn viết của anh để ngồi nghe anh gảy bài « *J'ai deux Amours* »... Nhưng khốn nỗi, cô Mèo mê đờn đến nỗi Chuột bò ngay bên chùn cô, cô ả cũng chả buồn chụp bắt nữa, để con Chuột chạy mất..

Bà Tú cười hăng hắc :

— Thế sao Mình không chụp con Chuột ?

— Anh sợ nó cắn.

Bà Tú lại cười sảng-sắc :

— Rồi con Mèo có ở với Mình không ?

— Không. Hễ anh hết đờn thì nó treo tường về nhà nó. Nhà anh nghèo, nó không ở..

Ông Tú ăn một nắm xôi, uống một hớp cà-phê, nói tiếp :

Trong quyển « *Curiosités historiques de la Musique* » cũng có

kể chuyện mấy con thần-lẫn của ông Chemet say mê tiếng đờn vi-ô-lông, đặc biệt nhất là những nhạc khúc của MOZART ! Nhà sử học MICHELET danh tiếng của Pháp, có kể chuyện một con DÁN NHỆN của nhạc-sĩ BERTHEAUME thật là lâm-ly. Năm 1800, Bertheaume mới có 8 tuổi đã là thần đờn về vĩ-cầm rồi, cũng như Wagner, Casals... Thính giả trung thành nhất của nhạc sĩ thiếu niên ấy là một con Dán-nhện thường ở trong một góc phòng của chàng. Dần dần con Nhện mê đàn, bò gần tới nhạc sĩ, rồi bò lên tay chàng, nằm yên nơi cổ tay của chàng để được nghe rõ tiếng đàn huyền diệu. Mãi đến khi chàng hết đàn, con Nhện mới bò xuống và trở về lưới dăng nơi góc phòng. Ngày nào đêm nào cũng thế cả, suốt mấy tháng trời. Thế rồi giữa con Nhện mê đờn và cậu nhạc sĩ tý hon, tự nhiên nảy ra một mối cảm tình tha thiết. Tha-thiết phi thường đến nỗi đã xảy ra một bi-kịch trầm trọng không ngờ. Một hôm Má của Bertheaume quét phòng, cầm chổi quét chết tươi con Nhện, không dè nhạc-sĩ Bertheaume thấy thế cũng té xỉu chết giắc luôn. Mời Bác sĩ đến cứu chữa ba tháng cậu bé

mới bình phục được. Chuyện này nhà văn hào MICHELET có thuật rõ trong quyển "L'Insecte", xuất bản năm 1857. Trong quyển "La Musique" của Casimir Calomb lại có kể chuyện con Dán-Nhện của viên Đại-úy lữ-đoàn Navarre bị tội giam trong ngục BASTILLE (1770). Trong ngục, Đại-úy thường thổi sáo cho đỡ buồn. Không ngờ tiếng sáo của ông quyến rũ được cả một bầy NHỆN và CHUỘT. Cứ mỗi lần ông thổi sáo là Nhện và Chuột bỏ ra chung quanh ông để nghe say mê... Cũng giống như trong phim của WALT DISNEY nàng BẠCH TUYẾT hát lên, giọng hát ru-dương thánh thót, là một đoàn CHIM, CHUỘT, THỎ, NAI, RỪA, SÓC, BỜ-CÁU, kéo tới nghe đông nghẹt như một buổi Đại Nhạc-Hội.

— À Minh, em nhớ dạo nọ Minh cũng có kể chuyện chàng ORPHÉE thổi sáo cách sao mà ru ngủ được con chó CERBÈRE giữ cửa ngục Âm phủ. Minh kể lại em nghe.

— Ừ, chuyện trong thần-thoại Hy-Lạp. Orphée là một chàng Thi sĩ và nhạc-sĩ, thổi sáo hay cũng như chàng TIÊU-SỬ đời Xuân Thu

bên Tàu. Orphée có người yêu là EURYDICE đẹp tuyệt trần, bị vua Diêm-Vương mê sắc đẹp của nàng, bắt cóc nàng đem xuống Âm phủ. Orphée liền theo xuống âm phủ, quyết cứu thoát cô tình nhân yêu quý. Chàng phải bơi qua giong sông Styx, rồi qua sông A-chéron, đến được cửa Ngục lại bị con chó CERBÈRE dữ tợn, ba đầu sáu tai, mười-hai con mắt, ngồi giữ cửa, toan vồ cắn chàng. Orphée liền lấy ống sáo ra thổi vài bài. Chàng thổi sáo mùi quá, con chó Cerbère nghe mê, nằm ngủ luôn. Nhờ đó ORPHÉE vào được trong ngục Âm - phủ, cứu được nàng EURYDICE, và công người yêu trên lưng đem được về trần-gian. Đó là chuyện trong thần-thoại Hy-Lạp. Còn theo thần-thoại Ấn-độ, lúc này anh nói Trâu chính là hiện-thân của một vị Boddhitsatwa (Tàu phiên âm là : Bồ-Đề-Tát-Đỏa, ta nói tắt là Bồ-tát) NGỌC HOÀNG THƯỢNG-ĐẾ sai vị Bồ-Tát ấy đeo trên hai vai hai cái bị : một bị lúa và một bị các hạt giống cỏ. Ngọc Hoàng bảo Bồ-Tát đem xuống đeo trên mặt đất hạ giới, và dặn kỹ : lúa thì đeo nhiều, còn cỏ đeo ít thôi. Nhưng khi

Bồ-Tát vừa xuống đến trần gian, thì có tiếng sáo thổi văng - vẳng xa-xa. Bồ-Tát nghe mê, quên bẵng lời căn-dặn của Thượng-Đế, nhè đeo các giống cỏ nhiều quá, còn giống lúa thì ít. Lúc trở về Thiên-đình, thuyết trình lại cho Ngọc Hoàng nghe, Ngọc Hoàng nổi giận, bắt đầy BỒ-TÁT hiện thân con TRÂU xuống trần-giới, cày bừa cho người làm ruộng để sinh sản thêm lúa gạo. Vì thế nên bây giờ ở đồng quê ta, con Trâu cũng ưa nghe cậu bé mục đồng thổi sáo, hay cô thôn - nữ gảy đàn trên lưng trâu. Thần - thoại Ấn - độ cũng kể chuyện RẮN thích nghe tiếng đàn và tiếng sáo. Do đó mà ngày nay ta còn được thấy những ông P H A - K I A Ấn - độ thổi sáo làm mê hoặc cả những con Rắn độc ghê gớm. Đó là không kể loài Rắn hồ mang còn biết huýt gió nữa. Minh có nhớ câu thơ của Racine: *Pour qui sont ces serpents qui sifflent sur vos têtes ?...*

— Hồi em học trường Gialong, cô giáo có dạy em câu thơ đó, có phải nghĩa là : " Những con Rắn kia huýt gió trên đầu anh, là để cho ai đấy " phải không Minh ?

Ông Tú ăn hết đĩa xôi vò,

uống hai hớp cà phê :

— Phải... Vừa rồi, một nhà Bác-học Nga xô, là PAVLOV, có thí-nghiệm như sau đây : cứ mỗi lần ông cho một con chó ăn, thì ông thổi kèn trompette. Một thời gian sau, ba tháng, cứ mỗi lần con chó ấy nghe thổi trompette là tự nhiên nó đòi ăn. Rồi ông kết luận : đó là một mặc cảm, trong khoa học gọi là một *Reflexe*. Tại vì con chó kia mỗi lần ăn là nghe tiếng kèn trompette, lâu ngày nó quen, rồi thành ra một *cảm giác mặc nhiên*. Cứ hễ nghe tiếng kèn trompette là nó nghĩ ngay đến bữa ăn của nó. Không cần cuộc thí nghiệm của Pavlov, chúng ta cũng biết rõ rằng giống thú vật nào cũng thông minh cả, không nhiều thì ít, và sự quen tai mà thông cảm là sự kiện dĩ nhiên. Cũng như ở trại giam Tù ở Trà - Khê, (1940-1945) anh em có đề cử một ông già tên là cụ Hy, một ông Tú-tài Nho-học đã trên 70 tuổi, phụ-trách việc cho heo và gà ăn, công việc nhẹ nhàng nhất trong trại. Cứ sáng sớm, ông cụ mở cổng chuồng heo, và các chuồng gà, thả cho đi ăn tàn mác ngoài rừng xa, rồi 5 giờ 30 chiều, ông

chỉ gỏ một hồi mõ là tức khắc đàn heo trên 30 con và đàn gà trên 50 con ở ngoài rừng chạy về chuồng hết. Ai nấy cũng ngạc nhiên. Vì rừng núi rộng mênh-mông, mà heo và gà thả ra cho đi ăn, không có ai theo giữ, và không có gì trở ngại. Cả một ngày dài, từ 7 giờ sáng đến 5 giờ rưỡi chiều, tha hồ chúng nó đi ăn xa, thật xa, trong rừng sâu núi thẳm. Thế mà đứng trong sân trại, ông cụ Hy chỉ gỏ một hồi mõ là tất cả đều lục-tục kéo nhau từng đoàn, từng bầy, chạy thật lẹ về chuồng, ông Cụ kiểm soát không bao giờ thiếu một con !

— Mình ơi, thế tức là gà và heo ở xa nghe tiếng mõ, cũng biết đã tới giờ về chuồng ?

— Phải, vì chúng nó đã quen tiếng mõ ấy rồi. Cứ mỗi lần về chuồng ông Cụ cho ăn lúa, thóc, và cám, là những món cao lương mỹ-vị của gà và heo mà ngoài rừng không có. Tuy nhiên, nói về khoa-học, cái mặc cảm ấy chưa có thể giải thích được sự « thích nghe âm nhạc » của các loài thú, như cuộc thí nghiệm của nhà Bác-học Nga-xô. Bởi vì không những TRÂU, BÒ, (nhất là BÒ CÁI), NGỰA, LỬA, HEO, MÈO, CHUỘT, DÁN NHỆN

THẦN - LẦN v. v... là những con vật thường ngày ở chung chạ với người, hoặc ở gần người, thì có thể nhiễm được cái khiếu âm-nhạc của người, mà đến cả những con thú hoang ở Rừng rú, như NAI, (nhất là giống Nai), GẤU, KHỈ, SƯ-TỬ, VOI, THỎ, cho đến con RỪA, đều ưa âm-nhạc. Vì vậy cho nên các ông chủ xiếc mỗi lần tập các con thú rừng kia làm trò đều phải dùng âm nhạc ru-dương để quyến rũ chúng.

— Còn loài Chim, hả Minh ?

— Chim không những thích âm-nhạc, mà chính là những nhạc sĩ. SON - CA, HỌA - MI, HOÀNG-OANH, CHÍCH-CHOÈ, CÀ-CƯỜNG, v.v... là những Mozart, Beethoven, Wagner, Casals, Debussy, hoặc là những Út Trà Ôn, Kim - Cương, Lệ-Thanh, Thái-Hằng.. của thế-giới cầm-thú. Dĩ-nhiên, nhạc-sĩ ca-sĩ của loài Người, đều có kẻ dở người hay, kẻ giọng thanh, giọng êm, người thì tiếng ò-ò, oang-oác. Nếu những SON-CA, HỌA-MI, CÀ-CƯỜNG, CU-CUỒM... có nhiều nhạc-khúc thật réo rất mê-ly, thì trái lại cũng có những chú QUẠ, chú CHÈO BÈO, chú VỆT, cô

SÁO, cô NHÔNG, chỉ biết nhái theo người ta, mà vô-duyên nhạt-nheo làm sao !

Bà Tú nhếch một nụ cười hơi hơi ngây-thơ :

— Còn em ? Thỉnh-thoảng em ca một bản cho Minh nghe, có hay không ? Em là cô Nhông, cô Két, hay cô Họa-Mi ?

— Em hả ? Em thì... em rống như bà Sư-Tử !

Bà Tú réo lên :

— Em hồng chịu làm Sư-tử đâu !

Bà định chụp lấy ông Tú để bắt đền, nhưng ông Tú cười hả-hả vụt chạy ra ngoài vườn mất tiêu..

Diệu Mỹên



★ TRONG LỚP HỌC

Thầy giáo hỏi trò A :

— Ba lần bốn là mấy ?

— Dạ, 12.

— Giới a, đây thầy cho trò 12 cục kẹo nè.

Trò A xây qua trò B và nói :

— Hỡi nầy tao ngu quá mày, hể tao nói 30 thì tao đã được 30 cục rồi.

LIÊU-CHÁNH-TRỰC



nhớ cha

Cha nằm ngủ cách con ba tấc đất,
 Khoảng không-gian mong-manh tợ đường tơ,
 Thế mà con : thánng đợi với năm chờ
 Phải đi hết một cuộc-đời mới đến.
 Trong êm-ả, thuyền cha vừa ghé bến,
 Cuộc hành-trình thoảng chốc đã trôi qua,
 Cha đã đi và đã đến quê nhà
 Nơi quê ấy thời-gian không có nữa.
 Con mơ thấy : nơi quê-hương muôn-thuở,
 Cha quay nhìn, chờ-đợi bước con đi.
 Bảo rằng con «đừng khóc chuyện chia-ly,
 Cha sẽ đợi và đợi con mãi mãi».
 Nhưng cha hỡi, trong giong đời xuôi chảy,
 Một mình con.. cô độc quá cha ơi!
 Tấm thân con gầy-yếu giữa sóng đời,
 Con sợ quá ! cha ơi ! con sợ quá !
 Con vội bước trên con đường muôn ngã,
 Đêm lẫn ngày, con đi với thời-gian,
 Đề kiên-tâm cùng cam khổ, gian-nan,
 Con đã đặt mộ kìa làm cứu-cánh.

THIÊN-THU (N. Tố-Nữ) Chợt lớn

TRÀU



là một vị BỒ-TÁT

* LÊ - NGỌC - TRỤ

MỖ I năm đến độ xuân về,
 tiết xuân ấm-áp, vạn vật
 đổi thay, báo-chí thường có số
 đặc-biệt về xuân và chọn đầu đề
 con thú tượng-trưng cho địa-
 chủ của năm mới, để viết nên
 những câu chuyện văn-chương.

Đổi lại với năm Canh-tí, con
 chuột bé nhỏ, phá hại mùa
 màng, gây bao tai-vạ cho loài

người, — và thế-giới cũng đã
 trải qua lắm chuyện tang tóc tai
 hại —, năm Tân Sửu, con trâu
 sức vóc mà hiền lành, nhẫn-nại
 trung hậu, giúp ích nhà nông
 đem lại ấm-no cho trăm họ, chắc
 sẽ là năm đầy hy-vọng, an cư
 lạc nghiệp.

Theo chuyện cổ xưa, người
 ta nói hồi thuở Ngọc-Hoàng
 tạo-lập thế-gian và loài người,

ngài cho loài người sống trên quả địa-cầu mà lại quên nghĩ đến việc cung-cấp thực-phẩm cho chúng sinh. Loài người và cầm thú, không có gì đủ ăn, đói khổ quá, kêu van rên xiết thấu đến Thiên-đình. Chừng đó, vua Trời mới thấu lẽ, bèn tạo ra thực phẩm, ngũ cốc cho loài người, rau cỏ cho chim muông. Ngài phán hỏi người nào tình-nguyện đem các hạt giống ấy xuống trần, trồng trên quả đất.

Có một vị bồ-tát, giàu lòng bác-ái, tình-nguyện xin đi để kịp mau cứu khổ chúng-sinh. Ngọc-Hoàng giao cho hai bịch đồng cỡ như nhau, một bịch đựng hạt giống ngũ-cốc, một bịch đựng hạt giống rau cỏ. Ngài căn dặn kỹ-càng nhiều lượt, bảo khi xuống trần, thì phải lo gieo giống ngũ cốc trước tiên, hạt giống rau cỏ để đợi một thời-gian sau mới trồng. Vị bồ-tát vàng - vàng dạ - dạ, nguyện sẽ thi-hành đúng như lời Vua Trời phán dạy.

Nhưng khi xuống tới quả địa-cầu, vị bồ-tát giàu lòng từ-thiện, mang lo làm việc phước mà không thiết đến sự đời, nên thường hay đoán, trí, lúc đem

thi-hành lệnh của nhà vua, lại lầm lẫn bịch hạt giống. Do sự lẫn-lộn tai-hại ấy mà kết-quả là cỏ rau mọc lan gần khắp mặt đất, loại ngũ cốc gieo sau, chỉ còn chiếm những vùng đất-đai nhỏ ít, không đủ chỗ sản-xuất được nhiều đậu thóc cung-cấp cho loài người.

Trong khi ấy, vị bồ-tát đoán-trí vô tình làm xong sự mạng, trở về Thiên-đình báo-cáo với Ngọc - Hoàng. Vua Trời tin bằng lời.

Nhưng loài người đói-khó vất-vả cực-nhọc mà không đủ thóc ăn, lại thấy loài muông thú được ưu-đãi, vật thực sung-túc, cỏ cây khắp núi rừng đồng nội, nên lấy làm bất mãn, kêu ca oán trách ông Tạo vật bất công. Lời ta thấu thấu đến Thiên-đình. Ngọc-Hoàng cho mở cuộc điều-tra, mới thấy rõ loài người kêu van hữu-lý và xét thấy chỗ sai-lầm tai-hại của viên sứ - giả khù-khờ lú - lẫm của mình.

Ngài truyền lệnh đòi vị bồ-tát phạm tội ấy. Và sau khi nghiêm-khắc quở mắng, Ngài phán : « Vì lỗi bất cẩn lơ-đềnh của nhà người, thay vì gieo

trồng các giống ngũ-cốc trước tiên như ta đã căn-kê dặn bảo, nhà người lại đem trồng loại cỏ-rạ trước để nó mọc lan-tràn choán hết phần đất hoa-màu, làm cho ngũ-cốc không nơi sanh-sản, loài người thiếu thực-phẩm phải nạn đói-kém khôn-khổ. Vậy hề có lỗi thì phải phạt. Để đền tội nhà người đã làm, ta phạt nhà người phải ăn cỏ và ra sức giúp loài người trồng-tĩa ngũ-cốc để chuộc lại lỗi-lầm ».

Vì vậy mà vị bồ-tát hiền từ ấy phải đi đầu thai làm con trâu ăn cỏ và vất-vả nhẩn-nại cày ruộng giúp cho nhà nông. Mặc dầu thêm - thường, trâu không được ăn lúa mà nó đã có công giúp vào việc sản-suất, vì người ta không cho. Ông Trời lại còn phú cho nó bả-m-tánh khoẻ ăn, nhưng lại chỉ cho có một hàm răng, vì thế nó phải ăn đi rồi nhai lại hoài mà vẫn không bao giờ no.

Ra sức nhọc-nhần vất-vả để kiếm miếng ăn, nhưng cũng không bao giờ được no, con trâu thật không hẳn hoàn - toàn tượng-trưng sự thịnh-vượng của nhà nông, bởi trâu còn có loại « trâu trắng », « trâu xanh ».

Theo cụ Hương-Bình, khi xưa lịch Tàu ngoài bia sách có in hình con trâu. Nếu hình trâu màu xanh, thì năm ấy được mùa, hình trâu màu trắng thì năm ấy ắt sẽ gặp khó-khăn về mùa màng.

Thời cựu-trào quân-chủ, bắt đầu từ Minh Mạng ban hành lễ-nghinh-xuân vào ngày 25 tháng chạp. Nghi-thức biện lễ thì cũng trình-bày đại ý như lịch Tàu đã tô màu hình con trâu.

« Trên một hương-án để tượng ông Thần-Nông bằng hình cây, ngoài sơn phết màu áo đỏ ; một con trâu cũng hình cây. Nếu nhà thiên-văn xem năm tới, mưa hòa gió thuận, có triệu-chứng được mùa thì hình trâu sơn màu xanh.

« Nếu năm ấy mà biểu-hiệu hình trâu màu trắng, thì nhà nông, phải lo đề-phòng trừ lúa, phòng đại-hạn bão-lụt, gây tai hại thất mùa-màng ».

Đó là hình vẽ màu tượng-trưng, ứng với hiện-tượng thiên-văn. Trên thực-tế, trâu thường lông đen, mình đen. Loại trâu trắng, vì lẽ khác thường, sẽ gây ảnh-hưởng tai-vạ theo sự mê-tin của nhà nông chằng, hoặc

TRÂU LÀ MỘT VỊ BỒ TAT

bởi trâu đen thấy trâu trắng khác lạ mà gây nên những cảnh kinh-chống húc-báng nhau làm xáo-trộn cuộc đồng-áng chăng, nên tục-ngữ ta có câu :

« Trâu trắng đi đâu mất mùa đến đấy ».

Nhưng tại miền Nam, trâu trắng là phần rất rít, có thể nói là không có, nên cũng không

có cảnh mất mùa. Và con trâu, lúc nào, vẫn là một loại trong lục-súc, rất hữu-ích cho nhà nông, khi sống ra sức nhọc nhằn cày bừa vất vả, đập lúa kéo xe, già dùng làm thịt, chết thì xương, da, sừng, móng, đều được hữu-dụng, không bỏ vật nào.

LÊ-NGỌC-TRỤ



* NĂM MỘNG

— Chú ơi, hồi hôm nầy cháu năm chiêm bao thấy chú cho cháu 100\$.

— Ồ, tốt lắm ! Chú cho cháu luôn đấy.

* LỜI BÍNH CHÍNH KHÉO

Ông giám đốc nạt lớn :

— Tính kỹ lại thì phân nửa hội viên trong này đều ngu dốt cả.

— Không được, ông phải đính chính lại những lời ông vừa nói.

— Được rồi, thì phân nửa không có ngu !

LIÊU CHÁNH TRỰC (Chợ lớn)



MỘNG ĐÊM QUA

Đêm qua em thấy ngàn sao

Dẫn đường cho chúng mình vào Thiên-Thai,

Hoa xinh vương đẹp gót hài

Trăng xinh giải sáng thêu dài đường trăng

Màn trời giúc ngọc ly-băng

Hương Tiên rãi-rác mây giăng tơ mềm.

Nhạc êm êm, nhạc triền-miền

Đèn lung linh, mối u-huyền xa xa...

★

Ngàn sao tạt mộng đêm qua

Cho em thương nhớ hương hoa diễm-huyền.

Chờ ngày lại ước vào đêm

Cho em nổi giấc mơ Tiên ban đầu.

Chuyện ngàn sau, chuyện trần cau,

Biết ai, ai trọn chiêm-bao riêng mình ? !

MỘNG-HOÀ-HUYỀN — Hết 60

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

TÔI đang phân vân chưa biết lựa bài thơ nào để đưa ra phê-bình trong mục này cho được thích-hợp với **PHỔ-THÔNG SỐ TẾT** thì may nhận được thư anh Nguyễn-Vỹ, trong đó có câu: 'Tôi xin đề-nghị anh phê-bình bài thơ « Con Trâu » của ông Học-Lạc trong mục « Những áng thơ hay » số Xuân Tân Sửu.. Thế là bỗng nhiên anh bạn đã gỡ rối giúp tôi. Tôi tự nhủ: 'Ừ nhỉ! Năm Sửu mà bình thơ Trâu thì thật là thích hợp!'. Vậy, xin bạn đọc hãy cùng chúng tôi ngâm bài thơ:

CON TRÂU

Mài sàng cho lằm cũng là trâu,
Ngắm lại mà coi thật lớn đầu.
Trong bụng lằm-nham ba lá sách,
Ngoài cằm lằm-đếm (1) một chòm râu.
Mắc mưu đốt đít tôi - bời chạy,

* BÀNG-BÁ-LÂN

Làm lễ bời chuông nhón-nhức sâu.
Nghé ngo già đời quen nghé ngo.
Năm dầy đàn gậy biết chi (2) đâu
HỌC-LẠC

*

Muốn thưởng thức bài thơ này theo đúng giá-trị và tinh-thần của nó, thiết-tưởng trước hết cũng nên biết qua tác-giả là người thế nào, ông làm bài này trong trường hợp nào, và với mục đích gì?

Muốn thế, các bạn hãy cùng chúng tôi đề cho trí nghĩ ngược dòng thời-gian, lùi về dĩ-vãng, vào cái thời mà quân Pháp đề lộ đã tâm thống trị, ra mặt xâm chiếm Nam-kỳ. Giữa lúc ấy, giới sĩ-phu ở miền Nam nước Việt chia làm

(1) và (2) Có bản chép khác: (1) lằm nhêm - (2)... biết nghe đâu!

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

hai phe. Một phe ra hợp tác với « tân trào »; một phe nhất quyết không theo Pháp. Đại-biểu phe trên là Phan-hiền-Đạo, Tôn-thọ-Tường... Đại-diện phe dưới là các ông Huỳnh-mẫn-Đạt, Nguyễn-dình-Chiêu, Phan-văn-Trị.

Giữa hai phe (đúng hơn, giữa Tôn-thọ-Tường và Phan-văn-Trị) thường có thơ xướng họa với tư-tưởng đối lập nhau, từng gây nên một cuộc « thi chiến » khá sôi nổi.

Tuy không dự vào cuộc xướng họa thơ này, cũng không có thái-độ đối-lập rõ-rệt như mấy ông Huỳnh, Nguyễn, Phan, Nguyễn-văn-Lạc tức Học Lạc (1) có thể kể như thuộc phe các ông này. Vì tuy sống cuộc đời tối tăm ở thôn quê, Học-Lạc thường tỏ ra quan tâm đến thời-cuộc, cảm thấy tất cả những nỗi nhục-nhân của người dân vong quốc, nhưng tự biết mình bất lực nên đành đóng vai ái-quốc tiêu cực và giải bày tâm sự trong mấy vần thơ thời-thế với giọng rất mãn thế ưu thời! Vốn ứnh cương trực, lại hằng ngày phải va chạm với lũ tiểu nhân đắc chí, mắt thấy tai nghe những cái lỗ lãng bi đỗi của

buổi giao thời, tâm trạng ông thật chẳng khác gì tâm trạng mà thi hào Nguyễn-Du đã tả trong hai câu:

*Trải qua một cuộc bèo dầu,
Những điều trông thấy mà đau
đớn lòng.*

Bởi vậy, ông không ngời lời chế diễu bọn tiểu nhân đắc thế bằng một giọng lúc thì kín đáo, lúc thì mỉa mai rõ rệt.

Ông khinh ghét nhất bọn hương chức đã đốt nát hèn hạ lại

(1) Nguyễn-văn-Lạc, hiệu là Sầm-Giang, thường gọi là Học-Lạc (Học là học sinh. Triều Nguyễn có đặt ra một ngạch học sinh cho những người được cấp học bổng để theo học tại các trường quan đốc-học tỉnh), người làng Mỹ Chánh thuộc tỉnh Mỹ-Tho (nay là Định-Tường). Ông học khá, nhưng thi không đỗ, làm nghề dạy học và bốc thuốc ở làng. Là người có tài nhưng không hiển đạt, tính nết lại cương trực, ông luôn luôn có thái-độ kịch-địch với bọn hương chức xu thời. Thơ ông thường có giọng châm-chích, diễu cợt, ông mất năm 1915.

hay lên mặt, chỉ chuyên luôn lọt quan trên, ức hiếp kẻ dưới, và không ngần ngại « tặng » họ những vắn thơ chua cay thấm thía trong những bài : *Ông làng hái bời, Con tôm, Con trâu, Chó chết trôi, Tạ hương đảng, Ngồi trăng...*



Bài « Con trâu » — cũng như hầu hết các bài thơ khác của ông — làm theo thể Đường luật. Và đây là một bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú, thể bằng vận bằng.

Vậy muốn tìm ưu, khuyết điểm của bài thơ này, nghĩa là định giá trị cho xác đáng, ta phải đứng vào đúng vị trí, phải xét theo quan niệm thơ xưa mới khỏi lệch lạc, sai lầm.

Về kỹ - thuật hình thức, thơ Đường-luật bát cú gồm có bốn phần : đề, thực, luận, kết.

Hai câu đề dùng để mở bài. Câu phá đề (câu 1) nói lung về ý của đầu đề ; câu thừa đề (câu 2) thừa tiếp ý câu phá đề chuyên xuống hai câu thực.

Trong bài « Con trâu », hai câu đề :

*Mài sừng cho lắm cũng là trâu,
Ngẫm lại mà coi thật lớn đầu.*

đã làm trọn nhiệm-vụ của nó. Nhất là câu thừa đề đã nói lên được một đặc tính của con trâu là to xác nhưng đần độn, nhờ khéo gợi được ý câu tục ngữ « to đầu mà dại ».

Hai câu 3—4 là hai câu thực (hay trạng) vừa phải thích thực đầu đề, vừa phải đối chọi từng chữ từng ý. Thích thực đầu đề là nói rõ ý nghĩa của đề. Kể cũng không khó ; nhưng từ khi thơ Đường luật được dùng vào việc thi cử thì sự khó khăn được tăng thêm, nghĩa là câu thực phải thích thực đầu đề nhưng không được dùng chữ của đầu đề. Thí dụ như bài « con trâu » này, hai câu thực phải nói về « con trâu » mà không được dùng chữ « trâu ». Nếu có chữ « trâu » là mắc lỗi phạm đề, hỏng. Trái lại, nếu không nói rõ được ý của đề là *lậu đề* (trốn đề), cũng hỏng.

Hai câu :

*Trong bụng lam-nham ba lá sách,
Ngoài cằm lém-dém một chòm râu,
chặng những đối chọi tề chỉnh, mà không phạm đề cũng không lậu đề, nhờ khéo dùng những chữ lam-nham ba lá sách và lém-dém (cũng như lún-phún) một chòm râu (sách là ruột non của trâu bò).*

Hai câu 5-6 là hai câu luận (cũng phải đối chọi) có nhiệm-vụ bàn rộng ý trong hai câu thực. Tay hãy đọc :

*Mắc mưu đốt đit toi bời chạy,
Làm lễ bời chuông nhón-nhác sầu*

Ta thấy tác-giả dùng điển rất đắt. Câu 5 nói về tích Điền-Đan dùng trâu phá giặc. Nguyên về đời Chiến Quốc bên Tàu, đề chống lại giặc dữ uy hiếp thành trì, đại tướng nước Tề là Điền-Đan nghĩ được một kế rất thần diệu là dùng trâu dàn ra trước trận, sừng con nào cũng được mài nhọn hoắt hoặc buộc thêm gươm sắc vào, đuôi mỗi con đều buộc một túi cỏ khô nỏ. Đợi khi hai quân giáp trận, thì thúc trống ra lệnh cho quân sĩ đốt cỏ ; trâu bị bỏng đuôi, lại nghe trống trận rầm rầm, hoảng sợ vùng chạy lên trước, quân lính rầm-rộ theo sau. Gặp địch quân cản lối, trâu càng phát điên cứ cúi đầu chĩa sừng xông bừa vào. Quân địch không ngờ tới mẹo đó, tháo lui không kịp bị trâu húc và dầy xéo toi - bời, còn sót tên nào lại bị quân sĩ đi sau tiêu diệt nốt. (1)

Câu 6 ám chỉ tục ngày xưa khi đúc chuông, người ta thường làm lễ toi chuông, nghĩa là lấy

huyết trâu bôi vào, tin rằng như thế chuông sẽ không bị nứt.

Vậy hai câu luận của Học-Lạc rất chỉnh và được lắm ; vì đã bàn rộng và rõ thêm ý trong câu thực bằng cách nhấn mạnh vào đề hơn nữa. Đọc xong hai câu này, người câu nệ khó tính đến đâu cũng phải hài lòng, vì thật là « con trâu » chó không còn thể biểu là « con bò » cũng được (như ý chưa thật rõ trong câu thực) !

Câu kết (7 và 8) đề đóng bài lại. Ở đây, tác giả có thể nói ý nghĩ hoặc cảm tưởng của mình.

Hai câu :

*Nghe ngo già đời quen nghe ngo,
Năm dầy đàn gầy biết chi đâu !*
có ý mỉa sự ngu ngốc của Trâu. Cho đến « già đời », con trâu cũng chỉ biết kêu có hai tiếng « nghe

(1) Tích này thường được các nhà thơ xưa dùng để vịnh « trâu ». Bài « Con trâu già » của Huỳnh-mãn-Đạt cũng có câu :
**Đuôi cùn biếng vẫy Điền-Đan hỏa,
Tai điếc chi nghe Nịnh-Thích ca.**

ngọ! Câu 8 khéo ở chỗ gọi lên được ý câu tục-ngữ « đàn gảy tai trâu».

Tóm lại, bài thơ này rất đúng quy tắc, niêm luật khít-khao, đối chọi tề chỉnh, diễn dùm thích đáng, vẫn giàu (trâu, đầu, râu, sấu, đầu) — về hình thức — có thể kể là một bài thơ hay.

*

Song le, trâu tuy ngu dần chậm chạp, nhưng là con vật rất có ích cho nhà nông nói riêng, cho dân tộc Việt - Nam nói chung. Hình ảnh con trâu đã gắn liền với hình ảnh đồng quê Việt-nam, trong trí óc mọi người dân Việt. Nó được coi là bạn chí thân của nông phu. Ở đâu có người dân cày là ở đấy có trâu, không rời nhau nửa bước. Thật là người, vật đề huề. Đề huề cả trong ca-dao :

*Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.*

Vậy trâu là con vật hữu ích đáng mến thương, chứ không phải là vật ta khinh ghét. Thế mà sao Học Lạc lại vịnh «con trâu» bằng những lời chua chát mỉa-mai, tỏ ra ông không những không có cảm tình với trâu mà lại còn khinh ghét nữa? Vì sao tác-giả lại có ác cảm

lệch-lạc ấy?

Muốn có câu trả lời thích đáng, xin đọc - giả coi lại những dòng chúng tôi đã trình bày ở đầu bài này, và sẽ thấy ngay cái dụng ý của tác-giả. Ông mượn *con trâu* đề nhiec bọn hương - chức là ngu dốt, lớn đầu mà đại, mặt người dạ thú :

Trong bụng lam - nham bà lá sách,

Ngoài cằm lém-dém một chòm râu.

Chỉ quen khom lưng cúi đầu lằm đầy tớ người trên, hoanh-học kẻ dưới; rồi thế nào cũng có ngày chúng bị chính quan thầy chúng sa thải hoặc dùng làm vật hy-sinh khi cần! Nhưng khốn nạn, nào chúng có biết đâu!

Bài này cũng cùng một ý châm biếm như những bài «Con tôm», «Chó chết trời». Và cũng như hết thầy thơ của Học Lạc, lời thơ bài này thông thường giản - dị. Tác-giả không ngần-ngại dùng cả những chữ thô-lỗ :

*Mắc mưu dốt dốt toi bờt chạy,
cũng như trong bài thơ «Con tôm» :*

Khoe - khoeo mắt đỏ trong

dòng bích,

*Chẳng biết mình va cứt lợn
đầu!*

Vì vậy, thơ ông rất nhiều tính-chất bình dân. Do diễm này và vì nhằm châm chích bọn hương-dăng mà chính dân chúng cũng không

ura, nên thơ Học Lạc đã được truyền tụng một thời, và được coi như xứng đáng tiêu biểu cho loại thơ trào-phúng ở miền Nam nước Việt hồi cuối thế-kỷ 19 sang đầu thế-kỷ 20.

BÀNG BÀ LÂN



*** Danh ngôn : TÌNH YÊU VÀ ĐÀN BÀ**

Trẻ, người ta nhờ đến đàn-bà để hiểu thế nào là tình yêu.

Già, người ta nhờ đến tình yêu để hiểu thế nào là đàn-bà.

(Jeune, on compte sur les femmes pour apprendre ce qu'est l'amour.

Vieux, on compte sur l'amour pour apprendre ce que sont les femmes.

ROLAND DORGELES

(Văn-sĩ Pháp Thế-kỷ XX)

HỌC ANH-VĂN VÀ PHÁP-VĂN BẰNG THƯ

— Chương-trình gồm có bài học, bài làm, ngữ-vựng, văn-phạm, chòm-ngôn, thành-ngữ, phản dịch, đối-thoại...

— Áp-dụng phương-pháp của Ecole Universelle, Linguaphone, Assimil. — Có ghi âm cách đọc bằng tiếng Việt rất rõ ràng — Do một nhóm giáo-sư điều khiển, tận tâm chỉ dẫn cho học viên — Trình-độ nào cũng có thể theo học được — Học-phi trọn khóa là 500 đồng chia ra làm 5 tháng — Cấp chứng chỉ giá-trị khi mãn-khóa — Thư từ, ngân phiếu gửi cho ông Trần-xuân-Hội, số 5A đường Trần - quý - Cáp Đà năng.

Năm mới

CHÚC CHO KHẮP HẾT

CẢ TRÊN ĐỜI

CÓ một hiện-tượng mà ai cũng nhận thấy là quanh năm ta quen dùng Tây. Lịch cho đến nỗi nhiều khi không nhớ tới « ngày ta ». Nhưng cứ đến gần Tết, thứ nhất là bắt đầu từ ngày đưa ông Táo thì chúng ta lại chỉ nhớ « ngày ta » mà quên hẳn « ngày Tây ». Đó là sức hấp dẫn của Tết, sức cảm hóa của Tết nó tạo cho ta một tâm lý đặc-biệt, khác thường, một tâm-trạng Việt-Nam thuần-túy, một nỗi lòng của con người gắn với bản-sắc của mình.

Thật vậy, trong gần hết một năm, phần nhiều là ta bị sống chứ ta không được sống. Tắm lịch đã sai khiến ta, kim đồng-hồ đã chỉ-huy ta. Ngày nào làm,

ngày nào nghỉ, giờ nào của ta, giờ nào của người, nhứt nhứt đều phân chia rành-mạch, thứ lớp đàng-hoàng, nhưng thật sự thì đời sống của ta đã bị chi-phối mất 90 phần 100. Kê nghèo thì lo chạy ăn, chạy gạo

★ THIẾU - SƠN

người giàu thì lo vơ-vét kiếm thêm, kẻ quyền quý thì lo tác-oai, tác-phước, kẻ yếu hèn cô thế thì lo lẫn tránh những giông tố phũ phàng. Tóm lại, ngày ta nghỉ chưa hẳn là ta đã được nghỉ và những giờ gọi là của ta chưa thật sự của ta. Ngay trong nhiều giấc ngủ ta cũng chưa hoàn toàn thanh-thản vì có những cơn ác-

CHÚC CHO KHẮP HẾT CẢ TRÊN ĐỜI

mộng nó thao túng hồn ta

Ta vẫn muốn sống cho ta, muốn bảo-vệ đời ta nhưng ta vẫn cứ phải sống cho người và bị đời thao túng.

Bởi thế nên Tết đến, ai cũng muốn làm lại cái tâm-hồn của mình nếu chưa có thể làm lại được cả một cuộc đời. Ngày thường ta thiếu-thốn những gì, ta mong mỏi những gì, nếu ta hy-vọng những gì thì ngày Tết ta cầu chúc cho ta những cái đó. Chẳng những ta cầu chúc cho ta mà ta còn cầu chúc cho nhau vì tâm-sự mỗi người tuy có khác mà những ước-vọng thì đại-loại đều giống nhau.

*Lặng lặng mà nghe nó chúc nhau,
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.*

*Nó lại mừng nhau cái sự giàu,
Trăm nghìn vạn mở để vào đầu ?*

*Nó lại mừng nhau cái sự sang,
Đưa thì mua tước, đưa mua quan*

*Nó lại mừng nhau để làm con,
Sinh năm để bầy được vuông tròn.*

Tuy ngó đời bằng con mắt

ngạo nghệ, ông Tú. Xương cũng thấy rõ những thèm khát của con người. Họ muốn sống lâu, muốn giàu, muốn sang, muốn đông con. Ông nói ra những ý muốn của họ để ngạo họ. Ông sẽ buôn cỡi giả trâu để bán cho những ông già móm. Ông sẽ nuôi gà để ăn bạc của nhà giàu, buôn lọng để bán cho những kẻ làm quan. Nhưng đối với những vụ sinh năm, để bầy thì ông đành thúc thủ. Chính rồi những kẻ tạo nên cái họa nhân-mãn đó sẽ tự giải-quyết với nhau.

*Phố phường chật hẹp người đông,
Đúc,*

Họ sẽ :

Bồng bề nhau lên ở núi non.

Nhà thi sĩ cũng là người, có những nhu cầu và nhiều khi có những thèm khát của con người. Nhưng nhà thi-sĩ dám chế-diệu những lời chúc tụng trần tục nói trên là vì ông còn muốn cho con người thoát tục hơn một chút, cao thượng hơn một chút nữa.

*Bắt chước ai ta chúc mấy lời,
Chúc cho khắp hết cả trên đời:
Vua, quan, sĩ, thức người muôn
nước,*

Sao được cho ra cái giống người !



Như trên tôi đã nói, quanh năm người ta thường « bị sống » chứ không được sống nên ai nấy đều muốn được sống với lòng mình trong ngày Tết.

Ngày thường lòng vẫn đục, ngày Tết ta phải lắng cho trong. Ta quét dọn nhà cửa, sửa-soạn bàn thờ, tắm-rửa sạch sẽ, ăn mặc đàng hoàng để chờ đón Tàn Xuân mà ta coi như là một kỷ-nguyên mới. Ta bước sang kỷ nguyên mới này với một tấm lòng rạo rức hân hoan, mong để lại ở năm cũ tất cả những cái gì xúi xẻo, đen-tối, những thất chí thất vọng, thất tình và mong năm mới sẽ đem tới cho ta nhiều hy-vọng, nhiều may-mắn, nhiều hạnh-phúc. Nhưng ta tha thiết những gì ? Ta mong muốn những gì ? Ta hy-vọng những gì ? Kiểm điểm lại cho kỹ thì vẫn là những mong muốn và những hy-vọng ích-kỹ do những đòi hỏi của thị-dục và bản-năng, những ước-vọng thông-thường mà ông Tú-Xương đã nêu ra để chế diễu. Phải chỉ mong mà được, muốn mà có thì ta cũng cứ nên

mong muốn. Nhưng phần nhiều sự đời không chịu theo ý muốn của ta và hơn đó ta sẽ còn thất vọng thêm nữa, đau khổ thêm nữa. Ta không nên quan-niệm đời người là một canh bạc có hồi đỏ, hồi đen và không nên tin tưởng một cách thơ-ngây là hết cơn bĩ-cực phải tới hồi thái-lai. Năm cũ đã đem lại cho ta nhiều thất bại nặng nề, nhưng năm mới chưa hẳn sẽ cho ta nhiều may mắn như lòng ta mong mỏi. Không, năm mới không có sức mạnh huyền-bí và cũng không có phép nhiệm màu để thay đổi số phận của ta. Năm mới chỉ là một dịp cho ta kiểm-điểm lại một chặng đường đã qua để chuẩn bị cho một chặng đường mới. Năm cũ ta đã làm được những gì ? Ta đã thành công những gì và thất bại những gì ? Do đâu mà ta thành công ? Vì đâu mà ta thất bại ? Nếu ta đem tất cả sự thành-khẩn mà làm việc kiểm-thảo trên đây thì ta sẽ thấy rằng những thành công và thất-bại của ta phần nhiều đều do ta cả. Khi ta làm việc một cách cầu thả, cầu may, không suy tính, không kế-hoạch, khi ta chỉ mong làm lợi cho ta mà không đếm xỉa gì

đến kẻ khác, khi ta cố-tình làm hại kẻ khác để mưu toan những lợi ích hèn hạ của ta thì phần nhiều là ta thất-bại vì việc làm của ta đã không có sự giúp đỡ mà còn có sự chống đối của kẻ khác. Nhưng khi ta biết liên-kết quyền-lợi của ta vào với quyền-lợi của kẻ khác khi ta thấy lòng rạo rức yêu đời, muốn làm những việc có ích cho nhân-quần xã-hội, chịu hy sinh để hoàn-thành nghĩa vụ thì ta thấy được sống đầy-đủ hơn, cao thượng hơn, đẹp đẽ hơn, nếu không thành công rục rịch thì cũng được thỏa-mãn ở tâm hồn. Kẻ vị tha chưa hẳn đã hoàn toàn lỗ vốn. Kẻ ích-kỹ mới thật sự khó thành công. Và lại, luận về đời không phải chỉ luận về thành, bại. Luận về đời, cần nhất là phải luận về giá-trị của con người.

Vua, quan, sĩ, thứ người muôn nước. Sao được cho ra cái giống người. Tôi không nhớ nhà văn sĩ Pháp đã nói câu này : « Sống là hành-động. Hành-động là sản-xuất. Sản-xuất là rút ở mình ra cái gì tương-xứng với mình. » (Vivre, c'est agir. Agir, c'est produire. Produire, c'est

t irer de soi quelque chose d'égal à soi). Lịch sử đã chứng minh rằng loài người từ ngày thoát được cảnh ăn lông, ở lỗ luôn luôn phát triển theo lối sống hợp quần, từ hợp-quần trong bộ lạc tới hợp-quần trong quốc gia để sẽ còn tiến đến cảnh thế-giới đại đồng. Mà trong đời sống hợp-quần thì những tư-tưởng, những tình-cảm, những hành-động có tánh cách cá-nhân và ích kỷ đều lạc-hậu và thoái-bộ. Tất cả những bậc vĩ-nhân, những nhà hiền triết đều xây-dựng con người trên những nguyên tắc vị-tha và bác ái. Tuy nhiên, vị-tha chưa hẳn đã là vì người mà quên mình, bác-ái chưa hẳn đã là yêu người mà bỏ mình. Đời sống xã-hội chỉ đòi hỏi mỗi người phải nhớ tới cái vị trí của mình là ở trong nhân loại chớ không phải ở ngoài nhân loại. Nhớ được như vậy thì không bao giờ dám nghĩ rằng ta có thể làm bất cứ một việc gì có lợi cho ta, mặc dầu là có hại cho người khác. Hơn một bậc nữa, ta có thể nghĩ rằng lợi cho ta mà không lợi gì cho người khác ta cũng không thêm làm. Muốn được vậy cố-nhiên là phải cần có một tinh-

thần khác-kỷ, một sự tranh đấu bản-thân trước-kỳ, một quyết tâm muốn « sống cho ra cái giống người ». Mỗi đêm trước khi đi ngủ, ta còn cần kiểm-điểm công-việc của ta đã làm trong một ngày. Huống chi là đêm hôm 30 Tết, ta càng cần phải kiểm-điểm công-việc của ta làm trong một năm. Nhưng muốn cho bổ-ích thì ta phải kiểm-điểm theo chiều-hướng « làm người » của ta chứ không nên kiểm-điểm theo những phương-diện thông-thường của tụi con buôn hay bọn cờ bạc.

★

Trong năm tôi được coi một phim hát bóng nhan-đề là Ceux de Cordura thuật chuyện một ông Thiều-Tá có nhiệm-vụ phải dẫn-đất 5 vị anh-hùng ở ngoài mặt trận về tới Cordura và phải nghiên-cứu tường-tận từng người một để đề-nghị huân-chương danh-dự cho họ. Thiều-tá đã có lần tỏ ra thiếu can-đảm trong một cuộc giao-tranh. Mỗi lần ông nghĩ tới việc đó là ông đau-khổ vô-cùng. Nhưng chính ông đã chứng-kiến cuộc chiến-đấu anh-dũng của 5 vị quân-nhân mà ông sẽ đề-nghị ban-thưởng. Họ xung-phong như những con

mãnh-thú. Họ khinh-thường cả cái chết. Ông ghi tên họ và nhất-định sẽ tìm hiểu họ thêm trong cuộc hành trình từ mặt trận về tới Cordura, một cuộc hành-trình vất-vả và gian-khổ vô-cùng. Ngoài 5 vị anh-hùng ông lại còn phải áp-giải một nữ tù binh, một phụ-nữ Mỹ đã cộng-tác với giặc. Đường đi sơn-xuyên hiểm-trở, thiếu ăn, thiếu ngủ, thiếu nước và cố-nhiên là thiếu thuốc, thiếu rượu và thiếu cả đàn-bà. Đã vậy mà cô nữ-tù-binh lại có thái-độ như chọc-gheo, như khiêu-khích, như thách-đố. Cô có rượu, có thuốc, có đồ ăn riêng nhưng cô không mời ai, không cho ai, dư thì bỏ-thi đổ. Cuộc đi đã khổ, cô còn làm khổ cho nhiều người. Rồi mỗi ngày mỗi lộ thêm chon-tướng của mỗi vị anh hùng. Họ chịu đựng gian-khổ không nổi. Họ không kềm-chế được dục-vọng. Rồi họ có những hành-động lưu-manh, thô-lỗ, đê-hèn. Họ chẳng những không mang ơn mà còn oán người muốn đưa họ lên đài vinh-quang. Kẻ nào cũng yêu-cầu thiếu-tá đừng đề-nghị huân-chương cho họ và mỗi người đều có lý-do để từ chối. Người

thì không muốn huân-chương sợ bị cấp trên ghen-ghét. Kẻ sợ báo-chí nói tới rồi phải trở về với gia-đình mà anh ta đã trốn-tránh từ lâu để sống đời phiêu-bạt. Lại có kẻ đã giết người nên phải trốn vào bộ-đội, nay lòi mặt trên báo vì một cái huân-chương, tức là sẽ lãnh án ngồi tù hay sẽ bị xử-tử... Ông Thiều-tá đã chịu chung sự vất-vả với họ lại phải chịu thêm sự ác cảm của họ nên càng phải tỏ ra nhẫn-nại, cương-quyết để đối-phó với năm vị anh-hùng biến thành 5 tay địch-thủ. Họ lần lượt làm khổ ông rồi lại hè nhau uy-hiệp ông một lượt mà ông vẫn tỏ ra cao thượng, can-đảm, lâm-liệt, uy-nghi. Tư-cách của ông đã cảm-hóa được người nữ tù-binh của ông và chính cô này đã cứu ông thoát khỏi những bàn tay sát-nhân của bọn lưu-manh mà ông đã lỡ gọi là anh-hùng. Nhưng không phải ông đã lỡ rồi mà ông để lỡ luôn. Trong cuốn sổ tay của ông, ông có ghi thêm rằng: "... Trong mỗi cá-nhơn họ đều có một con người nhu-nhược hèn-yếu, nhưng cái vươn-hèn đó chỉ khi nào gặp hoàn-cảnh gay-go nhứt mới xuất-hiện. Còn nhìn chung, họ vẫn

là những kẻ có can-đảm, dám xông-xáo nơi chiến-trận. Bởi vậy, căn-cứ nơi chiến-tích họ là những anh-hùng.. »

Ta còn có thể nói thêm rằng những kẻ gây được một thành-tích anh-hùng chưa hẳn đã là anh-hùng và những kẻ lỡ có một hành-động khiếp-nhược vị tất đã là người khiếp-nhược.

Trong cuộc xung-phong sát-phạt, trước cảnh súng nổ, đạn bay, thịt rơi, máu đổ, có những kẻ hăng-say mà quên sống, có những kẻ rời trí mà sợ chết. Nhưng qua những giờ phút đặc-biệt đó, khi cần phải đương đầu với những biến-cố xảy đến một cách lặng-lẽ âm-thầm, ta mới thấy rõ cái giá-trị thật-sự của từng người. Trong những trường-hợp này không có gì để trợ-lực ta ngoài những đức-tính cao-đẹp của con người.

Jean Jaurès đã nói : « Loạt người sẽ xấu-xa nếu phải giết mãi, giết hoài mới chứng tỏ được lòng can-đảm... Can-đảm, can-đảm từng giờ, từng phút là chịu-đựng tất cả mọi thử-thách vật-chất hay tinh-thần mà đời đem tới cho ta. Can-đảm là không phân-tán ý chí của

mình cho những ấn - tượng mơ-hồ hay những mãnh lực thô-bạo, là trong những giờ phút chán-nản phải cố giữ lấy thói quen làm việc và hoạt-động... Can-đảm là khác-phục những lầm-lỗi của mình, biết đau-khổ về những lầm-lỗi đó nhưng không để cho nó đè nặng lên mình và phải tiếp-tục đi tới nữa. Can-đảm là yêu đời và nhìn cái chết bằng con mắt bình-thản, là đi tới lý-tưởng mà hiểu-biết thực-tế, là công-hiến tất cả cho chánh - nghĩa mà không cần biết vũ-trụ cao-sâu sẽ thưởng ta những gì hoặc có thưởng ta hay không... Ôi ! Nhân-sanh-quan của ta sẽ nghèo-nàn biết mấy, đạo sống của ta sẽ ngẫu-ngũ biết mấy nếu ta tưởng rằng hũy-bỏ được chiến-tranh thì sẽ mất hết những cơ-hội cho người ta luyện-tập và chứng-tỏ sự can-đảm của mình."



HOA PHƯỢNG

Là nơi đào tạo cho chị em phụ nữ có một nghề cắt may Âu, Việt-phục, áo đầm trẻ em tuyệt mỹ. Bảo đảm 3 tháng thành nghề với 24 kiểu mới hợp thời trang. Học phí rất nhẹ, trường có nhận học sinh nội trú. Chủ nhân nhiều kinh nghiệm, được cấp bằng cắt may khéo nhưt Việt-Nam.
 Đặc biệt : Lớp tối mỗi tháng 150đ. để chị em bận việc ban ngày có thể học được.

Ghi tên 18, Bàì-thị-Xuân SAIGON

Chúng ta đã sống qua một năm. Cũng như ông Thiệu-tá đã đi từ mặt trận về tới Cordura và phải đương - đầu với biết bao nhiêu thử-thách trong đó có cả những thử-thách của 5 vị "anh hùng", chúng ta đã sống một năm dài đằng đẵng với những thử-thách mà đời đã đem đến cho ta. Cổ-nhiên là chúng ta không mong có chiến-tranh để thi-thử lòng can-đảm. Nhưng chúng ta cũng không muốn nhận sự chể-diều của nhà thi-sĩ quá-cổ mà cầu chúc cho nhau được sống lâu, giàu có, quan sang, chức trọng, con cái đầy đàn. Những cái đó không cầu-chúc cũng có thể đến với mọi người. Cái mà ta mong muốn cho ta, ta cầu-cho nhau phải là sự cố-gắng khác-phục những lầm-lỗi của mình để qua năm mới ta sẽ có đủ can-đảm mà đi thêm một khúc đường mới đúng nhịp với sự đi tới của loài người.

Bài Ngoại-Quốc

NGƯỜI
 mỗi năm
 mỗi lớn
 •
 CON
 mỗi
 năm

MỘT tục - ngữ xưa của nước Đức có nói : " Cứ bảy mùa Xuân, con người thay đổi một lần ". Nghĩa là có những giai đoạn, những nhịp sống mà con người phải trải qua và tuân theo. Những phát-mình mới nhất của khoa-học cho ta biết rằng có hai yếu tố quan-trọng của con người có thể bị thay đổi thường xuyên : là bề cao và sức nặng.

MỠI
 CAO
 HƠN
 CHA

★ Erika Stunkel (Hambourg)

Về thực tế, ngay trong gia-đình ta và trong gia-đình các

bạn hữu, ai cũng nhận thấy một hiện tượng rõ-rệt, là con cái lớn

hơn cha mẹ.

Thế hệ thanh niên mới đang lớn hơn và cân nặng hơn. Viện kê cứu IFAK của chính phủ Cộng-Hòa Liên-bang Đức vừa rồi có thí-nghiệm đo bề cao và cân sức nặng của một số đồng dân chúng đàn-ông đủ các tuổi, có thể tiêu biểu cho toàn thể nhân dân trong nước. Kết quả cuộc thí nghiệm ấy thật là rõ ràng.

● Trong số đàn-ông CAO DƯỚI 1 THỨỚC 60 PHẦN có :

6% những người từ 65 tuổi trở lên

1% từ 40 đến 60 tuổi

1% từ 25 đến 39 tuổi

2% từ 16 đến 24 tuổi

● Trái lại, CAO TỪ 1 T. 60 ĐẾN 1 T 69, thì có :

39% số người trên 65 tuổi

34% từ 40 đến 64 tuổi

23% từ 25 đến 39 tuổi

18% từ 16 đến 24 tuổi

● CAO TỪ 1 TH 70 ĐẾN 1 TH 79, có :

46% trên 65 tuổi

53% từ 40 đến 64 tuổi

57% từ 25 đến 39 tuổi

54% từ 16 đến 24 tuổi.

● Cao trên thông lệ, nghĩa là từ 1 TH 80 ĐẾN 1 TH 89, có :

9% trên 65 tuổi

11% từ 40 đến 64 tuổi

17% từ 25 đến 39 tuổi

23% từ 16 đến 24 tuổi

● Và sau cùng, cao như H. Pháp, TRÊN 1 TH 90, có :

0% trên 65 tuổi

1% từ 40 đến 64 tuổi

2% từ 25 đến 39 tuổi

3% từ 16 đến 24 tuổi

Những con số trên đây chứng tỏ rằng thế hệ thanh-niên cao hơn thế-hệ lão-thành, cứ mỗi thế-hệ lại cao hơn một tý, và bản thống-kê thí-nghiệm này cũng phù-hợp với nhiều nước khác, và chưa phải đã chấm dứt đâu. Nên nhớ rằng các trẻ thiếu niên hiện nay còn đang cao lớn nữa, và phải công nhận rằng rồi đây chúng có thể cao lớn hơn các lớp người lớn tuổi bây giờ.

Cân sức nặng cũng vậy. Viện Wiesbaden đã thí nghiệm việc này rất kỹ càng, theo đó thì

trong 3 người có 1 người nặng cân hơn thông thường, và trong 5 người có 1 người nhẹ cân hơn thông thường. Và người nặng cân hơn, phần đông là bạn trẻ tuổi hơn, (nặng hơn, hay nhẹ hơn, là tính theo một con số tỷ-lệ đối với bề cao của mỗi người).

Những con số thống kê trên

đầy đều na-ná như nhau ở các nước, không xê-xích mấy.

Vậy chúng ta có thể kết luận rằng thế-hệ loài người cứ mỗi mùa xuân là mỗi cao lớn hơn và cân nặng hơn thế-hệ trước.

ERIKA STUNKEL

(Bad Kreuznach)



ĐÃ PHÁT HÀNH :

QUÊ - HƯƠNG

Nghiên-cứu những vấn-đề :

CHÍNH-TRỊ — KINH-TẾ — VĂN-HÓA — XÃ-HỘI

● Luân-lý và Xã-hội Nguyễn-cao-Hách ● Hòa-hay chiến và những bài luận thuyết Nghiêm-Đặng, Vương-văn-Bác ● Kinh-nghiệm trung-lập ở Ailao Trần-văn-Kiện ★ Tổng-Thống J. F. Kennedy và Cố-vân-Đoàn Lê-đình-Chân ★ Sự-biến-đổi của gia-đình trong xã-hội cận-đại Nguyễn-quang-Quỳnh ★ Thị-trường chung Đông-Nam Á Phan-thiện-Giới ★ Phi-Châu Trần-văn-Kiện v.v...

BÌNH LUẬN THỜI SỰ HẰNG THÁNG

Trần-nhật-Minh — Đoàn-Bích — Nguyễn-thị-Tú — Nguyễn-mạnh-Toàn — Phạm-xuân-Ấn — Tr. Thanh-Phượng

SỐ 19 (1961) 350 TRANG, giá 20 \$

Thư nhân mùa Xuân

Tuyết ngã trắng ngoài sân
Dục lòng em băng khuâng
Xuối lòng em thồn thức
Em mơ chẳng ? Tình xuân

Giá em được gặp chàng
Đời không còn hoang vắng
Em sẽ kể với chàng
Tuyết rơi toàn màu trắng

Tuyết giắt lên bờ cỏ
Vườn lên khắp ngọn cây
Buốt lòng người em nhỏ
Giá băng cả trời Tây

Và gió nữa chàng ơi !
Gió rung hàng cửa kính
Gió rì lên rơi bờ
Những vườn cây yên tĩnh

...Ngoài kia tuyết vẫn xuống
Lấn trong bụi mưa rơi
Mặc lòng ai sầu muộn
Mặc hồn ai lá rơi

Đâu buồn hơn bịnh tật
Khi mùa đông chớm về
Tuyết rơi không lên tiếng
Mưa rơi sâu lê thê

Phòng ai vắng tiếng cười
Phòng em run tiếng gió
Hoa lòng ai thắm tươi
Hoa lòng em chưa nở

Chàng ở xa em quá
Cách bao nhiêu bến bờ
Mấy con tàu xa lạ
Gửi làm sao được mơ ?

Mất nhà người trắng xóa
Khói thờ lên màu buồn
Tuyết vẫn rơi nhiều quá
Lệ trời không ngừng tuôn

Về đây mùa Xuân ơi
Về gieo màu nắng thắm
Dẫu một phút mà thôi
Rồi lui xa vạn dặm

Em vẫn chờ mùa Xuân
Như ai mong tình quân
Dẫu tin thơ vắng đến
Hoa yêu chỉ một lần

Cô MINH-ĐỨC — Paris
(lang thang)



TRUYỆN DÀI NGOẠI QUỐC
RÚT NGẮN 4 KỶ ĐẰNG HẾT

Người lữ hành
C Ô Đ O C
(l'homme qui
voyagea seul)

Constant-Vicgil Gheorghiu

★ HOÀNG-THẮNG lược-dịch

(Tiếp theo P.T. 50)

VỀ nhà, Traian sửa soạn hành lý đề sáng hôm sau đi sớm. Sau đó anh ra quán Athenée-Palace, đó là quán cà-phê lớn nhất ở Bucarest. Nhiều ký giả đã ngồi ở đó, mời Traian lại ngồi cùng bàn. Họ cho hay Titus đã đi Washington với đại-sứ Hoa-Kỳ. Khi tàu tới biên giới, cảnh-sát biên giới ngạc nhiên thấy Titus, nhưng không làm gì được

hắn vì hắn có đủ giấy tờ là nhân viên của sứ quán Mỹ. Traian chợt nhớ tới lời nói của Titus khi hắn cho anh mượn con dao cạo râu : « Tại sao anh không hỏi là tôi lại có con dao này ư ? » Bây giờ Traian mới biết hắn đã làm gián-điệp cho Mỹ.

Một người bạn khác cho hay tất cả những người Do-thái ở Bessarabie đều bị quân đội Roumanie đẩy sang miền Ukraine. Traian nghĩ tới cô Silvia, bác sỹ ở Kichinev. Chắc chắn họ

NGƯỜI LỮ HÀNH CÔ ĐỘC

cũng bị đẩy sang đó. Anh nghĩ anh phải viết một mục về sự đẩy ai những người Do-thái ở Bessarabie sang sông Bug miền Ukraine. Nhưng anh biết anh không thể viết được vì có sự kiểm duyệt, dù đó là sự thật. Anh buồn rầu nhận thấy rằng người phóng viên chỉ có quyền viết sự thật được có một nửa phần mà thôi.

TỪ thuở nhỏ, Traian Matisi thêm thường được biết sự thật bên kia bờ sông Dniester nhưng vô vọng, mọi sự hoạt động bên phía Sô-viết đều bí mật.

Nhưng, giờ đây, một buổi sáng tháng mười, Matisi vượt sông Dniester trong chiếc quân-xa. Bây giờ anh có thể biết có những gì ở « phía bên kia ».

Khi chiếc xe vượt lên bờ, một người bạn nói to : « Traian, hãy xuống đi, dù một phút thôi, để tỏ rằng anh đã đặt chân lên đất Nga ».

Traian lắc đầu từ chối. Sau một đêm hành-trình, anh bị cảm sốt nên khi nhìn nước Nga, anh không thấy thích thú, tò mò.

Sau mấy ngày đêm vượt qua đồng cỏ hoang Nogay, Traian tới Nicolaew. Sau đó, mọi người tiến xuống phía Nam. Trên đường đi, từng đoàn người, già trẻ, đàn ông, đàn bà đẩy những chiếc xe cút kít đầy đồ đạc. Họ là những người dân Sô-viết chạy loạn. Tất cả đều ăn mặc rách rưới, bám đầy đất, những khuôn mặt bần thiêu.

Suốt bốn ngày, từ sông Dniester tới Djankoy — thành phố đầu tiên của bán đảo Crimée, ngồi trong xe hơi, Traian chỉ nhìn thấy cánh đồng cỏ hoang xám xịt, những người dân Nga, quần áo rách rưới bần thiêu, chân đi ủng cao-su, đẩy những chiếc xe cút kít.

Bộ tham-mưu lực-lượng Roumanie có nhiệm-vụ tấn công chiếm đóng bán đảo Crimée, đặt bản-doanh trong một trường học. Viên đại tá chỉ-huy vồn vã bắt tay Matisi : « Cuộc tấn công sắp bắt đầu, xuất phát từ đây để kết thúc nơi miền duyên hải Hắc-hải. Chúng tôi rất sung sướng được có một người phóng viên xuất-sắc và có tiếng tới đây đề ghi vào Lịch-sử nhiệm-vụ quân sự quan trọng này. » Sau đó viên đại-tá dặn viên đội dẫn Matisi

tới chỗ nghỉ.

Buồng của Matisi nằm ngủ là một lớp học, kê có một chiếc phản. Traian để nguyên quần áo nằm dài trên giường. Nơi thái-dương nóng dần dật. Từ chỗ nằm, Traian ngược nhìn qua khung cửa sổ. Trời xám xịt, cánh đồng cũng xám xịt, phía xa xa, cũng vẫn những người khốn cùng đang đẩy những chiếc xe bò. Phía sân trường, một người đàn ông, quần áo xám, tóc bạc, mang một túi nặng trên lưng bước qua.

Sáng hôm sau cũng vẫn thấy ông già đó đi qua, chiếc túi nặng trên lưng và mắt luôn luôn nhìn xuống đất, Traian vội hỏi viên đội và anh được biết ông già đó là viên Giám-đốc trường học. Ông hằng ngày đi kiếm khoai tây để sống qua ngày. Đáng lý ra ông ta không được ở trong trường, nhưng vì viên đại-tá chỉ-huy quân-đội Roumanie có lòng tốt đã để cho ông ở lại khu quân-đội đóng.

Một lần thấy ông già mang túi vải về không, Traian vội nhường khâu-phần của mình cho ông ta ăn. Traian Matisi chỉ có thể giúp

ông già đó có vậy thôi, dù anh biết trong phòng của ông ta còn có ba người nữa. Mọi người đều giống nhau, mặt mũi xám xịt, luôn luôn chỉ nghĩ tới một việc : được ăn.

Hôm sau, Traian bước ra sân trường chơi. Nơi gần cửa nhà bếp có một con ngựa nhỏ, miền núi. Traian chợt nhớ tới con ngựa nhỏ anh đã đặt tên là Cô-độc thường ăn cỏ nơi sân nhà ở Isvor. Traian bước lại vuốt ve con vật, nhưng con ngựa vẫn đứng im lặng. Một người lính bước lại gần anh cho hay con vật bị bệnh. « Trong lúc vượt qua những cánh đồng cỏ hoang miền Ukraine và Nozay, những con ngựa đều chết hết. Chúng không chịu được khí-hậu miền thấp, đầy bụi. Tự nhiên chúng lên cơn sốt rồi không ăn, không uống và gục chết. Đại-tá đã cho gọi tới một đoàn nhân viên thú-y, nhưng cũng không thể cứu chúng thoát chết được. Ngay cả con vật này nữa, chỉ trong một vài hôm là nó cũng chết ».

Traian lấy miếng đường đưa vào mồm con vật nhưng nó cũng không chịu ăn. Con vật đã sinh-trưởng nơi miền núi, nó chỉ ưa ở

nơi miền đất cao ráo.

Traian rời bỏ con ngựa ốm, anh tiến về phía đóng quân. Nơi đây anh gặp một đám ma đang cử hành. Người chết được bó trong chiếc mền. Người lính vẫn đi theo Traian nói : « Người này chết vì bị trúng mìn trong lúc đi tuần. Ở đây, nơi đồng cỏ hoang, không có gỗ để chôn cất ».

Khi đám tang đi qua, Traian chợt nhìn thấy người chết để chân trần. Anh vội hỏi : « Binh sĩ chúng ta chết đều không có giày ư ? »

— Khi chiến tranh mới bùng nổ, những người chết đều được chôn cùng với quần áo như người Đức. Chính mắt tôi nhìn thấy những sỹ-quan Đức chết được chôn theo cả súng lục và đồ quân trong, nhưng hiện nay mùa đông đã bắt đầu, người ta chưa hiểu chiến dịch Crimée sẽ kéo dài bao ngày nên thượng cấp đã ra lệnh phải chôn người chết không quần áo và giày. »

Như không để ý tới bộ mặt tối xám của Traian Matisi, người lính nói tiếp : « Một người chết được chôn với quần-phục và giày hay trần truồng đều có quan trọng ? Người chết không cảm thấy gì

hết. Giày dép, quần áo rất cần thiết cho người lính còn sống hơn là cho người chết. Trời bắt đầu trở rét và chúng ta cần phải có quần áo. Có phải như thế không ông phóng viên ? »

Traian nổi giận, anh muốn nói cho người lính hay như thế là không đúng nhưng anh lại tự chủ được. Anh bỏ đi, người lính lại cũng đi theo anh. Hẳn rút trong túi ra tấm hình chụp người vợ và mấy đứa con để khoe với anh. « Chúng tôi đã vượt bộ 4,000 cây số. Đã hai năm rồi tôi chưa về thăm nhà. Tôi nghe nói, khi chúng ta tới bờ biển, thượng-cấp sẽ cấp giấy phép cho chúng tôi được về thăm nhà. Hôm nay tôi viết thư về nhà cho hay tôi sắp được nghỉ phép ». Người lính nói xong, ấp tấm hình vào ngực rồi cất vào túi. Traian bắt tay từ biệt rồi trở về trường học. Lúc này anh chỉ muốn được yên một mình nhưng anh đã gặp ông giám-đốc trường nơi ngưỡng cửa. Ông ta cảm ơn anh đã cho ông thức ăn. Matisi vội an ủi : « Ông yên tâm, chiến tranh khổ sở này sắp chấm dứt rồi ».

Khuôn mặt ông giám-đốc bừng sáng. Trong tâm - tâm ông nghĩ, chiến - tranh chấm dứt, nghĩa là

quân đội Roumanie phải thối lui, quân đội Sô-viết sẽ chiếm nước này và Traian bị bắt. Riêng với Matisi, chiến tranh kết liễu có nghĩa là người Nga bại - trận. *Chiến tranh kết liễu có nghĩa là có sự nô - lệ không thể tránh được cho một trong hai người đang đứng trước mặt nhau.* Không có thể cả hai cùng tự-do khi chiến tranh chấm dứt. Matisi muốn mình sẽ chiến thắng vinh quang ở ngày mai, Ông giám đốc già cũng muốn thế. Đâu có thể có cả hai người cùng thắng-trận ?

Matisi bắt tay ông già rồi về phòng nghỉ. Khi anh mở mắt, cửa buồng đã mở toang, nơi hành lang có ánh sáng, Viên thượng-sỹ đang lay Matisi dậy. « Cuộc tấn công sắp bắt đầu. Đại tá cho mời anh đi cùng ông trong lúc chiến đấu để ông có thể giảng-giải mọi sự cho anh được biết ».

Khi Traian tới nơi, anh thấy các sỹ quan đã mặc binh phục chiến đấu. Viên tư-lệnh dặn anh ở bên cạnh ông rồi ra lệnh xuất-phát. Đã nửa đêm. Ngoài trời đang mưa lớn. Trọng pháo nổ liên hồi. Đoàn quân di-động trong bóng đêm, tiến về phía nam.

T ừ lúc cuộc tấn-công bắt đầu, khi đoàn quân tiến sâu về phía nam, trong đêm tối mưa gió, Traian nhận thấy giải đất, đường đi, mỗi gốc cây, đều là đồng-minh của quân đội Sô-viết. Matisi có cảm tưởng quân-đội Roumanie không phải chỉ riêng đánh bọn hồng-quân mà còn phải đánh chiếm từng bụi cây, khoảnh đường, từng thước đất một.

Một đội quân Roumanie đi chéo góc hướng đông, một cánh quân khác đi chéo hướng tây. Cả hai cùng tiến thẳng về hướng nam. Lần đầu tiên Traian Matisi đi cùng với đoàn quân chiến đấu nhưng anh lại bị bệnh. Tai búng nhùng, anh không còn sức để chú ý nghe viên đại-tá tư-lệnh giảng-giải cùng quan sát những sự biến chuyển chung quanh mình.

Đoàn quân vẫn tiến nhưng chậm. Tới trưa, Matisi nhìn thấy nhiều đồn trại bỏ không. Quân-đội Sô-viết trong lúc lúc vàng rút lui đã bỏ lại súng ống, lương thực. Thỉnh thoảng người ta nghe có tiếng súng nổ bất ngờ. Đoàn quân dừng lại, nghe ngóng rồi lại tiến bước.

Hôm sau, trời đẹp, mưa đã

gạnh, gió nam thổi nóng. Matisi biết chỉ còn non hơn ba mươi cây số nữa là tới bờ biển. Viên đại tá cho hay nơi vùng núi này rất có thể có bọn du-kích chổng lại. Ngay lúc đó, nơi phía sau, một tràng đại liên bắn sủi sả vào đám quân. Matisi vội nằm nhào xuống đất. Đạn bay réo trên đầu, chung quanh anh.

Súng nổ rộn hơn nửa tiếng đồng hồ. Đám du-kích rút lui và đoàn quân lại tiến bước. Nơi thung lũng, họ gặp mấy chiếc xe hơi bỏ lại. Bọn lính Nga đã rút lui sau vụ chạm súng vừa qua. Mọi người lục soát chiến-lợi-phẩm, Matisi nhận thấy trong những túi rất, quần áo, súng đạn đều là của những bọn du-kích miền Bessarabie. Chúng vẫn tiếp tục chiến đấu tại đây, miền Crimée.

Ngay lúc đó súng lại nổ. Nhiều lính tử thương. Mấy con ngựa, có cả con *Cô độc* cũng bị trúng đạn chết. Những người lính và ngựa cùng bị chết bởi những viên đạn của bọn du-kích Bessarabie, bọn du-kích đã đốt cháy tỉnh Baltzi.

Khi tiếng súng đã ngưng hẳn, quân lính chôn vội những người chết còn ngựa thì bỏ mặc nơi

đường đi. Đoàn quân lại lên đường.

— Quân đội Sô-viết đã rút khỏi vùng Crimée sang miền Caucase bằng đường biển, viên đại-tá nói, bọn vừa xong chỉ là nhóm du-kích mà thôi,

Ngay lúc đó quân lính reo lên : « Thừa đại tá biển kia rồi ! »
Trước mặt mọi người, nơi phía thấp xa xa, mặt biển trong như nền trời.

Khi đoàn quân tới đích, Traian được máy bay quân sự đưa về Bucarest vì anh bị ốm nặng. Traian đã xa Bucarest mười sáu hôm rồi.

T RONG thời gian năm dưỡng bệnh trong quân-y viện, Traian Matisi viết một cuốn sách khác. Anh nói về bán đảo Crimée, về viên giám-đốc ở Djankoy, về những con ngựa bị chết lẫn mòn nơi những cánh đồng cỏ hoang. Anh viết về bọn du-kích, về bờ biển Crimée nơi đó cũng giống như miền Azur hoặc Yalta.

Sau khi viết xong và trao cho nhà xuất bản, Traian xin ông đại-tá bác sỹ quân-y được nghỉ một

tháng dè về Isvor nhưng không được như ý.

— Chỉ những quân nhân bị thương mới được phép nghỉ, riêng anh chỉ bị bệnh nên tôi không có quyền cho phép anh được nghỉ, nếu không chính tôi sẽ bị tù.

Traian đành rời quân-y viện để tới trình-diện nơi bộ tham mưu. Trong thời gian nằm dưỡng bệnh, đại-tá Stankof không hề tới thăm anh hoặc cử người tới. Traian cảm thấy chán nản. Nếu anh bị thương, có lẽ có người ở bộ tham-mưu tới thăm chẳng? Kê nào bị bệnh, hoặc sốt rét hoặc kiết lỵ, hay là chết bệnh không phải là kẻ anh hùng. Muốn trở thành kẻ anh hùng thì phải, hoặc bị một viên đạn vào đầu, vào ngực hay vào bụng, chứ bị bệnh thì người dân nào cũng có thể mắc phải.

Traian muốn gặp đại-tá Stankof để cho ông được hay anh đã rời khỏi bệnh-viện và anh có thể lại sẵn sàng nhận công-tác mới.

— Đại-tá Stankof không còn chỉ huy ngành tuyên-truyền nữa rồi, người tổng-thư-vấn nói.

Người lính này không biết Traian. Hồi trước, ai ai cũng biết anh, bây giờ đã đổi thay hết cả.

« Anh được thuyên chuyển tới đây phải không? Người lính hỏi thêm khi nhìn thấy huy-hiệu nơi áo Traian. Anh muốn gặp mặt đại-tá thì phải theo đúng hệ-thống quân-giai. Đầu tiên anh tới gặp thiếu-úy, rồi đại-úy và cứ thế tiếp tục. Như thế thì được, nếu anh có điều chi quan trọng để trình-báo ».

— Tôi mới ở nhà thương ra.

— Trời đất! Anh muốn gặp đại-tá chỉ cốt nói anh mới ở nhà thương ra ư? Người lính mỉa mai nói. Nếu vậy thì anh tới trình nơi ông Thượng-sỹ nhất chứ không phải đại-tá.

Khi tới gặp viên thượng-sỹ nhất, Traian bị ông ta cảnh cáo khi thấy anh đeo huy hiệu hơi thấp. Huy hiệu này anh đã đeo từ khi chiến-tranh mới bùng nổ, không có ai trách cứ anh về sự cao thấp, vậy mà giờ đây người ta đã chăm chú nhận xét và cảnh cáo. Đến khi được gặp viên thiếu úy, Traian nhận thấy không khí làm việc vui vẻ-hồi đại-tá Stankof chỉ-huy không còn nữa. Thời Stankof, ngành tuyên-truyền làm việc như một tòa-soạn nhật-báo, giờ đây nó giống như trong trại lính ở Brasov.

Sau khi trách Traian sao không đánh đôi giày cho bóng, viên thiếu-úy cử anh ra mặt-trận. « Những người lính trẻ tuổi không có việc gì làm nơi bàn giấy cả ».

Traian vội nói: — Tôi mới ở bệnh viện ra. Tôi đã ra mặt trận hai lần rồi. Tôi đã viết ba cuốn sách nói về chiến tranh.

Viên thiếu-úy không hề chú ý tới lời nói của Traian. Những sách vở cũng không có gì đáng quan tâm. Điều quan tâm nhất của ông là, những người phóng-viên quân đội phải có đôi giày đánh si thật bóng, huy-hiệu đeo thật đúng chỗ và tóc phải hớt thật cao.

— Anh được cử tới Hải-quân, nơi đó đang cần một người phóng-viên chiến-tranh. Ngày mai anh phải trình-diện tại Constantza.

Sáng hôm sau Traian tới Constantza. Anh chỉ biết những con tàu in trong sách hoặc nhìn rõ ở đằng xa xa hồi anh còn đi học. Thế mà giờ đây anh sẽ trở thành một người hải-quân. Mới trước đây hai mươi bốn tiếng đồng hồ, khi còn ở trong bệnh-viện, anh không hề nghĩ rằng, chỉ trong khoảng cách một ngày và một đêm, anh đã thành một người

lính thủy trên một chiến hạm. Nhưng ở trong quân đội, trong thời chiến, những điều như thế rất có thể có lắm.

Các sỹ-quan hải-quân nồng nhiệt đón tiếp Traian. Họ ước mong anh sẽ viết một cuốn sách về họ như loại *Phóng sự bên bờ sông Dniester*, *Chiến tranh tại bán đảo Crimée* hoặc *Giờ cầu nguyện*. Họ dành quyền đặc biệt cho anh được mặc thường phục cùng tặng anh một khẩu các-bin thật đẹp. « Sự anh hùng của Hải-quân cũng ngang như Không quân hay Lục-quân, viên chỉ-huy Hải-quân Hoàng-gia nói. Anh viết một vài điều gì đó về chúng tôi. Ở ngành thủy-quân không có sự anh hùng cá nhân như các ngành binh chủng khác nhưng mà là sự anh hùng tập-thể. »

Mấy ngày đầu, Traian tha hồ đi xem tàu chiến, từ chiếc phóng ngư-lôi, chiếc tuần-dương hạm, vét thủy-lôi, tàu cấp cứu tới chiếc tàu ngầm. Cả một hạm-đội chỉ có một chiếc tàu ngầm đặt tên là Dauphin. Chiếc tàu ngầm duy nhất này dùng để huấn luyện nay cũng đã hoàn thành hai lần nhiệm-vụ trong khu vực của địch và sắp sửa đi lần thứ ba.

Được viên chỉ huy cho quyền muốn ở tàu nào cũng được, Traian chọn chiếc tàu ngầm, mặc dầu anh được hay đời sống ở tàu ngầm rất khổ sở, nguy hiểm nhưng anh vẫn hăng hái nhận.

Sự hoạt - động của các tàu ngầm luôn luôn được giữ hết sức bí mật. Không một ai được biết ngày, giờ khởi hành của nó, ngay cả những nhân viên trong tàu. Trong lúc chờ đợi, Traian biên thư về Isvor cho gia đình hay nếu

trong vòng nhiều tuần mà không nhận được tin của anh thì cũng đừng sốt ruột.

Trước khi khởi hành, Traian cũng phải làm mọi thủ-tục như những người thủy-thủ. Anh làm một bản chúc-thư và gửi cho viên tư-lệnh. Anh cất đồng-hồ, bản thảo những bài thơ, hộp đựng thuốc lá vào trong một cái phong bì để sẵn địa-chỉ nơi nhận để nếu tàu ngầm không về được thì nơi bộ tư lệnh sẽ gửi đồ đạc người chết về cho gia-đình.

(Còn nữa)

THUỐC MUỐI SÙI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA - BUỒN NÔN-ÓI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RUỘT
BAO-TỬ CORÚT

CÓ BÁN KHẮP
ĐƯỢC-PHÔNG AU-MỸ



3

CHUYỆN

T
R
Â
U

★ T. P.

I. — Con Trâu của Ngưu-Hoàng

NGƯU-HOÀNG là một bậc Đại-thần của nhà Tùy, tư-cách rất cao thượng. Người đời ấy thường gọi ông là Đại-nhà quân-tử. Một hôm vắng ông, em ruột của ông là NGƯU-BẬT ở nhà say rượu bắn chết một con trâu của ông. Bà vợ ông tức-giận em chồng lắm, đợi đến khi ông về, bà mết với nét mặt hăm hăm : « Này ông, Chú nó say rượu bắn chết một con trâu rồi. » Ngưu-Hoàng điềm nhiên bảo : « Trâu chết thì bảo đem làm thịt ». Bà vợ lại giận dữ, nói : « Nhà ta chỉ nuôi được một con trâu, chú ấy bắn nó chết là một việc đại-sự, chứ phải việc thường đâu » Ngưu-Hoàng vẫn điềm-nhiên, hòa-nhã đáp : « Phải, tôi biết », rồi lấy sách đọc, như không có chuyện gì quan trọng. Vợ hiểu ý chồng, cũng người giận, và bỏ qua việc ấy.

Luận-lý chuyện này : Nếu ai cũng bình tĩnh và hòa nhã đối xử với nhau như NGŨU-HOÀNG, thì trong gia-đình, ngoài xã-hội, ít có xảy ra chuyện xích mích, thù-hằn, và gay gắt.

2.— Con Trâu của nước Trịnh

Đời Xuân-Thu, Vua Trịnh, nước nhỏ, quân yếu, lại vừa nghe tin cấp báo rằng tướng nhà Tần là Mạnh-Minh rục rịch kéo quân qua đánh Trịnh, Trịnh bèn nghĩ mưu-kế ngoại-giao để hoãn binh, sai Hoàng-Cao đem trâu tới khao binh-sĩ nhà Tần. Tướng Tần cảm động vì nhâ-y của Trịnh, liền bỏ ý-định chiến tranh.

Luận-lý chuyện này : Mưu-kế, tức là sức mạnh của kẻ yếu.

3.— Con Trâu của Tề-Tuyên-Vương

Sách Mạnh-Tử có chép : Một hôm, Vua Tề-Tuyên ngồi trong cung-điện, thấy người lính dắt một con trâu đi ngang qua thềm. Vua hỏi : « Dắt trâu đi đâu ? » Lính tâu : « Đem đi giết để lấy máu bôi chuông » (theo tục lệ xưa, chuông mới đúc xong, phải lấy máu súc vật bôi lên, thì tiếng chuông thanh và không bao giờ chuông bị nứt nẻ ». Vua bảo : « Đừng giết nó ».

Trong quyển *Lục súc tranh-công*, Trâu nhắc lại sự-tích đó bằng hai câu thơ :

« Không nhớ thuở bôi chuông đường hạ,

Ơn Tề-Vương vô tội khiến tha ?... »

Ấy là 3 chuyện Trâu trong *Lịch-sử*, 3 chuyện luân-lý về nhân-tâm thế-sự, để cho ta ngâm nghĩ.

T. P.

Bán :

MAGNÉTOPHONE (8.000\$)

Hỏi : Ông Trần Hà Trì — Số 120/4 Hùng Vương
Bệnh viện Hồng Bàng — CHỢ LỚN

Sách báo mới

* Khảo-luận về Nguyễn-Đình-Chiêu

(của Ông NGUYỄN-KHOA, giáo sư)

Nghiên cứu về thân-thể tác-giả — Khảo-luận về truyện *Lục-vân-Tiên* — Nghị-luận luân-lý, văn-chương. v.v...

Nhà xuất bản Sống Mới, 30 đường Phạm-ngũ-Lão Sài Gòn —
Giá 28đ.

* Bóng người xưa

(Thi-tập của Đ. LÊ-VĂN-TẮT).

Có in hình của tác-giả, và mẹ, vợ, con, của tác-giả.

Tác-giả xuất bản ở Châu-độc, 350 trang. Giá 120đ.

* Luận-Đàm

Cơ-quan ngôn-luận của Tổng-hội Giáo-giới Việt-Nam — chuyên về các vấn-đề giáo-dục. Có những bài của các Giáo-sư danh-tiếng, các ông : NGUYỄN-QUANG-TRÌNH, Viện trưởng viện Đại-học Saigon, VŨ-QUỐC-THỨC, NGHIÊM-TOẢN, THIÊN-GIANG, ĐÌNH-TỪ-THỨC, NGUYỄN-DUY-DIÊN, BÀNG-BÁ-LÂN, PHAN-THẾ-ROANH, v.v...

số 1 ra tháng 12-1960. Giá 15đ.

* Đóa hoa chuông viện, của VIỆT-HẢI.

Thuật lại « cuộc đời thanh-giá của một chuông-sinh » Tô-ma Thiện, chết vì Đạo. Giá 15đ.

* **Việt Luận**, Tú-tài — Nghị-luận luân-lý và văn-chương. Soạn theo chương-trình mới của Bộ Q.G.G.D.

Do Đ. Thanh-Vân Nguyễn-duy - Nương, Giáo-sư trường Trung-học Cọng-Hòa.

Nhà sách Khai-Trí xuất-bản, 62 Lê-Lợi — Saigon. Giá 60đ.

* Thơ Hồng Phước, của Nguyễn-chí-Hiền.

Một tập thơ gồm 30 bài. Giá 16đ.

Tác-giả xuất bản tại Long-Xuyên.

MỒ HÔI TRƯỚC MẮT



TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

★ NGUYỄN-VỸ

Tóm tắt kỳ trước

Sợ người cha ghê biết địa chỉ, Anh phải xa lánh xóm Bàn Cờ, từ già bà Cố để đi làm đầy tớ cho một gia-đình sang trọng ở Đường Hiền-Vương. Đây là nhà của ông Giáo-sư Ngọc-Minh và hai vợ chồng em gái của ông, bà Minh-Tú.

Ngọc-Minh là một Giáo-sư triết-học, chủ trương loài người bình-đẳng và tình yêu không giai-cấp. Ông yêu Lê-thị-Anh, đầy tớ của ông, vì thấy Anh rất đẹp và tính nết lại rất hiền hòa, nhu-mì và đĩnh đạc. Mặc dầu Anh từ chối, ông vẫn nhất quyết thực-hiện lý-tưởng của ông. Nhưng em gái của ông nhiệt liệt phản-đối.

(Tiếp theo P.T. số 50)

MỘT hôm, Minh - Tú em gái của ông, nói với ông :

— Anh Hai à, anh có biết hiện giờ có một cô thiếu-nữ đang chết mê chết mệt vì anh không ?

Ông Ngọc-Minh cười :

— Ủa ! Cái gì lạ vậy, em ?

— Thiệt đó, anh Hai.

— Cô nào mà kỳ-cục vậy ?

Minh-Tú bật cười to lên vì những câu hỏi khôi-hài của anh. Cô nói :

— Nội đất Saigon này, em không thấy có ai đẹp bằng cô ấy. Tên cũng đẹp, người cũng đẹp, nết cũng đẹp, cái gì cũng đẹp, không có cái gì không đẹp !

— Rồi sao nữa ?

MỒ HÔI NƯỚC MẮT

— Tên cô ấy là Thanh-Kiều, năm nay 20 tuổi.

— Tường là ai ! Cô Thanh-Kiều, con ông Bộ-trưởng gì đó phải không ?

— Té ra anh cũng đã đề cập mắt xanh vào cô Thanh-Kiều rồi ư ? Thế mà em không biết chứ. Anh Hai của em ghê thật !

— Anh đâu có đề-ý đến người ta. Cái tên ấy, và con người ấy, đối với anh chẳng có nghĩa-lý gì cả.

Minh-Tú ngạc nhiên :

— Sao vậy, anh Hai ?

— Có chi lạ đâu, em. Riêng gì ông Bộ-trưởng ấy mới có một cô gái đẹp tên là Thanh-Kiều ! Ở Saigon này có biết bao nhiêu là cô Thanh - Kiêu ! Cứ chiều thứ Bảy hay sáng Chúa-nhật, đi dạo các đường phố mà xem : hết thấy các cô đều là cô Thanh-Kiều cả. Hết thầy đều đẹp cả. Tuy mỗi người một vẻ đẹp, nhưng muôn nghìn người có muôn nghìn vẻ đẹp như nhau. Nhưng ngày nay thì đẹp như thế đấy, rồi vài mươi năm sau hết thầy đều dần dần úa héo, chẳng sắc đẹp nào còn. Cho nên đối với anh, cô Thanh-Kiều của em cũng như

muôn nghìn cô Thanh-Kiều khác, dù cô là con gái ông Bộ-trưởng, ông Trạng-sư, hay con gái anh phu-xe, anh thợ nề, chẳng khác nhau chỗ nào !

Minh-Tú cười :

— Anh chỉ ưa triết-lý thôi ! Nhưng em nhớ câu tục-ngữ la-tinh mà anh giảng cho nhà - em với em hôm nọ: *Primo Vivere*: đời sống trước đã !... Như anh Hai, anh nên lo đời sống thực-tế trước, anh phải có vợ có con, rồi thông-thả hãy triết-lý sau cũng được vậy chứ !

— Không phải anh triết-lý. Nhưng anh muốn đời sống thực-tế của anh phải dựa lên trên một căn bản lý-tưởng. Lý-tưởng của anh, như anh thường nói với em, là phải sống công bình, nhân-đức, bình-đẳng, không ham người giàu, không khinh kẻ nghèo, và xây-dựng hạnh-phúc của mình trên một cái gì lâu bền.

— Thì anh cưới cô Thanh-Kiều, anh sẽ có hạnh-phúc lâu bền.

— Em tin tưởng vào đâu mà nói thế ?

— Cô Thanh-Kiều đẹp.

Ông Ngọc-Minh tủm-tủm cười

ngắt lời :

— Đẹp như Ánh, chứ đẹp hơn được à ?

Minh-Tú trở mắt ngó anh :

— Ánh nào đó, anh Hai ?

— Ánh giúp việc cho nhà mình, đó.

— Con-ở đó hả ?

— Coi bộ em ngạc-nhiên lắm sao ?

Nhưng Minh-Tú chau mày :

— Anh Hai cứ nói chuyện tào lao, em của anh không bằng lòng đâu đấy. Em đang nói chuyện cô Thanh-Kiều cho anh nghe. Cô ấy xứng đáng làm vợ anh, sao anh không chịu ? Cỗ đẹp lộng lẫy ít người bằng, cỗ lại yêu anh, cỗ là con gái một ông Bộ-trưởng. Cỗ lái xe hơi, cỗ đánh đàn piano, cỗ khiêu-vũ, cỗ...

— Thôi, thôi ! Anh đã nghe nhiều rồi !

— Nhưng anh chưa nghe cô Thanh-Kiều ca-tụng tài-năng và tính-nết của anh. Cỗ là học trò cũ của anh hồi năm kia đó...

— Anh biết.

— Anh có biết cỗ thường đến chơi với em, và tỏ ý yêu anh lắm

không ? Em thấy cỗ mê anh lắm đó.

Minh-Tú mở bóp :

— Nè, em cho anh Hai coi cái này...

Minh-Tú rút ra một tấm ảnh: Cô Thanh-Kiều mặc áo may-dô tối-tân, rất khêu gợi, đứng trên bờ biển Ô-Cấp, nhón nụ cười tình. Ngực nở không thua ngực của Marilyn Monroe. Hai cặp đùi tròn-trịa, đều-đặn, trắng nõn trắng nà, như cặp chun của Brigitte Bardot. Tóc loăn quăn trước trán giống kiểu tóc của Gina Lollobrigida. Thanh-Kiều rất ăn ảnh, toàn thân rất « Sexy », « exciting » không chê được. Ngọc-Minh nhìn tấm ảnh với một nụ cười hóm hỉnh :

— Thật xứng-đáng là con gái của ông Bộ-trưởng ấy nhỉ !

Rồi ông trả ảnh lại cho Minh-Tú. Cô em gái của ông lấy trong bóp ra một tấm ảnh khác cũng của Thanh-Kiều tặng cô, nhưng chiếc ảnh này tình tự một lối khác: Thanh-Kiều mặc áo hoa đứng cạnh chiếc xe hơi Huê-kỳ, với nụ cười duyên dáng. Ông Ngọc-Minh vẫn khời hài với em :

— Anh nhớ có thấy ảnh này trong một trang quảng cáo xe hơi

đăng trong một tập báo hình ảnh của Pháp... hình như là tập Revue Sud-Est thì phải.

Minh-Tú cãi-chính :

— Làm gì có. Thanh-Kiều mới chụp hôm chúa nhật tuần rồi ở Cap d'azur mà.

— Anh biết. Ảnh quảng-cáo xe hơi trong Revue Sud-Est không phải là cô Thanh-Kiều, nhưng cũng như là cô Thanh-Kiều, có gì lạ !

— Anh Hai sao mà...khó chịu quá !

— Nhưng anh Hai nói thiệt với em phút cho rồi, để em cứ làm quảng cáo cho cô Thanh-Kiều hoài. Nè, anh Hai không mê cô Thanh-Kiều của em đâu nhé !

— Nếu em là đàn-ông, em không mê ai hơn là Thanh-Kiều.

Minh-Tú đứng dậy, lại gần kề miệng vào tai anh, nói nhỏ :

— Anh Hai à, Thanh-Kiều hứa « ca-đô » cho em một chiếc xe-hơi Huê-kỳ, anh biết không ?

Minh-Tú cười khoái-trá lắm, rồi nói tiếp :

— Ba của mấy đứa nhỏ cũng muốn anh Hai cưới cô Thanh-Kiều. Ông bà Bộ-trưởng chỉ có cỗ là con gái, cho nên cưng cỗ

lắm. Nè, em hỏi anh, nghe : Anh muốn làm Tổng Giám-đốc nào đó không ? Hay là Đồng-ly văn-phòng nào đó không ? Anh Hai nghe lời em : lấy Thanh-Kiều đi ! Rồi anh Hai sẽ thấy công danh phú-quý lên vùn-vụt trên mây xanh ! Anh Hai sẽ không còn đi chiếc xe-traction lỗi-thời kia nữa. Anh Hai sẽ ở riêng một biệt-thự của nhà nước...

— Chừng nào anh Hai muốn lấy vợ, anh Hai sẽ lấy một người con gái nghèo.

— Thôi đi ông, ông cứ triết-ly hoài !

Minh-Tú tức mình rầy anh, rồi vùng vằng giận-dối, bỏ hai tấm ảnh thiệt lẹ vào bóp, quảng bóp trên bàn, nét mặt quạu quạu muốn cãi-lộn với anh :

— Anh tưởng đâu anh nói như vậy là hay lắm đó ! Anh đừng để cho chúng bạn của anh, và các nhà thượng-lưu trí-thức ở Saigon này họ ngạo anh là « Xù-Triết » chứ ! Người như anh mà đi lấy con gái nhà nghèo sao ! Anh tưởng đâu em để cho anh lấy một con-ở hả ?

Minh-Tú giận đỏ mặt, liền gọi con-ở, cố tình làm nhục nó trước

mặt anh, xem anh có dám làm gì không. Cô gọi thật to :

— Anh !

Không nghe tiếng trả lời, cô chạy ra cửa sổ phía sau ngó xuống sân bếp, thấy con-ở đang ngồi giặt đồ. Cô gọi :

— Anh ! Lên tao biều.

— Dạ.

Ông Ngọc-Minh ngồi lặng-lẽ, nghe tiếng Anh : “ Dạ » thật nhỏ nhẹ dễ thương. Minh-Tú đã trở vào phòng khách giữa. Đây là trên lầu, phòng giấy ở giữa là nơi để giành riêng cho Minh-Tú tiếp các bạn gái thân nhất của cô và cũng là nơi vợ chồng cô, và ông Ngọc-Minh thường ngồi chuyện vãn những lúc nhàn-rỗi. Phòng này tuy hẹp, nhưng bài-trí cũng xin xắn, gọn gàng, ngăn cách phòng ông Ngọc-Minh và phòng của vợ chồng Minh-Tú.

Minh-Tú vào ngồi lại trên ghế đối diện anh và nét mặt hăm hăm, làm thình. Ông Ngọc-Minh cũng làm thình, châm điếu thuốc hút. Ánh từ dưới nhà, đi chân không, nhẹ-nhàng bước lên cầu thang, vào phòng :

— Thưa bà kêu con ?

— Ừ ! mầy làm gì dưới ?

— Dạ, thưa bà, con giặt đồ.

— Ai biều mầy giặt đồ ? Tao dặn mầy xay cà-phê. mầy đã xay chưa ?

— Dạ thưa bà, con giặt đồ rồi con xay cà-phê.

— Tại sao mầy không xay cà-phê trước rồi hãy giặt đồ, không được sao ?

— Thưa bà, đồ dơ nhiều quá, con giặt cho kịp phơi để chiều khô, tối con ủi. Con giặt cũng gần xong. Con định giặt xong, con đi nấu cơm, rồi trưa con xay cà-phê cũng kịp, vì cà-phê còn đủ pha buổi trưa.

— Nhưng tao muốn mầy xay cà-phê trước, sao mầy cãi lời tao ? Mầy là đày-tớ, mầy đi ở mướn cho tao, chứ mầy là chủ tao hả ? Đồ khốn-nạn ! Mầy coi chừng tao, nghe hông mầy ! Độ này, tao thấy mầy muốn sanh tật rồi đó ! Mầy liệu hồn ! Thôi đi xuống ! Giặt gì thì giặt lẹ đi, rồi làm cơm. Giặt từ sáng giờ chưa rồi mầy cái đồ !

— Thưa bà, con vừa đi chợ về.

— Câm đi ! Còn cái nữa hả ? Đi xuống cho rồi. Đồ mắc dịch !

Ánh lặng lẽ đi xuống. Trong phòng im phăng-phắc. Ông Ngọc Minh ngồi điềm-nhiên, hút thuốc. Ánh xuống một lát, rồi Minh-Tú ngó anh :

— Anh Hai coi con-ở nó có hồn không ?

Ngọc-Minh nhìn chòng - chọc em :

— Anh Hai đâu có thấy nó hồn gì với em ?

— Chớ anh Hai không thấy nó cứng đầu, muốn cãi lại em đó sao ?

— Anh thấy em rầy nó một cách vô-lý.

— Em vô-lý cái gì ? Sao anh lại bình con-ở, anh mắng em ?

— Anh đâu có mắng em. Anh chỉ thấy rằng công việc nó làm không đáng để em rầy la. Nó siêng-năng, chăm làm, và nó biết xếp đặt chia công việc của nó, cái nào làm trước, cái nào làm sau, cho kịp thời giờ. Như vậy, em mắng nó là oan cho nó.

— Anh Hai bình nó hả ? Trời, em không ngờ, anh bình con đày tớ khốn nạn, mà anh hất hủi em của anh !

Minh-Tú chạy vô buồng riêng

của cô, nằm lăn trên giường khỏa nức-nở.

Ông Ngọc - Minh vẫn điềm-nhiên, ngồi hút thuốc. Nhưng ông trầm ngâm nghĩ-ngợi.



Tối thứ Bảy, Hội Chống Nạn Mù Chờ tổ chức một buổi ca-nhạc-kịch để lấy tiền lập cây mùa Xuân cho các em học-sinh nghèo của Hội. Hai vợ chồng cô Minh Tú đều đã mua vé trước, còn ông Ngọc-Minh là một cố-vấn của Hội nên có giấy mời riêng. Tuy có giấy mời nhưng chính ông đã tặng riêng Hội một số tiền năm ngàn đồng để mua quà bánh và đồ chơi cho các em nghèo. Theo chương - trình, khai diễn đúng 8 giờ tối cho đến 11 giờ.

Bảy giờ rưỡi, cơm nước xong, gia đình ông Ngọc-Minh đã sẵn-sàng. Ông lái xe cho vợ chồng Minh-Tú và hai đứa con đi đến rạp. Mấy người này tuy là mua vé hạng nhất, nhưng được xếp chỗ ngồi dãy ghế chữ C, vì mấy dãy danh-dự đã đầy chật các quan khách có giấy mời riêng. Ông Ngọc-Minh nhường chỗ của ông ở dãy ghế chữ A cho một người nhà báo ngoại - quốc đến

thình lình. Ông vào trong buồng riêng của tài-tử, toàn là nhân-viên của Hội, để giúp đỡ anh chị em một phần trong việc sửa soạn các màn kịch.

Đúng 9 giờ bắt đầu mở màn, theo chương-trình, ông Giác-sur Ngọc - Minh đại - diện Hội, ra trước máy Micro ứng khẩu mấy lời khai-mạc.

Thính-giả nhiệt-liệt vỗ tay hoan hô ông, vì ông là một vị Giáo-sur, vừa là một văn-sĩ, có nhiều uy-tín với các giới đồng-bào nghèo. Ông cũng được hầu hết các giới lao-động thanh-niên và trí-thức mến phục, vì ông đã có tài, lại có đức.

Nhưng nửa giờ sau khi khai-diễn, ông Ngọc-Minh lên đi đâu mất.

Mọi người chăm-chú vào buổi ca-nhạc-kịch tung-bùng rộn-rịp, không ai để ý đến sự vắng mặt bất ngờ của ông Ngọc-Minh. Ông lên đi đâu? Các bạn đã theo dõi bộ truyện này chắc đoán được. Phải rồi, ông Ngọc-Minh chỉ có lên về nhà để nói chuyện với Ánh, chứ không đi đâu cả.

Ánh đang ủ ðồ, nghe tiếng gõ cửa, còn do-dự chưa dám mở. Nghe gõ cửa, lần thứ hai, Ánh

bật đèn phòng khách, và đứng trong cửa, hỏi :

— Ai đó ?

Tiếng phía ngoài đáp :

— Ánh mở cửa cho tôi.

Ánh rất ngạc-nhiên, và sợ-sệt nghe rõ tiếng ông Ngọc-Minh. Nhưng Ánh không thể không mở. Ánh lễ-phép đáp :

— Dạ.

Cửa mở, ông Ngọc-Minh bước vào, tự đóng cửa lại. Ánh đã đi lẹ vào nhà trong, ngồi xuống ủ ðồ, hồi-hộp và lo sợ.

Ông Ngọc-Minh vào nhà trong. Ông kéo một chiếc ghế mây nhỏ của con nít, để ngồi gần Ánh. Ánh lặng lẽ cúi mặt xuống, làm công-việc. Ông Ngọc-Minh khẽ nói :

— Ánh à, Ánh đã suy nghĩ về những lời tôi đã nói với Ánh hôm trước chứ ?

— Thưa ông, có gì mà suy-nghĩ ?

— Tôi đã thú-thiệt với Ánh rằng tôi yêu Ánh, và tôi nhất-định cưới Ánh làm vợ.

Ánh thẹn ðỏ mặt, không trả lời được. Ông Ngọc-Minh hỏi tiếp :

— Ánh cho tôi biết ý-nghĩ của Ánh như thế nào? Đây là tôi nói thiệt, câu chuyện đứng-dẫn, chớ không phải tôi kiếm cách chọc-gheo Ánh đâu. Tôi nói ý-nguyện của tôi với Ánh từ lâu rồi, nay tôi mong Ánh hiểu rõ lòng tôi, và nhận lời tôi.

— Thưa ông, về chuyện ông nói đó, tôi đã trả lời ông bữa trước rồi. Nay ông hỏi lại thì tôi cũng trả lời như bữa trước thôi.

— Tại sao vậy, Ánh ?

— Dạ, thưa ông, tại vì tôi không xứng-dáng một chút nào hết.

— Tôi nghĩ khác. Tôi nhận thấy Ánh có đủ hai đức-tánh quý nhứt của người thiếu-nữ : nhan-sắc và tính-hạnh. Ánh đẹp không kém một cô gái nào cả. Ánh còn đẹp hơn nhiều cô gái khác nữa. Nói về sắc đẹp thì tôi yêu nhan-sắc lộng-lẫy, duyên dáng và thùy-mị của Ánh. Nói về nữ-hạnh thì tôi yêu tính-nết dịu hiền, đoan-trang, và chân-thật của Ánh. Tôi chỉ cần một người vợ có bấy nhiêu đó thôi. Về mặt trí thức, Ánh ở gần tôi, sẽ học-hỏi thêm chút-ít có thể trở thành một phụ-nữ trí-thức có trình-độ văn-hóa tạm đầy-đủ được. Tôi tin rằng với thiện-chí và bần-sanh thông-minh đã sẵn có, Ánh sẽ là người vợ rất xứng

dáng của tôi, rất hợp với lý-tưởng đời sống của tôi.

— Thưa ông, ông tử-tề, ông khen quá lời, tôi xin cảm ơn ông. Nhưng hoàn cảnh không cho phép tôi nhàn lên cao xa như thế. Tôi chỉ là một con-ở. Tôi chỉ làm kẻ tôi-tớ cho ông được mà thôi.

— Không, Ánh sẽ không phải là kẻ tôi tớ nữa.

— Thưa ông, ông đã biết qua đời thiếu nữ hèn-hạ của tôi. Ông đã biết tôi đau khổ như thế nào rồi. Ông nên thương-hại tôi nếu ông không khinh tôi.

— Không, Ánh à, Ánh sẽ không đau khổ nữa đâu. Nếu tôi khinh Ánh thì tôi đã không yêu Ánh.

Hình như ông Ngọc - Minh xúc động vì những lời chân thật của Ánh, nên ông xích ghế lại gần sát cạnh Ánh, và nắm tay Ánh, Ánh ngưng bàn ủi, quây mắt ngó đăm-đăm vào ông Ngọc-Minh, như cầu-khẩn van-lơn :

— Ông nên buông tay ra. Ông đừng làm như thế, tội nghiệp tôi lắm !

Giọng nói run run, chân-thành, đau khổ, và đôi mắt rất dịu-hiền của Ánh gần như muốn rung-rung lệ, khiến Ông Ngọc-Minh xao-

xuyên, rạo-rực cả tâm-hồn. Ông bị tia mắt sâu-mơ khỗ-não của Ánh như thấm vào tận đáy lòng. Ông bỏ ghế mây, ngồi xuống đất, ngay bên chân Ánh. Ông ôm lấy Ánh vào lòng và lẩm-bẩm, như mê-say :

— Ánh tha-lỗi cho tôi !... Tôi yêu Ánh !... Tôi yêu Ánh lắm...

Ánh khẽ xô ông ra, trừng mắt ngó ông, nhưng yếu đuối quá, Ánh không làm sao ngăn cản được ông. Ngọc-Minh kề mặt sát mặt Ánh, áp môi vào môi Ánh, và tặng Ánh một nụ hôn say-đắm diên-mê. Ánh nhận lãnh nụ hôn nồng cháy, như một nhiệt - độ mê-ly chạy khắp trong cơ-thể rung-động của nàng, lần đầu tiên trong đời nàng bị xáo-loạn.

Nhưng Ánh đột nhiên đẩy mạnh ông Ngọc-Minh ra, nàng chạy lẹ xuống buồng ngủ của nàng, khóa chặt cửa, rồi lăn lên giường khóc nức-nở.

Ông Ngọc-Minh ngồi cúi mặt xuống gạch hoa, có vẻ hối-hận. Ông cố tự-chủ, bước xuống bếp, đứng ngoài cửa buồng của Ánh, nói :

— Ánh tha-lỗi cho tôi nhé...

Đứng yên một lát, nghe Ánh

vẫn khóc thồn-thức, ông khẽ bảo :

— Ánh đừng khóc nữa nhé. Tôi đi đây, Ánh ra đóng giùm cửa nhà ngoài.

Ngọc-Minh đi thẳng ra phòng khách, mở cửa ra đường. Đi một quãng xa, ông quay lại, thấy cánh cửa từ từ đóng, và đèn phòng khách tắt.

Ông trở lại rạp hát. Ngó đồng hồ, kém 15 phút đầy 11 giờ. Ông ở nhà với Ánh gần hai tiếng đồng hồ. Ông không vào rạp. Đến chiếc xe citroen của ông đậu bên kia đường, trong bóng tối, ông mở cửa xe, vào ngồi chỗ tay lái, châm điếu thuốc hút. Ông ngồi yên lặng, ôn lại trong trí-nghĩ những lời nói thành-thật đau-khổ của Ánh, những cử-chỉ rất hiền lành và nhã - nhặn của nàng, tư-cách nghiêm - trang và cao-quý của nàng, và ông ăn-năn hành động quá bỗng-bột của ông. Nhưng ông tự nhủ : « Ta nhứt định cưới Ánh làm vợ. Ta có thể cưới một người thiếu-nữ nghèo nàn, đau-khổ và dịu-hiền đoan-trang như Ánh ! Ta yêu Ánh lắm. Ánh là tình-yêu đầu-tiên của ta, rất say mê, chân-thật. Đây là một tình-yêu lý-tưởng, xinh-đẹp, cao-cả. Ta sẽ dấn lên trên dư-luận, để

thực-hiện tư - tưởng nhơn-dạo, công-bằng của ta. »

Vừa tan rạp. Sóng người ò-ạt từ trong hí-viện chảy ra, tràn lan trên lề đường. Ông Ngọc-Minh ngó lo-đãnh, không lưu-tâm đến họ. Ông đang say-sưa với lý-tưởng triết-học bình đẳng, vô-giai-cấp của ông.

Vợ chồng cô Minh-Tú và 2 đứa nhỏ cũng vừa băng qua đường, đi vội vàng đến chiếc xe citroen. Minh-Tú ngạc nhiên hỏi :

— Anh Hai ra hồi nào mà sớm thế, anh Hai ?

Ông Ngọc-Minh nhếch một nụ cười :

— Anh ra từ lâu.

Gia đình cô Minh-Tú lên xe xong, ông Ngọc-Minh lái về nhà.

Hai đứa nhỏ đập cửa gọi :

— Chị Ánh, mở cửa !

Tiếng Ánh trong nhà đáp :

Dạ.

Cửa mở, cô Minh-Tú thấy đầu tóc Ánh rối bù và đôi mắt đỏ hoe, liền hỏi :

— Mà làm sao vậy, Ánh ?

Ánh cúi mặt, không dám ngó cô chủ, bẽn lẽn trả lời :

— Dạ, có sao đâu.

Ánh đợi cho mọi người vào hết đề đóng cửa. Ông Ngọc-Minh bước vô sau cùng, nét mặt ngưng nghịu, cũng như Ánh. Hai người không ngó nhau.

Nhưng Minh-Tú hình như có linh tính rằng ở nhà vừa xảy ra một việc gì làm cho Ánh xáo động tinh thần, và cô thắc mắc về sự vắng mặt của anh cô trong buổi dạ hội, sau khi anh nói mấy lời cảm ơn khán giả. Im lặng, cô đi thẳng xuống bếp, ngó qua nhà cửa xem có gì thay đổi hay không, rồi đi lên lầu, về mặt hầm hầm khó chịu.

Sáng hôm sau là Chúa nhật, lại có Thanh-Kiều đến chơi. Cô gái của ông Bộ-trưởng đi xông xộc vào phòng khách, rất tự-nhiên. Gặp Ánh từ trong bếp ra chào, Thanh-Kiều bảo với giọng kiêu hãnh :

— Nói với bà chủ có tôi đến chơi.

Ánh lễ phép :

— Dạ.

Ánh lên lầu, một lúc xuống liền :

— Thưa cô, bà chủ mời cô ngồi chơi, bà chủ xuống ngay.

(Còn nữa)



*** CAO BÁ QUÁT bị chém, hay bị bắn ?**

(của ông Vương-đức-Hình, 18 đường Thống-Nhất — Phan-Rang)

..Trong Phổ-Thông số 49, trang 118, mục «Thơ bạn đọc», bài lai cáo của ông Đỗ-Y-Linh nói: Ông Cao-Bá-Quát không bị chết chém. Và ông Linh-trưng ra tài-liệu, trong Đại-Nam thực lục chính biên, thì ông Cao-bá-Quát bị bắn chết... Như vậy là rõ ràng rồi. Song còn 1 nghi vấn: khi tôi còn ở Bắc-Hà, có giao-du với vài bạn văn-nhơn. Bạn tôi cho biết: « Ông Cao-bá-Quát bị chết chém một lần với ông anh ruột là Cao-bá-Đạt. Rồi dẫn chứng là: Văn thân Bắc-Hà đương-thời, có điều 1 câu liên: 最憐幾千古奇才難弟更難兄不世偶生逢偶死。可惜者到頭事世此人而此過混塵龔醜亦龔芳

« Tôi lân tai, THIÊN CỔ KỲ TÀI, nan đệ cánh nan huynh, a bất thế ngẫu sanh phùng ngẫu tử ;

« Khả tích già, ĐÁO ĐẦU SỰ THẾ, thù nhơn nhi thù ngộ, hồn trần lưu xứ diệt lưu-phương ».

Trong 2 câu này, có 4 chữ THIÊN CỔ và ĐÁO ĐẦU, là ám chỉ bị chết chém. Nghĩa là: bị chém, mới: cổ, đầu rơi. Chờ bị bắn, thì làm sao mà cổ đầu rơi được. Còn 4 chữ Ngẫu sanh và Ngẫu tử là ám chỉ 2 anh em, sanh đôi, mà cũng chết đôi.

Xin dẫn sơ lược sự tích như sau: Tục truyền: (1) khi bà mẹ 2 ông Quát và Đạt, ban đêm đi gánh nước, thấy 2 ngôi sao rớt vào trong 2 hủ nước, bà ta về nói với chồng, ông chồng bảo: 2 hủ nước này để dành một mình bà uống thôi, vì đó là điềm lành của nhà ta.

Khi dùng hết 2 hủ nước này rồi, bà ta bèn thọ thai; rồi

(1) Đã nói: Tục truyền, thì không dám chắc là sự thật

sanh ra 2 ông Cao-bá-Đạt và Cao-bá-Quát một lần (sanh đôi).

Còn việc chống Chánh-phủ triều Nguyễn, là chỉ có một mình ông Cao-bá-Quát thôi, chứ ông Đạt không can dự gì đến cả.

Nhưng luật hình các triều đại chuyên chế, hễ trong tộc, có người nào nổi lên, đem quân chống Chánh phủ, đến khi bị thua, và bị bắt, thì phải bị tru-di « tam tộc ». Vì vậy mà ông Cao-bá-Đạt phải bị chịu tử hình. (Nghe nói, chỗ này, hình như vua Tự-Đức, thương văn tài của 2 ông Cao, nên đặc ân: tru-di toàn tộc thôi. Vì vậy mới, có bài trần tình thông thiết của ông Cao-bá-Nhạ, như quí Ông đã rõ biết rồi).

Nếu ông Quát bị bắn chết tại trận, thì 2 ông chết 2 lần, cách nhau. Sao lại có bốn chữ: « ngẫu-sanh và ngẫu-tử ». Còn nói, bị chém, thì sao trong Đại Nam thực lục chính biên lại nói: bị bắn như ông Linh đã nêu ra như trên ?

Còn Văn Thân Bắc hà đương thời (tức là: cách không xa, khi dẹp tan giặc (do ông Cao-bá-Quát, làm quân sư) lại ích chi mà xuyên tạc, không nói cho đúng sự thật !

Vì chỗ nghi vấn này, tôi xin ông tra cứu, rồi đăng lên báo Phổ-Thông, để các độc giả tường tận...

Thơ này cốt nói chỗ: Ông Cao Bá Quát bị chém hay bị bắn thôi.

*** Hai câu thơ trong truyện Kiều**

(của bạn Trịnh Nhuận Tam-kỳ)

..Trong Đoạn-trường Tân Thanh của NGUYỄN DU ở đoạn: « Kiều đánh đàn cho Kim-Trọng » có 2 câu:

« Trong như tiếng hạc bay qua

« Đục như nước suối mới sa giữa vờ »

Hầu hết các sách giáo khoa đều in như trên, nhưng một vị giáo sư Việt-văn căn cứ vào hai câu thơ trong kinh thi:

« Thanh như hạc lệ phi thiên thượng »

« Cấp tự lưu tuyền tống thủy trung »

Do đó chữ « ĐỤC » trong câu trên có lẽ không đúng. Vậy xin chất chính các nhà Học-giả.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ **DIỆU-HUYỀN**

★ **Ô. Trung Phương, Long Khánh**

Ông nên làm đơn trình-bày ý nguyện, gửi lên ông Tổng Giám-đốc B.A nhờ vị thượng cấp trực-tiếp của ông chuyển đạt.

★ **Một Nhóm học sinh Đệ tứ, Trường Sao Mai, Đà Nẵng**

Trong Kiều, có câu : « Đầu cành quyen nhất... » tức là theo cụ Nguyễn-Du, con chim quyen không phải là « con quốc lủi trong bụi rậm để kêu ». Ở miền Trung, có câu hát ru em :

« Chim quyen ăn trái xoài xanh,

Ăn no tám mát lên cành nghi-ngơi »

Chúng tôi đang tra cứu xem có phải đích xác con chim quyen hay là Đẽ quyen, là con quốc hay không? Hay là người ta làm với con Đẽ-vũ?

★ **Ông L. v. Long, Đường Phan Bội Châu, Ban-mê-thuật**

Nếu Nha Đại-diện Giáo dục tại Trung Nguyên và Cao nguyên Trung phần không thể căn cứ vào học bạ của ông để chứng nhận rằng ông đã thi đậu năm 1945, thì chúng tôi tưởng ông không còn cách gì khác để xin phó bản. Học bạ không có giá trị như Văn-

bằng, mặc dầu có chữ ký và con dấu của Ông Hiệu-trưởng.

★ **O. Lê-văn-Bích — Phan rang**

Hỏi :

... Tôi là một cựu thương-sĩ trừ-bị QĐVNCH và hiện là Quân-nhân trừ-bị tại-gia. Năm 1957 tôi được giải-ngũ vì lý-do sức-khoẻ. Theo Quyết-định của Hội-đồng miễn-dịch Saigon thì tôi được miễn-dịch vĩnh-viễn số 2 không cấp-dưỡng, và nơi cột bệnh-trạng có ghi « Tuberculose pulmonaire guérie. Etat général médiocre. Conclusion : Réforme définitive No 2 sans pension ».

Khi giải-ngũ, trong Quyết-định của Đại-tá tư-lệnh Quân-khu cũng đã có ghi « Phê-giải vĩnh-viễn số 2 không cấp-dưỡng (R.D. 2) ». Tuy thế mà đã hai lần tôi được Cơ-quan quân-sự địa-phương mời đến lập hồ-sơ, phiếu lý-lịch quân-nhân trừ-bị tại-gia. Vì vậy mà tôi lấy làm thắc-mắc không hiểu theo tình-trạng hiện thời của tôi, Bộ Quốc-Phòng còn gọi tôi tái nhập-ngũ nữa không? Hay là miễn hẳn cho hạng quân-nhân phế thải như tôi? Đây cũng là một điểm thắc-mắc chung cho phần đông anh em cựu quân-nhân.

Đáp: giới thẩm quyền cho biết rằng những cựu quân nhân phế-thải ở trường hợp của ông đều được miễn dịch. Việc lập Hồ-sơ và phiếu lý lịch là theo thủ tục đời với tất cả quân nhân trừ bị tại gia.

★ **Bạn Nguyễn hữu Thất, — Lòng Sông**

Xin chép đúng *Evangile selon Matthieu*, về những đoạn bạn hỏi theo Phở-Thông số 49, mục « Minh ời », những đoạn ấy viết đúng theo nguyên bốn trong kinh của Thánh Matthieu như sau đây :

1. — Joseph s'étant réveillé fit ce que l'ange du Seigneur lui avait ordonné, et il prit sa femme avec lui. (24-1) Mais il ne la connut point jusqu'à ce qu'elle eût enfanté un fils, auquel il donna le nom de Jésus. (25-1)

2. — Dès que Jésus eut été baptisé, il sortit de l'eau. Et voici les cieux s'ouvrirent, et il vit l'Esprit de Dieu descendre comme une colombe et venir sur lui (16-3)

3. — Simon appelé Pierre, et André son frère. (2-10)

4. — Et, après avoir fait battre de verges Jésus, il le leur livra pour être crucifié (26-27)

* Ông Nguyễn-tấn-Đức — Phan-Rang.

● Ông coi lại P.T. số 42 trang 122-123, một vị Thăm-phán đã giải-thích rõ ràng về trường-hợp như ông nói trong thư.

● Ông nên thân hành đến hỏi nơi cơ-quan nào mà ông đã gửi bức thư bảo-dảm ấy.

* Bạn Nguyễn-tự-Minh, An-Đỗ — Bình-Dịnh

Ô. Nguyễn-Vỹ giáo-sư, viết trong tạp-san Sư-phạm đó, không phải ô. N.V. trong tạp-chí Phổ-Thông.

* Ông H.v.KH. Huế

Phép Tĩnh tọa, theo một vài tài-liệu xưa, là một ngành triết-học thần-bí Ấn-độ, do một vị Đạo-sư tên là PATANJALI bày ra, cách đây trên 4000 năm. Phương-pháp tu-tĩnh của nó là ngồi yên lặng một chỗ không cử-động về thể-xác, tập trung tư-tưởng về một vị chúa là Ivara, hoàn toàn giải-thoát khỏi tất cả các ràng buộc vật-chất và tinh-thần của đời sống. Nhưng hiện nay, ở bên Âu-Mỹ người ta áp-dụng Phép Tĩnh-Tọa huyền-bí của Ấn-độ thành một phương-pháp thể-dục tân-thời về tinh-thần và thể-chất, để cho thân thể được khỏe mạnh, dẻo-dai, uyển-chuyển, các cơ-quan được điều-hòa bền-bĩ.

Muốn tập luyện phương pháp Tĩnh tọa, (yoga), ông có thể viết thư hỏi : Mr Ph. de Meric - 25 Rue d'Astorg, Paris 8è

* Ô. Ng. B. Đăng, 13 CỬ-Trị. Châu-Phú

Đoạn-văn của Phạm-Quỳnh dịch ra trong bài «*Khuynh-hướng vô ngã*». «*Un jour que j'étais assis...*», là trích trong quyển «*Esquisse d'une morale sans obligations ni Sanctions*» của M. J. Guyau (1884)

* Ô. Lê - ngọc - Bân, Hăng B. V. Đà Nẵng

Triều - dương (mặt trời buổi sáng), chứ không phải «*triều-dương*».

* Ô. N. H. Trọng, Saigon

Rất tiếc, chúng tôi đã có người phụ trách về mục ấy rồi, Thành thật cảm ơn ông.

* Ô. Vũ thế Dân — Bình Dương.

Tam Hoàng Ngũ Đế, là những nhân vật thần-thoại Trung-quốc, theo những truyền thuyết thời Thượng-cổ. Theo những thuyết ấy thì nguyên-thủy Trời Đất là một khối hỗn tạp, người đầu tiên từ khối ấy xuất hiện ra là ông BÀN CỒ. Kế ông Bàn Cồ có đời TAM HOÀNG. Sách *Sử ký* của Tư Mã Thiên cho rằng Tam-Hoàng là THIÊN HOÀNG, ĐỊA HOÀNG, NHÂN HOÀNG (hay là TẦN-Hoàng). Theo bài tựa của sách *Xuân Thu* thì Thiên-Hoàng có 20 anh em mỗi người lập nghiệp 18.000 năm, Địa-Hoàng có 11 người mỗi người cũng lập nghiệp 18.000 năm, Nhân-Hoàng lập nghiệp được 150 đời, cộng là 45.600 năm.

Sách *Thượng Thư Đại truyền*. thì lại cho rằng TAM HOÀNG là TOẠI-NHÂN, PHỤC-HY, THẦN-NÔNG.

Kể Tam-Hoàng, có NGŨ-ĐẾ là : HOÀNG-ĐẾ, CHUYEN-HÚT, ĐẾ-CỐC, ĐẾ-NGHĨEU, ĐẾ-THUẤN

☆ Ô Phạm Huyền — Bến Cỏ

Vâng, chữ «*Phi*» là kẻ cướp. *Thổ phi* là «*giặc cỏ*», kẻ cướp bóc trong địa phương.

* Bạn T.V.T. Huế

Tình trạng bạn nói đó, là do thiếu sự lanh-trí chứ không phải thiếu nghệ-thuật nói chuyện.

* Bạn H.M. Hương, Huế

Các nhà Bác-học Landsteiner (Nobel y-khoa 1930), Jansky,

Ottenberg đã tìm ra các « nhóm máu » đồng loại — groupes sanguins — Máu của nhóm nào thì tương-hợp với nhóm ấy, và tương-khác với các nhóm khác. Nhóm máu về loại nào thường thường là không thay đổi, và di-truyền theo huyết-tộc của nhóm ấy

★ **Em Động-thanh-Nhật — Gò công**

Thành thật cảm ơn thư em. Em nên hỏi Bác-sĩ chuyên-môn trước khi dùng thuốc Cervotonic.

★ **Ông L.B.K. Giáo-sư, Saigon**

● Chữ Pháp *Mandarin* (ông Quan), có hai xuất-xứ khác nhau. Theo YULE và BURNELL trong quyển *Hobson Jobson*, thì *Mandarin* là do tiếng Ấn-độ *Mantri* (Cổ-văn một vị thượng quan), người Portugais đổi ra là *Mantalin*. Theo quyển « Relation d'un voyage en Cochinchine en 1778 » của Mr CHAPMAN, thì *Mandarin* là do chữ Portugais *Mandar* (chỉ-huy, cai trị) mà ra. (trang 229, quyển III, 1817).

● Đây, chân-dung của ALEXANDRE DE RHODES, một trong những vị cổ-Đạo đã góp phần trọng-dại nhất trong việc đặt ra chữ Quốc-ngữ theo mẫu-tự latin. Xin nhớ rằng, trước Alexandre de Rhodes đã có các vị Cổ-Đạo khác truyền-bá Đạo Gia-tô cho người Nhật ở Hội-An (Faifo), gần Đà-nẵng, bằng các sách kinh-thánh viết bằng chữ Nhật-La-Mã-hóa (Romaji), cũng áp-dụng mẫu-tự latin trong Nhật-ngữ, và in ở tại Nhật (theo tài-liệu trong quyển « La Littérature chrétienne au Japon il y a 300 ans » của Humert-claude Edition 1937). Alexandre de Rhodes theo đó mà sửa đổi ra Việt-ngữ với một vài vị cổ-đạo khác.

(Xem hình Alexandre de Rhodes ở trang kế)



☆ **Cô Diễm-Hồng, Võ-tánh Saigon**

Giờ QUOC-TẾ, hay là giờ G.M.T., (Greenwich Meridian Time. Người Pháp gọi là Temps Moyen civil de Greenwich) là giờ lấy theo giờ của kinh-tuyến Greenwich. GREENWICH (đọc là gri-nitch), một thành-phố nhỏ của nước Anh, trên sông Thames, ở ngoại-ô thủ-đô London là nơi có một đài Thiên-văn người Anh chọn làm nơi đi qua của kinh-tuyến O. Người ta chia chu-vi Quả-Đất thành ra 24 khoảng, hay là 24 " múi giờ " — 24 fuseaux horaires — mỗi khoảng là 15° có một đường kinh-tuyến đi qua. Người Anh chọn kinh-tuyến đi ngang qua Đài Thiên-văn Greenwich làm kinh-tuyến nguyên-thủy, O°. Các nước khác trên Thế-giới muốn có một giờ chung làm đích bèn lấy theo kinh-tuyến Greenwich làm nguyên thủy và lấy giờ ở Greenwich làm giờ quốc-tế. Như vậy, những nước cùng ở trong một " múi giờ " thí dụ như Belgique, Pháp, Anh, Espagne, cùng ở trong một múi-giờ, tính 70.30 về phía tây và 70.30 về phía đông, do từ kinh-tuyến Oo ở Greenwich làm nguyên-thủy, đều cùng có một giờ như nhau. Cứ tính theo đó, thí dụ lúc giờ chính-thức (giờ Quốc-tế) ở Greenwich là đúng 12 giờ trưa, thì các giờ địa-phương là: 1 giờ chiều ở Berlin, ở Vienne, 2 giờ chiều ở Le Caire, Constantinople, Moscou, 3 giờ ở Téheran (Thủ-đô của Hoàng-hậu Farah Diba và Hoàng-đế Iran), 4 giờ ở Karachi, kinh-đô Hồi-quốc, 5 giờ ở Delhi, 6 giờ ở Calcutta, 7 giờ tối ở Singapore, Saigon, Hà-nội, 8 giờ ở Manille, Hong-Kong, Đài-Bắc, Bắc-Ninh, ở trên đảo New Zeland thì 12 giờ khuya, ở New York và Washington là 7 giờ sáng, ở Dakar, Lisbonne 11 giờ trưa.

Thuốc : **MỒ HÔI TRỘM**

Hiệu Kim-Điền, đặc biệt chuyên trị con nít đổ mồ-hôi nhiều Lúc ngủ. Còn trẻ con hoặc người lớn đổ mồ hôi nhiều Lúc thức thì uống thuốc **MỒ-HÔI DẦU KIM.BIÊN** hết bệnh ngay 28\$ một chai. Bán khắp nơi và 361 Phan-đình-Phụng — Saigon Đ.D.S.D.P. Phụng

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-đạ-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

Thuốc thực **VĂN XUAN**
Phát hành tại **THUỐC BÓ:**

HUYET-SON-DUONG

Sở tập Đại lý và khách hàng tại

Nhà thuốc **VĂN-XUAN**
3 Đường THUAN KIEU CHOLON

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT HẠCH GAN

Let căn cho:
SẢN PHỤ, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU MỠI MẮT

HEPATANA

Pharmacie **TANA**
42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON

BẢO TANG

Cha của chúng tôi Ông **VƯƠNG-KIM-HƯNG** đã mất
Sanh năm Ất-hợi 1875

Từ trần ngày mồng hai tháng Chạp Canh-Tý 1961

THỌ : 86 tuổi

An táng ngày mồng sáu tháng Chạp Canh - Tý 1961
tại phần mộ họ Vương ở Sóc-Trăng

Ấn cù-lao cúc-dục báo đền chưa thỏa-dạ, muốn tròn chữ **HIẾU**,
chúng tôi xin không nhận phúng

Cáo-phó muốn kính gửi xa gần chư vị văn-hữu, thân bằng,
quyển thuộc ; rộng lòng miễn trả lời thư riêng.

Wang-Hong-Sen, 31 đường Hai Bà Trưng, Ba-Xuyen
Wang-Minh-Quan,
Wang-Minh-Canh,

PHỒ-THÔNG Tạp-Chí rất cảm-động chia buồn với Bạn
Wang Hong-Sen cùng quý quyến và kính chúc vong linh Cụ nhà
tiêu-diêu Tiên-cảnh.

NGUYỄN-VỸ

và toàn ban Biên-tập tạp-chí **PHỒ-THÔNG**

TẠP CHÍ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG

VĂN NGHỆ

Do một nhóm Văn nghệ-sỹ chủ-trương.

Số 1

Phát hành đầu tháng 2-1961

CÙNG CHUỘC TẠM XUÂN



VỆ-SINH
TINH-KHIẾT
BỒ-DƯỠNG



Với hoa xuân-tươi thắm, nắng xuân rực rỡ, La-ve và nước ngọt **CON CỌP** đem lại cho quý Ngài những ngày xuân vui tươi, ý xuân trẻ trung và tinh xuân mạnh đẹp. Quý Ngài hãy mở rộng cõi lòng cho các tru phiêu thác mặc tiêu tan trong men rượu đậm đà của la-ve, hương vị dịu ngọt của nước ngọt **CON CỌP**, tăng thêm kỹ thú bởi nước đá **KIM CƯƠNG**. Trong những ngày đầu xuân tung bừng, bỏ hết lo âu, mệt nhọc, quý Ngài hãy trở nên vui vẻ với những nháp la-ve, phần khởi yêu đời với những ly nước ngọt con cốp tinh khiết, thơm ngon và bổ khỏe, nguồn mạch của sức khỏe, trẻ trung và vui tươi, đặc tính của Mùa Xuân muốn thưởng.

Xưởng cửa máy

NAM-HƯNG

190 Đại lộ Nguyễn-văn-Học

Cầu (Băng-Kỵ) GIA-ĐÌNH

Kính-chúc quý-vị khách-hàng một năm mới tốt-đẹp may-mắn, dồi-dào tài-lợi và đầy-đủ hạnh-phúc

★

Bồn-hãng chuyên-môn mua bán các sắt gỗ, súc, gỗ xẻ đủ cỡ để kiến-trúc.

— Bán sỉ và bán lẻ

— Giá phải chăng

**CHỦ NHÂN SẢN SÀNG PHỤC-VỤ
QUÍ KHÁCH**

Công-ty TRẦN-V-TÁNH (Tévété)

Nhập-cảng và Sản-xuất dược-phẩm
136, Yên-Đỗ — SAIGON

Đại-lý 2 viện Bào-chế :

— LABAZ

{ Bicarnésine
Citroflavonoïdes
Mérixax
Pyridoxine

— DIAMANT

{ Actidilon
Marzine
Néomycine
Hexacycline

— SẢN-XUẤT

{ Tévéthiazol
Hépatomiel
Polyvit. Ca
Pulmotan
Carditan
Glucocé

Thư quán :

XUÂN-THU

185/193, đường Tự-Do — SAIGON

Đ. T. 20051

Nhập-cảng :

- Đủ loại Sách báo
- Dụng-cụ văn-phòng
- Giấy, bì.

TỦ SÁCH DỊCH-THUẬT

của nhà **SÔNG MỚI** xuất bản

30B Phạm-ngũ-Lão, SAIGON

- TÂM HỒN CAO THƯỢNG** bản dịch của **HÀ-MAI-ANH**
Nguyên-tác : *Les Grands cœurs của Edmond de Amicis*
- VÒNG QUANH THẾ GIỚI 80 NGÀY** bản dịch của **HÀ-MAI-ANH**
Nguyên-tác : *Le Tour du monde en 80 jours của Jules Verne*
- VÔ GIA ĐÌNH** bản dịch của **HÀ-MAI-ANH**
Nguyên-tác : *Sans Famille của Hector Malot*
- TRONG GIA ĐÌNH** bản dịch của **HÀ-MAI-ANH**
Nguyên-tác : *En famille của Hector Malot*
- VỀ VỚI GIA ĐÌNH** bản dịch của **HÀ-MAI-ANH**
Nguyên-tác : *Romain Kalbris của Hector Malot*
- NHỮNG KẺ KHỔ NẠN** bản dịch của **HỒNG-TRUNG**
Nguyên-tác : *Les Misérables của Victor Hugo*
- TRÊN HOANG ĐẢO** bản dịch của **NGUYỄN-HỮU-BẰNG**
Nguyên-tác : *Robinson Crusoe của Daniel de Foë*
- PHAN ĐIẾP** bản dịch của **NGUYỄN-HỮU-CHẤN**
Nguyên-tác : *La Petite Fadette của George Sand*
- TÌNH QUÊ** bản dịch của **NGUYỄN-HỮU-BẰNG**
Nguyên-tác : *La Mare au Diable của George Sand*
- BA CHÂNG NGỰ LÂM PHÁO THỦ** bản dịch của **NG-SĨ-NGUYỄN**
Nguyên-tác : *Les Trois mousquetaires của Alexandre Dumas*
- HAI MƯƠI NĂM SAU** bản dịch của **VĂN-LANG**
Nguyên-tác : *Vingt ans après của Alexandre Dumas*
- BẢ TƯỚC KÍCH-TÔN-SƠN** bản dịch của **HỒNG-TRUNG**
Nguyên-tác : *Le comte de Monte Cristo của Alexandre Dumas*
- TÌNH NGƯỜI MIỀN BIÊN** bản dịch của **NGUYỄN-SĨ-NGUYỄN**
Nguyên-tác : *Graziella của Lamartine*
- MỐI TÌNH THƠ NGÂY** bản dịch của **NGUYỄN-SĨ-NGUYỄN**
Nguyên-tác : *Paul et Virginie du Bernardin de Saint-Pierre*
- TỬ TƯỚC BẢ-GI-LUÂN** bản dịch của **VĂN-LANG**
- MỘT NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM** bản dịch của **NGUYỄN-QUÂN**

Còn nhiều loại sách khảo-cửu, song ngữ Anh-
Pháp-Việt, sách giáo-khoa Trung và Tiểu-học. Xin
hỏi thư mục riêng.

CUNG CHỨC TÂN XUÂN

BÙI - TRỌNG - XUÂN

XUẤT - NHẬP CẢNG

Hàng vải và đồ phụ-tùng xe đạp

188, Gia-Long — Saigon

Điện-Thoại 20.468

ĐÃ CÓ BẢN

BÓNG NGƯỜI XƯA

- Văn thi và cuộc đời của Thi-sĩ Thần-Liên
- do Liên-Hoa Thi-Hữu biên soạn
- Sách dày 350 trang — trên 10 bức ảnh
- Có phần dịch Pháp-văn và Anh-văn.
- Giá ủng-hộ Thi-sĩ Thần-Liên thọ nạn :
- Bìa giấy (loại thường) 120đ.
- Bìa da chữ mạ vàng (loại đặc-biệt ủng-hộ) 1.000đ.

DO NƠI :

SAIGON : Nhà sách Vĩnh-Bảo, 66 t. Lê-Lợi.

TÂN-ĐỊNH : Báo quán : T. H. T.

TÂN-ĐỊNH : Phong-vân thư cuộc.

Thuốc ta hay thật

MỘT NGÀN ĐỒNG BẠC KHÔNG BẰNG 5 ĐỒNG

Ông Trần-văn-Mới là nhà nhập cảng có tiếng ở số 50 đường Mạc-dĩnh-Chi Saigon, vừa rồi ông bị bệnh Dời ăn. Thầy thuốc trị cho ông : chích thuốc, cả tuần tốn hơn ngàn lạng mà bệnh vẫn trở trở. May nhờ người quen mách mua có 5 đồng bạc HUYNH LIỄN ở tiệm thuốc Bắc rồi mài với dầu dừa mà thoa thì khỏi ngay. Cũng như trường hợp của bà Võ-thị-Kiều sau đây, bà bị bệnh 15 năm mà uống có một hộp thuốc thì khỏi hẳn. Đây là lời bà thuật lại :

Tôi là Võ-thị-Kiều 55 tuổi, ở số 17 đường Tự-Đức Tây-Ninh bị bệnh tê-thấp, nhức 2 chân, giực sáng đêm ngủ không được, nhiều khi tức tôi muốn tự vẫn. Còn thuốc thì lớp uống lớp chích đủ thứ, mà hơn 15 năm rồi vẫn vô hiệu quả.

Tôi mua thử một hộp thuốc 39 NGUYỄN-AN-CU về uống, đêm dầu thấm thuốc lại nhức thêm, tôi trị trí uống tiếp qua đêm thứ hai thì ngủ thật ngon, sáng ra ăn cơm thật ngon lại nhiều.

Lại thêm một chuyện bắt ngờ : Vì cái môi trên của tôi lở đã ba năm nay, uống thuốc 39 thì như chân mà lại lành mọi luôn, tôi hết sức mừng và từ một năm nay tôi không dứt thuốc này trong nhà.

CỤ PHAN-BỘI-CHÂU KHEN :

« Phương thánh đã dành nhờ sách vở. Tạt thần há dễ nhẹ công phu. »

Đó là 2 câu thơ của cụ Phan Bội-Châu đề tặng THUỐC RƯỢU 39 của Cụ Nguyễn-An-Cu.

Cụ Phan khen thuốc 39 là thuốc thánh. Mà quả thật vậy ! Thuốc 39 là phương thuốc trị bệnh tê bại nhưc mỏi, tê thấp hay vô cùng !

Người có bệnh hề gặp thuốc 39 thì khỏi ngay, đã hết tê bại nhưc mỏi lại ăn ngon ngủ khỏe ; Cụ Nguyễn Năng-Quốc Tổng đốc ở Thái Bình cũng đã khen tặng thuốc 39 trị tê thấp hay tuyệt !

Mỗi hộp giá 20 đ.

Các hiệu thuốc Ta, Tàu đều có bán và số 54 đường Cộng Lý Saigon.

MỘT PHƯƠNG THUỐC THÂN
THUỐC RƯỢU 39
NGUYỄN-AN-CU

NAM - CƯỜNG

NHÀ IN — XUẤT BẢN — TÔNG PHÁT HÀNH SÁCH BÀO
 185 Đại-lộ Nguyễn-thái-Học Saigon — Điện thoại 23.867

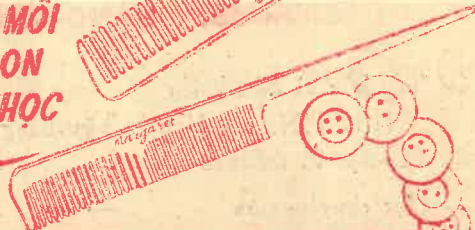
Giám-đốc : ĐẶNG-VĂN-CHÀ

1 — Tổ-chức và điều-khiển	H.Đ.T.N. của Nguyễn-hữu-Bằng	Giá 22\$—
2 — Thể-dục và thể-thao	— — —	35.—
3 — Học chuyên-môn	— — —	26.—
4 — Học chuyên-môn ở trại	— — —	22.—
5 — Cắm trại	— — —	20.—
6 — Bài dạy H.Đ.T.N.	— — —	30.—
7 — Phương hướng	— — —	20.—
8 — Bên lửa trại	— — —	24.—
9 — Trò chơi ở trại	— — —	18.—
10 — Kịch và trò chơi	— — —	24.—
11 — Cứu thương	— — —	22.—
12 — Trò chơi hướng dẫn	của Văn-Bình	— 28.—
13 — Thể dục trước đã	Vương-Hùng	— 26.—
14 — Huấn-luyện Thanh-Niên	Trần-ngọc-Cầu	— 35.—
15 — Hiệu-Đoàn của Nguyễn-bữu-Bằng soạn đúng chương trình		— 25.—
16 — Hiệu-Đoàn H.Đ.T.H. của Trần-ngọc-Cầu soạn đúng chương trình lớp nhứt		17.—
17 — — — — — — —		lớp nhì 17.—
18 — — — — — — —		lớp ba 15.—
19 — — — — — — —		lớp tư 15.—

Nhà xuất bản NAM-CƯỜNG

S.O.G.E.C.I.

LƯỢC }
· ĐỔI MÔI
· NYLON
· HÓA HỌC



VĂN PHÒNG : 101 GIA-LONG SAIGON Đ.T.22.694

XUỒNG : 52 BIS NGŨ-DÌNH-KHÔI SAIGON
Đ.T.23.526



HÚT Nylon plastic
Để xa cùi

Đặc biệt của nút kiểu cái-mèo
VỊ HOẶC NẤU KHÔNG CHẤY

K. D. số. 50/HĐKD — Saigon, ngày 26-1-1961
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

SẮP XUẤT BẢN

HOANG-VU



THƠ
của

NGUYỄN-VỸ